

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỒ SƠ TÀI LIỆU GỬI KÈM THEO CÔNG VĂN

1. Dự thảo Nghị định tiếp thu chỉnh sửa sau khi treo mạng.
2. Dự thảo Tờ trình Chính phủ.
3. Dự thảo báo cáo đánh giá tác động chính sách.
4. Dự thảo báo cáo đánh giá thực trạng chính sách về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học
5. Văn bản góp ý của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân, các sở giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học.
6. Tổng hợp tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, các Ủy ban nhân dân và cơ sở giáo dục đại học

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO 2
(19/8/2020)

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ
trong cơ sở giáo dục đại học**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Khoản 24 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

2. Nghị định này áp dụng đối với cơ sở giáo dục đại học và tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tiền lực khoa học và công nghệ* bao gồm nhân lực khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ, cơ sở vật chất, thông tin và nguồn tài chính thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.

2. *Hoạt động khoa học và công nghệ* trong cơ sở giáo dục đại học là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, ứng dụng công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, phát huy sáng kiến và các hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

3. *Nhóm nghiên cứu mạnh* là tập thể các nhà khoa học do một nhà khoa học có uy tín cao trong nước đứng đầu, dẫn dắt phát triển một lĩnh vực nghiên cứu có tính liên ngành, xuyên ngành nhằm giải quyết được các bài toán lớn, thực hiện

các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tạo ra các sản phẩm có giá trị khoa học và thực tiễn cao, gắn với đào tạo tiến sĩ và nghiên cứu sau tiến sĩ, hướng đến hình thành một trường phái nghiên cứu riêng biệt.

4. *Hoạt động đổi mới sáng tạo* là hoạt động tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa.

5. *Doanh nghiệp khởi nghiệp* là doanh nghiệp khoa học và công nghệ được thành lập nhằm cung cấp sản phẩm và dịch vụ mới cho xã hội trên cơ sở các ý tưởng sáng tạo khác biệt.

6. *Doanh nghiệp khởi nguồn* là doanh nghiệp khoa học và công nghệ được thành lập để thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ nhằm mục đích khai thác, tối đa hóa lợi ích kinh tế của những tri thức tạo ra đã được Nhà nước bảo hộ.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 3. Kế hoạch khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ 5 năm và hằng năm trên cơ sở chiến lược phát triển của đơn vị; mục tiêu, kế hoạch, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của nhà nước, bộ, ngành, tỉnh, thành phố; nhu cầu hợp tác với doanh nghiệp và hợp tác quốc tế để đẩy mạnh hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Kế hoạch khoa học và công nghệ được xây dựng theo nội dung khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học phù hợp với tiến độ xây dựng kế hoạch của các cơ quan quản lý nhà nước và của cơ sở giáo dục đại học.

Điều 4. Đơn vị quản lý và hỗ trợ hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Đơn vị chuyên trách quản lý và hỗ trợ hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục đại học, có thể tổ chức dưới dạng phòng (ban) quản lý khoa học và chuyên gia công nghệ, phòng (ban) quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hoặc trung tâm tư vấn và hỗ trợ hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Phòng quản lý khoa học có các viên chức kiêm nhiệm, chuyên trách và các chuyên gia kiêm nhiệm công tác chuyên môn từ các đơn vị chuyên môn trực thuộc để tư vấn thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của phòng.

3. Phòng quản lý khoa học có chức năng, nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học, quan hệ công tác giữa phòng quản lý khoa học với các đơn vị trong cơ sở giáo dục đại học, với các cơ quan quản lý khoa học và công nghệ;

b) Hướng dẫn viên chức và người học đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp hàng năm và tổ chức đánh giá, phân loại để lập danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp;

c) Trình thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở và ký hợp đồng khoa học và công nghệ với đơn vị chủ trì nhiệm vụ, theo dõi quản lý nhiệm vụ; tham mưu đề xuất danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh gửi các bộ, ngành, địa phương liên quan; theo dõi, quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các đơn vị, cá nhân trong cơ sở giáo dục đại học chủ trì;

d) Hướng dẫn thủ tục đăng ký kết quả nghiên cứu, giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu có nguồn gốc ngân sách nhà nước cho cơ sở giáo dục đại học và cá nhân chủ trì nhiệm vụ, tư vấn chuyển giao công nghệ, đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ, đăng ký tiêu chuẩn và chất lượng sản phẩm hàng hóa;

đ) Tư vấn thành lập và tham gia điều hành Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học để thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của viên chức và người học;

e) Tổ chức các hoạt động đổi mới sáng tạo (hội nghị khoa học của giảng viên, sinh viên, hội thảo khoa học, trình diễn công nghệ, giới thiệu sản phẩm mới, kết nối doanh nghiệp, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, gọi vốn đầu tư);

f) Quản lý và hỗ trợ thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khác.

Điều 5. Tổ chức khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Tổ chức khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học bao gồm các viện nghiên cứu, trung tâm khoa học và công nghệ, phòng thí nghiệm chuyên ngành, các trạm, trại thực nghiệm và các tổ chức khoa học và công nghệ khác được thành lập và đăng ký theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc cơ sở giáo dục đại học có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng được giao quyền tự chủ, giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp, ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ và thực hiện các hoạt động đổi mới sáng tạo.

3. Cơ sở giáo dục đại học quy định về tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ thuộc và trực thuộc trong quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách và giải thể tổ chức khoa học và công nghệ, bổ nhiệm, miễn nhiệm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc theo quy định hiện hành.

4. Căn cứ hiệu quả hoạt động của từng thời kỳ, cơ sở giáo dục đại học quyết định việc chuyển đổi các tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc thành doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Điều 6. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học thành lập doanh nghiệp và đăng ký chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

2. Cơ sở giáo dục đại học được góp vốn bằng thương hiệu, tài sản trí tuệ có nguồn gốc ngân sách nhà nước đã được giao hoặc nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước để thành lập doanh nghiệp và đăng ký chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

3. Cơ sở giáo dục đại học được giao quyền sử dụng kết quả khoa học và công nghệ được hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nguồn gốc ngân sách nhà nước để thương mại hóa và đăng ký chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

Chương III

NHÓM NGHIÊN CỨU MẠNH TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 8. Nhân lực tham gia nhóm nghiên cứu mạnh

Nhân lực tham gia nhóm nghiên cứu mạnh trong cơ sở giáo dục đại học bao gồm:

1. Nhà khoa học trong nước và nước ngoài có uy tín cùng hướng nghiên cứu liên ngành, xuyên ngành.

2. Các giảng viên, nghiên cứu sinh, sinh viên và cá nhân có cùng hướng nghiên cứu liên ngành, xuyên ngành với nhóm nghiên cứu mạnh.

Điều 9. Tiêu chí nhóm nghiên cứu mạnh

1. Nhóm nghiên cứu mạnh phải tập hợp đội ngũ đủ lớn các nhà khoa học, nghiên cứu có uy tín trong nước và nước ngoài cùng hướng nghiên cứu liên ngành, xuyên ngành.

2. Cơ sở giáo dục đại học nơi có trường nhóm nghiên cứu phải có cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, thiết bị phù hợp với hướng nghiên cứu chính; có hoạt động hợp tác nghiên cứu với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các thành viên chủ chốt đã có nhiều kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vượt trội.

3. Nhóm nghiên cứu mạnh có thuyết minh chương trình nghiên cứu với định hướng rõ ràng từ mục tiêu, nội dung, sản phẩm cụ thể của từng giai đoạn và dự kiến kinh phí trong 05 năm; sản phẩm của chương trình nghiên cứu phải có đào tạo tiến sĩ, công bố quốc tế, xuất bản sách chuyên khảo hoặc (và) sách giáo trình, đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích và bản quyền tác giả, chuyển giao công nghệ.

10

Điều 10. Tiêu chuẩn cơ bản của Trưởng nhóm nghiên cứu mạnh

Trưởng nhóm nghiên cứu mạnh là giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học đã có nhiều công trình nghiên cứu lớn, kết quả vượt trội trong nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ; có khả năng qui tụ được nhiều nhà khoa học có uy tín trong nước và nước ngoài thực hiện hướng nghiên cứu có tính liên ngành, xuyên ngành; có năng lực và thực tiễn huy động các nguồn lực phục vụ cho các hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh.

Điều 11. Ưu đãi cho nhóm nghiên cứu mạnh

1. Trưởng nhóm và thành viên chủ chốt là giảng viên được giảm giờ chuẩn giảng dạy hoặc giờ chuẩn nghiên cứu khoa học (nếu có) phù hợp. Sau 04 học kỳ giảng dạy được nghỉ giảng dạy 01 học kỳ để dành toàn bộ thời gian cho nhiệm vụ nghiên cứu.

2. Nhóm nghiên cứu mạnh được Nhà nước và cơ sở giáo dục đại học ưu tiên cấp kinh phí hoạt động thường xuyên, kinh phí đào tạo tiến sĩ, kinh phí thực hiện chương trình nghiên cứu, tham gia các hội thảo, hội nghị khoa học trong nước và nước ngoài; được hỗ trợ kinh phí để thu hút các chuyên gia xuất sắc, mời các nhà khoa học, chuyên gia và thực tập sinh nước ngoài đến làm việc; được hỗ trợ kinh phí cho thành viên của nhóm đi trao đổi, nghiên cứu ở nước ngoài thông qua Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.

3. Nhóm nghiên cứu mạnh được ưu tiên sử dụng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị của cơ sở giáo dục đại học; được xem xét phát triển thành các tổ chức khoa học và công nghệ như các phòng thí nghiệm, viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu xuất sắc; được phép sử dụng tài sản trí tuệ do nhóm nghiên cứu mạnh tạo ra để kết hợp với doanh nghiệp hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nguồn và được hưởng lợi ích mang lại từ doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

4. Nhóm nghiên cứu mạnh có thể được mua sắm một số thiết bị chuyên biệt từ nguồn kinh phí của chương trình nghiên cứu để phục vụ trực tiếp cho công tác nghiên cứu; có thể được đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm chuyên ngành để thực hiện các định hướng phát triển ưu tiên.

5. Cơ sở giáo dục đại học tìm kiếm các nguồn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (từ hợp tác quốc tế, tài trợ của các tổ chức, cá nhân) xây dựng phòng thí nghiệm và giao cho nhóm nghiên cứu mạnh trực tiếp quản lý và sử dụng cho hoạt động nghiên cứu.

Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chi tiết việc hình thành và phát triển nhóm nghiên cứu mạnh trong cơ sở giáo dục đại học; hướng dẫn tiêu chuẩn cụ thể đối với trưởng nhóm và thành viên nhóm nghiên cứu mạnh trong từng lĩnh vực khoa học công nghệ.

Chương IV
HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 12. Hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động sở hữu trí tuệ, ban hành quy chế khai thác tài sản trí tuệ đã được bảo hộ và sử dụng tài sản trí tuệ hợp pháp khác của cơ sở giáo dục đại học; hướng dẫn viên chức và người học thủ tục định giá tài sản trí tuệ, phân chia lợi nhuận khi sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Trong trường hợp tài sản trí tuệ được hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ có đóng góp của nhà tài trợ, cơ sở giáo dục đại học đàm phán với nhà tài trợ về việc giao quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu kết quả nghiên cứu và chia sẻ lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh khi kết quả nghiên cứu được ứng dụng.

2. Cơ sở giáo dục đại học phổ biến và tập huấn cho viên chức và người học về pháp luật sở hữu trí tuệ, cung cấp thông tin cập nhật về cơ sở dữ liệu tài sản trí tuệ trong nước và nước ngoài.

Điều 13. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh trong cơ sở giáo dục đại học

1. Sinh viên được tạo điều kiện tham gia nghiên cứu khoa học và hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.

2. Học viên cao học được tạo điều kiện tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp và hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.

3. Nghiên cứu sinh được tạo điều kiện tham gia hoặc làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp và hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học theo quy định.

Điều 14. Hoạt động chuyển giao công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học khuyến khích đơn vị trực thuộc và giảng viên, người học thực hiện các dự án chuyển giao công nghệ, hướng dẫn thủ tục pháp lý, ký kết hợp đồng, đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ.

2. Cơ sở giáo dục đại học được chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp, tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định hiện hành.

Điều 15. Hợp tác về khoa học và công nghệ giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp

1. Cơ sở giáo dục đại học chủ động tìm hiểu nhu cầu đổi mới công nghệ và đổi mới sản phẩm của doanh nghiệp trong các lĩnh vực liên quan, kết nối hợp tác

nghiên cứu giải quyết nhu cầu của doanh nghiệp, chủ động thỏa thuận và ký kết văn bản hợp tác với doanh nghiệp.

2. Cơ sở giáo dục đại học được hợp tác với doanh nghiệp đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm nghiên cứu chung tại cơ sở giáo dục đại học, hỗ trợ cho doanh nghiệp theo hợp đồng tư vấn, thẩm định, giám định về công nghệ đối với dự án sản xuất mới, nhập khẩu công nghệ, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp theo thỏa thuận.

3. Cơ sở giáo dục đại học được góp vốn vào doanh nghiệp bằng tài sản trí tuệ theo thỏa thuận về giá trị vốn và được hưởng lợi nhuận từ doanh nghiệp theo tỷ lệ vốn góp. Doanh nghiệp được chia sẻ quyền sở hữu trí tuệ và lợi nhuận khi nhận chuyển giao công nghệ từ cơ sở giáo dục đại học.

4. Cơ sở giáo dục đại học được nhận tài trợ bằng tiền hoặc trang thiết bị của doanh nghiệp cho hoạt động khoa học và công nghệ và khai thác theo thỏa thuận với doanh nghiệp.

5. Cơ sở giáo dục đại học, viên chức và người học có giải pháp sáng tạo đã được Nhà nước bảo hộ được thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ kết quả nghiên cứu và khai thác giải pháp sáng tạo, hoàn thiện và thương mại hóa sản phẩm công nghệ.

6. Doanh nghiệp được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để đặt hàng, tài trợ kinh phí cho cơ sở giáo dục đại học để nghiên cứu, ứng dụng và sản xuất thử nghiệm các sản phẩm mới, đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm nghiên cứu chung.

7. Cán bộ kỹ thuật và quản lý có trình độ cao của doanh nghiệp được tham gia giảng dạy một số chuyên đề tại cơ sở giáo dục đại học về các nội dung có liên quan đến công nghệ sản xuất của doanh nghiệp.

Điều 16. Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, hình thành và phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp từ ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và kết quả nghiên cứu của cán bộ, viên chức và người học.

2. Cơ sở giáo dục đại học được liên kết với tổ chức, cá nhân xây dựng vườn ươm công nghệ, khu ươm tạo công nghệ, không gian làm việc chung, mạng lưới chuyên gia tư vấn, các khóa huấn luyện, đào tạo, các tổ chức thúc đẩy kinh doanh, quỹ hỗ trợ vốn đầu tư mạo hiểm.

3. Cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp của viên chức và người học để phát triển thị trường và huy động vốn từ thị trường, tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi của nhà nước cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

4. Cơ sở giáo dục đại học, viên chức và người học có giải pháp sáng tạo đã được Nhà nước bảo hộ thành lập doanh nghiệp khởi nguồn từ kết quả nghiên cứu

và khai thác giải pháp sáng tạo, hoàn thiện và thương mại hóa sản phẩm công nghệ; ban hành quy định về chuyển nhượng doanh nghiệp khởi nguồn cho tổ chức, cá nhân ngoài cơ sở giáo dục đại học để có nguồn tài chính tái đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ cho cơ sở giáo dục đại học.

Điều 17. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học đẩy mạnh hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài về khoa học và công nghệ trong khuôn khổ các hiệp định hợp tác về khoa học và công nghệ giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ nước ngoài, hoặc văn bản hợp tác song phương giữa cơ sở giáo dục đại học với đối tác nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật hai nước.

2. Cơ sở giáo dục đại học lựa chọn đối tác nước ngoài có uy tín và kinh nghiệm để thỏa thuận hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư, hợp tác song phương và đa phương gắn với đào tạo sau đại học tại nước ngoài; mời hoặc thuê chuyên gia nước ngoài tham gia nghiên cứu và đào tạo trình độ cao; hỗ trợ một phần học bổng cho viên chức và người học đi học ở nước ngoài, hoặc hỗ trợ thù lao cho chuyên gia nước ngoài từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.

3. Cơ sở giáo dục đại học đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công bố khoa học trên các tạp chí khoa học có uy tín; nâng cao chất lượng tạp chí khoa học của cơ sở giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn khu vực và thế giới; chủ trì hoặc tham gia tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế thường niên trong một số lĩnh vực có thế mạnh, mời các nhà khoa học của đối tác nước ngoài cùng chủ trì hoặc tham gia; tổ chức mạng lưới phản biện quốc tế chuyên nghiệp và có uy tín, xuất bản kỷ yếu và ấn phẩm khoa học khác theo tiêu chuẩn quốc tế.

4. Cơ sở giáo dục đại học được nhận chuyên gia và ký kết hợp đồng với nhà khoa học có uy tín, nghiên cứu sinh nước ngoài đến hợp tác, làm việc và thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo tiến sĩ; cử các nghiên cứu sinh, thực tập sinh tham gia nhóm nghiên cứu mạnh ra nước ngoài học tập và nghiên cứu.

5. Cơ sở giáo dục đại học được sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt để ký kết hợp đồng chuyên môn với chuyên gia là người nước ngoài; được nhận tài trợ bằng tiền hoặc trang thiết bị từ đối tác nước ngoài cho hoạt động khoa học và công nghệ và sử dụng theo thỏa thuận với đối tác.

6. Giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học được ký kết hợp đồng chuyên môn, tham gia nhóm nghiên cứu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài; tham gia thực hiện đề tài, dự án, chương trình nghiên cứu của nước ngoài theo quy định của cơ sở giáo dục đại học và quy định hiện hành.

Điều 18. Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

1. Cơ sở giáo dục đại học xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động thông tin khoa học và công nghệ, đẩy mạnh nâng cấp tạp chí khoa học, thực hiện hoạt động tìm kiếm, thu thập, xử lý, xây dựng, lưu trữ, phổ biến, trao đổi thông tin khoa học và công nghệ, các hoạt động khác có liên quan trực tiếp nhằm tạo lập nguồn tin khoa học và công nghệ (sách, báo, tạp chí, cơ sở dữ liệu, tài liệu hội nghị, hội thảo khoa học, báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tài liệu về sở hữu trí tuệ, tài liệu về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ và các nguồn tin khác được tổ chức, cá nhân thu thập) và phục vụ cho các hoạt động nghiệp vụ thông tin khoa học và công nghệ.

2. Cơ sở giáo dục đại học xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên gia, chuyên đề và trang thông tin điện tử về khoa học và công nghệ; ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến trong hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; tổ chức các hoạt động thư viện; công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học theo quy định hiện hành.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan xây dựng hệ thống trích dẫn Việt Nam.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát, sắp xếp mạng lưới tạp chí khoa học trong cơ sở giáo dục đại học.

Điều 19. Hoạt động truyền thông về khoa học và công nghệ

Cơ sở giáo dục đại học xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động truyền thông về khoa học và công nghệ sau đây:

1. Các sự kiện và thành tựu liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài; nêu gương các tổ chức và cá nhân điển hình trong hoạt động khoa học và công nghệ; xây dựng mạng lưới cộng tác viên truyền thông là phóng viên các cơ quan báo chí và thường xuyên cung cấp thông tin cho báo chí.

2. Truyền thông hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế cho giảng viên, nghiên cứu viên và người học; khen thưởng và trao giải thưởng nghiên cứu khoa học cho viên chức, sinh viên có kết quả nghiên cứu xuất sắc.

3. Chủ trì hoặc tham gia Chợ công nghệ và thiết bị để giới thiệu các công nghệ mới, sản phẩm mới của cơ sở giáo dục đại học và các đối tác trong và ngoài nước có quan hệ hợp tác khoa học và công nghệ với cơ sở giáo dục đại học.

4. Chủ trì hoặc tham gia Ngày hội khởi nghiệp và ngày hội đầu tư để giới thiệu ý tưởng khởi nghiệp, các dự án khởi nghiệp, trình diễn công nghệ và thuyết trình gọi vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp và doanh nghiệp khởi nguồn để thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư, doanh nghiệp có nhu cầu đổi mới công nghệ, các quỹ đầu tư khởi nghiệp và đầu tư mạo hiểm.

5. Tổ chức Ngày hội khoa học và công nghệ hàng năm vào dịp Ngày khoa học và công nghệ Việt Nam 18/5

Chương V
PHÁT TRIỂN TIỀM LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 20. Đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, bao gồm các nội dung sau:

- a) Xây dựng phòng thí nghiệm tập trung, phòng thí nghiệm chuyên ngành, liên ngành hiện đại và đồng bộ;
- b) Số hóa thư viện trong cơ sở giáo dục đại học để khai thác cơ sở dữ liệu thông tin khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài;
- c) Mua cơ sở dữ liệu thông tin khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ, mua công nghệ, hỗ trợ chuyển giao và nhập khẩu công nghệ từ nước ngoài theo quy định hiện hành;
- d) Các nội dung khác theo quy định hiện hành.

2. Ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở vật chất cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Cơ sở giáo dục đại học có tiềm lực mạnh về nhân lực nghiên cứu và triển khai ứng dụng, trong đó đặc biệt ưu tiên cơ sở giáo dục đại học đã được xếp hạng của thế giới và châu Á và cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; ưu tiên đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh;
- b) Cơ sở giáo dục đại học đóng ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có vai trò quan trọng trong đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng;
- c) Cơ sở giáo dục đại học thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên của Nhà nước, ứng dụng công nghệ thông tin và cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những vấn đề cấp thiết phục vụ phát triển kinh tế- xã hội của đất nước.

Điều 21. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học được hình thành từ các nguồn sau đây:

- a) Các khoản đóng góp tự nguyện, tài trợ, hiến tặng của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài;

- b) Ngân sách Nhà nước tài trợ cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp;

c) Nguồn thu hợp pháp của cơ sở giáo dục đại học;

d) Kinh phí được điều chuyển tự nguyện hoặc nhận ủy thác từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;

đ) Hằng năm, kinh phí của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp trực thuộc cơ sở giáo dục đại học, nếu chưa có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hết, phải được chuyển vào Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học;

e) Các nguồn thu hợp pháp khác.

3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học được chi cho các nội dung sau:

a) Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp được tài trợ từ ngân sách Nhà nước;

b) Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp trên cơ sở không sử dụng ngân sách Nhà nước; Chi đối ứng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp (nếu có);

c) Sửa chữa, mua sắm và duy tu bảo dưỡng trang thiết bị, phương tiện làm việc, tăng cường năng lực nghiên cứu để phát triển khoa học và công nghệ;

d) Thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ do tổ chức, cá nhân tài trợ, đặt hàng;

đ) Hỗ trợ nhóm nghiên cứu mạnh, nhà khoa học công bố kết quả nghiên cứu, đăng ký sở hữu trí tuệ, tham dự hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, mua tài liệu khoa học, mua kết quả nghiên cứu; mời chuyên gia nước ngoài tham dự hội nghị, hội thảo; hỗ trợ thù lao hợp đồng thuê khoán chuyên môn được ký kết với chuyên gia nước ngoài; tài trợ hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh;

e) Chi các nội dung hoạt động khoa học và công nghệ khác.

4. Cơ sở giáo dục đại học ban hành hoặc chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Điều 22. Tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Nguồn vốn cho khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học gồm:

a) Hằng năm, cơ sở giáo dục đại học trích tối thiểu 5% từ tổng nguồn thu hợp pháp (trừ ngân sách nhà nước cấp), cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu trích tối thiểu 8% từ tổng nguồn thu hợp pháp (trừ ngân sách nhà nước cấp);

b) Ngân sách nhà nước từ nguồn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ và nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo chi cho đào tạo tiến sĩ trong nhóm nghiên cứu mạnh (nếu có);

c) Đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Ngân sách nhà nước trong cơ sở giáo dục đại học được chi cho các nội dung sau đây:

a) Vốn từ sự nghiệp khoa học và công nghệ: Tài trợ chương trình nghiên cứu và các hoạt động thường xuyên của nhóm nghiên cứu mạnh; hỗ trợ kinh phí công bố bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín; đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích và bản quyền tác giả; phát triển, nâng cao chất lượng tạp chí khoa học gia nhập hệ thống trích dẫn khu vực và quốc tế; mua cơ sở dữ liệu thông tin khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài; chi thưởng theo mức lương cơ sở cho công bố khoa học có giá trị và các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành;

Cơ sở giáo dục đại học áp dụng mức chi thưởng tối thiểu 2 lần mức lương cơ sở cho tác giả bài báo được công bố trên tạp chí trong danh mục ISI, chi tối thiểu 5 lần mức lương cơ sở cho tác giả 01 sáng chế được bảo hộ và chi tối thiểu 3 lần mức lương cơ sở cho tác giả 01 giải pháp hữu ích, giống cây trồng được bảo hộ. Kinh phí thưởng được lấy từ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ với mức tối thiểu. Cơ sở giáo dục đại học sử dụng các nguồn kinh phí khác để thưởng thêm cho tác giả bài báo trong danh mục ISI và Scopus theo quy định của cơ sở giáo dục đại học;

b) Vốn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ: Dự án phòng thí nghiệm đầu tư, phòng thí nghiệm chuyên ngành, phòng thí nghiệm liên ngành; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu; dự án số hóa thư viện trong cơ sở giáo dục đại học; dự án đầu tư phát triển khoa học và công nghệ khác;

c) Vốn sự nghiệp giáo dục và đào tạo: Chi học bổng, học phí, chi phí cho nghiên cứu sinh trình độ tiến sĩ là thành viên của nhóm nghiên cứu mạnh.

3. Nguồn vốn của cơ sở giáo dục đại học: Trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp trên cơ sở không sử dụng ngân sách Nhà nước; đối ứng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp (nếu có); sửa chữa, mua sắm và duy tu bảo dưỡng trang thiết bị, phương tiện làm việc, tăng cường năng lực nghiên cứu để phát triển khoa học và công nghệ; thưởng tác giả bài báo trong danh mục ISI và Scopus; hỗ trợ nhóm nghiên cứu mạnh, nhà khoa học công bố kết quả nghiên cứu, đăng ký sở hữu trí tuệ, tham dự hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, mua tài liệu khoa học, mua kết quả nghiên cứu; mời chuyên gia nước ngoài tham dự hội nghị, hội thảo; hỗ trợ thù lao hợp đồng thuê khoán chuyên môn được ký kết với chuyên gia nước ngoài; tài trợ hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh; thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khác của cơ sở giáo dục đại học.

4. Nguồn vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ: Cơ sở giáo dục đại học thỏa thuận với nhà tài trợ để thực hiện chi cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định hiện hành.

Điều 23. Triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học từ nguồn ngân sách nhà nước, một phần từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc không sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước:

a) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thì việc lập dự toán ngân sách, quản lý tài chính, tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và thủ tục thanh quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định hiện hành;

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc phương thức khoán chi từng phần theo quy định hiện hành;

c) Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng một phần kinh phí ngoài ngân sách nhà nước, cơ sở giáo dục đại học cần xác định rõ nội dung sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước và ngoài ngân sách nhà nước để áp dụng các quy định cho phù hợp.

3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước:

a) Cơ sở giáo dục đại học được đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ nguồn thu hợp pháp và nguồn tài chính do tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tài trợ (gọi chung là nhà tài trợ) khi đáp ứng đầy đủ tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ở cấp đăng ký;

b) Quy trình lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí có thể căn cứ vào nội dung công việc và mức giá cả thị trường thực tế hoặc có thể áp dụng định mức như quy định hiện hành và thỏa thuận với nhà tài trợ (nếu có).

4. Việc quyết toán các nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện độc lập và báo cáo đầy đủ với cơ quan quản lý nhà nước và nhà tài trợ.

Điều 24. Tài sản từ hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Tài sản do ngân sách nhà nước đầu tư để mua sắm và tài sản được hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước giao cho cơ sở giáo dục đại học quản lý và sử dụng theo quy định hiện hành về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Cơ sở giáo dục đại học được chủ động sử dụng thương hiệu, tài sản trí tuệ được Nhà nước giao, tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước cho hoạt động liên doanh, liên kết để sản xuất kinh doanh và làm dịch vụ; có thể chủ động định giá và góp vốn vào doanh nghiệp, cho thuê, chuyển nhượng, thanh lý theo của quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- a) Là cơ quan thường trực giúp Chính phủ triển khai Nghị định này;
- b) Chủ trì ban hành quy định chi tiết việc hình thành và phát triển nhóm nghiên cứu mạnh, các quy định về hoạt động khoa học và công nghệ liên quan trong cơ sở giáo dục đại học;
- c) Chủ trì ban hành quy định về đảm bảo liên chính học thuật và đạo đức nghiên cứu đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học.
- d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển không gian khởi nghiệp sáng tạo, các trung tâm đổi mới sáng tạo theo mô hình khu tập trung dịch vụ góp phần thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học;
- đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành liên quan rà soát, sắp xếp mạng lưới tạp chí khoa học trong cơ sở giáo dục đại học;
- e) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành liên quan xây dựng hệ thống trích dẫn Việt Nam;
- f) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng nội dung quy hoạch mạng lưới các tổ chức khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học trong quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập, trình Chính phủ phê duyệt theo quy định;
- g) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học trực thuộc.

2. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

- a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn cơ sở giáo dục đại học quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định này;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn quy định thủ tục định giá và nội dung có liên quan đến tài sản trí tuệ để góp vốn thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan xây dựng hệ thống trích dẫn Việt Nam;

d) Chủ trì hướng dẫn về tiêu chí phân loại, thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

đ) Chủ trì hướng dẫn về vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; định mức số lượng người làm việc của các tổ chức khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

e) Chủ trì hướng dẫn cơ chế tự chủ đối với các tổ chức khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

f) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng nội dung quy hoạch mạng lưới các tổ chức khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học trong quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập, trình Chính phủ phê duyệt theo quy định.

3. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cho cơ sở giáo dục đại học;

b) Chủ trì tổng hợp, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kế hoạch tài chính từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ cho các cơ sở giáo dục đại học được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành;

c) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn cơ sở giáo dục đại học quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định này;

d) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quy định thủ tục định giá và nội dung có liên quan đến tài sản trí tuệ để góp vốn thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

4. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành bố trí vốn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

b) Chủ trì tổng hợp, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phát triển khoa học công nghệ cho các cơ sở giáo dục đại học được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

5. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện các quy định của Nghị định này đối với cơ sở giáo dục đại học trực thuộc, hàng năm báo cáo Chính phủ kết quả thực hiện;

b) Chủ trì hướng dẫn cơ sở giáo dục đại học trực thuộc thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao;

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học trực thuộc.

Điều 26. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Thực hiện phê duyệt các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, thành phố với tổ chức chủ trì là cơ sở giáo dục đại học theo quy định hiện hành.

2. Ban hành chính sách thu hút và trọng dụng viên chức khoa học trình độ cao làm việc tại cơ sở giáo dục đại học trực thuộc; có chính sách huy động nguồn tài chính từ doanh nghiệp trên địa bàn để hỗ trợ, tài trợ cho hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.

3. Tiếp nhận, tổ chức ứng dụng, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất, đặt hàng cơ sở giáo dục đại học nghiên cứu, phát triển kinh tế - xã hội địa phương và hỗ trợ hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học trực thuộc từ nguồn ngân sách địa phương.

4. Chủ trì phê duyệt dự án đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học trực thuộc theo quy định hiện hành.

5. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học trực thuộc.

6. Phối hợp với các bộ, ngành thực hiện quy định tại Nghị định này.

Điều 27. Trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp tham gia hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

1. Sử dụng kinh phí từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để đặt hàng cơ sở giáo dục đại học nghiên cứu phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp; đầu tư vào Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học và các hoạt động khoa học và công nghệ khác mang lại lợi ích cho doanh nghiệp.

2. Đặt hàng cơ sở giáo dục đại học thực hiện hoạt động nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ theo danh mục thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ được nhà nước khuyến khích, ưu tiên.

3. Đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học được ưu tiên quảng bá, giới thiệu hoạt động sản xuất kinh doanh, được khai thác tài sản đầu tư và được hưởng tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận với cơ sở giáo dục đại học.

4. Được hưởng các ưu đãi khi đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học theo quy định hiện hành.

5. Được hưởng ưu đãi đối với việc kinh doanh các sản phẩm hình thành từ hoạt động khoa học và công nghệ.

6. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của doanh nghiệp khi đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Điều 28. Trách nhiệm và quyền lợi của cơ sở giáo dục đại học

1. Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động KH-CN theo quy định của pháp luật; Chủ động xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ 5 năm và hằng năm; tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp đã được phê duyệt.

2. Xây dựng dự án đầu tư cơ sở vật chất; thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, quỹ phát triển khoa học và công nghệ, nhóm nghiên cứu mạnh và kiện toàn phòng quản lý khoa học theo quy định tại Nghị định này.

3. Khen thưởng viên chức, giảng viên và người học khi hoàn thành tốt nhiệm vụ khoa học và công nghệ, có bằng sáng chế, bằng giải pháp hữu ích, bản quyền tác giả, công bố quốc tế trên các tạp chí ISI hoặc (và) Scopus.

4. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đầu tư phát triển khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

5. Đảm bảo sử dụng đúng mục đích, minh bạch, hiệu quả nguồn vốn đầu tư và chịu trách nhiệm giải trình về đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ tại cơ sở giáo dục đại học.

6. Ban hành các quy chế, quy định liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ, chịu trách nhiệm về phân cấp quản lý và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ.

7. Đảm bảo liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện tại cơ sở giáo dục đại học.

8. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2020, đồng thời bãi bỏ Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học; bãi bỏ Điều 16 Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học; sửa Khoản 1, Điều 1 Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học thành “1. Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các khoản 3, 4, 10, 12, 13, 15, 17, 23, 28 và 34 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học”.

Điều 30. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN; các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b), ^{TNP}.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Số: /TTr-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO 2
(16.8.2020)

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định

Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao tại Quyết định số 1726/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc xây dựng Nghị định Quy định chi tiết và thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, trong đó có khoản 24 Điều 1 Quy định về hoạt động khoa học công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH); Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 01 năm 2019 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; Quyết định số 696/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 5 năm 2020 thực hiện Kết luận số 50/KL-TW về việc phát triển hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 98/VPCP-TH ngày 12 tháng 01 năm 2020 về Chương trình Công tác của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo được giao nhiệm vụ xây dựng Nghị định quy định về hoạt động khoa học và công nghệ (KHCN) trong CSGDĐH. Ngoài ra, Nghị định này sẽ thay thế Nghị định số 99/2014/NĐ-CP Quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN trong các CSGDĐH, bãi bỏ Điều 16 Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học; sửa Khoản 1, Điều 1 Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

Trên cơ sở Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức xây dựng Dự thảo Nghị định và xin kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định với những nội dung như sau:

1. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý xây dựng Nghị định

Ở Việt Nam, ngay từ đầu những năm 1980, Đảng và Nhà nước ta đã nhận thức rất rõ vai trò quan trọng của KHCN trong phát triển kinh tế xã hội.

KHCN là động lực của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển bền vững đất nước. Nhà nước ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho phát triển KHCN; áp dụng đồng bộ cơ chế, biện pháp khuyến khích, ưu đãi nhằm phát huy vai trò then chốt và động lực của KHCN trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Trong một thời gian dài, việc đầu tư phát triển KHCN quốc gia chủ yếu tập trung ở khu vực nhà nước. Cùng với quá trình Đổi mới, Nhà nước khuyến khích nhiều đối tượng tham gia hoạt động này hơn. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (năm 2001) đã chỉ rõ: “Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức khoa học, các trường đại học, các doanh nghiệp thuộc mỗi thành phần kinh tế và cá nhân được tổ chức các hoạt động nghiên cứu, triển khai, được đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ, quyền công bố, trao đổi, chuyển giao, chuyên nhượng kết quả nghiên cứu theo quy định của luật pháp”. Điều 6 Luật Khoa học công nghệ 2013 cũng ghi rõ: Nhà nước (i) Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, chú trọng lĩnh vực KHCN ưu tiên, trọng điểm quốc gia; áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt để phát triển, đào tạo, thu hút, sử dụng có hiệu quả nhân lực KHCN; (ii) Tạo điều kiện phát triển thị trường KHCN; (iii) Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động KHCN, đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ; (iv) Khuyến khích, tạo điều kiện để hội khoa học và kỹ thuật, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tham gia tư vấn, phản biện, giám định xã hội và hoạt động KHCN.

Bên cạnh Luật Khoa học công nghệ 2013, nhà nước cũng ban hành nhiều văn bản quy định về hoạt động KHCN ở Việt Nam; hoạt động của cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động KHCN; các ưu đãi nhằm khuyến khích, thúc đẩy tham gia vào hoạt động KHCN và ứng dụng thành quả của chúng vào thực tế như Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học công nghệ; Luật Chuyển giao công nghệ 2017 và Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; Luật Sở hữu trí tuệ 2005 và Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2009, Nghị định 22/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2018 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan. Chính phủ còn có một số chương trình, cơ chế khác để hỗ trợ phát triển hoạt động KHCN như: Quỹ Phát triển khoa học công nghệ Quốc gia (Nafosted); Chương trình sản phẩm quốc gia đến năm 2020 (theo Quyết định số 2441/2010/QĐ-TTg), Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015 (theo Quyết định số 2204/2010/QĐ-TTg), Chương trình quốc gia nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020 (theo Quyết định số 712/2010/QĐ-TTg), Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 (theo Quyết định số 2457/2010/QĐ-TTg), Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020 (theo Quyết định số 677/2011/QĐ-TTg), Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiên bộ

KHCN phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2020 (theo Quyết định số 1831/2010/QĐ-TTg) và một số Chương trình phát triển kinh tế xã hội khác.

KHCN có vai trò đặc biệt quan trọng trong giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng. Trên thế giới, kết quả hoạt động KHCN là chỉ tiêu hàng đầu để đánh giá, xếp hạng các trường đại học, vì đó là yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của xã hội và tạo ra những tri thức mới, sản phẩm mới phục vụ cho sự phát triển của quốc gia nói riêng và nhân loại nói chung. Các trung tâm nghiên cứu lớn, đặc biệt là các trường đại học, được chính phủ các nước xem là nơi thể hiện uy tín của quốc gia về nghiên cứu, giáo dục bậc cao và đổi mới. Ở Việt Nam, KHCN được coi là quốc sách hàng đầu, thể hiện rõ trong nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Nghị quyết Trung ương 2, khóa VIII đã nêu: “Các trường đại học phải là các trung tâm nghiên cứu KHCN, chuyển giao và ứng dụng công nghệ vào sản xuất và đời sống”.

Hoạt động KHCN ở CSGDDH là hoạt động rất quan trọng, có ý nghĩa thiết thực nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của các nhà trường bởi đại học là cấp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trình độ cao và CSGDDH cũng là nơi sản sinh ra các lĩnh vực khoa học mới. KHCN đã có những đóng góp hết sức quan trọng bởi thông qua hoạt động KHCN, trình độ nghiên cứu lý luận cũng như khả năng ứng dụng thực tiễn của cán bộ, giảng viên và người học được nâng lên. Hoạt động KHCN nói chung và nghiên cứu khoa học nói riêng của các CSGDDH trực tiếp tham gia vào quá trình nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. Tham gia nghiên cứu khoa học cũng là nhu cầu của giảng viên, học viên và sinh viên nhằm xây dựng, hoàn thiện thế giới quan, phương pháp luận khoa học tiến tới xây dựng, hoàn thiện phẩm chất, nhân cách, năng lực công tác trong quá trình giảng dạy, học tập tại trường và sau khi ra trường. Vì vậy, thúc đẩy hoạt động KHCN, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học là yêu cầu thường xuyên của các trường đại học để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

Các CSGDDH - bao gồm các đại học, trường đại học, học viện đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra nguồn tri thức mới cho sự phát triển của xã hội, cũng là nơi tập trung nguồn nhân lực trình độ cao, có nhiệm vụ thực hiện và phát triển hoạt động KHCN. Nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực có năng lực nghiên cứu khoa học nằm trong các mục tiêu của giáo dục đại học (Điều 5 Luật Giáo dục đại học 2012). Hoạt động KHCN là một trong ba mảng hoạt động lớn của các CSGDDH, bên cạnh hoạt động đào tạo và hoạt động hợp tác quốc tế. Luật Giáo dục đại học 2012 cũng quy định về mục tiêu và nội dung hoạt động KHCN trong các CSGDDH ở Việt Nam (điều 39, 40, 41) trong đó, bốn nội dung hoạt động KHCN cơ bản ở CSGDDH là: (i) Nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học giáo dục, KHCN để tạo ra tri thức và sản phẩm mới; (ii) Ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất và đời sống; (iii) Xây dựng các phòng thí nghiệm,

các cơ sở nghiên cứu phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, các vườn ươm công nghệ, gắn phát triển công nghệ với tạo sản phẩm mới; (iv) Tham gia tuyển chọn, tư vấn, phản biện, thực hiện các nhiệm vụ, hợp đồng KHCN, các nhiệm vụ theo đơn đặt hàng.

Nhằm hiện thực hóa các Luật và văn bản dưới luật, phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN trong CSGDDH, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách khác nhau. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII khẳng định Việt Nam cần “*Phát huy và tăng cường tiềm lực KHCN quốc gia tập trung đầu tư phát triển một số viện KHCN, các trường đại học cấp quốc gia*”. Quyết định số 418/QĐ-TTg, ngày 11/4/2012 về phê duyệt Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2011-2020 cũng khẳng định, cần “*nâng cao năng lực của các trường đại học về nghiên cứu cơ bản*”. Ngày 11/12/2015, Thủ tướng đã ký Quyết định số 2245/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành KHCN đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó nêu rõ cần “*Phát triển và phát huy đội ngũ nhân lực KHCN trong các CSGDDH; xây dựng các nhóm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mạnh phục vụ giải quyết các vấn đề thực tiễn của nền kinh tế*”; “*Khuyến khích doanh nghiệp thành lập các phòng thí nghiệm, kết nối với hệ thống phòng thí nghiệm thuộc các viện nghiên cứu, trường đại học*”. Đặc biệt, Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ đã quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN trong các CSGDDH, cụ thể là quy định về đầu tư phát triển nhân lực; cơ sở vật chất và chi cho hoạt động KHCN. Nghị định cũng đưa ra những chính sách ưu đãi, khuyến khích hoạt động KHCN trong các CSGDDH như: (i) Khuyến khích giảng viên nghiên cứu khoa học qua ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân, tiền thưởng, hỗ trợ quyền tác giả; (ii) Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển tiềm lực và hoạt động KHCN thông qua các hình thức như ưu đãi, miễn giảm thuế và về bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của đối tượng đầu tư. Nghị định 99/2014/NĐ-CP góp phần định hướng hoạt động KHCN tại CSGDDH vào việc thực hiện các mục tiêu quan trọng phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục đại học nói riêng và giáo dục nói chung, giảm dần sự mất cân đối giữa hoạt động đào tạo và hoạt động nghiên cứu trong CSGDDH; thúc đẩy các CSGDDH trở thành các trung tâm nghiên cứu KHCN, đồng thời phát huy tác động tích cực, góp phần hình thành đội ngũ các nhà khoa học, các trung tâm nghiên cứu, các nhóm nghiên cứu mạnh, cải thiện điều kiện nghiên cứu và gia tăng kết quả nghiên cứu được công bố và ứng dụng.

Thực tế cho thấy, các CSGDDH đang là nòng cốt trong hoạt động KHCN ở Việt Nam. Theo Điều tra Nghiên cứu và phát triển và Điều tra doanh nghiệp 2016, nguồn nhân lực nghiên cứu phát triển KHCN năm 2015 đến từ các trường đại học, học viện, cao đẳng chiếm đến 46% tổng nhân lực (77.841/167.746 người); trong đó, số cán bộ nghiên cứu chiếm hơn 50% tổng cán bộ, cán bộ kỹ thuật chiếm 24%, cán bộ hỗ trợ chỉ chiếm khoảng 20%/tổng số. Đây cũng là khu vực có số lượng cán bộ nghiên cứu trình độ cao đông nhất với 65.628 người, tỷ lệ tiến sĩ chiếm 67% tổng tiến sĩ và tỷ lệ thạc sĩ chiếm

70% tổng số thạc sĩ, cao hơn nhiều so với các tổ chức nghiên cứu KHCN khác. Báo cáo khảo sát tiềm lực KHCN của các CSGDDH trong giai đoạn từ 2011-2016 (Vũ Văn Tích, 2017) trên cơ sở phân tích số liệu của 142 trường đại học, viện nghiên cứu cho rằng, các trường đại học, viện nghiên cứu hiện cung cấp hơn 90% nhân lực KHCN trong cả nước, 10% còn lại được đào tạo ở nước ngoài. Đội ngũ giảng viên trong các trường đại học là một trong năm lực lượng làm công tác khoa học trong các lĩnh vực từ khoa học.

Hoạt động KHCN tại CSGDDH đã góp phần đáng kể đào tạo đội ngũ đông đảo các nhà khoa học có chất lượng, đang làm việc trong nhiều ngành kinh tế và lĩnh vực khác nhau. Đội ngũ kỹ thuật viên được đào tạo trong nước đã có thể làm chủ công nghệ, thực hiện nhiều công trình kỹ thuật lớn, phức tạp, góp phần phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Kết quả nghiên cứu tại CSGDDH được đưa vào ứng dụng trong thực tiễn và số bài báo, công trình đăng tải trên các tạp chí KHCN có uy tín trên thế giới có xu hướng tăng trong những năm gần đây. Trong 10 năm qua, số lượng các công bố quốc tế thuộc Scopus của Việt Nam đã tăng 6,5 lần, từ 1.764 bài công bố vào năm 2009, lên đến 11.461 bài năm 2019. Tuy nhiên, hoạt động KHCN không thể là hoạt động của mỗi cá nhân nhà khoa học mà phải là hoạt động của cả tổ chức, của tập thể. Song, mỗi tổ chức có thể có nhiều hướng nghiên cứu khác nhau, mỗi cá nhân có lĩnh vực nghiên cứu đặc thù và đơn ngành; trong khi thực tiễn cuộc sống đòi hỏi các chương trình và kết quả nghiên cứu liên ngành. Việc phát huy sức mạnh tập thể đòi hỏi sự liên kết giữa các nhà khoa học tạo thành nhóm nghiên cứu gồm những thành viên có chung hướng nghiên cứu, ở các ngành khác nhau, với chương trình nghiên cứu dài hạn. Làm sao để tạo cơ chế và hỗ trợ các nhóm nghiên cứu thực hiện các chương trình nghiên cứu dài hạn và có ý nghĩa cũng cần được quan tâm nhiều hơn.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động KHCN trong CSGDDH của nước ta hiện nay vẫn còn có một số hạn chế, bất cập. So với hệ thống CSGDDH khác trong khu vực thì năng suất nghiên cứu khoa học ở Việt Nam còn khá khiêm tốn. Nhiều CSGDDH chưa quan tâm đúng mức đến vai trò của hoạt động KHCN trong trường đại học trong khi hoạt động KHCN là động lực và cơ sở chính để nâng cao chất lượng đào tạo. Nguyên Thứ trưởng Bộ GDĐT Bùi Văn Ga đã chỉ ra một số nguyên nhân của tình trạng trên là: Tiềm lực KHCN của các trường đại học còn quá mỏng, giảng viên có bằng tiến sĩ ở các CSGDDH chiếm tỷ lệ thấp; đầu tư cho hoạt động KHCN còn rất hạn chế, dàn trải. Kết quả hoạt động KHCN trong CSGDDH, đặc biệt là các sản phẩm được hình thành từ các chương trình nghiên cứu khoa học do ngân sách nhà nước cấp vốn lại được xem là “tài sản công”. Nghị định số 70/2018/NĐ-CP, khoản 1, điều 4 ghi rõ: “*Tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ ngân sách cấp là tài sản công. Việc quản lý, sử dụng thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan*”. Trong khi đó, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đã và đang phải sửa đổi bởi sự bất cập trong giai đoạn hiện tại, không khuyến khích thương mại hóa và chuyển giao công nghệ từ hoạt động nghiên cứu khoa

học. Có thể nói, sự thiếu nhất quán, đồng bộ trong các chủ trương chính sách, các cơ chế khuyến khích chưa đủ mạnh, thủ tục hành chính phức tạp là nguyên nhân chính cản trở hoạt động KHCN cũng như đổi mới sáng tạo trong các CSGDDH tại Việt Nam.

Sau 8 năm thực thi Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT quy định về hoạt động KHCN trong CSGDDH và 6 năm thực thi Nghị định số 99/2014/NĐ-CP quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN trong các CSGDDH, các văn bản trên đã bộc lộ những hạn chế và bất cập, một số nội dung trong các văn bản trên không còn phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện hiện tại cũng như chưa gắn với quá trình thực thi dẫn đến việc thực hiện các nội dung của hoạt động KHCN chưa hiệu quả. Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT quy định về hoạt động KHCN trong CSGDDH chỉ là Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo nên hiệu lực đối với các CSGDDH chưa cao, đồng thời nhiều nội dung của Thông tư đã bị lỗi thời. Các quy định liên quan tới việc dành kinh phí cho hoạt động KHCN (3% nguồn thu để đầu tư cho tiềm lực KHCN và 5% học phí cho người học thực hiện NCKH) còn chưa được thực thi do những khó khăn về nguồn lực cũng như chưa có chế tài để các CSGD đại học thực thi các quy định đó.

Chính vì những lý do trên, Điều 42 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học năm 2018 (Luật số 34/2018/QH14, sau đây gọi tắt là Luật Giáo dục đại học 2018) nêu rõ trách nhiệm của nhà nước về phát triển KHCN, với chủ trương: (i) Nhà nước tập trung đầu tư phát triển tiềm lực KHCN, tạo cơ chế, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển tiềm lực KHCN, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong các CSGDDH phục vụ phát triển đất nước; ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực đạt trình độ nghiên cứu ngang tầm khu vực và quốc tế; (ii) Chính phủ quy định về hoạt động KHCN trong CSGDDH. Quy định đó cần được thể hiện trong Nghị định mới về hoạt động KHCN và việc xây dựng Nghị định này là rất cần thiết trong bối cảnh tự chủ đại học hiện nay khi các Bộ ngành đang thực hiện quản lý hoạt động KHCN trong các CSGDDH trực thuộc bằng Luật KHCN, các Nghị định hướng dẫn Luật KHCN, cũng như các văn bản quy phạm pháp luật do các Bộ ngành ban hành. Việc xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định hoạt động KHCN trong CSGDDH sẽ đưa ra quy định thống nhất, mang tính đột phá đối với hoạt động KHCN trong CSGDDH trên phạm vi toàn quốc, kể cả CSGDDH công lập và tư thục.

2. Mục đích, quan điểm chỉ đạo xây dựng nghị định

2.1. Mục đích

Nghị định được xây dựng với mục tiêu thúc đẩy toàn diện hoạt động KHCN trong các CSGDDH, tăng cường và khuyến khích các nguồn đầu tư phát triển tiềm lực KHCN trong CSGDDH, trong đó, khuyến khích, ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho CSGDDH đã được thế giới và khu vực xếp hạng, CSGDDH định hướng nghiên cứu, các nhóm nghiên cứu mạnh, góp phần tăng cường hiệu quả hoạt động KHCN trong CSGDDH, khắc phục những

hạn chế bất cập trong công tác quản lý hoạt động KHCN trong CSGDDH hiện nay thông qua:

- Quy định về xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh trong CSGDDH.
- Khuyến khích hợp tác về KHCN giữa CSGDDH và doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp sử dụng nguồn kinh phí từ Quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp tài trợ kinh phí cho hoạt động KHCN trong CSGDDH, cũng như hoạt động chuyển giao công nghệ, thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.
- Khuyến khích thành lập doanh nghiệp KHCN và Quỹ Phát triển KH&CN tại CSGDDH.
- Đầu tư xây dựng phát triển thông tin KHCN cho CSGDDH.
- Khuyến khích sử dụng nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ KHCN các cấp, khuyến khích khai thác tài sản trí tuệ, phân chia lợi ích khi chuyển giao kết quả nghiên cứu với doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp bằng tài sản trí tuệ.

2.2. Quan điểm chỉ đạo

Việc xây dựng và ban hành Nghị định quy định hoạt động KHCN trong CSGDDH được thực hiện dựa trên một số quan điểm chỉ đạo sau đây:

- Quy định chi tiết các nội dung về việc quản lý hoạt động KHCN trong CSGDDH; tạo cơ sở pháp lý thống nhất về hoạt động KHCN trong CSGDDH, cũng như việc phát triển tiềm lực KHCN cho các hoạt động KHCN trong CSGDDH.

- Bảo đảm tính phù hợp với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học 2018; đồng bộ, thống nhất và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan.

- Việc xây dựng, ban hành Nghị định tuân thủ tuyệt đối các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Quá trình xây dựng nghị định

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức xây dựng dự thảo Nghị định theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, cụ thể như sau:

¶ .1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập (Quyết định số 525/QĐ-BGDĐT ngày 25/2/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) gồm đại diện Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ KHCN, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Đại học Quốc gia Hà Nội và các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo do 01 Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo làm Trưởng ban soạn thảo.

3.2. Soạn thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách về hoạt động KHCN trong CSGDDH; tiến hành khảo sát đối với các CSGDDH về thực trạng hoạt động KHCN trong CSGDDH; những khó khăn, vướng mắc, cũng như những kiến nghị, đề xuất từ nhiều CSGDDH, các bộ, ngành liên quan để có cơ sở xây dựng dự thảo Nghị định.

3.3. Xây dựng đề cương Nghị định, dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình Chính phủ; rà soát các văn bản quy định hiện hành có liên quan.

3.4. Tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập 4 lần (ngày 15/3/2020 và ngày 16/4/2020 qua mạng, ngày 28/5/2020 và 14/8/2020 họp trực tiếp), gửi dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình lấy ý kiến Ban soạn thảo, Tổ biên tập 5 lần; tổ chức họp Thường trực Ban soạn thảo hơn 20 lần, họp với các Bộ, ngành liên quan.

3.5. Tổ chức lấy ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương, các CSGDDH, các sở giáo dục và đào tạo (Công văn số 2169/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020, Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020); đăng tải toàn văn dự thảo Nghị định lên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (Công văn số 2168/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020) và của Bộ Giáo dục và Đào tạo để lấy ý kiến nhân dân từ ngày 18/6/2020 đến hết ngày 18/8/2020.

3.6. Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, CSGDDH, sở giáo dục và đào tạo (đến ngày 10/8/2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nhận được đã nhận được **232 ý kiến góp ý từ 55 đơn vị, trong đó có 13 Bộ** với 87 ý kiến; 11 cơ sở giáo dục đại học lớn đại diện cho các ngành, lĩnh vực và địa phương với 72 ý kiến; 6 Ủy ban nhân dân và 25 sở giáo dục và đào tạo với 78 ý kiến góp ý).

3.7. Tổ chức họp Ban Soạn thảo và chuyên gia góp ý Dự thảo Nghị định chỉnh sửa sau khi tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, CSGDDH, sở giáo dục và đào tạo vào ngày 14/8/2020.

3.9. Ngày / /2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo có Công văn số /BGDĐT-KHCNMT gửi lấy ý kiến Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát Thủ tục hành chính) theo quy định. Ngày / /2020, Văn phòng Chính phủ có Công văn số /VPCP-KSTT tham gia ý kiến đối với quy định về thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định. Ngày / /2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức cuộc họp tiếp thu, giải trình ý kiến của Văn phòng Chính phủ.

3.10. Ngày / /2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo có Công văn số /BGDĐT-KHCNMT kèm theo hồ sơ Nghị định gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định.

3.11. Ngày / /2020, Bộ Tư pháp có Báo cáo số...../BC-BTP thẩm định dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các bộ, ngành và cơ quan, tổ chức có liên quan và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nghiên

cứu, tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo Nghị định theo các ý kiến góp ý trên và hoàn thiện Hồ sơ trình Chính phủ.

4. Bố cục và nội dung cơ bản của nghị định

4.1. Bố cục của Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 7 Chương và 30 Điều:

1.1. Chương I quy định chung, gồm 02 điều quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ (từ Điều 1 đến Điều 2).

1.2. Chương II quy định về tổ chức và quản lý hoạt động KHCN trong CSGDDH, 4 điều (từ Điều 3 tới Điều 6), bao gồm quy định về kế hoạch KHCN, đơn vị quản lý hoạt động KHCN, tổ chức KHCN, doanh nghiệp KHCN.

1.3. Chương III quy định về nhóm nghiên cứu mạnh trong cơ sở giáo dục đại học, với 5 điều (Điều 7 tới Điều 11) từ xây dựng, công nhận, tập hợp các thành viên, tiêu chí, tiêu chuẩn trưởng nhóm và các ưu đãi cho nhóm nghiên cứu mạnh.

1.4. Chương IV, quy định về hoạt động KHCN trong CSGDDH (sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh, thông tin về KHCN, hợp tác KHCN trong nước và quốc tế, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong CSGDDH, hoạt động thông tin và truyền thông) với 8 điều (Điều 12 tới Điều 19).

1.5. Chương V, quy định về phát triển tiềm lực KHCN trong CSGDDH, 5 điều (Điều 20 tới 24) liên quan tới đầu tư, quỹ phát triển KHCN trong CSGDDH, tài chính và đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động KHCN, kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN và tài sản từ hoạt động KHCN trong CSGDDH.

1.6. Chương VI quy định về tổ chức thực hiện, gồm 04 điều (từ Điều 25 đến Điều 28) quy định về trách nhiệm và quyền hạn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động KHCN trong CSGDDH và của CSGDDH.

1.7. Chương VII về điều khoản thi hành, gồm 02 điều (từ Điều 29 đến Điều 30) quy định về hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành.

4.2. Nội dung của Nghị định

4.2.1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- *Về phạm vi điều chỉnh:* Thực hiện theo đúng các nội dung được giao tại Điều 1, Khoản 24 Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung năm 2018. Phạm vi điều chỉnh của Nghị định được xác định là Nghị định hướng dẫn chi tiết Điều 1 Khoản 24 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

- *Về đối tượng áp dụng:* Đối tượng áp dụng của Nghị định là CSGDDH và tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động KHCN trong CSGDDH.

4.2.2. Về tổ chức và quản lý hoạt động KHCN trong CSGDDH

- *Về hoạt động KH&CN gồm:* 1) xây dựng kế hoạch và chiến lược, định hướng hoạt động KH&CN; 2) hoạt động sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ; 3) hợp tác với doanh nghiệp; 4) hợp tác quốc tế; 5) hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh; 6) thông tin KH&CN; 7) hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

- *Về quản lý hoạt động KH&CN gồm:* 1) tổ chức KH&CN; 2) doanh nghiệp KH&CN trong CSGDDH; 3) đơn vị quản lý hoạt động KH&CN.

4.2.3. Về nhóm nghiên cứu mạnh

- *Về tổ chức nhóm nghiên cứu mạnh gồm:* 1) Xây dựng; 2) Nhân lực; 3) Tiêu chí nhóm nghiên cứu mạnh; 4) Tiêu chuẩn trưởng nhóm và thành viên nghiên cứu mạnh.

- *Về chính sách cho nhóm nghiên cứu mạnh:* Các ưu đãi dành cho nhóm nghiên cứu mạnh.

4.2.4. Về hoạt động KH&CN trong CSGDDH

Chương IV quy định về hoạt động KH&CN trong CSGDDH với các nội dung về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh, thông tin về KH&CN, hợp tác KH&CN trong nước và quốc tế, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong CSGDDH, hoạt động thông tin và truyền thông KH&CN.

4.2.5. Về phát triển tiềm lực KH&CN trong CSGDDH

- *Về đầu tư cho KH&CN:* 1) Tài chính; 2) Cơ sở vật chất; 3) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN và tài sản từ hoạt động KH&CN trong CSGDDH, trong đó đặc biệt ưu tiên CSGDDH đã được xếp hạng của thế giới và châu Á và CSGDDH định hướng nghiên cứu.

- *Về nguồn lực cho KH&CN trong CSGDDH:* 1) Nguồn tài chính (Quỹ), 5 điều (Điều 20 tới 24) liên quan tới đầu tư, quỹ phát triển KH&CN trong CSGDDH, tài chính và đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động KH&CN, kinh phí thực hiện.

4.2.6. Về trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên quan

Chương III. Tổ chức thực hiện quy định trách nhiệm và quyền hạn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, ngành liên quan, của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động KH&CN trong CSGDDH và của chính CSGDDH. Để bảo đảm thực hiện hoạt động KH&CN trong CSGDDH được thực một cách nghiêm chỉnh, hiệu quả và thực chất, bên cạnh các quy định hiện hành về hoạt động KH&CN, Nghị định quy định nhiệm vụ, quyền hạn của một số chủ thể quan trọng, có vai trò quyết định và ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động KH&CN, cụ thể:

- *Về trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:* Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ KH&CN, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ ngành liên quan có trách nhiệm và cơ chế phối hợp trong việc

xây dựng và thúc đẩy các chính sách quản lý và phát triển hoạt động KHCN trong CSGDDH, chủ trì phê duyệt dự án đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong CSGDDH trực thuộc theo quy định của pháp luật.

- *Về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:* Đặt hàng, phê duyệt và giao nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh, thành phố cho CSGDDH trực thuộc, có chính sách thu hút và trọng dụng cán bộ khoa học trình độ cao làm việc tại CSGDDH trực thuộc; có chính sách huy động nguồn tài chính từ các doanh nghiệp trên địa bàn để hỗ trợ, tài trợ cho hoạt động KHCN của CSGDDH, chủ trì phê duyệt dự án đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong CSGDDH trực thuộc theo quy định của pháp luật.

- *Về trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động KHCN trong CSGDDH:* Sử dụng kinh phí từ Quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp để đặt hàng CSGDDH nghiên cứu phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp; đầu tư vào Quỹ phát triển KHCN của CSGDDH và các hoạt động KHCN khác mang lại lợi ích cho doanh nghiệp.

- *Về trách nhiệm và quyền hạn của CSGDDH:* CSGDDH có trách nhiệm chủ động xây dựng định hướng, kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm; tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN các cấp đã được phê duyệt và các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại CSGDDH.

4.2.4. Về hiệu lực và trách nhiệm thi hành

- *Về thời điểm có hiệu lực của Nghị định:* Nghị định này là văn bản Nghị định hướng dẫn chi tiết Khoản 24 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018, đồng thời bãi bỏ Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN trong CSGDDH; bãi bỏ Điều 16 Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học; sửa Khoản 1, Điều 1 Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

Nghị định có hiệu lực từ ngày tháng năm 2020.

- *Về trách nhiệm thi hành:* Nghị định quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Theo đó, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Nghị định; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định hướng dẫn chi tiết Khoản 24 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018 kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm Tờ trình này:

- Dự thảo Nghị định.
- Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp.
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.
- Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến của các Bộ, ngành.
- Bản đánh giá thủ tục hành chính.
- Danh mục rà soát danh mục văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, KHCNMT.

Phùng Xuân Nhạ



Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Đề nghị xây dựng Nghị định

Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Ở Việt Nam, ngay từ đầu những năm 1980, Đảng và Nhà nước đã nhận thức rất rõ vai trò quan trọng của khoa học và công nghệ (KHCN) trong phát triển kinh tế xã hội. KHCN được xác định là động lực của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển bền vững đất nước. Cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH) đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra nguồn tri thức mới cho sự phát triển của xã hội, cũng là nơi tập trung nguồn nhân lực trình độ cao, cung cấp lượng lớn cán bộ nghiên cứu, cán bộ kỹ thuật cho xã hội. Nhà nước đã có nhiều chính sách nhằm thúc đẩy, khuyến khích phát triển hoạt động KHCN trong CSGDĐH. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII khẳng định, Việt Nam cần *“phát huy và tăng cường tiềm lực KHCN quốc gia, tập trung đầu tư phát triển một số viện khoa học công nghệ, các trường đại học cấp quốc gia”*. Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2011-2020 cũng khẳng định, cần *“nâng cao năng lực của các trường đại học về nghiên cứu cơ bản”*. Ngày 11/12/2015, Thủ tướng đã ký Quyết định số 2245/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành khoa học công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó nêu rõ cần *“Phát triển và phát huy đội ngũ nhân lực KHCN trong CSGDĐH, xây dựng các nhóm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mạnh phục vụ giải quyết các vấn đề thực tiễn của nền kinh tế”*; *“Khuyến khích doanh nghiệp thành lập các phòng thí nghiệm, kết nối với hệ thống phòng thí nghiệm thuộc các viện nghiên cứu, trường đại học”*. Đặc biệt, Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ đã quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN trong CSGDĐH.

Bên cạnh các văn bản pháp lý đã nêu trên, Thủ tướng Chính phủ còn ban hành một số quyết định khác liên quan đến phát triển KHCN như Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 phê duyệt Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 và Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 phê duyệt Đề án Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025; Quyết định số 2469/QĐ-TTg ngày 16/12/2016 phê duyệt Đề án Tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ nghiên cứu và đổi mới hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong CSGDĐH và giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2017-2025; Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/1/2019 phê duyệt đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019-2025; Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/1/2019 phê duyệt đề án

nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý CSGDDH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2030. Ngoài ra, hoạt động KHCN trong CSGDDH đồng thời cũng được điều chỉnh bởi các luật khác như Luật Khoa học và công nghệ (2013), Luật Đầu tư (2014), Luật Đầu tư công (2019), Luật Sở hữu trí tuệ (2009), Luật Chuyển giao công nghệ (2017), Luật Ngân sách nhà nước (2015), Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (2017), Luật Doanh nghiệp (2014) v.v. Tuy nhiên, các luật này đưa ra các quy định chung áp dụng cho nhiều lĩnh vực, đối tượng khác nhau. Trên thực tế, hoạt động KN&CN trong CSGDDH đòi hỏi các qui định cụ thể để triển khai áp dụng.

Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động KHCN trong CSGDDH, Điều 42 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018 (Luật số 34/2018/QH14, sau đây gọi tắt là Luật Giáo dục đại học 2018) nêu rõ trách nhiệm của nhà nước về phát triển KHCN, với chủ trương: (i) Nhà nước tập trung đầu tư phát triển tiềm lực KHCN, tạo cơ chế, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển tiềm lực KHCN, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong CSGDDH phục vụ phát triển đất nước; ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực đạt trình độ nghiên cứu ngang tầm khu vực và quốc tế; và (ii) Chính phủ quy định về hoạt động KHCN trong CSGDDH. Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học 2018 đưa ra nhiệm vụ và quyền hạn của CSGDDH trong hoạt động KHCN, đồng thời nhấn mạnh CSGDDH thực hiện hoạt động KHCN theo Luật Khoa học và công nghệ và quy định tại Khoản 24 Điều 1 của Luật Giáo dục đại học 2018 (Điều 16. Hoạt động KHCN trong CSGDDH).

Mặc dù hoạt động KHCN trong CSGDDH đã được qui định tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật, nhưng các văn bản chủ yếu chỉ đưa ra các quy định khái quát, chưa sát với thực tiễn của ngành. Chính vì vậy, việc ban hành Nghị định quy định về Hoạt động KHCN trong CSGDDH có ý nghĩa hết sức quan trọng bởi các văn bản pháp lý hiện hành hoặc đã lạc hậu và có nhiều hạn chế sau một thời gian thực hiện, hoặc chưa đủ để điều chỉnh có hiệu quả nhằm đẩy mạnh các hoạt động KHCN trong CSGDDH.

2. Mục tiêu của báo cáo đánh giá tác động

Khoản 3, Điều 85 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Luật số 80/2015/QH13) nêu rõ trách nhiệm của cơ quan đề nghị xây dựng nghị định là *Xây dựng nội dung của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị định; đánh giá tác động của chính sách; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị định sau khi được Chính phủ thông qua.*

Xuất phát từ yêu cầu trên, mục tiêu của báo cáo này nhằm đánh giá tác động kinh tế - xã hội đối với một số nội dung chủ yếu trong dự thảo Nghị định về hoạt động KHCN trong CSGDDH, góp phần củng cố cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng và hoàn thiện Dự thảo Nghị định, giúp cơ quan có thẩm quyền trong việc thẩm định và ban hành Nghị định có đủ thông tin để quyết định thông qua Dự thảo Nghị định.

Mặt khác, để cung cấp đủ các thông tin, bảo đảm cơ sở cho việc xây dựng Dự thảo Nghị định về hoạt động KHCN trong CSGDDH, đáp ứng được với yêu cầu chung thì ngoài các báo cáo tổng kết, đánh giá việc thực thi các văn bản pháp luật có liên quan, việc đánh giá tác động kinh tế - xã hội của Dự thảo Nghị định về hoạt động KHCN trong CSGDDH góp phần nâng cao chất lượng của các quy định trong Dự thảo Nghị định về các vấn đề cần giải quyết và giải pháp đối với từng vấn đề.

3. Phương pháp đánh giá và lựa chọn vấn đề

3.1. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá sử dụng trong Báo cáo này được thực hiện theo phương pháp đánh giá tác động văn bản quy phạm pháp luật dựa theo “*Sổ tay hướng dẫn thực hiện đánh giá tác động văn bản quy phạm pháp luật*” do Bộ Tư pháp biên soạn.

Quy trình đánh giá tác động chính sách của Dự thảo Nghị định về hoạt động KHCN trong CSGDDH được tiến hành theo các bước sau:

- Xác định các vấn đề ưu tiên dựa trên các tiêu chí rõ ràng;
- Xác định các mục tiêu của vấn đề;
- Lựa chọn các giải pháp để giải quyết từng vấn đề;
- Xác định các yếu tố có tác động lớn nhất (hoặc chi phí và lợi ích chính) đối với từng vấn đề;
- Thu thập, tập hợp dữ liệu và tham vấn về sử dụng thông tin, dữ liệu;
- Đánh giá, phân tích các dữ liệu đã thu thập được;
- Dự thảo báo cáo, thống nhất về cách diễn giải kết quả phân tích, thống nhất các giải pháp và kết luận;
- Lập báo cáo đánh giá tác động.

Trong quá trình thực hiện, nhóm đánh giá đã sử dụng thông tin, dữ liệu bao gồm định tính và định lượng từ điều tra khảo sát chuyên ngành có liên quan, các nghiên cứu khoa học và thông tin, dữ liệu thu được từ các buổi hội thảo, tọa đàm, tham vấn ý kiến từ các nhóm đối tượng chịu sự tác động của các chính sách trong Dự thảo Nghị định về hoạt động KHCN trong CSGDDH. Do đó, các nguồn thông tin, dữ liệu bảo đảm hoạt động đánh giá có độ tin cậy cao và tạo cơ sở cho việc lựa chọn phương án phù hợp dựa trên sự đồng thuận của các bên liên quan.

3.2. Lựa chọn vấn đề ưu tiên để đánh giá tác động

Nguyên tắc lựa chọn vấn đề cần ưu tiên đánh giá tác động:

- Vấn đề mới mà các văn bản quy phạm pháp luật chưa điều chỉnh hoặc qui định chưa rõ ràng;
- Vấn đề tạo ra sự thay đổi và ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện hoạt động KHCN trong CSGDDH;
- Vấn đề còn có nhiều ý kiến khác nhau.

Trên cơ sở các tiêu chí nêu trên, các vấn đề chủ yếu được lựa chọn để đánh giá, bao gồm:

- Quy định về nâng cao tính tự chủ của các CSGDDH trong tổ chức hoạt động KHCN;
- Qui định về phát triển nhân lực KHCN;
- Qui định về đầu tư cho hoạt động KHCN;
- Qui định về hoạt động đổi mới sáng tạo trong CSGDDH;
- Qui định về quản lý nhà nước đối với hoạt động KHCN trong CSGDDH.

II. Đánh giá tác động của chính sách

1. Chính sách 1: Về nâng cao tính tự chủ của các CSGDDH trong tổ chức hoạt động KHCN

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Việc tổ chức hoạt động KHCN và tính tự chủ của CSGDDH trong thực tế còn nhiều khó khăn và chưa đạt được hiệu quả tương xứng với tiềm năng và kỳ vọng mong muốn. Việc thành lập doanh nghiệp trong CSGDDH đặc biệt là cơ sở công lập gặp khó khăn do vướng mắc về sử dụng tài sản công. Liên doanh, liên kết với doanh nghiệp cũng gặp vấn đề tương tự. Những quy định này ít nhiều ảnh hưởng đến hiệu quả của việc thương mại hóa và mở rộng phạm vi ảnh hưởng của kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ. Luật Giáo dục đại học 2018 và Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 được ban hành đã mở ra nhiều cơ hội trong hoạt động của CSGDDH trong đó có hoạt động KHCN, đặc biệt là quyền tự chủ về tài chính, tài sản và trách nhiệm giải trình của CSGDDH (Điều 13, Nghị định 99/2019/NĐ-CP). Vai trò của Hội đồng trường trong CSGDDH cũng liên quan mật thiết đến vấn đề này (Điều 16, Luật Giáo dục đại học 2018).

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đưa ra căn cứ để CSGDDH nâng cao tính tự chủ trong hoạt động KHCN, tăng thêm quyền tự quyết và tự chịu trách nhiệm của cơ sở đối với chuyển tổ chức KHCN thành doanh nghiệp, tăng cường hiệu quả và tính minh bạch trong hoạt động KHCN, đặc biệt là thương mại hóa dưới hình thức doanh nghiệp hoặc liên doanh, liên kết với doanh nghiệp.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Nghị định bổ sung một số quy định về việc chuyển đổi các tổ chức KHCN trực thuộc CSGDDH thành doanh nghiệp và vai trò của Hội đồng trường, hội đồng đại học trong việc ra quyết định chuyển đổi các tổ chức KHCN trực thuộc thành doanh nghiệp theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền (khoản 3, 4, điều 4 dự thảo); vấn đề góp vốn hoạt động với doanh nghiệp bằng tài sản trí tuệ (khoản 2, điều 5 dự thảo); CSGDDH được đăng ký thực hiện nhiệm vụ KHCN các cấp từ nguồn thu hợp pháp khi đáp ứng đầy đủ tiêu chí của nhiệm vụ KHCN và cơ chế đảm bảo liên chính học thuật và đạo đức trong hoạt động NCKH, công nghiệp và đổi mới sáng tạo (khoản 8, điều 21).

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

Tác động giải pháp:

Việc cho phép Hội đồng trường, hội đồng đại học quyết định việc chuyển đổi các tổ chức KHCN trực thuộc CSGDDH thành doanh nghiệp theo hướng dẫn và quy định hiện hành tăng thêm quyền tự quyết và tự chịu trách nhiệm của cơ sở đối với các hoạt động liên quan đến tài chính, tài sản và đặc biệt là tài sản công.

Quy định góp vốn vào doanh nghiệp bằng tài sản trí tuệ vừa phát huy tối đa thế mạnh về học thuật của CSGDDH, vừa thúc đẩy hoạt động thương mại hóa, tăng cường tính ứng dụng của NCKH vào thực tiễn.

Việc đảm bảo liêm chính học thuật và đạo đức nghiên cứu nhằm chống sự sao chép và minh bạch trong NCKH, khẳng định một lần nữa về tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở, tăng cường hiệu quả nghiên cứu học thuật.

Chi phí thực hiện chính sách: Không phát sinh các chi phí trực tiếp.

Lợi ích: Chính sách sẽ góp phần thúc đẩy hoàn thành các mục tiêu về phát triển KHCN và tạo đà tăng trưởng và phát triển của quốc gia; giúp CSGDDH nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động KHCN; tìm kiếm, huy động và phân bổ nguồn lực phù hợp với định hướng phát triển của cơ sở, ngành và quốc gia.

Quy định về thủ tục hành chính: Cần bổ sung hướng dẫn về tiêu chí, quy trình và quy định quyền hạn, trách nhiệm của các bên liên quan (CSGDDH và doanh nghiệp).

Vấn đề về giới: Không.

2. Chính sách 2. Về phát triển nhân lực KHCN

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Mặc dù khái niệm và tiêu chí về Nhóm nghiên cứu mạnh đã được xác định, nhưng chưa có quy định cụ thể về việc thành lập, tổ chức hoạt động cũng như kinh phí hoạt động của nhóm. Nhiều nghiên cứu và khảo sát đã chỉ ra rằng chế độ đãi ngộ, nguồn lực đầu tư cho các nhóm nghiên cứu hiện tại còn hạn chế, thiết bị đầu tư cho nghiên cứu không có hoặc thiếu, hoặc chưa đồng bộ, chưa có chính sách và kinh phí để thu hút nhân tài trẻ. Mặc dù đã được Bộ GD&ĐT tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong toàn hệ thống CSGDDH Việt Nam và các bộ ngành có liên quan trong năm 2019 nhưng vẫn chưa có văn bản chính thức về hướng dẫn phát triển nhóm nghiên cứu mạnh. Việc đầu tư cho các nhóm nghiên cứu hầu như không có hoặc đầu tư không đủ, không đồng bộ trong khi kinh phí cấp cho các đề tài nghiên cứu rất eo hẹp. Việc cấp phát chậm và thủ tục giải ngân phức tạp gây nhiều khó khăn trong nghiên cứu. Kinh phí hỗ trợ nhóm nghiên cứu từ CSGDDH nếu có cũng rất khiêm tốn, thường mang ý nghĩa động viên. Quy định độ tuổi và vai trò của trưởng nhóm nghiên cứu trong việc sử dụng, tuyển dụng cộng tác viên, sử dụng kinh phí đã được duyệt bị giới hạn bởi các quy định trong các bộ luật và văn bản quy phạm khác.

Một vấn đề khác trong phát triển nhân lực KHCN là thu hút chuyên gia nước ngoài và/hoặc người Việt Nam ở nước ngoài. Đây là nguồn nhân lực có chất lượng cao, có khả năng cung cấp nhiều thông tin, kết nối và tìm kiếm các nguồn tài trợ cho hoạt động KHCN. Tuy nhiên, việc hợp tác, phối hợp với những đối tượng này còn tương đối hạn chế, thường chỉ dưới dạng quan hệ cá nhân, không chính thức đặc biệt là trong việc thực hiện các đề tài, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Quy định chi tiết về tiêu chí, qui trình công nhận nhóm nghiên cứu mạnh, quy định về nhân lực và tài chính cho nhóm nghiên cứu mạnh và các quy định về tăng cường thu hút và tận dụng nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ngoài.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Nghị định quy định về tiêu chí và việc thành lập nhóm nghiên cứu mạnh, một số quy định về nhân lực nhóm nghiên cứu mạnh trong đó có trưởng nhóm và thành viên nhóm nghiên cứu, kinh phí hoạt động cho nhóm (Điều 6). Khi các nhóm nghiên cứu mạnh được thành lập, tạo điều kiện cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động, cùng với các chỉ tiêu kết quả đặt ra, sẽ tạo ra ngày càng nhiều các nhân tố, các nhà khoa học, tạo nên phong trào hoạt động KHCN trong các CSGDDH.

Nghị định khuyến khích các CSGDDH thu hút chuyên gia, nghiên cứu sinh, nhà khoa học nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài trong việc thực hiện các nhiệm vụ KHCN (Khoản 4, 5 điều 11), từ đó, tạo nên một network lớn cho hoạt động KHCN không chỉ ở các CSGDDH tại Việt Nam mà còn là các nhà khoa học từ các quốc gia khác, đặc biệt là các nhà khoa học Việt kiều sẽ có cơ hội đóng góp và giao lưu nhiều hơn với giới khoa học trong nước; đồng thời, các nhà khoa học trong nước có cơ hội giao lưu, học hỏi và công bố kết quả nghiên cứu của mình trên phạm vi toàn cầu.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

Tác động giải pháp:

Các quy định trên góp phần khuyến khích các thành phần tham gia vào hoạt động KHCN trong CSGDDH giúp CSGDDH xây dựng quy hoạch phát triển, kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, phân bổ nguồn lực (nhân lực, vật lực) cho phát triển KHCN, đặc biệt là nguồn nhân lực trụ cột, có chất lượng cao và có tính quốc tế. Việc thành lập nhóm nghiên cứu mạnh sẽ tạo lực lượng nòng cốt, dẫn dắt hoạt động KHCN tại CSGDDH, đẩy mạnh công bố quốc tế, đào tạo tiến sĩ, tăng cường sáng chế, chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp, đồng thời nâng cao vị thế của các trường đại học tại Việt Nam trong khu vực và trên thế giới. Chính sách thu hút chuyên gia nước ngoài, nghiên cứu sinh, và nhà khoa học có uy tín nước ngoài đến hợp tác, làm tại các CSGDDH trên cơ sở được sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KHCN đã được

phê duyệt ký và hợp đồng công việc sẽ tạo cơ hội học hỏi, chuyển giao công nghệ và nâng cao năng lực nghiên cứu của các CSGDDH.

Chi phí thực hiện chính sách: Phát sinh các chi phí trực tiếp cho nhóm nghiên cứu mạnh, và hợp đồng với các chuyên gia nước ngoài từ nguồn ngân sách nhà nước và các CSGDDH.

Lợi ích: Tăng động lực tham gia hoạt động KHCN trong CSGDDH của giảng viên, nghiên cứu viên, kỹ thuật viên; phát triển được đội ngũ nghiên cứu mạnh làm nòng cốt phát triển các ngành KHCN phục vụ phát triển đất nước.

Quy định về thủ tục hành chính: Các quy định hành chính về quy trình công nhận nhóm nghiên cứu mạnh, quy chế hoạt động và các quy định, tiêu chuẩn về kinh phí cho hoạt động của nhóm, qui định về thu hút chuyên gia nước ngoài làm tại các CSGDDH.

Vấn đề về giới: Góp phần nâng cao, cải thiện vai trò của các nhà khoa học nữ trong hoạt động KHCN.

3. Chính sách 3. Về đầu tư cho hoạt động KHCN

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Đầu tư cho hoạt động KHCN trong CSGDDH chưa được quy định rõ về nội dung, nguồn vốn và cơ chế chi đầu tư. Nguồn tài chính phục vụ cho hoạt động KHCN phụ thuộc khá nhiều vào nguồn ngân sách nhà nước và từ các nguồn tự có của CSGDDH. Vốn vay ưu đãi cho hoạt động KHCN chưa được quan tâm đúng mức do khó tiếp cận. Hoạt động KHCN cũng chưa thu hút được đầu tư của doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân bên ngoài do các vấn đề liên quan đến sở hữu tài sản và quyền lợi sử dụng, quản lý các tài sản từ hoạt động KHCN. Hầu hết CSGDDH hiện tại đều chưa thực hiện hoàn toàn quy định về trích lập quỹ cho hoạt động KHCN, kể cả CSGDDH định hướng nghiên cứu. CSGDDH thường tập trung nguồn lực cho hoạt động đào tạo. Hoạt động đầu tư cho KHCN chủ yếu dừng lại ở đầu tư cho con người (lương) và cơ sở vật chất (phòng làm việc, phòng thí nghiệm). Đầu tư cho R&D, thông tin KHCN chưa được coi trọng.

Nghị định 99 quy định, CSGDDH có tiềm lực nghiên cứu, hoàn thành các nhiệm vụ KHCN được ưu tiên đầu tư đầu tư phát triển tiềm lực KHCN. Tuy vậy, các quy định hiện hành về phân bổ và quản lý ngân sách sự nghiệp KHCN vẫn theo hướng bình quân, không gắn với sản phẩm về KHCN được ứng dụng cũng như số lượng các nhà khoa học có năng lực tại cơ sở nghiên cứu. Một trong những tồn tại của đầu tư phát triển tiềm lực KHCN của các CSGDDH là thu hút đầu tư của các tổ chức và cá nhân. Do hiện tại không có các quy định về phương thức huy động, chính sách khuyến khích, cơ chế phân chia lợi ích, quy định về tác quyền và sở hữu trí tuệ, các doanh nghiệp chưa nhận thấy lợi ích của hoạt động đầu tư vào các dự án nghiên cứu khoa học, dự án ứng dụng và chuyển giao công nghệ của CSGDDH. Mối quan hệ giữa doanh nghiệp và các CSGDDH còn lỏng lẻo.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đưa ra căn cứ để khuyến khích đầu tư có trọng điểm và thu hút đầu tư cho hoạt động KHCN, quản lý tài sản từ hoạt động KHCN trong CSGDDH, nâng cao tính chủ động của CSGDDH trong việc huy động nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động KHCN, xây dựng quỹ cho hoạt động KHCN, sử dụng hiệu quả hơn các nguồn vốn cho hoạt động KHCN.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Nghị định bổ sung thêm ưu tiên đầu tư, trong đó, CSGDDH đã được xếp hạng của thế giới và châu Á trong 3 năm liên tục và CSGDDH định hướng nghiên cứu; ưu tiên đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh (Khoản 2, điều 13).

Nghị định cũng đưa ra quy định về thành lập Quỹ phát triển KHCN, trong đó có quy định về tỷ lệ trích từ nguồn thu hợp pháp của CSGDDH cho hoạt động KHCN. Đây là điểm mới của Nghị định nhằm tạo nguồn kinh phí hợp pháp, chính đáng và liên tục, ổn định cho hoạt động KHCN tại các CSGDDH. Quỹ này sẽ không chỉ phụ thuộc vào nguồn thu từ học phí mà còn có sự đầu tư từ các doanh nghiệp có nhu cầu và có khả năng đầu tư cho KHCN nhưng chưa có được địa chỉ tin cậy để đầu tư.

Các CSGDDH định hướng nghiên cứu sẽ có một nguồn kinh phí dồi dào hơn để thực hiện định hướng nghiên cứu của mình khi có thể dành tối thiểu 8% nguồn thu hợp pháp cho KHCN thay vì 5% như Nghị định 99/2014/NĐ-CP (Điều 14).

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

Tác động giải pháp:

Các chính sách đề xuất sẽ tập trung được nguồn lực đầu tư cho các đối tượng ưu tiên đầu tư trọng tâm (CSGDDH đạt điều kiện và nhóm nghiên cứu mạnh); làm căn cứ để CSGDDH xây dựng chiến lược KHCN cũng như Quỹ phát triển KHCN. Như vậy, nguồn lực đầu tư được tăng cường cả về chất và lượng (hiệu quả đầu tư tập trung và nguồn đầu tư tăng, có tính đảm bảo hơn khi yêu cầu bắt buộc với CSGDDH).

Chi phí thực hiện chính sách: Không phát sinh các chi phí trực tiếp mà thay vào đó là tập trung nguồn lực đầu tư cũng như đảm bảo huy động từ nguồn thu hợp pháp của CSGDDH.

Lợi ích: Việc thiết lập hành lang pháp lý tạo điều kiện giúp CSGDDH tập trung nguồn lực đầu tư, tổng mức đầu tư và cuối cùng là hiệu quả đầu tư.

Quy định về thủ tục hành chính: Không.

Vấn đề về giới: Không.

4. Chính sách 4. Về hoạt động đổi mới sáng tạo trong CSGDDH

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0) đang diễn ra sâu rộng, mang lại nhiều cơ hội lớn và cả những thách thức đối với các nước trong đó có Việt Nam.

Đây chính là thời điểm mà năng lực sáng tạo cần được thể hiện đúng vai trò, đúng xu thế chung của thế giới: Xây dựng quốc gia phát triển dựa vào KHCN, đổi mới sáng tạo thay vì dựa vào vốn, tài nguyên, lao động như hiện nay. Thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo là xu hướng tất yếu để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, đặc biệt là với những nền kinh tế đi sau, muốn tạo ra những bước tiến nhanh và đột phá. Trong bối cảnh đó, Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0 đã nêu rõ: “Áp dụng các cơ chế, chính sách đặc biệt, có tính đột phá đối với các trung tâm đổi mới sáng tạo. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, trường đại học và viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu mạnh. Khuyến khích các trường đại học, doanh nghiệp, tổ chức trong nước và nước ngoài thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo tại Việt Nam, thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, đẩy nhanh thành lập các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quốc gia ... Tầm nhìn đến năm 2045: Việt Nam trở thành một trong những trung tâm sản xuất và dịch vụ thông minh, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo thuộc nhóm dẫn đầu khu vực Châu Á”.

Để hiện thực hóa chủ trương trên, một trong những nhiệm vụ trọng tâm đặt ra là xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, trong đó vai trò của trường đại học với tư cách là trung tâm kết nối, phối hợp hoạt động giữa các bên liên quan để hỗ trợ các chủ thể khởi nghiệp sáng tạo biến ý tưởng thành hiện thực có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Sứ mạng của trường đại học trong hệ sinh thái khởi nghiệp đã được Diễn đàn Kinh tế thế giới (2014) đề cập, bao gồm: (i) Thúc đẩy văn hóa và tôn trọng tinh thần khởi nghiệp cho sinh viên; (ii) Giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành ý tưởng (idea-formation) về các lĩnh vực và ngành nghề mới; (iii) Cung cấp nguồn nhân lực phù hợp cho các doanh nghiệp, lĩnh vực và ngành nghề mới v.v. Từ một góc độ khác, vai trò của trường đại học được khẳng định: “Là một tổ chức có nguồn gốc từ một địa phương nhất định (tỉnh/thành phố), trường đại học không chỉ là một địa chỉ đổi mới sáng tạo quan trọng có nhiệm vụ kết nối với nhiều bên liên quan, mà còn là nơi khuyến khích phát triển các kỹ năng mới cho người học - những chủ nhân trong tương lai” (Scott Stern, ...). Như vậy, trường đại học là trung tâm trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, trong đó đại học thông minh là nhân tố quan trọng để vận hành hệ sinh thái đó. Một trường đại học thông minh là nơi có thể tiếp cận và cung cấp dữ liệu nền tảng để thúc đẩy quá trình phân tích và cải thiện môi trường giảng dạy và học tập (Roth-Berghofer, 2013). Trong bối cảnh CMCN 4.0, vai trò của trường đại học thể hiện rõ nét trong việc liên kết chặt chẽ và phối hợp các mạng lưới đổi mới sáng tạo đa chủ thể hiện có trong xã hội. Với sự phát triển dựa trên nền tảng đại học thông minh, trong các chức năng truyền thống của trường đại học là nghiên cứu và giáo dục đã có sự nhấn mạnh mới về việc kết nối các quá trình sáng tạo tri thức. Đã có nhiều bằng chứng cho thấy các hình thức sản xuất và chia sẻ tri thức đa chủ thể mới đã được tích hợp vào các chức năng truyền thống của trường đại học. Có thể khẳng định rằng, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, kiến tạo một hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trên nền tảng đại học thông minh là xu hướng mới tất yếu, phù hợp với bối cảnh phát triển mới của

giáo dục đại học trong thời kỳ CMCN 4.0 và là hướng đi bền vững cho các trường đại học tự chủ.

Ở nước ta, trong khoảng một thập kỷ vừa qua, việc xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, trong đó nhấn mạnh trường đại học là một trong những thành tố quan trọng cấu thành hệ thống. Hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam đã có chuyển biến tích cực trong hoạt động ươm tạo, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, thành lập doanh nghiệp KH-CN và vườn ươm khởi nghiệp. Khu vực phía nam có trường Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh, trường Đại học Nông lâm Tp Hồ Chí Minh, Đại học Cần Thơ v.v.; ở phía Bắc có trường Đại học Bách khoa Hà Nội, trường Đại học Kinh tế Quốc dân (ĐH KTQD), trường Đại học Ngoại Thương... Cùng với đó, trên phạm vi quốc gia, hai đề án của Chính phủ: (i) Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” (theo Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 – Đề án 844) và (ii) Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” (theo Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 – Đề án 1665) đã được phê duyệt nhằm mục đích thiết lập một hệ sinh thái khởi nghiệp đồng bộ, hiệu quả và toàn diện, trong đó trường đại học là một trong những chủ thể quan trọng.

Bên cạnh những kết quả bước đầu đạt được, vấn đề thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo của Việt Nam nói chung và trong các CSGDĐH nói riêng cũng đang có nhiều hạn chế, cụ thể:

Thứ nhất, các chỉ số về khởi nghiệp không có nhiều thay đổi trong thời gian qua cả về mức độ và thứ tự xếp hạng của các chỉ số. Việt Nam hiện còn nhiều chỉ số kém xa so với các nước cùng trình độ phát triển kinh tế và các nước trong khu vực như sự lo sợ thất bại trong kinh doanh, khả năng kinh doanh, lĩnh vực kinh doanh và yếu tố đổi mới sáng tạo trong kinh doanh. Trong số 12 chỉ số của hệ sinh thái khởi nghiệp, có tới 6 chỉ số của Việt Nam kém hơn các nước trong khu vực đặc biệt là Giáo dục về kinh doanh sau phổ thông (Báo cáo chỉ số khởi nghiệp Việt Nam 2018).

Thứ hai, Việt Nam chưa hình thành được một hệ thống khuyến khích, hỗ trợ khởi nghiệp đồng bộ, nhất quán, hoạt động có hiệu quả. Hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp chỉ mới chủ yếu thực hiện qua các chương trình, đề án, dự án riêng lẻ với các mục tiêu, tiêu chí rất khác nhau nên hiệu quả về tổng thể còn thấp.

Thứ ba, năng lực và vai trò của trường đại học với tư cách là mắt xích quan trọng trong hệ sinh thái khởi nghiệp còn yếu. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực, hệ thống dịch vụ kết nối và hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trong nhà trường còn sơ khai.

Thứ tư, nhận thức và năng lực của các doanh nghiệp khởi nghiệp còn hạn chế. Nhiều nhà sáng lập doanh nghiệp khởi nghiệp chưa thể thuyết trình mạch lạc dự án kinh doanh của mình, chưa có kiến thức, hiểu biết về việc phát triển một mô hình kinh doanh hiệu quả.

Ba trong bốn hạn chế nêu trên có liên quan tới vai trò và hoạt động của các trường đại học.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Gắn kết hoạt động KHCN và đổi mới sáng tạo ở các CSGDDH.

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Nghị định nhấn mạnh tính song hành của hoạt động KHCN và đổi mới sáng tạo trong CSGDDH liên tục trong kế hoạch KHCN trong CSGDDH (điều 3); tổ chức KHCN trong CSGDDH (điều 4); tài chính cho hoạt động KHCN trong CSGDDH (điều 15); trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động KHCN trong CSGDDH (điều 20) và trách nhiệm và quyền lợi của CSGDDH (điều 21).

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

Tác động giải pháp:

Thúc đẩy hoạt động KHCN đồng thời thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong CSGDDH, góp phần phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo quốc gia; nâng cao vai trò của đổi mới sáng tạo với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước mà trọng tâm là hoạt động khởi nghiệp.

Chi phí thực hiện chính sách: Không phát sinh các chi phí trực tiếp.

Lợi ích: Thúc đẩy tính đổi mới sáng tạo và tính ứng dụng của các hoạt động KHCN trong CSGDDH.

Quy định về thủ tục hành chính: Không.

Vấn đề về giới: Không.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

5. Chính sách 5. Về quản lý nhà nước đối với hoạt động KHCN trong CSGDDH

5.1. Xác định vấn đề bất cập

Hoạt động KHCN trong CSGDDH chịu tác động của nhiều văn bản và chịu sự quản lý của nhiều đơn vị quản lý nhà nước khác nhau. Quyền hạn của CSGDDH trong việc quy hoạch, phân bổ nguồn lực, thu hút đầu tư, hợp tác/liên kết với doanh nghiệp và hợp tác quốc tế trong thực hiện hoạt động KHCN còn bị hạn chế do chưa đủ thẩm quyền để đáp ứng yêu cầu và thực tế phát triển hoạt động KHCN trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, hầu hết CSGDDH chưa đảm bảo tỉ lệ trích quỹ và chi cho hoạt động KHCN tại cơ sở, chưa có quy định về đánh giá thi đua, khen thưởng hoặc chế tài cho việc không đảm bảo này.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hướng tới mô hình tổ chức hoạt động KHCN tự chủ, tự chịu trách nhiệm ở CSGDDH, tăng tính thực thi và tính pháp lý trong kiểm soát thực hiện.

5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Nghị định quy định về trách nhiệm và quyền hạn của CSGDDH, của các bên liên quan (doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển KHCN trong CSGDDH) và của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan gồm các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc quản lý, kiểm tra và xử lý các vi phạm và mâu thuẫn (nếu có) trong quá trình thực hiện hoạt động KHCN tại CSGDDH.

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

Tác động giải pháp:

Các quy định làm rõ các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn của CSGDDH và vai trò của quản lý nhà nước; giúp tăng cường khả năng tự chủ của các CSGDDH, đồng thời, đảm bảo vai trò quản lý nhà nước về hoạt động KHCN.

Chi phí thực hiện chính sách: Không phát sinh các chi phí trực tiếp.

Lợi ích: Thúc đẩy tính tự chủ, năng động, sáng tạo trong việc thực hiện hoạt động KHCN tại CSGDDH và đồng thời khẳng định vai trò quản lý của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành liên quan.

Quy định về thủ tục hành chính: Không.

Vấn đề về giới: Không.

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề)

III. Lấy ý kiến

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã gửi lấy ý kiến Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định quy định về Hoạt động khoa học và công nghệ trong CSGDDH (bao gồm Báo cáo đánh giá chính sách và Báo cáo đánh giá tác động chính sách) tới các Bộ, ngành liên quan gồm..... (từ ngày...../.../2020); gửi đăng Hồ sơ trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo (từ ngày...../.../2020).

Trên cơ sở ý kiến của các Bộ, ngành liên quan, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tiếp thu tối đa các ý kiến tham gia, một phần đưa vào chỉnh sửa các tài liệu thuộc Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định, một phần sẽ đưa vào sử dụng trong quá trình xây dựng dự thảo nghị định sau này. Đối với các ý kiến liên quan đến nội dung được đánh giá không thuộc phạm vi của nghị định này (như...), Bộ Giáo dục và Đào tạo không có ý kiến.

Giải trình tiếp thu ý kiến tham gia được nêu cụ thể trong bảng tổng hợp ý kiến gửi kèm theo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tiếp thu các ý kiến của Bộ Tư pháp tại Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng Nghị định số/BC-BTP ngày/..../2020, cụ thể:

- Đã tiếp thu.... Và....

- Đã bảo lưu đề xuất...do....

IV. Giám sát và đánh giá

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định

Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định bao gồm Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tất cả các đối tượng được đề xuất là đối tượng chịu áp dụng của Nghị định quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong CSGDDH gồm: đại học, trường đại học, học viện, viện nghiên cứu khoa học có đào tạo trình độ tiến sĩ; doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia hoạt động khoa học và công nghệ trong CSGDDH.

2. Cơ quan giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách

Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan có liên quan thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động khoa học công nghệ trong CSGDDH.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH
VỀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) là một trong hai nhiệm vụ cơ bản của cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH) ở Việt Nam, có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hơn thế nữa, theo khoản 1, Điều 9, Luật Khoa học và công nghệ (2013) CSGDĐH là một trong những hình thức của tổ chức KH&CN. Như vậy, hoạt động KH&CN phải là một hoạt động cơ bản cốt lõi của các CSGDĐH. Trong những năm qua, hệ thống chính sách về hoạt động KHCN trong các CSGDĐH đã được hình thành và từng bước được hoàn thiện. Các chính sách này là một bộ phận hợp thành then chốt trong hệ thống chính sách nhằm phát triển CSGDĐH trở thành các trung tâm nghiên cứu KHCN. Các nghị quyết của Đảng, các chính sách của Nhà nước về phát triển hoạt động KHCN trong CSGDĐH được ban hành đã phát huy tác động tích cực, góp phần hình thành đội ngũ các nhà khoa học, các trung tâm nghiên cứu, các nhóm nghiên cứu mạnh, cải thiện điều kiện nghiên cứu và gia tăng kết quả nghiên cứu được công bố trong nước và quốc tế và ứng dụng trong các hoạt động kinh tế, xã hội.

Sau nhiều năm thực thi, do nhiều yếu tố tác động, hệ thống chính sách về hoạt động KHCN trong CSGDĐH bộc lộ những hạn chế và bất cập. Điều đó đòi hỏi cần có sự đánh giá toàn diện thực trạng hệ thống chính sách về hoạt động KHCN trong CSGDĐH tại Việt Nam. Báo cáo này được thực hiện nhằm các mục tiêu cụ thể: (i) Đánh giá thực trạng, chỉ ra các vấn đề liên quan đến chính sách về khoa học và công nghệ, trong đó có chính sách đầu tư phát triển tiềm lực KHCN, khuyến khích hoạt động KHCN trong CSGDĐH và các vấn đề liên quan; (ii) Khái quát kết quả, hạn chế và bất cập của chính sách, làm rõ nguyên nhân của các hạn chế và bất cập; (iii) Đề xuất hoàn thiện hệ thống chính sách về hoạt động KHCN trong CSGDĐH ở Việt Nam trong thời gian tới.

1. Thực trạng vấn đề liên quan đến chính sách về hoạt động KHCN trong các cơ sở giáo dục đại học

Hoạt động KHCN là một trong hai hoạt động cốt lõi của CSGDĐH. Nội dung của hoạt động này được quy định tại Luật Giáo dục đại học (2012) bao gồm: nghiên cứu khoa học, ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, xây dựng các phòng thí nghiệm và cơ sở nghiên cứu, tham gia tuyển chọn, tư vấn, phản biện, thực hiện các nhiệm vụ, hợp đồng KHCN. Tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục

đại học 2018 (gọi tắt là Luật số 34) quy định trách nhiệm của Nhà nước về phát triển KHCN trong CSGDDH: “Nhà nước tập trung đầu tư phát triển tiềm lực KHCN, tạo cơ chế, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển tiềm lực KHCN, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong CSGDDH phục vụ phát triển đất nước; ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực đạt trình độ nghiên cứu ngang tầm khu vực và quốc tế” và giao cho Chính phủ quy định hoạt động KHCN trong CSGDDH.

Đánh giá cao tầm quan trọng của hoạt động KHCN trong CSGDDH, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII đã chỉ rõ Việt Nam cần “*phát huy và tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ quốc gia, tập trung đầu tư phát triển một số viện khoa học công nghệ, các trường đại học cấp quốc gia.*” Điều này tiếp tục được khẳng định trong Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học công nghệ giai đoạn 2011- 2020. Theo đó, năng lực của các trường đại học về nghiên cứu cơ bản cần được nâng cao. Tiếp đến, tại Quyết định số 2245/QĐ-TTg ngày 11/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành khoa học công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Thủ tướng Chính phủ đã nêu rõ cần “*Phát triển và phát huy đội ngũ nhân lực khoa học công nghệ trong CSGDDH; xây dựng các nhóm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mạnh phục vụ giải quyết các vấn đề thực tiễn của nền kinh tế;*” “*Khuyến khích doanh nghiệp thành lập các phòng thí nghiệm, kết nối với hệ thống phòng thí nghiệm thuộc các viện nghiên cứu, trường đại học.*”

Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN trong CSGDDH (gọi tắt là Nghị định 99). Nghị định này được nhìn nhận như là văn bản pháp quy chính yếu về chính sách đối với hoạt động KHCN trong CSGDDH tại Việt Nam. Trong thời gian gần đây, Chính phủ và các bộ, ban ngành đã tiếp tục xây dựng ban hành nhiều chính sách mới nhằm thúc đẩy hoạt động KHCN trong CSGDDH. Có thể kể đến Quyết định số 2469/QĐ-TTg ngày 16/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ nghiên cứu và đổi mới hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong CSGDDH và giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2017 – 2025” (gọi tắt là Quyết định 2469). Các quyết định của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến chính sách đầu tư phát triển tiềm lực KHCN trong các CSGD đại học như Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/1/2019 phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 – 2025 (gọi tắt là quyết định 69) và Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/1/2019 phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý CSGDDH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2030 (gọi tắt là quyết định 89). Cùng với các nghị định, nghị quyết và quyết định của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, các thông tư về hoạt

động KHCN tại CSGDDH do các bộ, ban ngành liên quan ban hành đã được áp dụng và thực thi.

Tuy nhiên, hệ thống chính sách về hoạt động KHCN trong CSGDDH chưa được hình thành một cách đồng bộ và hoàn chỉnh trong bối cảnh hệ thống các văn bản pháp quy liên quan chưa được điều chỉnh phù hợp. Thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách về hoạt động KHCN trong CSGDDH được xem xét theo các vấn đề dưới đây.

1.1. Về đầu tư phát triển tiềm lực KHCN trong cơ sở giáo dục đại học

Phát triển KHCN trong CSGDDH được xác định là trách nhiệm của Nhà nước. Điều này được luật hóa trong Luật số 34. Cụ thể, Điều 42 quy định: “Nhà nước tập trung đầu tư phát triển tiềm lực KHCN, tạo cơ chế, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển tiềm lực KHCN, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong CSGDDH phục vụ phát triển đất nước; ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực đạt trình độ nghiên cứu ngang tầm khu vực và quốc tế.”

Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ được quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014. Đầu tư của Nhà nước cho hoạt động khoa học và công nghệ được thể hiện thông qua các khoản cụ thể: (1) chi cho phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các tổ chức khoa học và công nghệ không phân biệt thành phần kinh tế, (2) chi sự nghiệp khoa học và công nghệ như chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, chi thường xuyên, cấp vốn cho các quỹ quốc gia, ... Cùng với đầu tư của Nhà nước, bản thân cơ sở giáo dục đại học cũng thực hiện đầu tư thông qua việc sử dụng các khoản thu hợp pháp của CSGDDH.

Theo quy định tại Nghị định 99, việc đầu tư phát triển tiềm lực KHCN trong CSGDDH tập trung vào phát triển nhân lực KHCN, phát triển cơ sở vật chất và chi cho hoạt động KHCN. Trong đó, xây dựng phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh, các nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học trẻ tài năng, xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, mua tài sản trí tuệ, hỗ trợ chuyển giao và nhập khẩu công nghệ, hỗ trợ kinh phí công bố bài báo trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín được CSGDDH đánh giá cao.

Quyết định số 89 cũng đặt ra mục tiêu đào tạo trình độ tiến sĩ cho khoảng 10% giảng viên đại học, thu hút được ít nhất 1500 nhà khoa học, người có trình độ tiến sĩ đang công tác ở nước ngoài hoặc đang làm việc ở CSGDDH nước ngoài đến làm việc tại CSGDDH Việt Nam. Quyết định số 69 đề cập các giải pháp chính sách toàn diện về đầu tư cho nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị.

Tại công văn số 230/BGDĐT-KHCNMT ngày 16/1/2015 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 99, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có hướng dẫn CSGDDH triển khai các hoạt động nhằm thực hiện Nghị định 99, trong đó đã quy định dành tối thiểu 5% từ

nguồn thu hợp pháp CSGDDH để đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN ở CSGDDH; ưu tiên triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở. CSGDDH cũng phải dành tối thiểu 3% từ nguồn thu học phí CSGDDH để cho sinh viên và người học hoạt động nghiên cứu khoa học. Việc đầu tư được ưu tiên cho CSGDDH có tiềm lực mạnh, trường đại học trọng điểm hoặc CSGDDH ở những vùng đặc biệt khó khăn về kinh tế- xã hội.

Chính sách đầu tư phát triển tiềm lực hoạt động KHCN được định hướng ưu tiên đầu tư cho CSGDDH có tiềm lực mạnh về nhân lực nghiên cứu và triển khai ứng dụng; CSGDDH trọng điểm; CSGDDH ở những vùng đặc biệt khó khăn về kinh tế - xã hội. Đồng thời, CSGDDH phải đáp ứng được các điều kiện căn bản về tiềm lực nghiên cứu, kết quả và hiệu quả nghiên cứu, đơn vị nghiên cứu và hợp tác nghiên cứu trên phạm vi quốc tế. Đặc biệt, CSGDDH phải có các nhóm nghiên cứu mạnh, có tỉ lệ tiến sĩ/giảng viên đạt 25% trở lên, có doanh nghiệp KHCN hoặc trung tâm nghiên cứu khoa học, có nhiều kết quả nghiên cứu có khả năng ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

Quyết định số 2469 đã xác định cụ thể các đối tượng, nguyên tắc, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Đề án. Theo Đề án này, các hoạt động KHCN trong CSGDDH được đẩy mạnh nhằm tăng số lượng công bố quốc tế bình quân 10%/ năm, số lượng sáng chế và giải pháp hữu ích được bảo hộ đạt trung bình 8 - 10%/năm. Các hoạt động ứng dụng, chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu vào sản xuất được thúc đẩy nhằm đạt tỉ lệ thu từ các hoạt động KHCN, dịch vụ KHCN khoảng 10% so với tổng nguồn thu của CSGDDH được ưu tiên đầu tư.

Theo Nghị định 99 và Quyết định 2469, các nguồn vốn đầu tư cho hoạt động KHCN của CSGDDH được huy động từ ngân sách đầu tư phát triển KHCN, ngân sách đầu tư phát triển giáo dục đào tạo, ngân sách địa phương, nguồn thu của CSGDDH, nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, quỹ phát triển KHCN quốc gia, bộ, ngành, doanh nghiệp. Như vậy, đã có sự mở rộng về đối tượng tham gia đầu tư là các cá nhân và tổ chức trong hoạt động KHCN. Các doanh nghiệp cũng có cơ hội đóng góp vào hoạt động KHCN tại CSGDDH để thực hiện các đề án nghiên cứu hay hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Quyết định 69/QĐ-TTg, ngày 15/1/2019 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2020 – 2025 đã xác lập các giải pháp về tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng và đẩy mạnh kiểm định giáo dục đại học trong đó nhấn mạnh việc đầu tư đào tạo đội ngũ giảng viên bằng ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí khác, hỗ trợ đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị để đạt chuẩn quốc tế ở một số CSGDDH, khuyến khích đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin; hình thành một số trung tâm thực hành, thí nghiệm hiện đại dùng chung cho các CSGDDH, ...

Về thực trạng kinh phí đầu tư trực tiếp cho hoạt động khoa học công nghệ, kinh phí ngân sách khoa học công nghệ đầu tư cho hoạt động khoa học công nghệ của các CSGDDH chỉ ở mức thấp và có xu thế giảm trong những năm qua, trong khi số lượng các nhà khoa học trong ngành ngày càng tăng, số lượng các sản phẩm khoa học công nghệ của các trường đại học đóng góp cho tiềm lực khoa học công nghệ quốc gia là lớn. Đặc biệt với sự tiến bộ của khoa học công nghệ ngày càng nhanh, nhu cầu nghiên cứu trong các trường đại học ngày càng gia tăng. Xét về tổng mức đầu tư, ngành Giáo dục được đầu tư thấp hơn một số bộ, ngành như Viện Hàn lâm Khoa học công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Công thương.

Thực tế đầu tư cho tăng cường năng lực nghiên cứu ở các CSGDDH cho thấy số lượng đầu tư phát triển cho khoa học công nghệ cũng không đáng kể, ngay cả đối với giáo dục đào tạo. Cụ thể, bình quân mỗi năm trong giai đoạn 2011-2015 kinh phí đầu tư cho tăng cường năng lực nghiên cứu từ ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ vào khoảng 30-50 tỷ cho 61 đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vũ Văn Tích, 2016). Việc phân bổ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ chưa hợp lý, chủ yếu dựa vào số cấp ban đầu, không gắn với sản phẩm đầu ra và theo số lượng cán bộ nghiên cứu, do vậy khó có thể dẫn tới đạt được mục tiêu cho chiến lược phát triển tiềm lực khoa học công nghệ quốc gia, không thu hút được các nhà khoa học đang làm việc ở nước ngoài tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ tại các CSGDDH. Cách thức phân bổ kinh phí thể hiện tính bình quân chủ nghĩa, chưa thực sự tính đến các khía cạnh hiệu quả sử dụng kinh phí.

1.2. Khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

a. Khuyến khích giảng viên nghiên cứu khoa học

Trong khi Luật Giáo dục đại học 2012 chưa đề cập cụ thể đến việc khuyến khích giảng viên nghiên cứu khoa học (NCKH) thì Luật số 34 đã có sửa đổi "... tạo cơ chế, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển tiềm lực KH-CN, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong CSGDDH" (Điều 42) và "Giảng viên - Được bảo đảm điều kiện học tập, tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và khởi nghiệp..." (Điều 5). Như vậy trong luật đã có định hướng về việc khuyến khích giảng viên NCKH.

Theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định: "Giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học để làm nhiệm vụ NCKH" và Nghị định số 73/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định: "Đối với CSGDDH định hướng nghiên cứu, giảng viên cơ hữu phải dành ít nhất 50% tổng thời gian làm việc định mức cho hoạt động NCKH". Những quy định này mang tính chất đưa ra mức sàn về nghiên cứu khoa học cho giảng viên chứ chưa hướng tới việc khuyến khích giảng viên NCKH.

Văn bản quy định rõ nhất về việc khuyến khích giảng viên NCKH chính là Nghị định số 99 quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN trong CSGDDH. Việc khuyến khích giảng viên NCKH được thực hiện thông qua các biện pháp: (i) Hưởng ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân đối với phần thu nhập từ hợp đồng NCKH và phát triển công nghệ (PTCN) thuộc lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm và các hợp đồng thực hiện tại miền núi, vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật; (ii) Thương tiền không quá 30 lần mức lương cơ sở chung nếu công bố được 01 bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín trong danh mục ISI/Scopus. Tiền thưởng lấy từ kinh phí sự nghiệp KHCN trong dự toán giao cho CSGDDH; (iii) Hỗ trợ 50% phí đăng ký bảo hộ quyền tác giả. Kinh phí hỗ trợ lấy từ kinh phí sự nghiệp KHCN trong dự toán giao cho CSGDDH; (4) Tính tương đương 20 giờ giảng dạy lý thuyết nếu công bố được 01 bài báo trên tạp chí khoa học có thang điểm 1 trong danh mục của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Giảng viên là nhà khoa học đầu ngành, là nhà khoa học trẻ xuất sắc trong CSGDDH được hưởng các chính sách khuyến khích, hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ (gọi tắt là Nghị định 40) và Nghị định 27/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 40/2014/NĐ-CP (gọi tắt là Nghị định 27) quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KHCN. Sau 5 năm triển khai Nghị định 40, không có hồ sơ nào đăng ký nhà khoa học đầu ngành cho thấy chính sách này chưa đi vào thực tiễn. Nghị định 27 sửa đổi nhưng vẫn có tiêu chuẩn bắt buộc của ứng viên phải là người đứng đầu về chuyên môn của bộ môn khoa học, phòng thí nghiệm hoặc tương đương trong CSGDDH, khi thôi đứng đầu về chuyên môn thì thôi là nhà khoa học đầu ngành. Các tiêu chuẩn đầu ra hàng năm khi đã đạt nhà khoa học đầu ngành còn thấp.

Giảng viên là nhà khoa học đầu ngành đứng đầu về chuyên môn trong CSGDDH được hưởng các chính sách khuyến khích, hỗ trợ thành lập nhóm nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn của mình và được cấp kinh phí cho hoạt động của nhóm nghiên cứu từ nguồn kinh phí sự nghiệp KHCN; hỗ trợ kinh phí tham gia các hội thảo, hội nghị khoa học trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình; ưu tiên giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN theo Đề án được phê duyệt.

Giảng viên là nhà khoa học trẻ tài năng trong CSGDDH được hưởng các chính sách khuyến khích, hỗ trợ như được ưu tiên tuyển chọn đào tạo bậc cao, giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN; tạo điều kiện tham gia nghiên cứu khoa học để phát huy, phát triển định hướng chuyên môn nghiên cứu; xem xét hỗ trợ kinh phí tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học thuộc lĩnh vực chuyên môn và sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, phòng thí nghiệm chuyên ngành, liên ngành để thực hiện nhiệm vụ KHCN.

Cùng với Nghị định 99, Quyết định số 2469 với các giải pháp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ nghiên cứu

trong CSGDDH như việc triển khai đồng bộ Đề án đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng; đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KHCN ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước...; định hướng nâng cao năng lực, trình độ, phương pháp nghiên cứu và kỹ năng chuyển giao công nghệ cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ nghiên cứu bằng việc mở rộng liên kết, đa dạng hóa các hình thức hợp tác với các đối tác nước ngoài và các tổ chức quốc tế có uy tín về giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và thực hiện các chính sách khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi cho nhà giáo có công bố... Nhìn chung chính sách mới mang tính định hướng chung, chưa phân theo sự khác biệt của các lĩnh vực nghiên cứu.

Mặc dù có mục tiêu là nâng cao năng lực nghiên cứu, hình thành các tập thể nghiên cứu mạnh song Thông tư 37/2014/TT-BKHCN (gọi tắt là Thông tư 37) quy định quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do quỹ phát triển KHCN quốc gia tài trợ chủ yếu hướng dẫn về quy định quản lý đề tài chứ không có hướng dẫn về nâng cao năng lực nghiên cứu hay hình thành các tập thể nghiên cứu mạnh.

Tương tự Thông tư 37, Thông tư 22/2011/TT-BGDĐT (gọi tắt là Thông tư 22) ban hành quy định về hoạt động KHCN trong CSGDDH không trực tiếp đề cập đến việc khuyến khích cán bộ giảng viên tham gia NCKH mà dừng ở quy định về khen thưởng và xử lý vi phạm theo quy định hiện hành. Mặc dù Nghị định 99 là văn bản quy phạm pháp luật quy định rõ ràng nhất về việc khuyến khích giảng viên NCKH, nhưng vẫn chưa đề cập đến việc khuyến khích các nhóm nghiên cứu cũng như hướng giải quyết các rào cản về thủ tục tài chính khi giảng viên tại các trường đại học triển khai NCKH.

b. Khuyến khích doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và hoạt động khoa học và công nghệ

Luật Giáo dục đại học 2012 có đề cập “Gắn đào tạo với nghiên cứu và triển khai ứng dụng KHCN; đẩy mạnh hợp tác giữa CSGDDH với tổ chức NCKH và với doanh nghiệp.” (Mục 4. Điều 12. Chính sách của Nhà nước về phát triển giáo dục đại học)

Hoạt động khuyến khích doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và hoạt động KHCN trong CSGDDH được Chính phủ quy định trong điều 11 Nghị định số 99, được thực hiện qua các cách thức: Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế nhập khẩu khi đầu tư phát triển tiềm lực KHCN bằng lợi nhuận trước thuế hoặc bằng lợi nhuận sau thuế, thu nhập trước thuế hoặc bằng thu nhập sau thuế; nhập khẩu trang thiết bị, máy móc nguyên vật liệu để đầu tư phát triển tiềm lực KHCN; tiến hành hoạt động chuyển giao công nghệ từ CSGDDH; ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học của CSGDDH để phát triển và đổi mới công nghệ. Các quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khi đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN trong CSGDDH được Nhà nước công nhận và bảo hộ.

Các chính sách khác cũng có đề cập đến việc khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển tiềm lực và hoạt động KH-CN nhưng chủ yếu dừng ở việc đề xuất nhiệm vụ và giải pháp “theo quy định của pháp luật” như Quyết định số 2469. Có thể thấy các chính sách khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển tiềm lực và hoạt động KH-CN còn ở mức định hướng, chưa cụ thể, chưa có những giải pháp cụ thể đối với các vấn đề phát sinh trong thực tế đầu tư vào KH-CN của các tổ chức, cá nhân vào các CSGDDH.

Với những chính sách đó, thực tế việc NCKH của giảng viên còn gặp nhiều khó khăn do chưa có chế tài đủ mạnh để động viên, thúc đẩy giảng viên tham gia NCKH. Hoạt động NCKH trong CSGDDH chỉ tập trung vào một số giảng viên, nhiều giảng viên không có giờ NCKH hoặc không thực hiện đủ khối lượng giờ NCKH theo nghĩa vụ; khối lượng giờ NCKH trung bình của giảng viên chiếm tỷ trọng thấp trong tổng khối lượng giờ quy chuẩn trong năm (Đào Ngọc Cảnh, 2018). Những khó khăn được giảng viên nêu lên là nguồn kinh phí không đủ để thực hiện đề tài NCKH, thủ tục đăng ký đề tài quá phức tạp, thủ tục thanh toán kinh phí NCKH khó khăn, rắc rối và mất nhiều thời gian.

1.3. Nhiệm vụ và quyền hạn của CSGDDH được đầu tư

Tại Điều 13, Luật khoa học và công nghệ có quy định quyền của các tổ chức khoa học và công nghệ, bao gồm:

- (1) Tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động khoa học và công nghệ trong lĩnh vực đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được Nhà nước giao biên chế.
- (2) Đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc được giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ; ký kết hợp đồng khoa học và công nghệ, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài về khoa học và công nghệ
- (3) Thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp khoa học công nghệ trực thuộc, văn phòng đại diện, chi nhánh trong nước và nước ngoài để hoạt động khoa học và công nghệ
- (4) Hợp tác, liên doanh, nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân; góp vốn bằng tiền, tài sản, giá trị quyền sở hữu trí tuệ để hoạt động khoa học và công nghệ và hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật
- (5) Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ
- (6) Công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của Luật báo chí, Luật xuất bản và quy định khác của pháp luật

- (7) Tư vấn, đề xuất ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của Nhà nước với cơ quan có thẩm quyền
- (8) Tham gia hoạt động hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ
- (9) Được chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật

Tại Điều 41, Luật số 34 có 9 khoản quy định nhiệm vụ, quyền hạn của CSGDDH ở ba nhiệm vụ, quyền hạn là: (i) ký kết hợp đồng; (ii) thực hiện nhiệm vụ; và (iii) đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KHCN. Như vậy so với luật giáo dục đại học 2012, Luật 34 đã thay cụm từ “*tự chịu trách nhiệm*” bằng “*có trách nhiệm giải trình*” trong việc ký kết hợp đồng KHCN; thực hiện các nhiệm vụ KHCN; đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KHCN.

Liên quan đến quyền hạn và nghĩa vụ của các CSGDDH trong hoạt động khoa học và công nghệ, có thể kể đến các văn bản pháp quy quan trọng như Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BKHCN ngày 06/1/2015 về Nghị định quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập,

Nhiệm vụ và quyền hạn của CSGDDH trong hoạt động KHCN được cụ thể hóa ở Nghị định 99/2014/NĐ-CP, Nghị định 99/2019/NĐ-CP và Quyết định 70/2014/QĐ-TTg. Theo đó, đã qui định rõ trách nhiệm của CSGDDH trong đầu tư vốn nhằm khuyến khích hoạt động KHCN; chi tiết hóa và hướng dẫn rõ về nhiệm vụ và trách nhiệm ban hành các qui định nội bộ liên quan đến hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu. Quyết định 70/2014/QĐ-TTg Ban hành điều lệ trường đại học qui định rõ những nhiệm vụ và quyền hạn liên quan đến hỗ trợ quyền sở hữu, chuyển giao sở hữu trí tuệ; xây dựng và triển khai cơ sở vật chất và phương tiện nhằm khuyến khích hoạt động nghiên cứu; xây dựng các nhóm nghiên cứu đa ngành, liên ngành; các hoạt động liên kết hợp tác trong và ngoài nước.

1.4. Các vấn đề khác liên quan

a. Bản quyền tác giả và sở hữu trí tuệ

Vấn đề bản quyền và sở hữu trí tuệ trong CSGDDH liên quan đến Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan; Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan, nhằm khuyến khích hoạt động sáng tạo, thúc đẩy quá trình khai thác, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ tài sản trí tuệ của cá nhân, tập thể và của chính CSGDDH; Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2008 (gọi tắt là Quyết định 78) ban hành quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong CSGDDH.

Công văn 4059/BGDĐT-KHCNMT về Hướng dẫn triển khai hoạt động sở hữu trí tuệ trong CSGDDH. Mặc dù vậy, chưa có nhiều sản phẩm trí tuệ được bảo hộ. Tỷ lệ sáng chế/ 1 triệu dân của Việt Nam rất thấp, chỉ đạt 1,24 (trong khi của Thái Lan là 3,26 và Nhật Bản là 2282, và chủ yếu tập trung ở CSGDDH).

b. Hoạt động chuyển giao công nghệ

Hiện nay, hoạt động chuyển giao công nghệ trong CSGDDH đều thực hiện theo Quyết định 78 và công văn số 1493/BGDĐT-KHCNMT ngày 17 tháng 4 năm 2018 về hoạt động chuyển giao công nghệ trong CSGD. Hoạt động này ít được thực hiện vì các nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao cần có cơ chế thông thoáng hơn, chế tài mạnh mẽ hơn. CSGDDH cần được thành lập doanh nghiệp KHCN, doanh nghiệp khởi nguồn, doanh nghiệp khởi nghiệp và cơ chế góp vốn cần được quy định cụ thể hơn.

c. Tổ chức quản lý hoạt động KHCN

CSGDDH thực hiện hoạt động KHCN theo Luật KHCN 2013 và quy định tại các Điều 39, 40, 41 và 42 của Văn bản hợp nhất số 42/VBHN-VPQH Luật Giáo dục đại học. Điều 19 Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT Ban hành qui định về hoạt động KHCN trong CSGDDH phân định rõ trường đại học thành lập các phòng (ban) KHCN (gọi chung là phòng KHCN). Các khoa, bộ môn, viện, trung tâm nghiên cứu, doanh nghiệp, các tổ chức dịch vụ KHCN và tổ chức phục vụ hoạt động KHCN sẽ trực tiếp triển khai các hoạt động KHCN. Nội dung này cũng làm rõ các tổ chức (Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng khoa, Hiệu trưởng...) thực hiện chỉ đạo, tư vấn hoạt động KHCN. Điều 20 qui định 7 nội dung quản lý hoạt động KHCN. Tuy nhiên, phòng KHCN này chưa kết nối chặt chẽ với các chuyên gia trong CSGDDH, hầu như chỉ làm công việc hành chính, chưa đủ sức tư vấn cho các nhà khoa học trong đơn vị về các nhiệm vụ chuyên môn liên quan đến hoạt động KHCN.

d. Thành lập và hoạt động của các viện, trung tâm NCKH và doanh nghiệp trong cơ sở giáo dục đại học

Nghị quyết 19-2017/NQ-CP của Chính phủ ngày 06/02/2017 về tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020 do Chính phủ ban hành có cơ chế chính sách và tạo điều kiện thuận lợi để thành lập doanh nghiệp đa sở hữu trong các trường đại học nhằm thực hiện hoạt động ứng dụng triển khai thương mại hoá các kết quả nghiên cứu và cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, nhưng chưa có hướng dẫn cho tiết thực hiện.

2. Nhận xét, đánh giá tổng hợp kết quả, tồn tại vướng mắc, nguyên nhân

2.1. Những kết quả đạt được

(1) Hệ thống chính sách phát triển hoạt động khoa học và công nghệ trong các CSGDDH đã được hình thành và hoàn thiện dần qua các năm tương đối hoàn chỉnh và có hệ thống. Được định hướng bằng các nghị quyết của Đảng, hệ thống chính sách phát triển khoa học và công nghệ bao gồm các bộ luật với Luật khoa học và công nghệ đóng vai trò trung tâm, cùng với các nghị định, quyết định, nghị quyết, thông tư, chỉ thị,... Hệ thống các văn bản pháp quy về phát triển hoạt động khoa học và công nghệ đã thiết lập cơ sở pháp lý căn bản cho các hoạt động KHCN, trong đó có đầu tư phát triển tiềm lực KHCN của CSGDDH để triển khai các hoạt động KHCN trong CSGDDH, xác định quyền hạn, trách nhiệm CSGDDH trong hoạt động KHCN và thí điểm một số nội dung đột phá.

(2) Góp phần định hướng hoạt động KHCN tại CSGDDH vào việc thực hiện các mục tiêu quan trọng phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục đại học nói riêng và giáo dục Việt Nam nói chung, giảm dần sự mất cân đối giữa hoạt động đào tạo và hoạt động KHCN trong CSGDDH, giảm bớt tình trạng phụ thuộc vào nguồn thu từ đào tạo.

(3) Góp phần thúc đẩy hoạt động KHCN tại các CSGDDH, hình thành nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh, tăng số lượng bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín. Theo báo cáo của một nhiệm vụ cấp bộ đặt hàng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cả nước hiện có 945 nhóm nghiên cứu, hoạt động theo quy định của từng CSGDDH. Năm học 2016- 2017, đã có 491 nhóm giảng dạy- nghiên cứu được thành lập. Trong đó các cơ sở giáo dục nổi bật là trường Đại học Bách khoa Hà Nội có 127 nhóm, trường Đại học Tây Nguyên có 42 nhóm, trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên có 30 nhóm, Đại học Đà Nẵng có 36 nhóm, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh có 24 nhóm, Đại học Quốc gia Hà Nội có 27 nhóm,...65,3% số giảng viên tham gia các nhóm nghiên cứu có các công bố trên các tạp chí ISI/ Scopus (Nguyễn Đình Đức và cộng sự, 2019). Từ 2017 đến tháng 6/2018 chỉ riêng các công bố quốc tế của 30 trường đại học Việt Nam hàng đầu đã đạt 10.515 bài so với 10.034 bài của toàn bộ các trường đại học Việt Nam công bố ở 5 năm giai đoạn 2011 – 2015 (Nguyễn Đình Đức, 2019). Đặc biệt, theo số liệu công bố tại Hội nghị triển khai hoạt động ngành KHCN năm 2020, năm 2019 có đến 85% công bố quốc tế là ở CSGDDH. Điều này cho thấy rõ, nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh trong CSGDDH cần được quan tâm hơn để CSGDDH Việt Nam bứt phá nhanh hơn nữa.

(4) Góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, hình thành một số trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm KHCN mạnh trong CSGDDH.

(5) Chính sách KH&CN đã góp phần tăng quyền tự chủ về nguồn kinh phí dành cho hoạt động KH&CN trong trường đại học. Nguồn kinh phí dành cho đề tài nghiên cứu KH các cấp đã tăng đáng kể nhờ các biện pháp chủ động bố trí kinh phí được trích lại từ 5% nguồn thu hợp pháp của CSGDDH. Khoản chi cho các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng tăng nhiều so với trước khi có Nghị định 99. Tác động tích cực của chính

sách KH&CN còn được thể hiện ở sự gia tăng tỷ trọng các đề tài lớn, tạo ra các sản phẩm khoa học và sản phẩm ứng dụng có giá trị, thúc đẩy hoạt động KHCN và tăng nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ.

2.2. Những vướng mắc, hạn chế và nguyên nhân

(1) Hệ thống chính sách khoa học và công nghệ trong các CSGDDH Việt Nam chưa được thiết lập một cách đồng bộ và nhất quán.

Trên thực tế, mặc dù vấn đề phát triển các hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam được định hướng trong các nghị quyết của Đảng, được quy định trong một số bộ luật như Luật Khoa học và công nghệ, Luật giáo dục đại học và các nghị định của Chính phủ song thiếu các văn bản hướng dẫn thực hiện. Các CSGDDH ở vào tình thế lúng túng khi triển khai và áp dụng, có thể vận dụng tùy cách hiểu hoặc tùy khả năng của từng CSGDDH.

Một trong những vướng mắc lớn nhất hiện nay bắt nguồn từ quan điểm xây dựng hệ thống luật và văn bản quy phạm dưới luật cho rằng các quy định trong các văn bản pháp quy không được vượt quá luật chuyên ngành. Mọi quy định nhằm cụ thể hóa, hướng dẫn thực hiện Luật Khoa học và công nghệ, các Nghị định về phát triển hoạt động khoa học và công nghệ trong các CSGDDH sẽ không có hiệu lực do vướng vào quy định “bất thành văn” này. Hầu hết các vướng mắc, rào cản liên quan đến thực hiện các chính sách về phát triển hoạt động khoa học và công nghệ ở vào tình trạng này. Ví dụ, Luật doanh nghiệp không cho phép thành lập doanh nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và y tế, dẫn đến tình trạng các CSGDDH phải “lách luật” bằng cách sử dụng người ngoài CSGDDH đứng tên thành lập doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Việc sử dụng quỹ Phát triển KH&CN liên quan đến các điều khoản trong Luật kiểm toán nhà nước, Luật kế toán. Khoản 1 Điều 11 Nghị định 99/2014 quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích KH&CN trong các CSGDDH và Điều 12 Nghị định 13/2019 về doanh nghiệp KH&CN đều quy định việc miễn giảm thuế thu nhập của doanh nghiệp KH&CN nhưng khi thực hiện lại vướng quy định trong Luật thuế vì luật thuế không có điều khoản nào quy định việc miễn giảm thuế thu nhập của doanh nghiệp KH&CN.

Tình trạng trên dẫn đến sự lúng túng của các CSGDDH khi triển khai các hoạt động KH & CN, cản trở sự phát triển, thậm chí dẫn đến sự bế tắc trong hoạt động KH và CN của các CSGDDH.

(2) Vướng mắc về thực hiện quyền tự chủ của CSGDDH trong hoạt động KHCN

Luật khoa học và công nghệ 2013, Luật số 34 đã quy định rõ quyền tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ nói chung và của CSGDDH nói riêng. Cụ thể hơn, Nghị định 99 xác nhận quyền hạn của CSGDDH được tự chủ quyết định việc đào tạo, tuyển dụng, sử dụng đãi ngộ ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, cán bộ quản lý KHCN, tự chủ

quyết định hạng mục đầu tư trong tổng số vốn đầu tư phát triển tiềm lực KHCN được giao nhưng vướng các điều khoản về tuyển dụng sử dụng đãi ngộ trong Luật Cán bộ công chức (2019) và Luật viên chức (2019), Luật lao động liên quan đến sử dụng lao động là người nước ngoài. Luật đầu tư công, chưa có nghị định về tự chủ đại học quy định cụ thể quyền tự chủ của CSGDDH trong hoạt động KHCN.

Đối với các trường đại học tự chủ đầy đủ và toàn diện, việc quy định dành 5% nguồn thu hợp pháp cho hoạt động NCKH là không phù hợp do các trường tự chủ có quyền tự quyết định khoản kinh phí này. Hơn thế nữa, khái niệm “nguồn thu hợp pháp” lại không được định nghĩa cụ thể gây lúng túng cho các CSGDDH khi xác định tổng số tiền thu từ các nguồn được gọi là “hợp pháp.” Ngoài ra, do không có văn bản hướng dẫn thực hiện cụ thể, các CSGDDH cũng lúng túng hoặc có những cách thức khác nhau trong xác định các khoản chi cho nghiên cứu khoa học của sinh viên, chi thưởng cho các bài báo công bố trên các tạp chí ISI, SCI, SCIE, chi hỗ trợ nhóm nghiên cứu xuất sắc, hỗ trợ tham gia các hội thảo, hội nghị quốc tế trong nước và nước ngoài.

(2) Vướng mắc về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm KHCN

Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định “Tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ ngân sách cấp là tài sản công. Việc quản lý, sử dụng thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.” Như vậy Nghị định này không cho phép sử dụng tài sản công để góp vốn thành lập doanh nghiệp. Quy định về sở hữu trí tuệ cũng chưa đủ khuyến khích để có nhiều sáng chế, giải pháp hữu ích được đăng ký. Chính sách về thương mại hóa sản phẩm cũng còn khó khăn, chưa có chế tài về phân chia lợi ích đối với các sản phẩm khoa học được tạo ra từ ngân sách nhà nước khi thương mại hóa, chuyển giao công nghệ.

Trên thực tế khi thực hiện Quyết định 78 phát sinh ba vấn đề lớn cần làm rõ. Một là, xử lý về quyền tác giả đối với các sản phẩm NCKH và PTCN trong các dự án sử dụng ngân sách của trường hoặc nguồn ngân sách khác thông qua trường (có thỏa thuận bằng văn bản xác nhận). Hai là, xác định tỉ lệ về quyền sở hữu trí tuệ của giảng viên, nghiên cứu viên sử dụng thời gian làm việc hành chính để tạo ra tài sản trí tuệ. Ba là, phân chia lợi ích giữa tác giả và chủ sở hữu trong hoạt động thương mại hóa các sản phẩm KHCN tại CSGDDH.

Về cơ bản các văn bản về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ chưa đầy đủ, chưa có hướng dẫn chi tiết các vấn đề thực tiễn đặt ra, nên chưa thúc đẩy được hoạt động chuyển giao công nghệ. Hệ lụy dẫn đến là CSGDDH thiên nhiều về nghiên cứu cơ bản, thiếu vắng các nghiên cứu ứng dụng ngay cả ở CSGDDH mạnh về kỹ thuật công nghệ. Sự

gắn kết trong nghiên cứu với doanh nghiệp chưa cao, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn. Cần có những chính sách nhằm thúc đẩy mối quan hệ giữa doanh nghiệp - nhà trường - xã hội trong mọi hoạt động nghiên cứu, chuyển giao. Trong đó, cần có chế tài bắt buộc các doanh nghiệp phải sử dụng Quỹ phát triển KH-CN của doanh nghiệp để đặt hàng CSGDDH nghiên cứu, cải tiến, phát triển, đổi mới công nghệ và/hoặc nhận chuyển giao công nghệ từ CSGDDH.

(3) Rào cản trong đầu tư phát triển tiềm lực khoa học công nghệ

Nghị định 99 quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực KH-CN được ưu tiên đầu tư cho CSGDDH có tiềm lực nghiên cứu, hoàn thành các nhiệm vụ KH-CN, có doanh nghiệp KH-CN hoặc trung tâm NCKH,... nhưng các quy định hiện hành về phân bổ và quản lý ngân sách sự nghiệp KH-CN vẫn theo hướng bình quân chủ nghĩa, không gắn với sản phẩm về KH-CN được ứng dụng cũng như số lượng các nhà khoa học tại các cơ sở nghiên cứu. Đầu tư manh mún, thiếu trọng điểm, cào bằng, thiếu căn cứ, dàn trải. Nhiều ý kiến cho rằng không nên cào bằng đầu tư mà mỗi lĩnh vực nghiên cứu cần có những chính sách khác nhau - Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc của giảng viên không khuyến khích giảng viên dành thời gian và sức lực cho nghiên cứu với quy định số giờ chuẩn cần đạt được trong một năm học là 270 giờ chuẩn trong đó tối thiểu đạt 50% số giờ đứng lớp.

Một vướng mắc khác, Nghị định 99 quy định về miễn thuế thu nhập cá nhân cho các khoản thu nhập từ hoạt động khoa học công nghệ nhưng không có quy định thực hiện từ cơ quan quản lý về thuế nên không thể áp dụng điều khoản này ở các CSGDDH.

Một trong những vấn đề lớn trong đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong các CSGDDH là thu hút đầu tư của các tổ chức và cá nhân do không có các quy định cụ thể về phương thức huy động, chính sách khuyến khích, cơ chế phân chia lợi ích, các quy định về tác quyền và sở hữu trí tuệ,... Các doanh nghiệp không nhận thấy lợi ích rõ ràng và được đảm bảo của đầu tư vào các dự án nghiên cứu khoa học, dự án ứng dụng và chuyển giao công nghệ giữa CSGDDH và doanh nghiệp.

(4) Vướng mắc trong xây dựng và phát triển các nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh

Một trong những vấn đề nổi cộm là xây dựng nhóm nghiên cứu (NNC) và nhóm nghiên cứu mạnh (NNCM) ở CSGDDH. Bộ KH&CN đã ban hành Thông tư số 37/2014/TT-BKH-CN Quy định quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ trong đó có ghi: “Đối với nhóm nghiên cứu mạnh, ngoài các yêu cầu quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này, phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: a) Chủ nhiệm đề tài có kết quả công bố trên các tạp chí ISI có uy tín phù hợp trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ, có khả năng tập hợp được nhiều nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao tham gia thực hiện đề tài, duy trì được hợp tác

nghiên cứu khoa học thường xuyên với các nhóm nghiên cứu quốc tế cùng ngành, liên ngành; b) Có ít nhất 02 thành viên nghiên cứu chủ chốt của đề tài đáp ứng yêu cầu của chủ nhiệm đề tài nêu tại Khoản 2 Điều này; c) Tổ chức chủ trì đề tài có đủ điều kiện về cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực nghiên cứu và cam kết hỗ trợ trong thời gian thực hiện nghiên cứu.”

Liên quan đến việc xây dựng và phát triển NNC có các văn bản Quyết định số 2395/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25/12/2015 Phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước. Bộ KH&CN đã ban hành Thông tư số 13/2016/TT-BKH&CN ngày 30/6/2016 Quy định quản lý Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước.

Theo đánh giá của nhiều nhà khoa học và nhà quản lý (Trao đổi giữa Bộ Giáo dục – Đào tạo và Đại học Thái Nguyên về dự thảo Nghị định Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các CSGDDH, 21/7/2020) cho rằng tiêu chuẩn của các NNCM được đặt ra ở mức cao khó có thể đáp ứng so với thực tế của nhiều CSGDDH trong cả nước hiện nay.

Đến nay, thông tư quy định hướng dẫn phát triển NNCM trong CSGDDH vẫn là bản dự thảo, mặc dù năm 2019 đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong toàn hệ thống CSGDDH Việt Nam và các bộ ngành có liên quan. Việc đầu tư cho các nhóm nghiên cứu hầu như không có hoặc đầu tư không đủ hoặc không đồng bộ trong khi đó kinh phí cấp cho các đề tài nghiên cứu rất eo hẹp, việc cấp phát chậm và thủ tục giải ngân phức tạp làm nản lòng các nhà nghiên cứu. Kinh phí hỗ trợ nhóm nghiên cứu từ các CSGDDH nếu có cũng rất khiêm tốn, mang ý nghĩa động viên nhiều hơn. Ví dụ, trường đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội hỗ trợ 50 triệu đồng/1 nhóm nghiên cứu/năm, trường đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội hỗ trợ 20 triệu – 30 triệu đồng /nhóm nghiên cứu/năm.

Việc quy định độ tuổi của trưởng nhóm nghiên cứu và quyền hạn của trưởng nhóm nghiên cứu trong việc sử dụng tuyển dụng cộng tác viên, sử dụng kinh phí đã được duyệt bị giới hạn bởi các quy định trong các bộ luật và các văn bản pháp quy khác có liên quan, không tạo ra được đột phá. Các vấn đề khác về tiêu chí của nhóm nghiên cứu mạnh, tiêu chuẩn trưởng nhóm nghiên cứu và thành viên chủ chốt bên cạnh trưởng nhóm, chế độ ưu đãi, thủ tục công nhận mới, công nhận lại Nhóm nghiên cứu

Việc chậm ban hành các chính sách cụ thể và mạnh mẽ để hỗ trợ và thúc đẩy sự hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu dẫn đến tồn tại các khoảng trống chính sách và giải pháp. Theo Nguyễn Đình Đức (2019), nhiều vấn đề nổi cộm trong xây dựng nhóm nghiên cứu như tiêu chí công nhận nhóm nghiên cứu cấp CSGDDH, cấp quốc gia và cấp quốc tế, cơ chế cấp kinh phí nặng về hành chính, quyền hạn của trưởng nhóm

nghiên cứu bị hạn chế,... Trong khi đó, CSGDDH ở khu vực tư nhân dễ ban hành các chính sách đối với nhóm nghiên cứu và chính vì vậy, gần đây một số đại học tư đã có nhiều công bố quốc tế hơn, thậm chí đã lọt vào danh sách xếp hạng của khu vực.

Cần có những chính sách khác nhau đối với các nhóm nghiên cứu thuộc các lĩnh vực khác nhau, mức đầu tư hợp lý, không cao bằng. Có thể chia nhóm nghiên cứu thành 3 loại là nhóm nghiên cứu cấp trường, nhóm nghiên cứu cấp quốc gia, nhóm nghiên cứu quốc tế. Từ đó sẽ đưa ra những chính sách đầu tư và yêu cầu chuẩn đầu ra cho phù hợp với từng nhóm nghiên cứu (Nguyễn Đình Đức, 2019). Việc phát triển các nhóm nghiên cứu trong các CSGDDH cần có tính dẫn dắt, có quy hoạch và tiếp cận từ trên xuống, không nên cao bằng, triển khai theo phong trào “trăm hoa đua nở.”

(5) Vương mắc trong các quy định về hoạt động của doanh nghiệp KH&CN, trung tâm nghiên cứu khoa học

Hiện nay các văn bản về thành lập và hoạt động của các viện, trung tâm NCKH và doanh nghiệp trong CSGDDH chưa có hướng dẫn riêng và cụ thể, đặc biệt là thiếu các chính sách nhằm khuyến khích hơn nữa các viện, trung tâm NCKH và các doanh nghiệp phát huy khả năng nghiên cứu và chuyển giao các kết quả NCKH trong nhà trường. Chưa có quy định phù hợp để khuyến khích việc chuyển giao công nghệ thông qua các tổ chức KHCN trong CSGDDH (nhiều công nghệ do cá nhân nhà khoa học mang ra khỏi CSGDDH để thực hiện chuyển giao công nghệ).

Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 1/2/2019 về doanh nghiệp khoa học và công nghệ có các điều 6 về điều kiện cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN, điều 7 về thủ tục, hồ sơ đề nghị chứng nhận doanh nghiệp KH&CN, điều 12 về miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, điều 13 về miễn giảm tiền thuê đất mặt nước, điều 14 về ưu đãi tín dụng cho doanh nghiệp KH&CN thực hiện hoạt động khoa học, phát triển công nghệ và sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, đến nay, vẫn chưa có các văn bản hướng dẫn cụ thể thực hiện Nghị định 13/2019 từ các cơ quan quản lý. Trên thực tế, việc thành lập doanh nghiệp KH&CN phải đáp ứng rất nhiều thủ tục phiền hà, không có quy định cụ thể miễn giảm thuế, ưu đãi tín dụng dẫn đến các quyết định của cơ quan quản lý mang tính cảm tính, theo cách hiểu và thậm chí là theo cảm hứng của người ra quyết định.

Việc thực thi Luật Sở hữu trí tuệ tại nhiều địa phương chưa nghiêm túc, tình trạng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ vẫn diễn ra tại nhiều nơi. Hơn thế nữa, thủ tục đăng ký quyền sở hữu trí tuệ rất phiền hà, kéo dài trong nhiều năm.

Bộ KH&CN có quá nhiều cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về doanh nghiệp KH&CN, nhưng lại chưa có các biện pháp quyết liệt nhằm phát triển hệ thống doanh nghiệp KH&CN. Theo Nghị định 115, một trong những hướng phát triển cần

thực hiện là chuyển đổi các tổ chức KH&CN công lập sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hoặc chuyển sang thành lập các doanh nghiệp KH&CN, song việc thực hiện chuyển đổi này diễn ra rất chậm và không được kiểm soát. Mặt khác, các Vườn ươm doanh nghiệp KH&CN đang trong tình trạng thiếu nguồn chuyên gia tư vấn chuyên nghiệp, nên chưa hỗ trợ kịp thời cho các “hạt giống” nảy mầm và phát triển (TS Nguyễn Văn Anh và cộng sự, 2014).

(6) Vướng mắc trong triển khai các hoạt động KHCN trong CSGDDH

Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ban hành Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học được ban hành trước khi Nghị định 99 ra đời và có hiệu lực. Một số nội dung trong thông tư này không phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện hiện hành. Cụ thể, chương III có các điều từ Điều 10 đến Điều 18, quy định việc thực hiện nhiệm vụ, đánh giá nghiệm thu và công bố kết quả thực hiện; hoạt động sở hữu trí tuệ ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; đào tạo và nâng cao trình độ cán bộ quản lý và nghiên cứu khoa học, đầu tư phát triển, tăng cường năng lực nghiên cứu,... Các nội dung được thể hiện ở đây khá sơ sài, đơn giản và rất chung chung gây khó khăn cho các trường đại học khi vận dụng. Rất nhiều nhiệm vụ được quy định nhưng không có các điều kiện thực hiện đi kèm. Hiện tại, thông tư này vẫn còn hiệu lực.

Hiện nay CSGDDH chưa thống nhất về tên gọi, chức năng, nhiệm vụ, phân công công việc, chức danh của các vị trí của các đơn vị quản lý KHCN, do vậy việc thực hiện các nội dung của hoạt động KHCN chưa hiệu quả và rõ ràng.

Các văn bản quy phạm pháp luật khác đã viện dẫn ở trên cũng chưa có hướng dẫn cụ thể, gắn với quá trình thực thi nên đã có quy định trong Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ nhưng không vào được thực tiễn.

(7) Vướng mắc trong hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ giữa các CSGDDH và doanh nghiệp

Thiếu các văn bản pháp quy xác định cụ thể quyền lợi và trách nhiệm của các bên trong hợp tác NCKH và PTCN, các thủ tục khi xảy ra tranh chấp giữa các bên. Gần đây, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 (gọi tắt là Quyết định 844) phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” và Quyết định 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 (gọi tắt là Quyết định 1665) phê duyệt Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”. Trong cả hai Quyết định 844 và 1665 đều chưa đánh giá đúng vai trò của các giảng viên trong CDGDDH, trong chu trình chuyển hóa ý tưởng nghiên cứu và thực hiện ý tưởng nghiên

cứu trong phòng thí nghiệm, sau đó thử nghiệm, trước khi triển khai vào thực tiễn. Do đó, trong hoạt động đổi mới sáng tạo, nhất thiết phải đặt đúng vị trí của nhà khoa học mới thúc đẩy được nhiều ý tưởng mới; có chế tài đối với doanh nghiệp bắt buộc dành kinh phí đặt hàng các nhà khoa học nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ của chính doanh nghiệp. Mối quan hệ này là mối quan hệ hữu cơ, nhưng ở Việt Nam đang thiếu chế tài buộc họ phải chủ động đến với nhau, thực tế vẫn chỉ là “khuyến khích”.

(8) Vương mắc trong đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm

Trong hệ thống các văn bản hiện hành, thiếu các văn bản quy định về tiêu chí đánh giá hiệu quả của các phòng thí nghiệm, chưa có chế tài quy định rõ trách nhiệm của CSGDDH sau đầu tư, vì vậy CSGDDH hầu như “khoán trắng” cho phòng thí nghiệm. Chưa có quy định cấp kinh phí cho phòng thí nghiệm để thực hiện nghiên cứu, hầu như chưa có “đặt hàng” nghiên cứu sau đầu tư, quản lý phòng thí nghiệm “đóng”, thậm chí “đóng” cả với bộ môn trong cùng một khoa, viện đào tạo/ nghiên cứu. Chưa có chiến lược đầu tư và dành nguồn lực đầu tư thực sự cho những CSGDDH cần đầu tư. Do đó, tình trạng đầu tư không đúng trọng điểm, phân tán tiếp tục diễn ra và cơ chế “xin – cho” vẫn tồn tại.

(9) Những tác động khác

- Quá chú trọng đến khuyến khích trả tiền cho bài báo công bố quốc tế dẫn đến số lượng bài báo đăng tải trên tạp chí quốc tế ISI uy tín cao giảm đi trong khi số lượng bài báo đăng trên tạp chí quốc tế ISI uy tín thấp tăng lên.

- Quá chú trọng đến khuyến khích sản phẩm khoa học là bài báo khoa học mà chưa quan tâm đến khuyến khích các sản phẩm khoa học là các sáng chế và giải pháp hữu ích ứng dụng vào thực tiễn.

- Không tác động đến việc khởi nghiệp từ khoa học cho sinh viên trong CSGDDH. Nghị định 99 có chính sách hỗ trợ giảng viên NCKH, hỗ trợ đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm khoa học là sáng chế, giải pháp hữu ích nhưng không có điều khoản nào quy định về mức khuyến khích - hỗ trợ cho sinh viên khởi nghiệp từ NCKH.

- Các CSGDDH chưa chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, nhóm nghiên cứu, nghiên cứu khoa học của sinh viên, tổ chức hội thảo trong khi quá chú trọng vào khuyến khích công bố bài báo quốc tế.

3. Đề xuất, kiến nghị

Từ thực trạng chính sách hiện nay về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, có thể nhận thấy rằng đang tồn tại nhiều vấn đề vướng mắc, sự bất cập cần được giải quyết. Hệ thống chính sách về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở

giáo dục đại học ở Việt Nam cần được hoàn thiện để giải quyết các vướng mắc, bất cập nêu trên. Một số kiến nghị cụ thể được trình bày dưới đây

Một là, sớm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp quy về hoạt động KH&CN trong các CSGDDH đặc biệt là văn bản Nghị định về hoạt động KH&CN trong các CSGDDH. Đồng bộ hóa các quy định liên quan đến thực hiện quyền tự chủ của các CSGDDH trong một văn bản pháp quy duy nhất.

Hai là, hoàn thiện các văn bản pháp quy về đầu tư cho các hoạt động KH&CN trong các CSGDDH bao gồm các chính sách thu hút đầu tư cá nhân, chính sách xây dựng các phòng thí nghiệm chuyên ngành và đa ngành; chính sách xây dựng các nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh trong các CSGDDH. Trong đó, các quy định cụ thể về tiêu chí phân loại phòng thí nghiệm, đánh giá hoạt động của phòng thí nghiệm và các biện pháp chế tài đối với hoạt động của phòng thí nghiệm cần sớm được ban hành. Các quy định cụ thể về tiêu chí lựa chọn trưởng nhóm nghiên cứu, phân loại nhóm nghiên cứu và xác định lĩnh vực nghiên cứu được ưu tiên,... cũng cần được cụ thể hóa và ban hành.

Ba là, xây dựng chính sách nhằm thúc đẩy mối quan hệ giữa doanh nghiệp - nhà trường - xã hội trong hoạt động nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ. Trong đó, cần có chế tài buộc các doanh nghiệp phải sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp để đặt hàng CSGDDH nghiên cứu, cải tiến, phát triển, đổi mới công nghệ và/hoặc nhận chuyển giao công nghệ từ CSGDDH. Đồng thời, quy định cụ thể về hoạt động của doanh nghiệp KH&CN, trung tâm NCKH trong đó làm rõ cơ chế hoạt động, trách nhiệm và quyền hạn của các bên, phân chia lợi ích hoặc thiệt hại trong hoạt động của doanh nghiệp KH&CN và trung tâm NCKH trong các CSGDDH.

Bốn là, cần có những chính sách phân biệt đối với các nhóm nghiên cứu thuộc các lĩnh vực khác nhau. Các chính sách đầu tư cần hợp lý, không cào bằng. Có thể chia nhóm nghiên cứu thành ba loại là nhóm nghiên cứu cấp trường, nhóm nghiên cứu cấp quốc gia, nhóm nghiên cứu quốc tế. Tuy nhiên, cần có các tiêu chí phân loại các nhóm nghiên cứu trên và làm rõ cơ sở khoa học, từ đó đưa ra những chính sách đầu tư và yêu cầu chuẩn đầu ra cho phù hợp với từng nhóm nghiên cứu. Việc phát triển các nhóm nghiên cứu trong các CSGDDH cần có tính dẫn dắt, có quy hoạch và tiếp cận từ trên xuống, không nên cào bằng, triển khai theo phong trào “trăm hoa đua nở.”

Năm là, khuyến khích CSGDDH, cán bộ, viên chức và người học có giải pháp sáng tạo thành lập doanh nghiệp khởi nguồn (spin-off), ban hành quy định về chuyển nhượng doanh nghiệp khởi nguồn cho các tổ chức, cá nhân ngoài CSGDDH, từ đó thúc đẩy đăng ký sáng chế. Cho phép sử dụng sáng chế đã được cấp bằng để góp vốn xây dựng doanh nghiệp, khi doanh nghiệp thành công thì chuyển nhượng cho doanh nghiệp để tạo nguồn thu cho CSGDDH.

chinh-kinh-doanh/nghien-cuu-va-chuyen-giao-khoa-hoc-cong-nghe-tu-truong-dai-hoc-den-doanh-nghiep-318250.html.

15. Đào Ngọc Cảnh (2018), *Thực trạng và giải pháp đẩy mạnh hoạt động NCKH của Giảng viên trường Đại học Cần Thơ*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Tập 54, Số 7C (2018): 117-121.
16. Nguyễn Đình Đức, “*Thực trạng xây dựng và phát triển các nhóm nghiên cứu trong các trường đại học ở Việt Nam hiện nay*”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển KH&CN trong các CSGDDH, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019.
17. Nguyễn Thị Minh Nga, Phạm Quang Trí, Phạm Hồng Trang, (2016) *Chính sách phát triển tiềm lực KH&CN trong các trường đại học Việt Nam*, JSTPM Tập 5, số 4, 2016
18. Nguyễn Văn Anh, Nguyễn Hồng Hà, Lê Vũ Toàn, 2014, *Doanh nghiệp khoa học và công nghệ Việt Nam: Thực trạng và giải pháp phát triển*, JSTPM, tập 3, số 3, 2014
19. Quốc hội, Luật cán bộ công chức 2019.
20. Quốc hội, Luật đầu tư công, Luật số 39/2014/QH14
21. Quốc hội, Luật giáo dục đại học 2012.
22. Quốc hội, Luật khoa học và công nghệ 2013
23. Quốc hội, Luật quản lý, sử dụng tài sản công 2017.
24. Quốc hội, Luật sở hữu trí tuệ năm 2005.
25. Quốc hội, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 2018.
26. Quốc hội, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2009.
27. Quốc hội, Luật viên chức 2010.
28. Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011- 2020.
29. Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong CSGDDH.
30. Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giảng viên.
31. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”.
32. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025.”
33. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 2245/QĐ-TTg ngày 11/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành KH&CN đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
34. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 2469/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ nghiên cứu và đổi mới hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ trong CSGDDH và giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2017 – 2025."

35. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/1/2019 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các CSGDDH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2030.
36. Trần Thị Hồng, (2017), *Tác động của Nghị định 99/2014/NĐ-CP đến hoạt động KH&CN tại Đại học Thái Nguyên*, JSTPM tập 6, Số 3, 2017.
37. Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Quốc hội, *Báo cáo Giám sát việc phân bổ và sử dụng ngân sách KH&CN giai đoạn 2011- 2015*.
38. Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BKH&CN ngày 6/1/2015, Nghị định quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN.
39. Vũ Văn Tích và cộng sự, 2016, Báo cáo đánh giá hoạt động KH-CN trong các cơ sở giáo dục ĐH giai đoạn 2011 – 2016, Tại Hội nghị “Phát triển KH&CN trong các cơ sở giáo dục đại học giai đoạn 2017-2025.”



Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2020

DANH SÁCH GÓP Ý CÁC BỘ NGÀNH
V/v Dự thảo Nghị định quy định
về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục

STT	Bộ, ngành	Số công văn
1	Bộ Khoa học và Công nghệ	Công văn số 2265/BKH-CN-XNT ngày 3/8/2020
2	Bộ Tài chính	Công văn số 9518/BTC-HCSN ngày 7/8/2020
3	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Công văn số 4333/BKHĐT-KHGDTNMT ngày 07/7/2020
4	Bộ Ngoại giao	Công văn số 2658/BNG-HVNG ngày 07/8/2020
5	Bộ Nội vụ	Công văn số 3384/BNV-TCCB ngày 08/7/2020
6	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Công văn số 2460/BVHTTDL-ĐT ngày 02/7/2020
7	Bộ Thông tin và Truyền thông	Công văn số 2450/BTTTT-KHTC ngày 02/7/2020
8	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công văn số 4440/BNN-KHCN ngày 01/7/2020
9	Bộ Quốc phòng	Công văn số 2307/BQP-TM ngày 01/7/2020
10	Bộ Giao thông Vận tải	Công văn số 6388/BGTVT-TCCB ngày 01/7/2020
11	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Công văn số 3798/BTNMT-KHCN ngày 15/7/2020
12	Bộ Xây dựng	Công văn số 3314/BXD-TCCB ngày 08/7/2020
13	Bộ Công thương	Công văn số 5219/BCT-KHCN ngày 17/7/2020



Ký bởi: Bộ Khoa học và Công nghệ
Ngày ký: 04.08.2020 09:13:44
+07:00

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 2265 /BKHCN - XNT

Vv góp ý dự thảo Nghị định quy định
hoạt động khoa học và công nghệ
trong các cơ sở giáo dục đại học

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2020

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phúc đáp Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đề nghị góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, sau khi nghiên cứu dự thảo, Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến như sau:

1. Thống nhất về sự cần thiết việc ban hành Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học với mục đích nhằm phát triển hoạt động khoa học và công nghệ và một số điểm mới như: việc khuyến khích các trường đại học thành lập doanh nghiệp hoặc chuyển đổi các tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc thành doanh nghiệp theo quy định hiện hành; có cơ chế xem xét, công nhận và đầu tư cho nhóm nghiên cứu mạnh, khuyến khích việc thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học,... Về cơ bản đây là những nội dung phù hợp với chủ trương, định hướng và chính sách phát triển khoa học và công nghệ hiện hành.

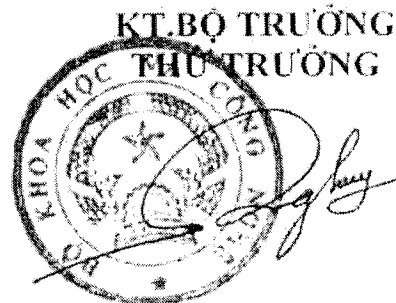
2. Ý kiến cụ thể về dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định được nêu tại Phụ lục kèm theo Công văn.

3. Trên cơ sở ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục rà soát các nội dung của dự thảo Nghị định, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ để trao đổi, thảo luận trực tiếp về từng nội dung trong dự thảo (nếu cần thiết).

Trên đây là ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, kính gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp./.

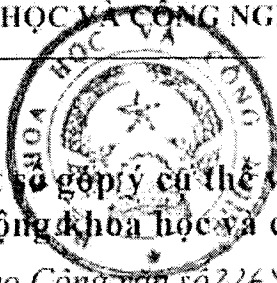
Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, XNT.



Nguyễn Hoàng Giang





Phụ lục

Một số góp ý cụ thể về nội dung dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học

(Kèm theo Công văn số 2265/BKHCN-XNT ngày 03 tháng 8 năm 2020)

I. Về dự thảo Tờ trình

Một số quy định được trích dẫn trong nội dung dự thảo Tờ trình không chính xác, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại, cụ thể:

- Tại trang 1, khổ thứ nhất, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, sửa đổi “Theo Khoản 1 Điều 24” thành “Theo khoản 24 Điều 1” của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018.

- Theo Luật Giáo dục đại học năm 2012, các quy định về hoạt động khoa học và công nghệ được quy định tại Chương V về hoạt động khoa học và công nghệ bao gồm 04 Điều: Điều 39, 40, 41, và 42. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung Điều 42 tại khổ thứ 3, trang 1, Mục I về sự cần thiết ban hành Nghị định.

II. Về dự thảo Nghị định

1. Về kết cấu

Ban soạn thảo nên xem xét, cân nhắc cấu trúc một chương riêng về Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ (KH&CN) trong các cơ sở giáo dục đại học (CSGDDH) (Chương III) trên cơ sở các quy định tại Điều 6 (Nhóm nghiên cứu và Nhóm nghiên cứu mạnh trong các CSGDDH), Điều 13 (Đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động KH&CN trong các CSGDDH), Điều 14 (Quỹ phát triển KH&CN trong các CSGDDH), Điều 15 (Tài chính cho hoạt động KH&CN), Điều 16 (kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN), Điều 17 (Tài sản từ hoạt động KH&CN). Nên cân nhắc gộp Chương III về Tổ chức thực hiện với Chương IV về Điều khoản thi hành thành Chương IV.

Như vậy, Nghị định sẽ gồm 4 Chương: Chương I (Điều khoản chung), Chương II (Hoạt động KH&CN trong các CSGDDH), Chương III (Phát triển tiềm lực KH&CN trong các CSGDDH), Chương IV (Điều khoản thi hành).

2. Về giải thích từ ngữ tại Điều 2 của dự thảo

- Khoản 2 đã có giải thích “Hoạt động KH&CN trong CSGDDH” dựa theo Luật khoa học và công nghệ. Tuy nhiên, cần bổ sung “*dịch vụ khoa học và công nghệ*” để tương thích với định nghĩa về “hoạt động KH&CN” được nêu trong Luật khoa học và công nghệ năm 2013.

- Một số nội dung của dự thảo Nghị định có đề cập đến hoạt động đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu bổ sung giải thích từ ngữ “hoạt động đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học”.

3. Về Tổ chức KH&CN trong các CSGDDH tại Điều 4 của dự thảo

- Nên cân nhắc gộp khoản 1, khoản 2 và nêu rõ khái niệm về tổ chức KH&CN trong các CSGDDH và loại hình thức tổ chức. Tại Khoản 1, đề nghị bổ sung: “... và các tổ chức khoa học và công nghệ khác được thành lập và *đăng ký* theo quy định của pháp luật *hiện hành*”.

- Khoản 2, đề nghị cân nhắc bổ sung các quyền của tổ chức KH&CN đã được nêu tại Nghị định số 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập. Ví dụ: Trực tiếp quyết định việc mời chuyên gia, các nhà khoa học nước ngoài vào Việt Nam và cử cán bộ ra nước ngoài công tác hoặc Quyết định việc đầu tư phát triển từ vốn vay, vốn huy động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của tổ chức khoa học và công nghệ.

- Khoản 3, đề nghị bổ sung: “... quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học, quyết định thành lập, *sáp nhập, chia, tách* và giải thể tổ chức khoa học và công nghệ ...”.

4. Về doanh nghiệp KH&CN trong các CSGDDH tại Điều 5 của dự thảo

- Khái niệm doanh nghiệp KH&CN trong CSGDDH cần xem xét bổ sung nội dung để làm rõ việc hình thành doanh nghiệp KH&CN trong CSGDDH dựa theo cơ sở luật pháp hiện hành và có dẫn chiếu văn bản pháp luật liên quan.

- Tại khoản 1 quy định: “khuyến khích CSGDDH thành lập doanh nghiệp KH&CN đa sở hữu theo quy định hiện hành”. Tuy nhiên hiện nay chưa có văn bản nào quy định về loại hình “doanh nghiệp KH&CN đa sở hữu”, vì vậy cần định nghĩa rõ hơn cụm từ “doanh nghiệp KH&CN đa sở hữu”. Ngoài ra, tại Khoản 1, đề nghị bổ sung: “Khuyến khích CSGDDH thành lập và *đăng ký* doanh nghiệp...”.

- Đề nghị xem xét, bổ sung vào Điều 5: (1) Được giao quyền sử dụng kết quả KH&CN được hình thành từ nhiệm vụ KH&CN thuộc ngân sách nhà nước để thương mại hóa và chứng nhận doanh nghiệp KH&CN theo quy định; (2) Việc đăng ký chứng nhận doanh nghiệp KH&CN trong các CSGDDH được thực hiện theo Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN.

5. Quy định về Nhóm nghiên cứu và Nhóm nghiên cứu mạnh tại Điều 6 của dự thảo

- Các nội dung quy định mới tập trung vào các nhóm có cùng hướng nghiên cứu mang tính chuyên môn sâu chưa đề cập đến nhóm nghiên cứu có tính chất đa

ngành, liên ngành. Do vậy, nội dung quy định tại Điều 6 nên hiệu chỉnh, bổ sung để có thể hàm chứa được đầy đủ tính chất và đặc thù của các nhóm nghiên cứu nêu trên.

- Đối với yêu cầu về nhân lực tham gia nhóm nghiên cứu mạnh (khoản 2), đề nghị xem xét mở rộng tiêu chí để có thể đáp ứng và phù hợp với các sản phẩm công nghệ hiện đại thường yêu cầu tính liên ngành cao.

- Điểm a Khoản 3, đề nghị chỉnh sửa: "...các tiêu chuẩn được quy định tại **Khoản 4 Điều này ...**".

- Điểm b Khoản 4, đề nghị xem xét việc bổ sung thành viên chủ chốt từ các viện nghiên cứu. Điều này giúp thúc đẩy mối liên kết giữa viện nghiên cứu và các cơ sở giáo dục đại học.

- Nên bỏ khoản 6 và bổ sung thông tin chi tiết quy định về nhóm nghiên cứu thay vì dự kiến, sẽ có một văn bản hướng dẫn khác của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa cụm từ "cán bộ, viên chức và người học tại các cơ sở giáo dục đại học" thành "viên chức, người làm việc và sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh tại các cơ sở giáo dục đại học" để đảm bảo chính xác.

6. Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ, tài sản góp vốn thành lập doanh nghiệp theo các quy định tại Điều 5, Điều 7, Điều 17 của dự thảo

- Hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học quy định tại Điều 5 cần được chỉnh sửa, làm rõ và dẫn chiếu đến các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ (Luật Sở hữu trí tuệ, Nghị định hướng dẫn).

- Điều 7: Đề nghị cân nhắc bổ sung nguyên tắc giao toàn bộ hoặc một phần quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cho các đơn vị nghiên cứu có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của Luật khoa học và công nghệ năm 2013.

- Về tài sản góp vốn: Theo quy định của Luật khoa học và công nghệ, cụ thể tại Điều 58, Doanh nghiệp KH&CN phải đáp ứng được các điều kiện, trong đó phải là "doanh nghiệp được thành lập, đăng ký kinh doanh, tổ chức quản lý và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp". Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 35 quy định về tài sản góp vốn thành lập doanh nghiệp như sau:

1. Tài sản góp vốn có thể là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam.

2. Quyền sở hữu trí tuệ được sử dụng để góp vốn bao gồm quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với

giống cây trồng và các quyền sở hữu trí tuệ khác theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Chỉ cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu hợp pháp đối với các quyền nói trên mới có quyền sử dụng các tài sản đó để góp vốn.

Do đó đề nghị cơ quan soạn thảo lược bỏ quy định góp vốn bằng giá trị thương hiệu tại khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định bởi đây không phải là loại tài sản góp vốn được luật quy định (lưu ý thương hiệu không phải là khái niệm luật định và không thuộc điều chỉnh của Luật Sở hữu trí tuệ), cụ thể là “Cơ sở giáo dục đại học được góp vốn bằng *tài sản trí tuệ* có nguồn gốc ngân sách nhà nước... để thành lập doanh nghiệp KH&CN theo quy định”.

Đối với các loại sản được liệt kê tại khoản 1 Điều 17 dự thảo Nghị định hiện được điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung và chỉ rõ “theo quy định” ở đây là “theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công”, cụ thể là “Tài sản do ngân sách nhà nước đầu tư để mua sắm và tài sản được hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước giao cho cơ sở giáo dục đại học quản lý và sử dụng theo quy định của *pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công*”.

Điểm b, khoản 1 Điều 86 của Luật Sở hữu trí tuệ quy định tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất cho tác giả dưới hình thức giao việc, thuê việc *có quyền đăng ký* sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, do đó chính các CSGDDH sẽ có quyền đăng ký để trở thành chủ sở hữu của sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí do các giảng viên, nghiên cứu viên, các nhóm nghiên cứu của các CSGDDH nghiên cứu, phát triển. Ngoài ra, theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo quy định của Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010, đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí được tạo ra do sử dụng cơ sở vật chất - kỹ thuật, kinh phí từ ngân sách nhà nước, *tổ chức, cơ quan nhà nước được giao quyền chủ đầu tư có trách nhiệm đại diện Nhà nước thực hiện quyền đăng ký*. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung trong dự thảo Nghị định quy định về quyền và trách nhiệm đăng ký bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí đối với các tài sản trí tuệ tạo ra từ ngân sách của các CSGDDH và từ ngân sách nhà nước nhưng CSGDDH được giao quyền chủ đầu tư.

7. Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh tại Điều 8 của dự thảo

Cần quy định trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học trong việc gắn nghiên cứu khoa học với đào tạo; xây dựng quy chế hoạt động nghiên cứu khoa học của

sinh viên, học viên sau đại học, trong đó quy định rõ trách nhiệm của nhà trường, khoa, viện, giảng viên đối với hoạt động này. Đề nghị nghiên cứu bổ sung việc khuyến khích, tạo điều kiện cho sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp sáng tạo.

8. Về hoạt động chuyển giao công nghệ tại Điều 9 của dự thảo

- Hoạt động chuyển giao công nghệ trong CSGDDH: nội dung này cần được dẫn chiếu với các quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ (Luật Chuyển giao công nghệ, Nghị định hướng dẫn).

- Tại Khoản 2, xem xét điều chỉnh để bổ sung thêm đối tượng được chuyển giao công nghệ theo hướng: “CSGDDH được chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp, tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định hiện hành”.

9. Về Hợp tác về KH&CN giữa các CSGDDH và doanh nghiệp tại Điều 10

Nên dẫn chiếu Điều 15 Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 (Hỗ trợ cá nhân thuộc các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học tham gia hoạt động nghiên cứu chuyên giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh) và bổ sung thêm các hướng dẫn chi tiết theo Khoản 2 Điều 43 Nghị định 76/2018/NĐ-CP (yêu cầu đối với cá nhân thuộc cơ sở giáo dục đại học được hỗ trợ, thời gian được hỗ trợ,...).

10. Quy định về về tài chính cho hoạt động KH&CN trong các CSGDDH

- Điều 14 về Quỹ phát triển KH&CN: ghi rõ khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học thành lập Quỹ để chủ động hơn trong hoạt động KH&CN. Tại Khoản 3, đề nghị bổ sung nội dung chi của Quỹ Phát triển KH&CN của các CSGDDH: đầu tư, đối ứng vốn đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Điều 15 về Tài chính cho hoạt động KH&CN:

+ Theo quy định hiện hành, vốn sự nghiệp khoa học được cân đối cho biên chế sự nghiệp KH&CN (nếu có) và chi cho các hoạt động KH&CN trong các cơ sở giáo dục đại học thông qua nhiệm vụ KH&CN cụ thể. Do vậy, hoạt động thường xuyên của nhóm nghiên cứu mạnh cần được xem xét, hỗ trợ từ nguồn vốn phù hợp. Việc ưu tiên cấp kinh phí phải gắn với nhiệm vụ cụ thể để đảm bảo hiệu quả. Ngoài ra, cần quy định tiêu chí/khung tiêu chí rõ ràng hơn tại Điều 6 để có cơ sở công nhận nhóm nghiên cứu mạnh.

+ Điểm b, Khoản 2, đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm nội dung sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển KH&CN để thực hiện các hoạt động đầu tư phát triển các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo/ không gian khởi nghiệp sáng tạo, các trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Điều 17 về Tài sản từ hoạt động KH&CN: việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước cần thực hiện theo quy định tại Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

- Đề nghị nghiên cứu bổ sung các nội dung đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo/ không gian khởi nghiệp sáng tạo, các trung tâm đổi mới sáng tạo.

11. Về Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Khoa học và Công nghệ tại Điều 18

- Tại Khoản 1 về trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo: đề nghị bổ sung thêm trách nhiệm việc chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển không gian khởi nghiệp sáng tạo, các trung tâm đổi mới sáng tạo theo mô hình khu tập trung dịch vụ góp phần thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong các CSGDDH.

- Tại Khoản 2 về trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ, đề nghị bổ sung:

+ Hướng dẫn về tiêu chí phân loại, thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức KH&CN trong các CSGDDH; Hướng dẫn về vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; định mức số lượng người làm việc của các tổ chức khoa học và công nghệ trong các CSGDDH.

+ Hướng dẫn cơ chế tự chủ đối với các tổ chức KH&CN trong các CSGDDH.

+ Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng nội dung quy hoạch mạng lưới các tổ chức KH&CN trong các CSGDDH trong quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập, trình Chính phủ phê duyệt theo quy định.

- Đề nghị bổ sung nội dung hướng dẫn quy định hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong CSGDDH để Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao là cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cân nhắc về sự cần thiết ban hành quy định tại điểm c, Khoản 3 Điều 18 về việc định giá tài sản trị tuệ để góp vốn thành lập doanh nghiệp KH&CN không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này./.



Ký bởi: Bộ Tài chính
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm -
Hà Nội
Thời gian ký: 07/08/2020 14:31:03 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 9518/BTC-HCSN
V/v tham gia ý kiến dự thảo
Nghị định về hoạt động khoa
học công nghệ trong cơ sở
giáo dục đại học.

Hà Nội, ngày 7 tháng 8 năm 2020

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trả lời công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) đề nghị Bộ Tài chính tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định quy định Nghị định quy định hoạt động khoa học công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học (dự thảo Nghị định), Bộ Tài chính tham gia ý kiến như sau:

1. Về sự cần thiết và căn cứ xây dựng:

- Căn cứ quy định tại Khoản 24 Điều 1 Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung năm 2018, Bộ Tài chính thống nhất với Bộ GD&ĐT về căn cứ xây dựng dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học công nghệ (KHCN) trong cơ sở giáo dục đại học (CSGDDH). Việc xây dựng dự thảo Nghị định đề nghị thực hiện theo các quy định hiện hành về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Về sự cần thiết: Theo nội dung tại dự thảo Tờ trình của Bộ GD&ĐT (kèm theo công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020): Căn cứ các quy định tại Luật Giáo dục ĐH năm 2012 (Điều 39, 40, 41), Bộ GD&ĐT đã ban hành Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT quy định về hoạt động KH&CN trong CSGDDH và đã chủ trì soạn thảo, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 99/2014/NĐ-CP quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KH&CN trong các CSGDDH. Do vậy, đề nghị Bộ GD&ĐT cần có báo cáo đánh rõ về tình hình thực hiện Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT, Nghị định số 99/2014/NĐ-CP và căn cứ các quy định mới tại Luật Giáo dục ĐH sửa đổi (nếu có) từ đó làm rõ các vướng mắc, bất cập và sự cần thiết cần ban hành Nghị định về hoạt động KHCN trong CSGDDH.

2. Về nguyên tắc xây dựng dự thảo Nghị định:

Đề nghị Bộ GD&ĐT rà soát, đảm bảo: (1) Tuân thủ các quy định hiện hành: (i) Về giáo dục ĐH như Luật Giáo dục, Luật giáo dục ĐH số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012, ...; Các quy định về quản lý tài chính, tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập: Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017; Luật NSNN; Luật Đầu tư công; Luật KHCN; Các quy định về tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hướng dẫn thực hiện...; và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan; (2) Không trùng lặp với các quy định đã có tại Luật giáo dục ĐH năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2018.

3. Về các ý kiến tham gia chi tiết:

3.1. Về các nội dung liên quan đến tài sản công (Về hoạt động sở hữu trí tuệ trong CSGDDH - Khoản 1 Điều 7; Tài sản hình thành từ hoạt động KHCN - Điều 17):

- Sau khi Quốc hội ban hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN sử dụng vốn nhà nước; trong đó có quy định về quản lý, xử lý tài sản là kết quả của nhiệm vụ KHCN. Trường hợp cần xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ KHCN để thực hiện giao quyền (quyền sở hữu hoặc giao quyền sử dụng tài sản) thì thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 10/2019/TT-BTC ngày 20/02/2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ KHCN sử dụng vốn nhà nước.

- Do đó, đề nghị Bộ GD&ĐT căn cứ các quy định của pháp luật nêu trên để rà soát, hoàn thiện lại nội dung tại Khoản 1 Điều 7 và các quy định khác có liên quan tới việc quản lý, sử dụng tài sản công tại dự thảo cho phù hợp.

3.2. Về hợp tác về KHCN giữa CSGDDH và doanh nghiệp (Điều 10):

- Đề nghị bỏ quy định tại Khoản 4 Điều 10 do nội dung này thuộc quyền của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, Nghị định của Chính phủ không quy định vấn đề này. Việc sử dụng kinh phí cho nghiên cứu khoa học từ Quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 63 Luật KHCN năm 2013 và các văn bản hướng dẫn. Trong đó đã quy định cụ thể về việc khuyến khích thành lập Quỹ, tỷ lệ trích, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp... trong việc quản lý Quỹ.

- Đề nghị gộp nội dung khoản 5 Điều 10 (Doanh nghiệp được nhận chuyển giao công nghệ trong CSGDDH theo thỏa thuận) vào Điều 9 - Hoạt động chuyển giao công nghệ trong CSGDDH, để phù hợp với tiêu đề và nội dung hướng dẫn.

3.3. Về Quỹ phát triển KHCN, tài chính cho hoạt động KHCN và kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN (Điều 14,15,16):

a. Ý kiến tham gia chung: Các quy định tại Điều 15,15,16 của dự thảo Nghị định còn có sự trùng lặp về nguồn kinh phí (Điều 15: nguồn vốn cho KHCN trong các CSGDDH từ nguồn NSNN...; Điều 16: kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN trong các CSGDDH từ nguồn NSNN ...) và các quy định liên quan đến thu, chi. Do đó, đề nghị nghiên cứu, sắp xếp các nội dung quy định nêu trên, đảm bảo thể hiện theo tình hình tài chính của đơn vị (thu, chi, phân phối kết quả), trong đó quy định về quản lý tài chính của Quỹ phát triển KHCN và quản lý tài chính theo các nguồn kinh phí của đơn vị (riêng NSNN theo trình tự dự toán, chấp hành và quyết toán).

b. Ý kiến tham gia cụ thể:

b1. Quỹ phát triển KHCN trong CSGDDH (Điều 14):

- Hiện nay, các nội dung về Quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp và Quỹ phát triển KHCN của tổ chức, cá nhân được thực hiện theo các quy định tại

Luật KHCN, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KHCN (Nghị định số 95/2014/NĐ-CP). Bộ KHCN được giao trách nhiệm tổ chức thực hiện nội dung này. Vì vậy, đề nghị Bộ GD&ĐT phối hợp với Bộ KHCN để rà soát các nội dung tại Điều 14 đảm bảo phù hợp với các quy định tại các văn bản nêu trên.

- Về quy định mức trích tối thiểu (Điểm c Khoản 2): Đề nghị bổ sung căn cứ và thuyết minh cơ sở đưa ra mức trích tối thiểu 5% từ tổng nguồn thu hợp pháp (trừ NSNN cấp) đối với CSGDDH nói chung và mức tối thiểu 8% từ tổng nguồn thu hợp pháp đối với CSGDDH định hướng nghiên cứu.

- Khoản 3 dự thảo quy định nội dung chi của Quỹ. Tuy nhiên tại Điều 15 quy định về tài chính cho hoạt động KHCN lại chỉ đề cập đến nguồn tài chính từ NSNN, nguồn thu hợp pháp của CSGDDH và nguồn đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, không đề cập đến Quỹ phát triển KHCN. Do đó, đề nghị làm rõ hơn quy định về nguồn tài chính cho hoạt động KHCN của CSGDDH như khi nào hình thành Quỹ KHCN, nhiệm vụ nào phải chi từ Quỹ,...

b2. Tài chính cho hoạt động KHCN trong CSGDDH (Điều 15).

(i) Đề nghị quy định lại Khoản 1 Điều 15 theo hướng:

“1. Nguồn vốn cho hoạt động KHCN trong CSGDDH gồm: (i) Nguồn thu hợp pháp của CSGDDH; (ii) Nguồn NSNN cấp (nếu có) theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Luật KHCN và các văn bản hướng dẫn; (iii) Nguồn đóng góp của các CSGDDH”.

(ii) Về nội dung chi từ nguồn NSNN (nếu có):

- Khoản 2 quy định chi tiết các nội dung chi từ nguồn NSNN (nếu có), đề nghị Bộ GD&ĐT phối hợp với Bộ KHCN và các bộ, cơ quan có liên quan để rà soát các nội dung đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật (Nghị định số 95/2014/NĐ-CP) và thực tiễn triển khai.

- Đối với nội dung chi hỗ trợ công bố bài báo, đăng ký sở hữu trí tuệ, sáng chế: Dự thảo Nghị định đang quy định 02 nguồn kinh phí hỗ trợ nội dung này: Nguồn từ NSNN (khoản 2.a Điều 15) và nguồn từ Quỹ phát triển KHCN của CSGDDH (khoản 4.d Điều 14). Vì vậy, đề nghị rà soát các quy định để tránh trùng lặp trong quá trình tổ chức thực hiện.

(iii) Đề nghị Bộ GD&ĐT nghiên cứu, bổ sung nội dung quy định về nguồn tài chính cho hoạt động KHCN trong CSGDDH bao gồm nguồn từ Quỹ phát triển KHCN để đảm bảo đầy đủ và tương ứng với các quy định tại Khoản 3 Điều 14 nêu trên.

b3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN trong CSGDDH (Điều 16):

- Nội dung quy định tại Điều 16 chưa phù hợp với tên điều, đề nghị rà soát, đảm bảo phù hợp;

- Đối với quy định về kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN sử dụng NSNN (Khoản 2): Thống nhất với nội dung quy định: (1) Đối với các nhiệm vụ KHCN sử dụng NSNN thì việc lập dự toán ngân sách, quản lý tài chính, tài sản của nhiệm vụ KHCN và thủ tục thanh quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng KHCN

thực hiện theo quy định hiện hành; (2) Nhiệm vụ KHCN được thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi một phần theo quy định hiện hành; (3) Trường hợp nhiệm vụ KHCN có sử dụng một phần kinh phí ngoài NSNN, cơ sở giáo dục ĐH cần xác định rõ nội dung sử dụng kinh phí từ NSNN và ngoài NSNN để áp dụng các quy định cho phù hợp.

3.4. Về trách nhiệm của Bộ Tài chính (Khoản 3 Điều 18):

- Đối với quy định tại Điểm a: *Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành bố trí vốn đầu tư... cho CSGDDH.* Đề nghị bỏ nội dung này do thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Đối với quy định tại Điểm b: *Chủ trì, phối hợp với Bộ KH&CN hướng dẫn CSGDDH quản lý và sử dụng Quỹ phát triển KHCN theo quy định tại Nghị định này;*

Như đã nêu tại mục 3.3.b1, do hiện nay, các nội dung về Quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp và Quỹ phát triển KHCN của tổ chức, cá nhân được thực hiện theo các quy định tại Luật KHCN, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP và Bộ KHCN được giao trách nhiệm tổ chức thực hiện nội dung này. Mặt khác, các nội dung về nguồn thu, nhiệm vụ chi của Quỹ phát triển KHCN đã được quy định cụ thể tại Khoản 2,3 Điều 14 dự thảo Nghị định. Đồng thời tại Khoản 4 Điều 14 cũng đã giao các CSGDDH ban hành hoặc chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển KHCN. Do đó, đề nghị bỏ quy định về trách nhiệm của Bộ Tài chính nêu trên.

- Đối với quy định tại Điểm c: *Chủ trì, phối hợp với Bộ KH&CN hướng dẫn quy định thủ tục định giá và nội dung có liên quan đến tài sản trí tuệ để góp vốn thành lập doanh nghiệp KHCN.*

Theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 95/2017/NĐ-CP thì Bộ KH&CN là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KHCN, bao gồm: hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; phát triển tiềm lực KH&CN; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc bộ quản lý theo quy định của pháp luật.

Liên quan đến định giá tài sản là kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ, trước đây Bộ KH&CN là đơn vị chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BKH&CN-BTC ngày 17/12/2014 của Bộ KH&CN và Bộ Tài chính quy định việc định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ sử dụng NSNN.

Vì vậy, đối với nội dung quy định về thủ tục định giá và nội dung liên quan đến tài sản trí tuệ để góp vốn thành lập doanh nghiệp KH&CN, đề nghị giao Bộ KH&CN là đơn vị chủ trì căn cứ chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ phân công như trên. Bộ Tài chính sẽ tham gia ý kiến với Bộ KH&CN khi được yêu cầu.

3.5. Về trách nhiệm của CSGDDH (Điều 21):

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật GDDH, đề nghị bổ sung quy

định: *Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động KHCN theo quy định của pháp luật;*

3.6. Về quy định chuyển tiếp (Điều 22):

- Dự thảo Nghị định quy định: *Nghị định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2020, đồng thời bãi bỏ Nghị định số 99/2014/NĐ-CP quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN trong các CSGDDH.*

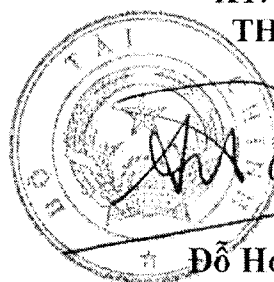
- Như vậy, đề nghị nghiên cứu quy định về các nội dung chuyển tiếp đối với các hoạt động KHCN đang triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2014/NĐ-CP để tránh việc tạo lỗ hổng về hành lang pháp lý.

Bộ Tài chính trả lời để Bộ Giáo dục và Đào tạo được biết và nghiên cứu, tổng hợp././

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Kho bạc Nhà nước;
- Vụ NSNN; Pháp chế; Đầu tư; HTQT;
- Cục QL Công sản; QL Giá;
- Cục QLGS Kế toán và Kiểm toán; TCDN;
- Lưu: VT, HCSN (4 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn



BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4333 /BKHDĐT-KHGDTNMT
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phúc đáp công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

1. Về căn cứ ban hành Nghị định:

Khoản 24, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học quy định “Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học”.

Do vậy, việc Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định hoạt động khoa học công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học là phù hợp với quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học nêu trên.

2. Về một số nội dung góp ý:

2.1. Góp ý chung:

- Theo dự thảo Tờ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong giai đoạn vừa qua, hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học được điều chỉnh, hướng dẫn bởi Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học, Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30/5/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học. Tuy nhiên, việc thực hiện các Nghị định, Thông tư nêu trên trong thời gian qua đã bộc lộ những hạn chế và bất cập dẫn đến hoạt động khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục chưa hiệu quả.

Đề nghị nghiên cứu, đánh giá việc thực hiện các văn bản pháp lý điều chỉnh hoạt động khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học thời gian qua để làm căn cứ đề xuất các giải pháp, cơ chế, chính sách bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay đồng thời khắc phục được những hạn chế, bất cập.

- Theo đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại dự thảo Tờ trình, hiện nay, đang có sự mất cân đối giữa hoạt động đào tạo và hoạt động khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học, các cơ chế, chính sách nhằm thu hút, ưu đãi giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học chưa thực sự hiệu quả nên hoạt động khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục còn hạn chế.

Do vậy, đề nghị nghiên cứu, bổ sung trong dự thảo Nghị định nội dung quy định về cơ chế khuyến khích đội ngũ giảng viên tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học như quyền được hưởng các lợi nhuận đem lại từ việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, gắn hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên với chính sách bồi dưỡng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ giảng viên...

2.2. Góp ý cụ thể:

- Về đối tượng áp dụng (Khoản 2, Điều 1): Dự thảo Nghị định quy định *"Nghị định này áp dụng đối với cơ sở giáo dục đại học và tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học"*. Tuy nhiên, Dự thảo Tờ trình nêu đối tượng áp dụng của Nghị định là *"cơ sở giáo dục đại học công lập và tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học công lập"*. Do vậy, đề nghị thống nhất đối tượng áp dụng của Nghị định là cơ sở giáo dục đại học hay cơ sở giáo dục đại học công lập.

- Về Quỹ phát triển hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học (Điều 14): Dự thảo Nghị định quy định *"Hàng năm, cơ sở giáo dục đại học trích tối thiểu 5% từ tổng nguồn thu hợp pháp (trừ ngân sách nhà nước cấp), cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu trích tối thiểu 8% từ tổng nguồn thu hợp pháp (trừ ngân sách nhà nước cấp)"*. Tuy nhiên, đối với nguồn thu hợp pháp, các cơ sở giáo dục đại học sẽ phải sử dụng để chi trả kinh phí chi thường xuyên, nộp thuế và nộp ngân sách nhà nước theo quy định. Việc trích lập các Quỹ trong đó có Quỹ phát triển hoạt động khoa học và công nghệ chỉ khả thi khi có chênh lệch giữa nguồn thu của đơn vị và các chi phí cần phải chi trả theo quy định.

Do vậy, đề nghị điều chỉnh quy định nêu trên theo hướng chỉ quy định tỷ lệ trích lập Quỹ phát triển hoạt động khoa học và công nghệ đối với phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có) của cơ sở giáo dục đại học sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

- Về tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học (Khoản 3, Điều 15): Dự thảo Nghị định quy định các cơ sở giáo dục đại học được sử dụng nguồn thu hợp pháp của đơn vị mình để chi cho các hoạt động thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, chi đối ứng hoạt động khoa học công nghệ được tài trợ... không có nội dung chi cho đầu tư phát triển

cơ sở vật chất khoa học và công nghệ. Theo Khoản 22, Điều 4, Luật Đầu tư công “*Vốn đầu tư công quy định tại Luật này bao gồm: vốn ngân sách nhà nước; vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật*”. Do vậy, đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung cho phép sử dụng nguồn thu hợp pháp của đơn vị để đầu tư phát triển cơ sở vật chất phục vụ phát triển khoa học công nghệ nhằm tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục đại học tăng cường đầu tư phát triển tiềm lực khoa học công nghệ.

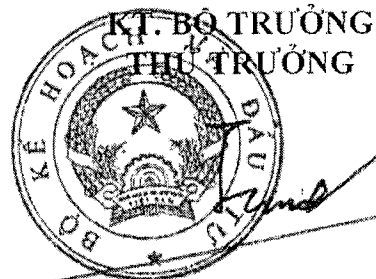
- Về trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Khoản 4, Điều 18): Đề nghị điều chỉnh như sau: “*Chủ trì tổng hợp, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phát triển khoa học công nghệ cho các cơ sở giáo dục đại học được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành*”.

- Về trách nhiệm và quyền lợi của cơ sở giáo dục đại học (Điều 21): Dự thảo Nghị định quy định “*Cơ sở giáo dục đại học xây dựng dự án đầu tư cơ sở vật chất...theo quy định tại Nghị định này*”, đối với các Dự án đầu tư cơ sở vật chất sử dụng vốn đầu tư công thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Đầu tư công, do vậy, đề nghị điều chỉnh nội dung quy định nêu trên đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan.

Trên đây là ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHGDTN&MT_{T2}



Nguyễn Văn Trung



Người ký: Bộ Ngoại
giáo
Email:
rttl.mfa@mofa.gov.vn
Cơ quan: Bộ Ngoại giáo
Thời gian ký:
07.08.2020 10:28:39
+07:00

BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2658 /BNG-HVNG

V/v Góp ý dự thảo Nghị định quy định
hoạt động khoa học và công nghệ trong
cơ sở giáo dục đại học.

Hà Nội, ngày 7 tháng 08 năm 2020

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phúc Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quý Bộ về việc góp ý cho dự thảo Nghị định quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, Bộ Ngoại giao xin có ý kiến như sau:

1. Ý kiến chung: Về cơ bản nhất trí với nội dung, bố cục và sự cần thiết xây dựng Nghị định quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học do Quý Bộ chủ trì soạn thảo. Dự thảo đã quy định và hướng dẫn chi tiết Khoản 24 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các quy định của pháp luật có hiệu quả trong thực tiễn.

2. Một số ý kiến cụ thể để Quý Bộ tham khảo:

2.1. Khoản 3 Điều 6. Nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh trong cơ sở giáo dục đại học:

Điểm c của khoản này cần nhắc bổ sung như sau: “*sản phẩm của Chương trình nghiên cứu phải có đào tạo tiến sĩ, công bố quốc tế, xuất bản sách chuyên khảo/ sách giáo trình, bản quyền tác giả, đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích, chuyên gia công nghệ*”. Bởi sách giáo trình của một cơ sở giáo dục đại học là một tài liệu khoa học có nội dung phù hợp và đáp ứng yêu cầu kiến thức và kỹ năng của một học phần, là tài liệu phục vụ cho việc giảng dạy và học tập, đồng thời làm cơ sở để kiểm tra đánh giá trình độ kiến thức và kỹ năng của người học. Như vậy, tiêu chí nhóm nghiên cứu mạnh của một cơ sở giáo dục đại học cần phải xét đến điểm này.

2.2. Về thể thức trình bày văn bản:

- rà soát kỹ để tránh các lỗi kỹ thuật trong dự thảo như: Lỗi thừa ký tự ở

Khoản 4 Điều 4 của dự thảo Nghị định; lỗi cách chữ ở đoạn thứ hai Khoản 1 Điều 7 của dự thảo Nghị định, lỗi lặp từ “KH&CN (KH&CN)” ở đoạn thứ nhất Trang 1 của dự thảo Tờ trình...

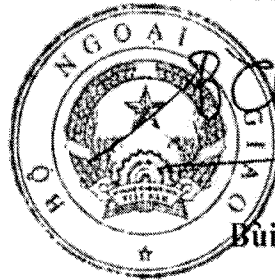
- Thống nhất thể thức và cách viết hoa của dự thảo Tờ trình và Nghị định theo đúng hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Bộ Ngoại giao xin thông tin để Quý Bộ tham khảo, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HC, HVNG.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



Bùi Thanh Sơn

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3384 /BNV-TCBC

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2020

V/v dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trả lời Văn bản số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

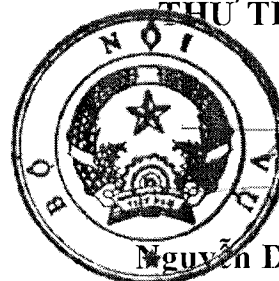
Tại Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (có hiệu lực thi hành từ 15/02/2020), trong đó đã quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành khoản 24 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học (Điều 16). Vì vậy, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo làm rõ cơ sở pháp lý của việc ban hành Nghị định quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, bảo đảm không không trùng lặp với nội dung quy định tại Nghị định số 99/2019/NĐ-CP nêu trên.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Lê Vĩnh Tân (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng;
- Lưu: VT,TCBC (03b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Duy Thăng
Nguyễn Duy Thăng

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2460 /BVHTTDL-ĐT
V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định hoạt động KH&CN
trong cơ sở giáo dục đại học

Hà Nội, ngày 02 tháng 07 năm 2020

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phúc đáp Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến như sau:

Dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo được bố cục chặt chẽ, logic; nội dung của dự thảo Nghị định đầy đủ, khả thi, tạo cơ chế thuận lợi cho sự phát triển hoạt động khoa học và công nghệ tại cơ sở giáo dục đại học; kết cấu và nội dung Tờ trình Chính phủ đã bám sát kết cấu và nội dung cơ bản của Nghị định.

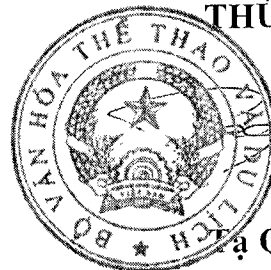
Tuy nhiên, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, sửa đổi quy định về trích quỹ từ nguồn thu hợp pháp tại Điểm c, Khoản 2, Điều 14, Chương II của dự thảo như sau: “Cơ sở giáo dục đại học được phép sử dụng quỹ phát triển sự nghiệp để chi cho các hoạt động khoa học công nghệ”. Bởi vì, quy định về trích quỹ từ nguồn thu hợp pháp tại dự thảo tương đồng với quy định về Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Trên đây là ý kiến góp ý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo, trình Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT, PVH.05.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Hà Nội, ngày 02 tháng 07 năm 2020
Phạm Quang Đông

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:2450 /BT/TTT-TCCB

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
hoạt động khoa học và công nghệ trong
cơ sở giáo dục đại học

Hà Nội, ngày 02 tháng 07 năm 2020

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phúc đáp công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến như sau:

1. Về cơ bản: nhất trí cần ban hành Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học nhằm hướng dẫn và tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học.

2. Về chi tiết, Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến góp ý như sau:

- Tại khoản 3, 4 Điều 2 giải thích từ ngữ, đề nghị xem xét lại các giải thích về nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh, bởi: Hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học cần khuyến khích sự tham gia của cán bộ, giảng viên và người học trong các cơ sở giáo dục đại học, đặc biệt là đội ngũ giảng viên. Do đó, việc chỉ đề cập đến các nhà khoa học trong phần giải thích là không rõ ràng về đối tượng tham gia của các nhóm này.

- Đề nghị xem xét bổ sung quy định về hợp tác về khoa học và công nghệ giữa các cơ sở giáo dục đại học bên cạnh quy định về hợp tác về khoa học và công nghệ giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp.

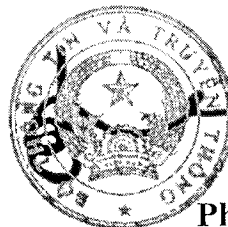
Trên đây là ý kiến góp ý của Bộ Thông tin và Truyền thông, đề nghị Quý Bộ tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phan Tâm;
- Lưu: VT, TCCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Ký bởi: Bộ thông tin và Truyền thông
Cơ quan: Bộ Thông tin và Truyền thông
Thời gian ký: 02/07/2020 11:33:40

Phan Tâm

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4440 /BNN-KHCN
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
hoạt động khoa học và công nghệ trong
cơ sở giáo dục

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phúc đáp Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau:

1. Ý kiến góp ý chung

- Đề nghị rà soát toàn bộ Dự thảo để làm rõ tính đặc thù của hoạt động khoa học công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, tránh trùng lặp và phù hợp với các quy định về hoạt động khoa học và công nghệ tại Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13, Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.

- Dự thảo chưa có các quy định về chính sách và cơ chế khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học phục vụ phát triển đất nước; ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực đạt trình độ nghiên cứu ngang tầm khu vực và quốc tế.

- Dự thảo Nghị định gồm 04 Chương, 23 Điều là phù hợp. Tuy nhiên, việc sắp xếp các chương, điều cần theo logic: quy định chung, quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, quy định về các điều kiện đảm bảo thực hiện (tổ chức, nhân lực, tài chính, tài sản,...), kiểm tra, giám sát, xử lý và thi hành.

- Điều 4,5,6,13,14,15,16,17 Chương II quy định về tổ chức khoa học công nghệ, doanh nghiệp khoa học công nghệ, nhóm nghiên cứu, đầu tư cơ sở vật chất, quỹ phát triển khoa học và công nghệ, tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ, kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, tài sản từ hoạt động khoa học và công nghệ là không thực sự phù hợp với tên chương.

2. Ý kiến góp ý chi tiết

- Khoản 1 Điều 1 của Dự thảo nêu “Nghị định này hướng dẫn chi tiết khoản 24 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học Luật số 34/2018/QH14”. Tuy nhiên, Luật số 34/2018/QH14, Điều 1 không có khoản 24.

- Khoản 1 Điều 2 đề nghị không sử dụng dấu ba chấm để tránh cách hiểu khác nhau trong văn bản quy phạm pháp luật.

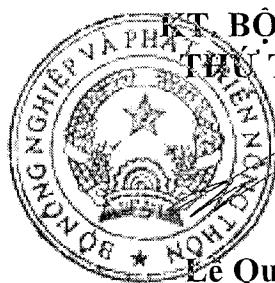
- Điều 3 Luật Khoa học và Công nghệ quy định “*hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ*” thuộc hoạt động khoa học và công nghệ. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 2 Dự thảo không quy định “*hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ*” thuộc hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học. Vì vậy, đề nghị xem xét để đảm bảo hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học được thực hiện đầy đủ các nội dung như quy định tại Luật Khoa học và Công nghệ.

- Các quy định tại Điều 8, 9, 10, 11, 12 về hoạt động khoa học và công nghệ như sở hữu trí tuệ, nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh, hoạt động chuyển giao công nghệ, hợp tác trong và ngoài nước, thông tin khoa học cần cụ thể hơn để triển khai thực hiện. Hạn chế sử dụng các quy định chung chung như “*khuyến khích*”, “*tạo điều kiện*” sẽ khó khăn trong việc triển khai thực hiện và giám sát, đánh giá.

Trên đây là một số ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi Quý Bộ để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHCN (TMC 6b).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Lê Quốc Doanh



Người ký: Bộ Quốc phòng
Cơ quan: Bộ Quốc phòng
Thời gian ký: 02.07.2020
14:11:50 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2307/BQP-TM

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2020

V/v góp ý kiến dự thảo Nghị định quy
định hoạt động khoa học và công nghệ
trong cơ sở giáo dục đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phúc đáp Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý kiến dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học; Bộ Quốc phòng cơ bản nhất trí với dự thảo và có tham gia một số nội dung sau:

- Điều 2. Giải thích từ ngữ: Đề nghị bổ sung giải thích sự khác nhau giữa cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu.

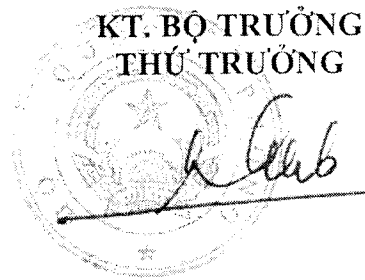
- Tại điểm a khoản 4 Điều 6: Chuẩn hóa tiêu chí của Trưởng nhóm nghiên cứu mạnh đánh giá theo định lượng như: Số lượng bài báo, số lượng đề tài đã được nghiệm thu, số lượng nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công.

- Tại điểm c khoản 2 Điều 14: Bổ sung quy định về phân trăm trích quỹ tối đa đối với cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu.

Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, tổng hợp./.

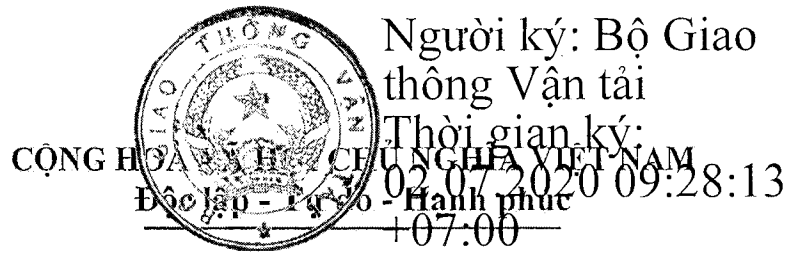
Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tổng Tham mưu;
- Cục Nhà trường;
- Lưu: VT, NCTH. Toan05.



Thượng tướng Phan Văn Giang

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI



Số: **6388** /BGTVT-TCCB

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Hà Nội, ngày **01** tháng **7** năm 2020

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phúc đáp Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý đối với dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, Bộ Giao thông vận tải có ý kiến như sau:

- Khoản 2 Điều 1 (đối tượng áp dụng): tại dự thảo Tờ trình có nêu đối tượng áp dụng của Nghị định là các cơ sở giáo dục đại học công lập; do đó, đề nghị thống nhất lại đối tượng áp dụng quy định tại Điều này, đảm bảo phù hợp với nội dung quy định tại khoản 24 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

- Điểm a khoản 3 Điều 6: đề nghị sửa đoạn “tiêu chuẩn được quy định tại Điều này” thành “tiêu chuẩn được quy định tại **khoản 4** Điều này”.

- Điểm b khoản 4 Điều 6: đối với thành viên chủ chốt là nhà khoa học có uy tín từ nước ngoài tham gia nhóm nghiên cứu mạnh, đề nghị xem lại nội dung “*cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn tương đương với tiêu chuẩn của trường nhóm*” vì theo quy định tại điểm a khoản này thì trưởng nhóm là giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, điều này khó khả thi đối với nhà khoa học là người nước ngoài.

- Khoản 2 Điều 17: đề nghị sửa nội dung “theo quy định của hội đồng trường, hội đồng đại học” thành “theo quy định của quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học”.

- Ngoài ra, đối với các nội dung khác, đề nghị nghiên cứu, quy định để tránh trùng lặp, mâu thuẫn với những nội dung đã được quy định tại Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là

HLS

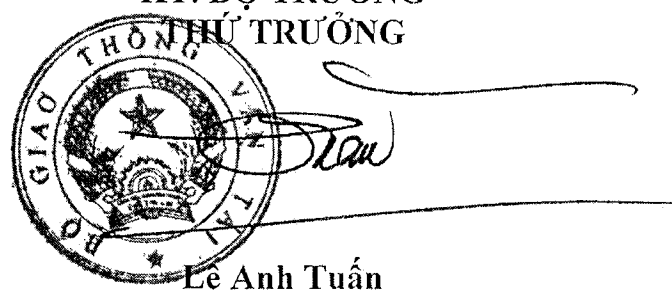
người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ ở Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan.

Trên đây là ý kiến của Bộ Giao thông vận tải, xin gửi tới Quý Bộ để tham khảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCCB (Lgdt).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



The image shows the official seal of the Ministry of Transport of Vietnam, which is circular and contains the national emblem and the text 'BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI'. To the right of the seal is a handwritten signature in black ink, which appears to be 'Lê Anh Tuấn'. Below the signature, the name 'Lê Anh Tuấn' is printed in a bold, black font.

Lê Anh Tuấn

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3798 /BTNMT-KHCN

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
hoạt động khoa học và công nghệ
trong các cơ sở giáo dục đại học

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ Tài nguyên và Môi trường nhận được Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học. Bộ Tài nguyên và Môi trường cơ bản nhất trí với nội dung trong dự thảo Nghị định, tuy nhiên đề nghị Quý Bộ xem xét thêm một số nội dung sau:

1. Điều 6, Khoản 4, Mục b: Đề nghị quy định mở đề trong nhóm nghiên cứu mạnh có thể có thành viên chủ chốt là nhà khoa học không thuộc cơ sở giáo dục đại học (như các Viện nghiên cứu, Trung tâm nghiên cứu);

2. Điều 6, Khoản 4, Mục c: Xem xét lại quy định thành viên khác của nhóm nghiên cứu mạnh bắt buộc phải có công bố quốc tế chung với trường nhóm. Chỉ nên quy định tiêu chuẩn cần có công bố quốc tế, công bố trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín, có hướng nghiên cứu trùng hoặc gần với hướng nghiên cứu của trường nhóm;

3. Điều 10, Điều 11: Ngoài hợp tác về khoa học và công nghệ giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp, hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, cần bổ sung quy định khuyến khích, đẩy mạnh hợp tác trong nước theo hướng liên ngành để tận dụng cũng như đầu tư cơ sở vật chất chung phục vụ nghiên cứu;

4. Điều 15: Xem xét bổ sung quy định khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học tăng cường tự chủ để tạo động lực thúc đẩy nghiên cứu khoa học, theo đó cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ dựa trên tinh thần tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học và các sản phẩm đầu ra, cơ sở nào có nhiều sản phẩm khoa học tốt và có nhiều nhà khoa học uy tín sẽ được ưu tiên kinh phí cho hoạt động khoa học và công nghệ.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, xin gửi Quý Bộ để nghiên cứu, tham khảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để b/c);
- Lưu: VT, KHCN, NAD.



KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân



Ký bởi: Bộ Xây dựng
Email: boxaydung@moc.gov.vn
Cơ quan: Bộ Xây dựng Bộ Xây
dựng
Thời gian ký: 09/07/2020
4 30.27 CH

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~3314~~ BXD-TCCB

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy
định hoạt động khoa học và công
nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ Xây dựng nhận được Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học (Sau đây gọi tắt là Dự thảo). Sau khi nghiên cứu, Bộ Xây dựng có một số ý kiến như sau:


- Điều 2 của Dự thảo: Đề nghị Ban soạn thảo xem xét bổ sung khái niệm quy định về nhân lực tham gia hoạt động khoa học công nghệ; Khoản 3 Điều 2 xem xét sửa thành: Nhóm nghiên cứu là nhóm từ 02 người trở lên.

- Mục b, Khoản 3, Điều 6: Đề nghị Ban soạn thảo xem xét, không nên quy định cơ sở giáo dục đại học phải có cơ sở vật chất phù hợp với hướng nghiên cứu vì nhóm nghiên cứu có thể sử dụng cơ sở vật chất tại các cơ sở khác theo yêu cầu và theo phương thức hợp đồng thuê khoán; Mục a, Khoản 4, Điều 6: nên quy định trưởng nhóm là viên chức có hàm Giảng viên, Nhà khoa học của cơ sở giáo dục đại học, các thành viên khác tham gia nhóm nghiên cứu có thể là cán bộ làm việc ở các viện, trung tâm nghiên cứu để thêm tính thực tiễn; cần quy định rõ khái niệm: Nhà khoa học có uy tín, tiêu chí, hình thức công nhận.

- Khoản 6, Điều 11: Đề nghị xem xét quy định thêm về trách nhiệm của Giảng viên, Nhà khoa học tham gia hợp đồng chuyên môn thực hiện các đề tài, dự án với nước ngoài”.

- Mục a, Khoản 2 Điều 15: Đề nghị xem xét điều chỉnh nâng mức thưởng cho bài báo ISI lên tối thiểu 10 lần mức lương cơ sở, 20 lần cho 01 sáng chế và 10 lần cho 01 giải pháp hữu ích.

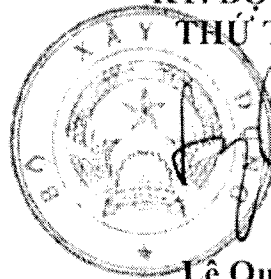
Trên đây là ý kiến của Bộ Xây dựng, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ TCCB.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Lê Quang Hùng



Số: **5219** /BCT-KHCN

Hà Nội, ngày **17** tháng **7** năm **2020**

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trả lời Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học; căn cứ vào dự thảo và các tài liệu có liên quan, Bộ Công Thương có ý kiến như sau:

1. Góp ý chung:

Dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học được xây dựng nhằm hướng dẫn chi tiết Khoản 24 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Trong đó, tại Mục 1 Khoản 24 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học quy định: Nhà nước tập trung đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, tạo cơ chế, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học phục vụ phát triển đất nước; ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực đạt trình độ nghiên cứu ngang tầm khu vực và quốc tế. Do đó, dự thảo Nghị định cần cấu trúc và xây dựng để hiện thực hóa những nội dung nêu trên.

Khi dự thảo Nghị định trên được ban hành sẽ thay thế Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học. Do vậy Bộ Giáo dục và đào tạo cần có báo cáo rà soát đánh giá hiệu quả, khó khăn khi thực hiện Nghị định số 99/2014/NĐ-CP để làm cơ sở cho việc xây dựng và kết cấu nội dung như trong dự thảo Nghị định.

2. Góp ý chi tiết:

Cần thống nhất dùng thuật ngữ “văn bản” hay “Nghị định” tại Điều 2 của dự thảo Nghị định.

Khoản 4 Điều 2: đề nghị chỉnh sửa như sau: “*Nhóm nghiên cứu mạnh là nhóm nghiên cứu tập hợp các nhà khoa học do **một hoặc một số** nhà khoa học có uy tín trong nước và quốc tế đứng đầu, thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tạo ra các sản phẩm có giá trị khoa học và thực tiễn cao, gắn với đào tạo tiến sĩ và nghiên cứu sau tiến sĩ.*”

Khái niệm về “nhóm nghiên cứu mạnh” trong dự thảo Nghị định là nhóm nghiên cứu tập hợp các nhà khoa học do một nhà khoa học có uy tín cao trong nước và quốc tế đứng đầu, thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tạo ra các sản phẩm có giá trị khoa học và thực tiễn cao, gắn với đào tạo tiến sĩ và nghiên cứu sau tiến sĩ. Cần làm rõ khái niệm “mạnh” cũng như khái niệm về “nhà khoa học có uy tín cao trong nước và quốc tế” để thống nhất cùng cách hiểu và đúng văn phong của văn bản quy phạm pháp luật.

Tại Điều 6 quy định về tiêu chí, đơn vị công nhận, nhân lực, tiêu chuẩn trưởng nhóm, các thành viên và được Nhà nước và cơ sở giáo dục đại học ưu tiên cấp kinh phí hoạt động thường xuyên... cho nhóm nghiên cứu mạnh; do vậy cần phải có các quy định chi tiết, rõ ràng trong dự thảo của Nghị định.

Điểm a khoản 2 Điều 6: đề nghị chỉnh sửa như sau: “*Cán bộ, viên chức và người học có cùng một hướng nghiên cứu từ các cơ sở giáo dục đại học, được tập hợp do **một hoặc một số** nhà khoa học có uy tín đứng đầu để phát triển một hướng nghiên cứu liên ngành.*”

Việc tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ của sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh phụ thuộc vào nhu cầu của đơn vị chủ trì và năng lực của người tham gia thực hiện. Do vậy, cần kết cấu lại nội dung tại Điều 8 của Nghị định theo hướng khuyến khích tạo điều kiện cho sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh được tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học khi đáp ứng được yêu cầu của đơn vị chủ trì.

Bổ sung trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ về kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả các hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học tại Mục 2 Điều 18 của dự thảo Nghị định.

Nghiên cứu bổ sung quyền lợi của doanh nghiệp được hưởng ưu đãi đối với việc kinh doanh các sản phẩm hình thành từ hoạt động khoa học và công nghệ tại Điều 20 của dự thảo Nghị định.

Trên đây là ý kiến của Bộ Công Thương đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, tiếp thu và chỉnh sửa./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ: TCCB, PC;
- Lưu: VT, KHCN.



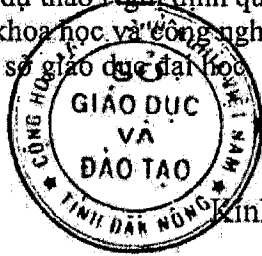
**UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 141 /SGDDĐT-GDTrH-QLCL

Đắk Nông, ngày 29 tháng 6 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học



Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 217/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục và đào tạo; Công văn số 3020/UBND-KGVX ngày 18/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục và đào tạo.

Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan góp ý đối với dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học theo yêu cầu tại Công văn số 217/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học; đồng thời, lấy ý kiến góp ý của các đơn vị có liên quan, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông hoàn toàn thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, xây dựng.

Trên đây là ý kiến của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học kính gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Vụ KHCNMT, Bộ GDĐT;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu VT, GDTrH-QLCL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ký bởi: Sở Giáo dục và Đào tạo
Email: sgddt@datnong.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Đắk Nông
Thời gian ký: 29/6/2020 3:59:44 PM



Phan Thanh Hải

Số: 704 /SGDĐT-GDTrH&GDTX

Bắc Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
hoạt động Khoa học và Công nghệ
trong cơ sở giáo dục đại học

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 2714/UBND-KGVX ngày 23/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động Khoa học và Công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học (Nghị định), Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) góp ý vào dự thảo Nghị định, cụ thể như sau:

1. Cơ bản nhất trí với các Điều khoản quy định trong dự thảo Nghị định.
2. Một số ý kiến góp ý vào bản dự thảo Nghị định:

2. 1. Hình thức trình bày

STT	Vị trí	Dự thảo	Đề nghị chỉnh sửa
1	Cả văn bản	Đánh số trang theo quy định của Thông tư cũ	Cách đánh số trang được quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ - CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư (<i>Phụ lục I</i>)
2	Trang 2, Điều 4, Khoản 4	4. Căn cứ hiệu quả hoạt động của từng thời kỳ/...	4. Căn cứ hiệu quả hoạt động của từng thời kỳ,...(bỏ dấu gạch /)
3	Trang 7, Điều 13, Khoản 2, điểm c	...và những vấn đề cấp thiết phục vụ phát triển kinh tế- xã hội của đất nước.	...và những vấn đề cấp thiết phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. (thêm dấu cách)
4	Trang 8, Điều 15, Khoản 2, điểm a	...; tài trợ chương trình nghiên cứu và các hoạt động thường xuyên của của nhóm nghiên cứu mạnh;...	...; tài trợ chương trình nghiên cứu và các hoạt động thường xuyên của nhóm nghiên cứu mạnh;...(bỏ một chữ của)

2. 2. Nội dung

STT	Vị trí	Dự thảo	Đề nghị chỉnh sửa
1	Trang 6, Điều 12, Khoản 2	...; công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ...	...; công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ, các công trình nghiên cứu đang thực hiện và lí lịch của các nhà khoa học...
2	Trang 7, Điều 14, Khoản 2	Bổ sung “trích nộp...% nguồn thu từ các hoạt động chuyên giao công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ; sản phẩm của khoa học và công nghệ các cấp sử dụng tiền từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ”	
3	Trang 8, Điều 15, Khoản 2, mục c	Làm rõ phạm vi của từ "chi phí" trong cụm "Chi học bổng, học phí, chi phí cho nghiên cứu sinh trình độ tiến sĩ là thành viên của nhóm nghiên cứu mạnh."	

Sở GD&ĐT kính đề nghị Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh xem xét, tham khảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, GDTrH&GDTX.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Sở Giáo dục và Đào tạo
2020.06.29 08:51:59 +07:00

Bạch Đăng Khoa

UBND TỈNH YÊN BÁI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 707 /SGDDĐT-GDTrH
V/v tham gia góp ý dự thảo Nghị định
quy định hoạt động khoa học và công
nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Yên Bái, ngày 03 tháng 07 năm 2020

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

Thực hiện Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xin ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học; Công văn số 750/VP-VX ngày 23/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, Sở Giáo dục và Đào tạo đã có văn bản gửi các sở, ngành có liên quan xin ý kiến góp ý cho dự thảo Nghị định.

Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp các ý kiến đóng góp như sau:

- Thống nhất với bố cục và nội dung của dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, do Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng.

- Đề nghị Ban soạn thảo xem xét làm rõ tại khoản 4 Điều 2 của Dự thảo, khái niệm "...nhà khoa học có uy tín cao trong nước và quốc tế..." được xác định dựa trên các tiêu chí nào?

- Đề nghị Ban soạn thảo xem xét, rà soát chỉnh sửa lại thể thức theo đúng quy định của Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020, cụ thể như: đánh lại vị trí số trang văn bản; sửa viết hoa cụm từ "Nhà nước", từ "Điều" khi viện dẫn.

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Yên Bái xin trân trọng báo cáo Ủy Ban nhân dân tỉnh Yên Bái và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, hoàn thiện dự thảo trình Chính phủ ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, GDTrH, NQT. *V*



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Số: **724** /UBND-KGVX

V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định hoạt động khoa học và
công nghệ trong cơ sở giáo dục
đại học

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lạng Sơn, ngày **30** tháng 6 năm 2020

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học; sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Lạng Sơn cơ bản nhất trí với dự thảo Nghị định và có một số ý kiến góp ý như sau:

- Tại mục c khoản 3 Điều 6: nên xem xét diễn đạt là *"Nhóm nghiên cứu mạnh có thuyết minh Chương trình nghiên cứu được thực hiện trong thời gian không quá 5 năm với định hướng rõ ràng từ mục tiêu, nội dung, sản phẩm cụ thể và dự kiến kinh phí thực hiện theo từng giai đoạn; sản phẩm nghiên cứu phải bảo đảm đào tạo được tiến sĩ, công bố quốc tế..."*.

- Tại trang 4 và 5 của dự thảo: đề nghị xem xét bỏ bớt một số liên từ "và".

- Tại khoản 2 Điều 11: đề nghị xem xét diễn đạt nội dung *"... hỗ trợ một phần học bổng cho cán bộ, viên chức và người học đi học ở nước ngoài..."* thành *"... hỗ trợ một phần học bổng cho cán bộ, viên chức, nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu ở nước ngoài...."*; đồng thời xem xét thay cụm từ *"... của mình"* bằng cụm từ *"... của đơn vị"*.

- Tại khoản 3 Điều 11: đề nghị xem xét bổ sung cụm từ *"... ấn phẩm khoa học khác"* sau cụm từ *"..., xuất bản kỹ yếu"*.

- Tại điểm c khoản 2 Điều 15 và khoản 3 Điều 21: đề nghị xem xét bổ sung cụm từ *"và Scopus"* sau cụm từ *"... công bố trên tạp chí trong danh mục ISI"* để thống nhất với nội dung tại khoản 3 Điều 11.

UBND tỉnh Lạng Sơn kính gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: GDĐT, KH-CN, KHĐT, TC;
- C, PCVP UBND tỉnh, các Phòng: KG-VX, TH-NC, TT TH-CB;
- Lưu: VT, KG-VX (NTH).

2

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Long Hải

KHCN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 877 /UBND-KGVX

Kiên Giang, ngày 02 tháng 7 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang nhận được Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Qua nghiên cứu dự thảo văn bản kèm theo Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT, Ủy ban nhân dân tỉnh cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định và không có ý kiến gì thêm.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đối với dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP, P. KGVX;
- Lưu: VT, vttkieu.

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Huỳnh Vĩnh Lạc

Người ký: Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang
Email: ubnd@kiengiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Kiên Giang
Thời gian ký: 02.07.2020 17:11:17 +07:00

**UBND TỈNH BẠC LIÊU
SỞ GIÁO DỤC, KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 882/SGDKHCN-QLKHCN

Bạc Liêu, ngày 01 tháng 7 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
hoạt động khoa học và công nghệ trong
cơ sở giáo dục đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại Công văn số 2610/UBND-KGVX ngày 19/6/2020 về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học,

Trên cơ sở kết quả phối hợp góp ý của Trường Đại học Bạc Liêu (không có ý kiến) và qua nghiên cứu nội dung dự thảo, Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ có một số đóng góp ý kiến như sau:

- Tại Khoản 4, Điều 6, đề nghị nêu rõ tiêu chuẩn của Trường nhóm nghiên cứu mạnh. Trong đó cụ thể hơn về cơ sở để xác định nhà khoa học có uy tín, số lượng tối thiểu công bố khoa học trong và ngoài nước cần đạt để đủ điều kiện đảm nhiệm vai trò Trường nhóm nghiên cứu mạnh.

- Tại Khoản 2, Điều 10, đề nghị chỉnh sửa lại thành “Cơ sở giáo dục đại học được hợp tác với doanh nghiệp đầu tư, xây dựng phòng thí nghiệm nghiên cứu chung tại cơ sở giáo dục đại học, hỗ trợ cho doanh nghiệp thuộc cơ sở giáo dục đại học theo hợp đồng tư vấn, thẩm định, giám định về công nghệ đối với dự án sản xuất mới, nhập khẩu công nghệ, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp thuộc cơ sở giáo dục đại học”.

Ngoài ra, Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ Bạc Liêu thống nhất với các nội dung còn lại của dự thảo nêu trên và không có ý kiến gì thêm.

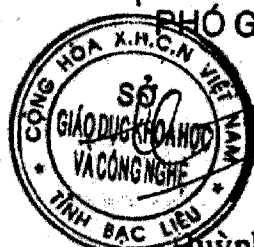
Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ Bạc Liêu chuyển ý kiến góp ý đến Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét./*nt*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Bạc Liêu (báo cáo)
- Lưu: VT, QLKHCN.

WLB

KI. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hùng Hùng Dũng

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1129 /SGDĐT-GDĐT
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy
định hoạt động khoa học và công
nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 6 năm 2020

Kính gửi: Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Thực hiện Công văn số 5387/UBND-VX1 ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định gửi kèm, Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng cơ bản thống nhất với các nội dung của dự thảo và đóng góp thêm một số ý kiến như sau:

- Cần chỉnh sửa nội dung Khoản 1 Điều 17 thành: Tài sản do Ngân sách nhà nước đầu tư để mua sắm và tài sản được hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được xử lý theo Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.

- Theo Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-VPQH 2018 Luật Khoa học và Công nghệ ngày 29/6/2018 của Văn phòng Quốc hội, không có điều nào quy định nội dung “ưu tiên phê duyệt và giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh...” do đó, nội dung Khoản 1 Điều 19 dự thảo Nghị định là chưa phù hợp.

Trân trọng././

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Lưu: VT, GDĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Huỳnh Quang Long

UBND TP. CẦN THƠ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1646 /SGDDĐT-GDĐT

Cần Thơ, ngày 03 tháng 7 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
hoạt động khoa học và công nghệ trong
cơ sở giáo dục đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 2369/VPUB-KGVX ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Qua nghiên cứu dự thảo Nghị định và tập hợp ý kiến từ các đơn vị, Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Cần Thơ có đóng góp một số ý kiến như sau:

- Tại khoản 4 Điều 2, đề nghị khái niệm/định nghĩa “nhóm nghiên cứu mạnh” rõ ràng hơn, đo lường được để thống nhất về ý nghĩa đối với mọi tổ chức, cá nhân được điều chỉnh bởi Nghị định này. Ví dụ: Cụm từ “có uy tín cao trong nước và quốc tế” được thể hiện bằng bằng chứng gì; cụm từ “sản phẩm có giá trị khoa học và thực tiễn cao” cần phải đo lường được.

- Tại Điều 3, đề nghị mở rộng thêm kế hoạch 10 năm 20 năm và dài hạn hơn để phù hợp với sự tồn tại và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.

- Tại điểm a khoản 3 Điều 6, đề nghị ghi cụ thể cụm từ “tiêu chuẩn được quy định tại điểm a và b Khoản 4 Điều này”.

- Tại điểm b khoản 3 Điều 6, đề nghị làm rõ thêm vì sao phải có điều kiện “có hoạt động hợp tác nghiên cứu với các tổ chức, cá nhân nước ngoài”.

- Tại điểm c khoản 3 Điều 6, đề nghị thay thế cụm từ “dự kiến kinh phí trong 5 năm” bằng cụm từ “dự kiến kinh phí phù hợp trong việc thực hiện nội dung, sản phẩm cụ thể theo từng giai đoạn và cả Chương trình” để kinh phí phục vụ phù hợp với Chương trình nghiên cứu.

- Tại điểm a khoản 4 Điều 6, về tiêu chuẩn của trưởng nhóm nghiên cứu mạnh, đề nghị bổ sung điều kiện: “đã và đang hướng dẫn chính nghiên cứu sinh”

- Tại điểm c khoản 4 Điều 6, đề nghị bỏ tiêu chuẩn “đã có công bố quốc tế chung với Trưởng nhóm hoặc các thành viên chủ chốt” vì người đang theo học có thể chưa có công bố quốc tế chung với Trưởng nhóm, thành viên chủ chốt.

- Tại điểm c khoản 2 Điều 14, thừa chữ “đại học”, đề nghị điều chỉnh lại như sau: “Hàng năm, tùy theo tình hình tài chính và năng lực nghiên cứu thực tế, cơ sở giáo dục đại học trích tối thiểu 3% từ tổng nguồn thu hợp pháp (trừ ngân sách nhà nước cấp), cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu trích tối thiểu 5% từ tổng nguồn thu hợp pháp (trừ ngân sách nhà nước cấp).

- Tại điểm b khoản 3 Điều 14, đề nghị điều chỉnh lại như sau: “Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm và duy tu bảo dưỡng trang thiết bị, phương tiện làm việc, tăng cường năng lực nghiên cứu để phát triển khoa học và công nghệ”.

- Tại khoản 1 Điều 17, đề nghị bổ sung vào cuối câu cụm từ “...hoặc theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước cấp ngân sách thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ” để áp dụng đối với trường hợp cơ sở giáo dục đại học không có nhu cầu sử dụng tài sản hoặc có đơn vị phù hợp hơn trong quản lý và sử dụng tài sản do ngân sách nhà nước đầu tư.

- Đề nghị quy định cho các tổ chức khoa học và công nghệ những hoạt động tương ứng với những hoạt động của cơ sở giáo dục đại học trong trường hợp không vượt quá chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định bởi pháp luật hoặc cơ quan có thẩm quyền.

Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Cần Thơ kính báo././*vt*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TP (để báo cáo)
- Lưu: VT, GDTX₀₁ *vt*



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2959** /UBND-KGVX
V/v tham gia ý kiến về dự thảo
Nghị định quy định hoạt động
khoa học công nghệ trong cơ sở
giáo dục đại học

Hà Nội, ngày **08** tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

UBND thành phố Hà Nội nhận được Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề nghị góp ý kiến về dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Sau khi nghiên cứu dự thảo, căn cứ quy định hiện hành, UBND Thành phố có một số ý kiến như sau:

1. Việc xây dựng và ban hành Nghị định quy định hoạt động khoa học công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học là rất phù hợp và cần thiết bởi hiện chưa có Nghị định quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

2. Bố cục của dự thảo Nghị định gồm 4 chương và 23 Điều với các nội dung được trình bày logic rõ ràng, sắp xếp chặt chẽ, đảm bảo yêu cầu của quan điểm chỉ đạo và mục đích xây dựng Nghị định.

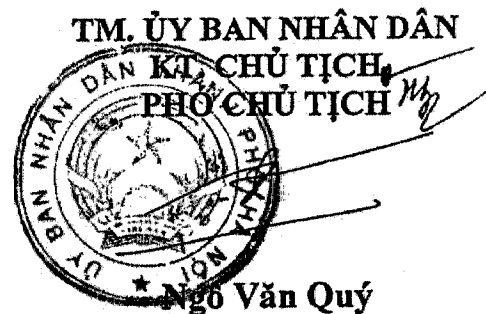
3. Dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan, trong đó có UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Do đó, kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu ban hành văn bản hướng dẫn việc thi hành Nghị định.

Trên đây là một số tham góp dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học. UBND thành phố Hà Nội kính gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Phó Chủ tịch Ngô Văn Quý;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- VPUB: CVP, PCVP Đ.H.Giang;
Các phòng KGVX, TKBT, TH;
- Lưu VT, KGVX.

24650-9



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3222 /UBND-KGVX

Bến Tre, ngày 29 tháng 6 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định hoạt động KH&CN
trong cơ sở giáo dục đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo /
(Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường)

Thực hiện yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học; qua nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định, Ủy ban nhân dân tỉnh cơ bản thống nhất với dự thảo Nghị định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, bổ sung Điều 20 thêm khoản (6) quy định về “Trách nhiệm và quyền lợi của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học”, trong đó có quy định (yêu cầu) về tính trung thực trong hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân.

Trên đây là góp ý đối với dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh;
- Sở GD&ĐT;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Đức

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3220/UBND-VX

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 7 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long nhận được công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT, ngày 17/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Qua nghiên cứu dự thảo Nghị định, Ủy ban nhân dân tỉnh cơ bản thống nhất với dự thảo, tuy nhiên có một số đóng góp như sau:

1. Tại khoản 4 Điều 2, đề nghị bổ sung thêm “Nhóm nghiên cứu mạnh” là nhóm nghiên cứu phải có tiềm lực khoa học công nghệ mạnh...

Làm rõ thêm từ ngữ “nhà khoa học có uy tín cao” và xây dựng tiêu chuẩn để đánh giá là nhà khoa học có uy tín cao.

2. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động tổ chức khoa học công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học định kỳ 05 năm; từ đó, xem xét sáp nhập hoặc giải thể các tổ chức khoa học công nghệ hoạt động không hiệu quả.

3. Tại khoản 4 Điều 10, đề nghị điều chỉnh, bổ sung thành “Khuyến khích doanh nghiệp sử dụng kinh phí cho nghiên cứu khoa học từ quỹ phát triển khoa học của doanh nghiệp...”. Ngoài ra, cần có quy định cụ thể những quyền lợi mà doanh nghiệp được hưởng khi sử dụng kinh phí của doanh nghiệp.

Trên đây là ý kiến đóng góp đối với dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp.

Trân trọng kính chào./th

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT.UBT phụ trách VX;
- PVP.UBT phụ trách VX;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Phòng VX;
- Lưu: VT, 3.03.05.



Nguyễn Thị Quyên Thanh

UBND TỈNH BẮC KẠN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1307 /SGDDT-QLCLGD-CNTT
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
hoạt động khoa học và công nghệ trong
các cơ sở giáo dục đại học

Bắc Kạn, ngày 30 tháng 6 năm 2020

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Thực hiện Công văn số 3411/UBND-VXNV ngày 18/6/2020 của UBND tỉnh về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học. Sau khi nghiên cứu và qua tổng hợp ý kiến góp ý của các đơn vị, Sở Giáo dục và Đào tạo có ý kiến như sau:

- Tại điểm c, khoản 2, Điều 14: Hằng năm cơ sở giáo dục đại học trích tối thiểu 5% từ tổng nguồn thu hợp pháp (trừ ngân sách nhà nước cấp), **cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu trích tối thiểu 8% từ tổng nguồn thu hợp pháp (trừ ngân sách nhà nước cấp).**

Nên xem xét, làm rõ về “*cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu*” có không và khác với cơ sở giáo dục đại học khác như thế nào để đưa ra mức trích cao hơn như vậy.

- Tại điểm b, khoản 2, Điều 16: Cần thống nhất tên gọi phương thức khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ theo đúng Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Tài chính, nên sửa lại như sau:

b, Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc **phương thức khoán chi từng phần** theo quy định hiện hành.

- Các nội dung khác nhất trí với dự thảo.

Trên đây là ý kiến góp ý của Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Kạn, gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở.

Gửi bản giấy:

- Bộ GD&ĐT;
- Lưu: VT, QLCLGD-CNTT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ký bởi Sở Giáo dục và Đào tạo
Tỉnh Bắc Kạn
Giờ ký: 30/06/2020 15:27:40



Đoàn Văn Hương

Số: 704 /SGDĐT-GDTrH&GDTX

Bắc Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
hoạt động Khoa học và Công nghệ
trong cơ sở giáo dục đại học

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 2714/UBND-KGVX ngày 23/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động Khoa học và Công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học (Nghị định), Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) góp ý vào dự thảo Nghị định, cụ thể như sau:

1. Cơ bản nhất trí với các Điều khoản quy định trong dự thảo Nghị định.
2. Một số ý kiến góp ý vào bản dự thảo Nghị định:

2. 1. Hình thức trình bày

STT	Vị trí	Dự thảo	Đề nghị chỉnh sửa
1	Cả văn bản	Đánh số trang theo quy định của Thông tư cũ	Cách đánh số trang được quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ - CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư (<i>Phụ lục I</i>)
2	Trang 2, Điều 4, Khoản 4	4. Căn cứ hiệu quả hoạt động của từng thời kỳ/,...	4. Căn cứ hiệu quả hoạt động của từng thời kỳ,...(bỏ dấu gạch /)
3	Trang 7, Điều 13, Khoản 2, điểm c	...và những vấn đề cấp thiết phục vụ phát triển kinh tế- xã hội của đất nước.	...và những vấn đề cấp thiết phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. (thêm dấu cách)
4	Trang 8, Điều 15, Khoản 2, điểm a	...; tài trợ chương trình nghiên cứu và các hoạt động thường xuyên của của nhóm nghiên cứu mạnh;...	...; tài trợ chương trình nghiên cứu và các hoạt động thường xuyên của nhóm nghiên cứu mạnh;...(bỏ một chữ của)

2. 2. Nội dung

STT	Vị trí	Dự thảo	Đề nghị chỉnh sửa
1	Trang 6, Điều 12, Khoản 2	...; công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ...	...; công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ, các công trình nghiên cứu đang thực hiện và lí lịch của các nhà khoa học...
2	Trang 7, Điều 14, Khoản 2	Bổ sung “trích nộp...% nguồn thu từ các hoạt động chuyển giao công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ; sản phẩm của khoa học và công nghệ các cấp sử dụng tiền từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ”	
3	Trang 8, Điều 15, Khoản 2, mục c	Làm rõ phạm vi của từ "chi phí" trong cụm "Chi học bổng, học phí, chi phí cho nghiên cứu sinh trình độ tiến sĩ là thành viên của nhóm nghiên cứu mạnh."	

Sở GD&ĐT kính đề nghị Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh xem xét, tham khảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, GDTrH&GDTX.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Sở Giáo dục và Đào tạo
2020.06.29 08:51:59 +07:00

Bạch Đăng Khoa

**UBND TỈNH BẮC NINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1008/SGDDĐT-GDTXCN

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2020

V/v góp ý kiến vào dự thảo Nghị định
Quy định hoạt động khoa học và công
nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Kính gửi: Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Người ký: Sở Giáo dục
và Đào tạo
Email:
sgdd@bacninh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bắc Ninh
Thời gian ký: 30.06.2020
10:59:12 +07:00



Thực hiện Công văn số 2120/UBND-KGVX ngày 23 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc góp ý dự thảo Nghị định Quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định Quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học (Dự thảo 1),

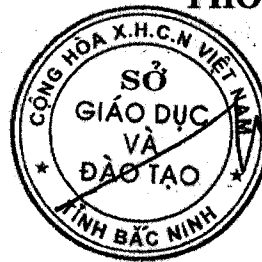
Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh nhất trí với những nội dung trong dự thảo Nghị định Quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở (báo cáo);
- Lưu: VT, GDTXCN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thế Sơn

Số: 1646/SGDDĐT-GDTX

Cần Thơ, ngày 03 tháng 7 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
hoạt động khoa học và công nghệ trong
cơ sở giáo dục đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 2369/VPUB-KGVX ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Qua nghiên cứu dự thảo Nghị định và tập hợp ý kiến từ các đơn vị, Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Cần Thơ có đóng góp một số ý kiến như sau:

- Tại khoản 4 Điều 2, đề nghị khái niệm/định nghĩa “nhóm nghiên cứu mạnh” rõ ràng hơn, đo lường được để thống nhất về ý nghĩa đối với mọi tổ chức, cá nhân được điều chỉnh bởi Nghị định này. Ví dụ: Cụm từ “có uy tín cao trong nước và quốc tế” được thể hiện bằng bằng chứng gì; cụm từ “sản phẩm có giá trị khoa học và thực tiễn cao” cần phải đo lường được.

- Tại Điều 3, đề nghị mở rộng thêm kế hoạch 10 năm 20 năm và dài hạn hơn để phù hợp với sự tồn tại và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.

- Tại điểm a khoản 3 Điều 6, đề nghị ghi cụ thể cụm từ “tiêu chuẩn được quy định tại điểm a và b Khoản 4 Điều này”.

- Tại điểm b khoản 3 Điều 6, đề nghị làm rõ thêm vì sao phải có điều kiện “có hoạt động hợp tác nghiên cứu với các tổ chức, cá nhân nước ngoài”.

- Tại điểm c khoản 3 Điều 6, đề nghị thay thế cụm từ “dự kiến kinh phí trong 5 năm” bằng cụm từ “dự kiến kinh phí phù hợp trong việc thực hiện nội dung, sản phẩm cụ thể theo từng giai đoạn và cả Chương trình” để kinh phí phục vụ phù hợp với Chương trình nghiên cứu.

- Tại điểm a khoản 4 Điều 6, về tiêu chuẩn của trưởng nhóm nghiên cứu mạnh, đề nghị bổ sung điều kiện: “đã và đang hướng dẫn chính nghiên cứu sinh”

- Tại điểm c khoản 4 Điều 6, đề nghị bỏ tiêu chuẩn “đã có công bố quốc tế chung với Trưởng nhóm hoặc các thành viên chủ chốt” vì người đang theo học có thể chưa có công bố quốc tế chung với Trưởng nhóm, thành viên chủ chốt.

- Tại điểm c khoản 2 Điều 14, thừa chữ “đại học”, đề nghị điều chỉnh lại như sau: “Hàng năm, tùy theo tình hình tài chính và năng lực nghiên cứu thực tế, cơ sở giáo dục đại học trích tối thiểu 3% từ tổng nguồn thu hợp pháp (trừ ngân sách nhà nước cấp), cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu trích tối thiểu 5% từ tổng nguồn thu hợp pháp (trừ ngân sách nhà nước cấp).

- Tại điểm b khoản 3 Điều 14, đề nghị điều chỉnh lại như sau: “Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm và duy tu bảo dưỡng trang thiết bị, phương tiện làm việc, tăng cường năng lực nghiên cứu để phát triển khoa học và công nghệ”.

- Tại khoản 1 Điều 17, đề nghị bổ sung vào cuối câu cụm từ “...hoặc theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước cấp ngân sách thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ” để áp dụng đối với trường hợp cơ sở giáo dục đại học không có nhu cầu sử dụng tài sản hoặc có đơn vị phù hợp hơn trong quản lý và sử dụng tài sản do ngân sách nhà nước đầu tư.

- Đề nghị quy định cho các tổ chức khoa học và công nghệ những hoạt động tương ứng với những hoạt động của cơ sở giáo dục đại học trong trường hợp không vượt quá chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định bởi pháp luật hoặc cơ quan có thẩm quyền.

Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Cần Thơ kính báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TP (để báo cáo)
- Lưu: VT, GDTX₀₁.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Hồng

**UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Số: 959/SGDĐT-GDĐT-CN

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
hoạt động khoa học và công nghệ
trong cơ sở giáo dục đại học

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 06 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 5417/UBND-KGVX ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học (theo nội dung Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Sau khi nhận được ý kiến góp ý từ các Sở có liên quan và nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp ý kiến, góp ý như sau:

1. Cơ bản thống nhất về bố cục và nội dung dự thảo;

2. Một số nội dung cần được điều chỉnh làm rõ nghĩa, bổ sung, thống nhất.

- Tại Điều 5: Cần bổ sung khoản quy định về tiêu chí cụ thể để thành lập doanh nghiệp khoa học trong cơ sở giáo dục.

- Tại Điều 21: Trách nhiệm và quyền hạn của cơ sở giáo dục Đại học

Khoản 1, đổi dấu chấm "." cuối khoản thành dấu ";", bổ sung nội dung "lồng ghép các chương trình và đẩy mạnh công tác phối hợp trong việc nghiên cứu khoa học và công nghệ ứng dụng vào thực tiễn, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương".

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Lưu: VT, P. GDĐT-CN



GIÁM ĐỐC

Sở Giáo dục và Đào tạo
daklak@gddt.daklak.gov.vn
Tỉnh Đắk Lắk

06-07-2020 16:17:17 +07:00

Phạm Đăng Khoa

Số: 216/SGDDĐT-CNTT&NCKH
V/v góp ý dự thảo Nghị định Quy
định hoạt động khoa học và công
nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Điện Biên, ngày 29 tháng 6 năm 2020

Kính gửi: Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường - Bộ Giáo dục và Đào tạo

Ngày 22/6/2020 Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên nhận được Công văn số 1784/UBND-KGVX của UBND tỉnh về việc tham gia góp ý vào Dự thảo Nghị định Quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định Quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học và ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị liên quan, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên có ý kiến như sau:

1. Về hình thức, bố cục

Về hình thức đề nghị chỉnh sửa lại như sau:

- Đánh số trang ở giữa lề trên của văn bản;
- Phần nơi nhận: sửa lại cỡ chữ thành phần nơi nhận cho đúng, không lùi 1 tab thành phần nơi nhận;

Lý do: phù hợp với thể thức văn bản quy định tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ.

Về bố cục: nhất trí với bố cục của dự thảo Nghị định Quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

2. Về nội dung

Sở Giáo dục và Đào tạo cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định Quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Tuy nhiên, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị:

- Tại Điểm a, khoản 2, Điều 15 nên có chi thưởng cho các bài báo được công bố trên tạp chí trong danh mục Scopus để việc thực hiện khoản 3 Điều 11 được đầy mạnh;
- Tại khoản 1 Điều 9 nên thay cụm từ "...và giảng viên" thành "...và cán bộ, viên chức"

Lý do: nhằm khuyến khích cả đội ngũ cán bộ, viên chức cơ sở giáo dục đại học thực hiện các dự án chuyển giao công nghệ chứ không chỉ khuyến khích riêng đội ngũ giảng viên.

Các phụ lục (nếu có) kèm theo trong Dự thảo Nghị định Quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học nên được đính kèm để thuận lợi cho việc triển khai thực hiện.

Trên đây là ý kiến góp ý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên đối với dự thảo Nghị định Quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét tổng hợp./

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, CNTT&NCKH.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ký bởi Sở Giáo dục và Đào tạo
Tỉnh Điện Biên
Giờ ký: 2020-06-29T15:37:12.5425093+07:00

Cù Huy Hoàn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KGVX

Lạng Sơn, ngày tháng 6 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định hoạt động khoa học và
công nghệ trong cơ sở giáo dục
đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học; sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Lạng Sơn cơ bản nhất trí với dự thảo Nghị định và có một số ý kiến góp ý như sau:

- Tại mục c khoản 3 Điều 6: nên xem xét diễn đạt là “*Nhóm nghiên cứu mạnh có thuyết minh Chương trình nghiên cứu được thực hiện trong thời gian không quá 5 năm với định hướng rõ ràng từ mục tiêu, nội dung, sản phẩm cụ thể và dự kiến kinh phí thực hiện theo từng giai đoạn; sản phẩm nghiên cứu phải bảo đảm đào tạo được tiến sĩ, công bố quốc tế...*”.

- Tại trang 4 và 5 của dự thảo: đề nghị xem xét bỏ bớt một số liên từ “và”.

- Tại khoản 2 Điều 11: đề nghị xem xét diễn đạt nội dung “... *hỗ trợ một phần học bổng cho cán bộ, viên chức và người học đi học ở nước ngoài...*” thành “... *hỗ trợ một phần học bổng cho cán bộ, viên chức, nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu ở nước ngoài....*”; đồng thời xem xét thay cụm từ “... *của mình*” bằng cụm từ “... *của đơn vị*”.

- Tại khoản 3 Điều 11: đề nghị xem xét bổ sung cụm từ “, *án phẩm khoa học khác*” sau cụm từ “..., *xuất bản kỹ yếu*”.

- Tại điểm c khoản 2 Điều 15 và khoản 3 Điều 21: đề nghị xem xét bổ sung cụm từ “ *và Scopus*” sau cụm từ “...*công bố trên tạp chí trong danh mục ISI*” để thống nhất với nội dung tại khoản 3 Điều 11.

UBND tỉnh Lạng Sơn kính gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: GDĐT, KHCN, KHĐT, TC;
- C,PCVP UBND tỉnh, các Phòng:
KG-VX, TH-NC, TT TH-CB;
- Lưu: VT, KG-VX (NTH).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Long Hải

**UBND TỈNH LONG AN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2059/SGDDĐT-KTQLCL
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy
định hoạt động khoa học và công
nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Long An, ngày 29 tháng 6 năm 2020

Kính gửi:

- Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường - Bộ GD&ĐT;
- UBND Tỉnh Long An.

Thực hiện Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học; Công văn số 3578/UBND-VHXXH ngày 22/6/2020 của UBND tỉnh về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Sở Giáo dục và Đào tạo Long An có ý kiến như sau:

Thống nhất với dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học. Tuy nhiên, kính đề nghị Bộ GD&ĐT xem xét, điều chỉnh ở một số nội dung như sau:

- Ở chương II, Điều 4, khoản 4: đề nghị bỏ dấu “\” sau cụm từ “Căn cứ hiệu quả hoạt động của từng thời kỳ”,.


- Ở Chương II, Điều 15, khoản 2, điểm a): đề nghị xem xét và điều chỉnh cụm từ “mức lương cơ sở” cho phù hợp với Nghị quyết 27-NQ/TW của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung Ương khoá XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

Trên đây là góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học của Sở Giáo dục và Đào tạo Long An./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT, KTQLCLGD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phan Thị Dạ Thảo

Số: /SGD&ĐT-QLĐT&GDTX
V/v tham gia góp ý dự thảo Nghị định
quy định hoạt động khoa học và công
nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Phú Thọ, ngày tháng năm 2020

Kính gửi:

- Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Thực hiện Văn bản số 2170/BGD&ĐT- KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Văn bản số 2163/UBND-KGVX ngày 18/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Phú Thọ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để tham gia góp ý. Sau khi phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp các ý kiến góp ý như sau:

1. Về cơ bản nhất trí với bố cục, nội dung chủ yếu của bản dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

2. Ý kiến tham gia góp ý cụ thể như sau:

- Đề nghị xem xét bổ sung điều khoản quy định về hoạt động nghiên cứu của cán bộ, giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học; hoạt động nghiên cứu giải mã công nghệ.

- Tại Điều 4: Đề nghị xem xét bổ sung, điều chỉnh như sau:

+ Khoản 1 bổ sung thêm "...thành lập theo quy định và phải được đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ theo luật định";

+ Khoản 2 bổ sung "Tổ chức... tài khoản riêng *hoặc tài khoản phụ thuộc...*" vì theo quy định tổ chức KH&CN không nhất thiết phải có tài khoản riêng;

- Tại điểm a, khoản 3, Điều 6: Không nên quy định "Trưởng nhóm và ít nhất 02 thành viên chủ chốt" phải đáp ứng "đang hướng dẫn chính nghiên cứu sinh". Vì có thể trong giai đoạn làm hồ sơ thành lập Nhóm nghiên cứu mạnh, họ có thể chưa nhận hướng dẫn mới hoặc đã hướng dẫn xong nhiều nghiên cứu sinh trước đó. Tương tự như vậy, tại điểm a, khoản 4, Điều 6 cũng sửa quy định Trưởng nhóm "đang hướng dẫn chính nghiên cứu sinh"

Nên xem xét quy định Trưởng nhóm hoặc ít nhất 02 thành viên chủ chốt bằng các tiêu chuẩn như: (1) Đã từng hoặc đang hướng dẫn chính nghiên cứu

sinh; (2) Số công trình đã công bố (bài báo Quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus, bài báo trong nước, sách...); (3) Số đề tài/dự án đã hoặc đang chủ trì; (4) Đã hợp tác với doanh nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học khác trong nghiên cứu khoa học.

- Tại điểm c, khoản 4, Điều 6: Không nên quy định “Thành viên khác” của nhóm nghiên cứu “đã có công bố quốc tế chung với Trưởng nhóm hoặc các thành viên chủ chốt”. Vì quy định này hơi cứng nhắc, sẽ hạn chế khả năng hợp tác trong nghiên cứu khoa học. Chỉ nên quy định Thành viên khác “có công bố quốc tế phù hợp với hướng nghiên cứu của Trưởng nhóm hoặc các thành viên chủ chốt”.

- Tại Khoản 1, Điều 7: Đề nghị xem xét bỏ ý “hướng dẫn giảng viên... theo quy định” vì nội dung này đã có tại Khoản 2 điều này.

- Tại Khoản 2, Điều 9: Đề nghị ghi rõ “cơ sở ... công nghệ được sở hữu hợp pháp cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp ngoài cơ sở giáo dục đại học...”

- Tại Khoản 4, Điều 10: Đề nghị điều chỉnh: “Doanh nghiệp được sử dụng kinh phí từ Quỹ ...” bỏ đoạn “kinh phí cho nghiên cứu khoa học”.

- Tại điểm c, khoản 2, Điều 14: “Hàng năm, cơ sở giáo dục đại học đại học...” bỏ một cụm từ đại học do lặp lại.

- Tại Khoản 1, Điều 19: Đề nghị điều chỉnh thành “Hàng năm tạo điều kiện để cơ sở giáo dục đại học trực thuộc được tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, thành phố”.

- Tại khoản 3, Điều 21: Nên mở rộng việc khen thưởng cán bộ, giảng viên và người học có công bố quốc tế trên cả tạp chí thuộc danh mục ISI và Scopus. Vì hiện nay thế giới và Việt Nam đều công nhận phổ biến 2 danh mục này. Hơn nữa, tại khoản 3, Điều 11 của Nghị định này cũng yêu cầu đẩy mạnh công bố khoa học trên các tạp chí thuộc cả 2 danh mục này.

Trên đây là tổng hợp tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học, Sở Giáo dục và Đào tạo trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Phó Giám đốc Sở (Ô. Thanh);
- Lưu: VT, QLĐT&GDTX.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đỗ Thanh

**UBND TỈNH HÀ GIANG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 770 /SGDDĐT-GDTEX-CN
V/v góp ý Nghị định quy định hoạt
động khoa học và công nghệ trong
cơ sở giáo dục đại học

Hà Giang, ngày 30 tháng 6 năm 2020

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang.

Thực hiện văn bản số 1944/UBND-VHXXH ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Hà Giang về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học kèm theo văn bản số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở GD&ĐT Hà Giang có ý kiến như sau:

Hoàn toàn nhất trí với bản dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo soạn thảo và không có ý kiến gì thêm.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở GD&ĐT;
- Vnptioffitce;
- Lưu: VT, GDTEX-CN.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thế Bình

UBND TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1210/SGDDĐT-QLCL

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 02 tháng 07 năm 2020

V/v góp ý dự thảo “Nghị định quy định
hoạt động khoa học và công nghệ trong sơ
sở giáo dục đào tạo”

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện công văn số 6482/UBND-VP ngày 26 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc giao Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, góp ý bản dự thảo “Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong sơ sở giáo dục đào tạo” theo công văn 2170/BGDĐT-KHCNMT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Sau khi nghiên cứu bản dự thảo và lấy ý kiến của các đơn vị liên quan, Sở Giáo dục và Đào tạo thống nhất với nội dung của dự thảo “Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong sơ sở giáo dục đào tạo” và không có ý kiến gì thêm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND tỉnh (b/c)
- Lưu VT, QLCL.



GIÁM ĐỐC

Ký bởi: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bà Rịa - Vũng
Tàu
Email: sogddt@baria-vungtau.gov.vn
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Ngày ký: 02-07-2020 09:30:07 +07:00

Trần Thị Ngọc Châu

Số: /SGDDĐT-GDTEX-CN&ĐH

Đà Nẵng, ngày tháng 7 năm 2020

V/v góp ý Dự thảo Nghị định quy
định hoạt động khoa học và công nghệ
trong cơ sở giáo dục đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Phiếu chuyển số 1958/PC-VP ngày 25/6/2020 của UBND thành phố về việc góp ý Dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học theo Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo có ý kiến như sau:

Sở Giáo dục và Đào tạo thống nhất với Dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học do Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì soạn thảo trình Chính phủ.

Trân trọng,
Ký bởi: Võ Khắc Tiến
Email: tienvk@danang.gov.vn
Cơ quan: Sở Giáo dục và Đào tạo,
Thành phố Đà Nẵng
Ngày ký: 06-07-2020 10:24:54
+07:00

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND thành phố (để b/c);
- GD, PGD Sở;
- Lưu: VT, GDTEX-GDCN&ĐH.

GIÁM ĐỐC

Lê Thị Bích Thuận

**UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 761 /SGDDĐT-GDTrH-TX&CN

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 7 năm 2020

V/v đóng góp ý kiến dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Kính gửi: Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,
Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học. Sau khi nghiên cứu, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp ý kiến như sau:

Thông nhất với: Dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Trên đây là ý kiến của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp kính gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Nghị định của Chính phủ về quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các Phó GD Sở;
- Lưu: VT, Tr, 2b.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thanh Danh

Sở Giáo dục và Đào tạo
Ngày ký: 01-07-2020 14:01:43 +07:00

**UBND TỈNH SƠN LA
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1184/SGDDĐT-VP

Sơn La, ngày 08 tháng 7 năm 2020

V/v góp ý vào dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phúc đáp Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý vào dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Sau khi nghiên cứu, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sơn La nhất trí với bố cục và nội dung dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng và soạn thảo.

Sở Giáo dục và Đào tạo Sơn La trân trọng kính gửi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, VP, H.3b.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Cầm Văn An

**UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1608 /SGDDĐT-VP

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 6 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Sở Giáo dục và Đào tạo nhận được Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, Sở Giáo dục và Đào tạo có ý kiến như sau:

Thống nhất với Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo dự thảo.

Sở Giáo dục và Đào tạo kính gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT-đề b/cáo);
- UBND tỉnh (VBĐT-đề b/cáo);
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Đình Thuận

**UBND TỈNH LAI CHÂU
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1206 /SGDDĐT-GDTrH-TX&CN
V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị
định quy định về hoạt động khoa
học và công nghệ trong cơ sở giáo
dục đại học.

Lai Châu, ngày 30 tháng 6 năm 2020

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 979/VPUBND-VX, ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Văn phòng UBND tỉnh Lai Châu về việc giao nhiệm vụ góp ý dự thảo Nghị định quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học (gọi tắt là dự thảo), Sở Giáo dục và Đào tạo Lai Châu có ý kiến như sau:

1. Về bố cục và thể thức

Cơ bản nhất trí với bố cục và thể thức dự thảo, Sở Giáo dục và Đào tạo tham gia thêm ý kiến đề nghị bỏ dấu gạch chéo tại khoản 4 Điều 4 trang 2 của dự thảo, cụ thể nội dung “4. Căn cứ hiệu quả hoạt động của từng thời kỳ/,” thành “4. Căn cứ hiệu quả hoạt động của từng thời kỳ,”.

2. Về nội dung

Tại khoản 4 Điều 10 trang 5 về Hợp tác về khoa học và công nghệ giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp có ghi “Doanh nghiệp được sử dụng kinh phí cho nghiên cứu khoa học từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để đặt hàng, tài trợ kinh phí cho cơ sở giáo dục đại học để nghiên cứu, ứng dụng và sản xuất thử nghiệm các sản phẩm mới...”.

Đề nghị bỏ cụm từ “từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp”. Lý do để doanh nghiệp có thể được sử dụng kinh phí cho nghiên cứu khoa học từ tiền của doanh nghiệp”.

Trên đây là góp ý của Sở Giáo dục và Đào tạo Lai Châu về dự thảo Nghị định quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học. Kính chuyển Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, GDTrH-TX&CN

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Lai Châu, ngày 30 tháng 6 năm 2020
Cơ quan: Tỉnh Lai Châu
Thời gian ký: 30/06/2020 09:20:06



Lưu Hồng Phương

**UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 699 /SGDDĐT-VP

Ninh Bình, ngày 30 tháng 6 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định hoạt động khoa học và
công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học; Công văn số 423/UBND-VP6 ngày 26/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Sau khi tổng hợp các ý kiến, Sở GD&ĐT, Sở Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Hoa Lư nhất trí với thể thức, bố cục và nội dung của dự thảo Nghị định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đ/c Giám đốc Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, VP. THI/2.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Ký bởi: Sở Giáo dục và Đào tạo
Email: sgddt@ninhbinh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Ninh Bình
Thời gian ký: 02/07/2020
13:27:08



Đỗ Văn Thông

Số 1715/SGDDĐT-CNTX

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 07 năm 2020

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh đã phối hợp với các sở ban ngành và các trường đại học trên địa bàn tỉnh tổ chức tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học. Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến tham gia, Sở Giáo dục và Đào tạo xin tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định như sau:

1. Về nội dung

- Tại Phần căn cứ: đề nghị bổ sung *Luật sở hữu trí tuệ ngày 25 tháng 6 năm 2019, Luật chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 7 năm 2017*;

- Tại Điều 2:

+ Tại khoản 2: Đề nghị bổ sung “*dịch vụ khoa học và công nghệ*” trong hoạt động khoa học và công nghệ và sửa thành “Hoạt động khoa học và công nghệ là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, *dịch vụ khoa học và công nghệ*, phát huy sáng kiến và các hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước”¹;

+ Tại khoản 3: Đề nghị bỏ khái niệm “*Nhóm nghiên cứu*” hoặc gộp với khái niệm “*Nhóm nghiên cứu mạnh*” tại khoản 4 do các quy định hoạt động về khoa học công nghệ đối với đối tượng “*Nhóm nghiên cứu*” ít được đề cập đến trong dự thảo Nghị định;

- Tại Điều 5: Đề nghị làm rõ hơn các tiêu chí hình thành và mô hình hoạt động của doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục.

- Tại Điều 6:

+ Tại khoản 3: Đề nghị bổ sung điều khoản quy định đối với trường hợp

¹ Theo Luật khoa học và công nghệ: “Dịch vụ khoa học và công nghệ là hoạt động phục vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hoá, an toàn bức xạ, hạt nhân và năng lượng nguyên tử; dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội”.

Nhóm nghiên cứu mạnh không tạo ra được các sản phẩm đã đề ra tại thuyết minh Chương trình nghiên cứu ban đầu để đảm bảo tính “đào thải”, do nhóm nghiên cứu mạnh này là đối tượng chính được hưởng hỗ trợ trong quy định hoạt động khoa học công nghệ;

+ Tại khoản 4: Đối với tiêu chuẩn với Trường nhóm nghiên cứu mạnh, đề nghị bổ sung tiêu chuẩn cụ thể hơn, quy định hiện tại trong dự thảo: “... *có kinh nghiệm và thành tích trong công bố khoa học trong nước và nước ngoài,...*” còn mang tính chung chung; dự thảo nên nghiên cứu bổ sung các tiêu chuẩn cụ thể về lý lịch khoa học cho đối tượng “*Trường nhóm nghiên cứu mạnh*” như: là tác giả chính của báo khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI; số lượng bài báo cụ thể trong khoảng thời gian 5 năm gần nhất với thời điểm được làm “*Trường nhóm nghiên cứu mạnh*”; nội dung bài báo khoa học đã công bố của Trường nhóm nghiên cứu mạnh phải phù hợp với nội dung nghiên cứu tại Chương trình nghiên cứu định hướng nghiên cứu đã đề ra; đã có kinh nghiệm hướng dẫn nghiên cứu sinh tiến sĩ đã hướng dẫn thành công (thay vì chỉ yêu cầu điều kiện đang hướng dẫn nghiên cứu sinh tiến sĩ)...

Về tiêu chuẩn với Thành viên chủ chốt nhóm nghiên cứu mạnh: quy định hiện tại trong dự thảo là “... *có kinh nghiệm và thành tích trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ,...*” cũng chưa cụ thể, rõ ràng. Đề nghị nghiên cứu bổ sung các tiêu chuẩn cụ thể về kinh nghiệm và thành tích trong nghiên cứu khoa học để đảm bảo tính tương đồng như yêu cầu về tiêu chí đối với Trường nhóm; mức độ khoa học có thể thấp hơn so với Trường nhóm (ít hơn về số lượng bài báo làm tác giả chính, ít hơn về số lượng nghiên cứu sinh tiến sĩ đã hướng dẫn thành công...).

- Tại Điều 7: Đề nghị bổ sung nội dung đề cập đến trường hợp tài sản trí tuệ được hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ có đóng góp từ nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ (trong Dự thảo đang ghi chung chung nguồn đóng góp của “nhà tài trợ”).

- Tại Điều 9:

+ Nên bổ sung thêm phạm vi chuyển giao không chỉ là công nghệ mà có thể chuyển giao cả kết quả nghiên cứu;

+ Tại khoản 2: Nên bổ sung thêm đối tượng chuyển giao kết quả nghiên cứu và công nghệ là các tổ chức, đơn vị, cụ thể: “2. Cơ sở giáo dục đại học được chuyển giao *kết quả nghiên cứu và công nghệ cho doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị ngoài cơ sở giáo dục đại học, chuyển giao công nghệ ra nước ngoài* theo quy định hiện hành”.

- Tại khoản 6 Điều 10: Đề nghị điều chỉnh thành “Cơ sở giáo dục đại học, cán bộ, viên chức và người học có giải pháp sáng tạo đã được Nhà nước bảo hộ hoặc *tạo ra, ứng dụng kết quả khoa học và công nghệ được cơ quan có thẩm quyền đánh giá, thẩm định, công nhận* được thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ kết quả nghiên cứu và khai thác giải pháp sáng tạo, hoàn thiện

thương mại hoá sản phẩm công nghệ”²

- Tại Điều 15:

+ Đề nghị nên bổ sung thêm quy định hàng năm Nhà nước đầu tư tài chính theo định mức cho Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các cơ sở giáo dục đại học căn cứ theo số lượng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp và số lượng các công bố quốc tế của cơ sở giáo dục đại học;

+ Tại điểm a khoản 2 Điều 15: Đề nghị bổ sung cụ thể đối tượng tác giả được chi thưởng đối với nội dung “... chi thưởng tối thiểu 2 lần mức lương cơ sở cho *tác giả bài báo* được công bố trong danh mục ISI, ...” tác giả ở đây được hiểu là *tác giả chính* của bài báo hay chỉ cần là tác giả có tên trong danh sách bài báo (trong trường hợp bài báo là sản phẩm hình thành do sự hợp tác nghiên cứu, tác giả chính của bài báo đến từ tổ chức, cơ sở giáo dục khác);

Đề nghị sửa lại theo hướng tăng mức thưởng tối thiểu cao hơn, mở rộng thêm phạm vi thưởng công bố trên tạp chí trong danh mục ISI và Scopus. Qua đó, mới có thể tạo được động lực thúc đẩy nghiên cứu khoa học, thúc đẩy các công bố khoa học quốc tế và các sáng chế, cụ thể: “Cơ sở giáo dục đại học áp dụng mức chi thưởng tối thiểu *6 lần* mức lương cơ sở cho tác giả bài báo được công bố trên tạp chí trong danh mục ISI, *chi thưởng tối thiểu 4 lần mức lương cơ sở cho tác giả bài báo được công bố trên tạp chí trong danh mục Scopus*, chi thưởng tối thiểu *10 lần* mức lương cơ sở cho tác giả 01 sáng chế được bảo hộ và chi tối thiểu *5 lần* mức lương cơ sở cho tác giả 1 giải pháp hữu ích, giống cây trồng được bảo hộ”.

- Tại Điều 18: Đề nghị bổ sung phân công trách nhiệm của cấp Bộ trong hướng dẫn, quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ; bổ sung trách nhiệm của Bộ ngoại giao trong việc thực hiện các chương trình hợp tác, thu hút chuyên gia nước ngoài, các chương trình hợp tác nước ngoài hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

2. Về hình thức trình bày:

Dự thảo	Đề nghị
<p>Các khoản 1, 2, 3 Điều 8:</p> <p>1. Sinh viên được tạo điều kiện tham gia nghiên cứu khoa học và hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.</p> <p>2. Học viên cao học được tạo điều kiện tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp và</p>	<p>Đề xuất sửa lại:</p> <p>1. Sinh viên được tạo điều kiện tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.</p> <p>2. Học viên cao học được tạo điều kiện tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp, hoạt động khoa học</p>

² Phù hợp với quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ.

<p>hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.</p> <p>3. Nghiên cứu sinh được tạo điều kiện tham gia hoặc làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp và hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học theo quy định.</p>	<p>và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.</p> <p>3. Nghiên cứu sinh được tạo điều kiện tham gia hoặc làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp, hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học theo quy định.</p>
<p>Tại khoản 3 Điều 10:</p> <p>...khoa học và công nghệ và khai thác theo thoả thuận với doanh nghiệp.</p>	<p>Đề xuất nên sửa lại:</p> <p>...khoa học và công nghệ, khai thác theo thoả thuận với doanh nghiệp.</p>

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo quan tâm, tổng hợp haonf thiện dự thảo Nghị định./.

Người ký: Phạm Thị Nhân
Thời gian ký: 03.07.2020 14:28:34 +07:00

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT, CNTX.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Sở Giáo dục và Đào tạo
Tỉnh Quảng Ninh
03-07-2020 14:52:48 +07:00

Đinh Ngọc Sơn

UBND TỈNH QUẢNG NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1145/SGDDĐT-VP

Quảng Nam, ngày 08 tháng 7 năm 2020.

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
hoạt động khoa học công nghệ trong
cơ sở giáo dục đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 3370/UBND ngày 22 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học; Căn cứ Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam cơ bản thống nhất với dự thảo của Nghị định và bổ sung thêm ý kiến như sau:

Tại điểm a khoản 2 điều 6 bổ sung cụm từ “trong và ngoài nước” vào sau đoạn “... được tập hợp do một nhà khoa học có uy tín”.

Tại điểm c khoản 3 điều 6 bổ sung cụm từ “của từng giai đoạn” vào sau đoạn “... và dự kiến kinh phí”.

Tại điểm b khoản 4 điều 6 bổ sung cụm từ “tương đương”.

Tại khoản 5 điều 6 bổ sung cụm từ “sau tiến sĩ” vào sau đoạn “... kinh phí đào tạo tiến sĩ”.

Tại điểm b khoản 1 điều 13 bổ sung cụm từ “liên kết với thư viện số của các trường đại học uy tín quốc tế và khu vực” vào sau đoạn “Số hóa thư viện trong các cơ sở giáo dục đại học”.

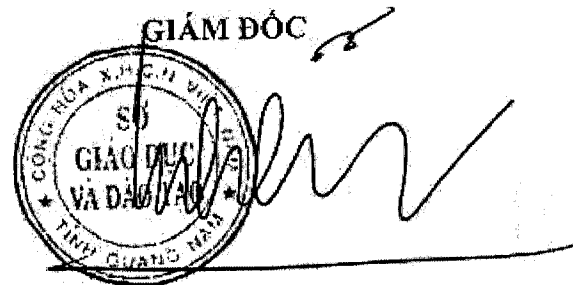
Tại khoản 2 điều 13 chuyển vị trí điểm c lên điểm a (về thứ tự ưu tiên)

Kính báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu VT, VP.

GIÁM ĐỐC



Hà Thanh Quốc:

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1190 /SGDĐT-GDTrH

Sóc Trăng, ngày 01 tháng 7 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Kính gửi: Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 2748/VP-VX ngày 19/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.


Qua nghiên cứu các nội dung trong dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.

Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Khoa học và Công nghệ thông qua Công văn số 451/SKH-CN-QLKHCN ngày 29/6/2020 đều thống nhất nội dung trong dự thảo. *lyl*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, GDTrH. *ph*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Sở Giáo dục và Đào tạo
Tỉnh Sóc Trăng
01-07-2020 16:47:51 +07:00

Châu Tuấn Hồng

Số: 591 /SKHCN-VP

Trà Vinh, ngày 01 tháng 7 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
hoạt động khoa học và công nghệ trong
cơ sở giáo dục đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 2341/UBND-KGVX ngày 18/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học,

Sau khi nghiên cứu dự thảo văn bản, Sở Khoa học và Công nghệ có một số ý kiến đóng góp như sau:

CHƯƠNG II. HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tại Điều 6. Nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh trong cơ sở giáo dục đại học

- Nội dung tại **điểm c, khoản 3**: "...; sản phẩm của Chương trình nghiên cứu phải có đào tạo tiến sĩ, .. đề nghị chỉnh sửa thành "...Chương trình nghiên cứu phải có 1 trong những sản phẩm như đào tạo tiến sĩ,..."

- Nội dung tại **điểm a, khoản 4**: cần quy định rõ trường nhóm đã công bố tối thiểu bao nhiêu bài báo uy tín (ISI/Scopus) đồng thời đề nghị bỏ nội dung "đang hướng dẫn chính nghiên cứu sinh".

- Nội dung tại **điểm c, khoản 4**: nên bổ sung nhà khoa học có nhiều công bố quốc tế và uy tín vào thành viên khác.

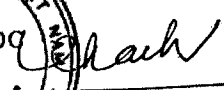
Tại Điều 15. Tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Nội dung tại **mục a, khoản 2**: "Cơ sở giáo dục đại học áp dụng mức chi thường tối thiểu 2 lần mức lương cơ sở cho tác giả bài báo được công bố trên tạp chí trong danh mục ISI" là quá thấp, đề nghị nâng lên 8 lần.

Trên đây là ý kiến của Sở Khoa học và Công nghệ kính gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Sở Khoa học và Công nghệ
Tỉnh Trà Vinh
Lâm Thái Hùng
03-07-2020 07:52:40 +07:00



**UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1980**/SGDDĐT-QLĐT&GDTX

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động KHCN trong cơ sở giáo dục đại học.

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 6 năm 2020.

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 7985/UBND-VX ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học;

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ (KHCN) trong các cơ sở giáo dục đại học; ý kiến góp ý của Trường Đại học Hồng Đức và Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hoá tổng hợp ý kiến góp ý, chỉnh sửa, bổ sung vào dự thảo Nghị định, như sau:

1. Về cấu trúc: Chương II được trình bày từ Điều 3 đến Điều 17:

a. Bổ sung: Chương này cần bổ sung thêm một số nội dung, cụ thể như: nội dung hoạt động nghiên cứu thực hiện các nhiệm vụ KHCN (Đề tài, dự án...); hoạt động sáng kiến kinh nghiệm, sáng tạo kỹ thuật (trong khi có hoạt động NCKH của sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh); Hội nghị, hội thảo khoa học (Hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế...). Đây là các nội dung quan trọng trong cơ sở giáo dục đại học, liên quan đến kinh phí và thời gian triển khai nhiệm vụ.

b. Sắp xếp lại các Điều (trong Chương II) về hoạt động KH&CN đảm bảo tính logic và khoa học hơn (Nên đưa các Điều quy định về hoạt động KH&CN trước các Điều quy định về tổ chức KH&CN, rồi với đến các điều khác).

2. Về nhóm nghiên cứu nên quy định mang tính mở hơn trong Nghị định (đối với các tiêu chí chi tiết, cụ thể nên đưa vào Thông tư hướng dẫn); một số tiêu chí quy định khá chặt chẽ như: *ít nhất 02 thành viên chủ chốt đang hướng dẫn chính nghiên cứu sinh và đã hợp tác với DN hoặc cơ sở giáo dục đại học khác...* dẫn đến nhiều cơ sở giáo dục đại học hoặc lĩnh vực khoa học đặc thù sẽ không thể có nhóm nghiên cứu mạnh, trong khi nhu cầu thì cần thiết để phát triển khoa học và công nghệ.

3. Cần quy định rõ hơn về cơ chế, kinh phí và khen thưởng cho nhóm nghiên cứu có công trình được công bố quốc tế. Vì đây là các nội dung mới, đặc thù để các cơ sở giáo dục đại học thuận lợi trong việc triển khai.

4. Bổ sung thêm Điều quy định về hoạt động khởi nghiệp, sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học.

5. Các góp ý khác

- Bổ sung và giải thích từ ngữ về "Tổ chức KHCN", "Doanh nghiệp KHCN trong cơ sở giáo dục đại học", "Nhà khoa học đầu ngành", "Quỹ phát triển KHCN", doanh nghiệp và doanh nghiệp KHCN", "Phát triển thông tin KHCN".

- Làm rõ hơn nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh; cơ sở vật chất cho KHCN.

- Tại khoản 3 Điều 21 cần bổ sung công bố quốc tế trên các tạp chí thuộc danh mục Scopus.

Trên đây là tổng hợp ý kiến, góp ý vào dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học của Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hoá gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp!.

hah

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT, Phòng QLĐT&GDTX.



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Văn Khoa

Số: 572/SGDDĐT-CTTT
V/v tham gia ý kiến góp ý dự thảo Nghị định
quy định hoạt động khoa học và công nghệ
trong cơ sở giáo dục đại học

Tuyên Quang, ngày 30 tháng 6 năm 2020

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Thực hiện Công văn số 1844/UBND-KGVX ngày 19/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học,

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tư pháp, Tài chính và Trường Đại học Tân Trào nghiên cứu dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học và có một số ý kiến góp ý như sau:

1. Về bố cục dự thảo Nghị định: Nhất trí, không có ý kiến bổ sung.
2. Về nội dung dự thảo Nghị định:
 - Tại phần căn cứ pháp lý, đề nghị bổ sung:
 - + Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2013 ngày 25/6/2015.
 - + Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017.
 - Tại Khoản 1, Điều 1, đề nghị sửa lại như sau: “Nghị định này hướng dẫn chi tiết Điều 42 Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14).
 - Tại Khoản 4, Điều 6, đề nghị sửa lại như sau:
 - + Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục và đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ, Luật kế toán và các văn bản chế độ hiện hành.
 - + Hằng năm, các cơ sở giáo dục và đào tạo thực hiện nghiêm chế độ báo cáo kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với cơ quan quản lý nhà nước và nhà tài trợ (đối với nguồn tài trợ) theo quy định của pháp luật.

- Tại Điều 19, đề nghị bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc tiếp nhận, tổ chức ứng dụng, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất, đặt hàng cơ sở giáo dục đại học nghiên cứu cho phù hợp với quy định tại Điều 76 Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.

- Các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 20, đề nghị bỏ cụm từ “Doanh nghiệp” vì tại đề mục của Điều 20 đã nêu cụ thể. Tương tự như vậy, Điều 21 đề nghị bỏ cụm từ “Cơ sở giáo dục đại học” tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8.

Các nội dung khác hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến bổ sung.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, CTTT (Huệ).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Sở Giáo dục và Đào tạo
Tỉnh Tuyên Quang
30-06-2020 13:53:36 +07:00

Nguyễn Minh Anh Tuấn

**BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 895/ĐHYD-NCKH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2020

V/v trả lời góp ý dự thảo Nghị định
quy định hoạt động khoa học và công
nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ công văn số 2169/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ tình hình thực tế triển khai nghiên cứu tại đơn vị.

Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh đồng ý với các Điều, khoản trong bản dự thảo của Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học. Tuy nhiên sau khi đọc và nghiên cứu kỹ bản dự thảo có một phần tại Điều 8, Chương II xin được gửi góp ý cụ thể như sau: **Đối tượng học viên BSCKII có được tham gia NCKH của cơ sở giáo dục hay không? Vì không thấy được nêu trong điều này.**

Kính mong nhận được sự quan tâm xem xét và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, để các đơn vị có hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học có căn cứ thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NCKH.



PGS.TS. Nguyễn Hoàng Bắc

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

Số: *1111* /ĐHCT-QLKH
V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định hoạt động KH&CN
trong cơ sở giáo dục đại học

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Cần Thơ, ngày 19 tháng 6 năm 2020

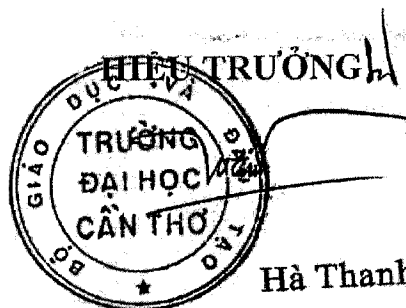
Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện công văn số 2169/BGDĐT ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, trường Đại học Cần Thơ kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo nội dung góp ý được đính kèm theo công văn.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KHTH, QLKH.



Hà Thanh Toàn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

NỘI DUNG GÓP Ý DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH
VỀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Kèm theo Công văn số ~~MMH~~/ĐHCT-QLKH ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Trường Đại học Cần Thơ)

1. Khoản 1 Điều 1 về Phạm vi điều chỉnh và đối tượng điều chỉnh

Khoản 1 Điều 1 của Dự thảo Nghị định (Dự thảo) quy định: “*Nghị định này hướng dẫn chi tiết Khoản 24 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học*”.

Nội dung quy định cần xem xét để hiệu chỉnh chính xác theo tinh thần của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Cụ thể:

- Quy định tại Khoản 24 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học không có bất kỳ nội dung nào chưa rõ ràng cần phải “*hướng dẫn*”. Luật chỉ giao cho Chính phủ “*quy định*” về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;
- Về mặt kỹ thuật lập pháp (đối với Nghị định là kỹ thuật lập quy) nên không có kỹ thuật “*hướng dẫn chi tiết*” chỉ có “*quy định chi tiết*”;
- Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, cụ thể tại Điều 11 chỉ có “*Văn bản quy định chi tiết*” không có “*Văn bản hướng dẫn chi tiết*”.

Từ những phân tích trên, kiến nghị thay thế cụm từ “*hướng dẫn chi tiết*” trong Dự thảo thành cụm từ “*quy định chi tiết*”.

2. Góp ý Khoản 5 Điều 2 của Dự thảo về thuật ngữ “Nhóm nghiên cứu mạnh”

Cụ thể, Dự thảo định nghĩa “Nhóm nghiên cứu mạnh” là “*nhóm nghiên cứu tập hợp các nhà khoa học trong nước và nước ngoài do một nhà khoa học có uy tín đứng đầu, thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tạo ra các sản phẩm có giá trị khoa học và thực tiễn cao, gắn với đào tạo tiến sĩ và nghiên cứu sau tiến sĩ.*”.

Định nghĩa trên có một số vấn đề cần làm rõ:

- Thứ nhất, như thế nào là “*nhà khoa học trong nước*”? Nhà khoa học trong nước là nhà khoa học là công dân Việt Nam hay là nhà khoa học đang công tác (nghiên cứu, giảng dạy) tại một cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam? Nếu “*nhà khoa học trong nước*” là công dân Việt Nam, tức là người có quốc tịch Việt Nam thì định nghĩa trên cần thiết phải thể hiện điều này. Nếu là nhà khoa học đang công tác tại một cơ sở giáo dục trong nước thì cần thiết phải có thêm

một Khoản trong Điều 2 này để trình bày rõ nội dung này. Việc làm rõ nội hàm của thuật ngữ “nhà khoa học trong nước” cũng sẽ giúp làm rõ thuật ngữ “nhà khoa học nước ngoài”.

- Thứ hai, dưới góc độ kỹ thuật cặp cụm từ “trong nước” và “nước ngoài” không phải là cặp cụm từ có thể đi chung với nhau. Bởi vì, cụm từ “trong nước” là để chỉ về lãnh thổ, thể hiện nơi hoạt động của nhà khoa học, còn cụm “nước ngoài” (đi chung với nhà khoa học) là để chỉ về con người (người nước ngoài). Do đó, để đi chung với cụm từ “trong nước” thì phải dùng cụm từ “ngoài nước”; ngược lại phải dùng cụm từ “công dân Việt Nam” để đi với “người nước ngoài”.
- Thứ ba, cần thiết phải làm rõ là cấu trúc của một “nhóm nghiên cứu mạnh” là bắt buộc phải có “nhà khoa học nước ngoài” hay không? Hay điều kiện này là không mang tính bắt buộc? Nội dung điển đạt của Dự thảo không thể hiện được tính chất của yêu cầu này. Về quan điểm, nếu yếu tố “nước ngoài” là bắt buộc đối với một “nhóm nghiên cứu mạnh” cần được xem xét để khuyến khích hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh nội sinh. Cần lưu ý, một nhóm nghiên cứu là “mạnh” hay “không mạnh” phụ thuộc vào năng lực và thành quả nghiên cứu không dựa vào yếu tố quốc tịch.

3. Các vấn đề khác

1. Dự thảo có đề cập đến nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh (Trang 1 và 2). Nhóm nghiên cứu sẽ là nền tảng để phát triển lên nhóm nghiên cứu mạnh nên nhóm nghiên cứu cũng đóng vai trò rất quan trọng ở cơ sở GDĐH. Về tiêu chuẩn và quyền lợi đối với nhóm nghiên cứu mạnh được nêu đầy đủ và rõ ràng trong dự thảo, tuy nhiên tiêu chuẩn và quyền lợi đối với nhóm nghiên cứu chưa được nêu rõ. Vì vậy, cần bổ sung tiêu chuẩn và quyền lợi đối với nhóm nghiên cứu ở cơ sở GDĐH.
2. Từ bằng phát minh thường có 2 hướng để thương mại hóa sản phẩm. Hướng 1 là bán bản quyền. Hướng 2 là thành lập các công ty spin-off (doanh nghiệp khởi nguồn) trong các trường Đại học do chính người nghiên cứu làm chủ doanh nghiệp. Đây là một hướng phù hợp với xu hướng mô hình phát triển của các đại học lớn trên thế giới. Tuy nhiên, luật viên chức chưa cho phép viên chức thành lập và làm chủ công ty. Vì vậy, cần có Điều, Khoản trong quy định để tháo gỡ khó khăn này.
3. Mối liên hệ 3 nhà (Nhà nước (chính quyền thành phố), Nhà Trường và Nhà doanh nghiệp) đã được nêu trong dự thảo. Việc phát triển mối liên hệ 3 nhà này sẽ tạo động lực phát triển khoa học và chuyển giao công nghệ. Mối liên hệ này tốt sẽ đem lại lợi ích của tất cả các bên tham gia. Về phía cơ sở GDĐH, đã có qui định rõ ràng về việc tạo nguồn quỹ cho phát triển khoa học công nghệ (Thí dụ trích 5-10% học phí). Vì vậy, cần có qui định rõ ràng về nguồn quỹ cho việc phát triển

khoa học và công nghệ đối với doanh nghiệp và chính quyền thành phố. Ngoài ra, các nguồn quỹ đầu tư mạo hiểm cũng rất quan trọng cho “start up” hoặc “spin-off”. Do đó, cần qui định rõ hơn về các nguồn quỹ này. Một số nước có thêm quỹ đầu tư mạo hiểm cho liên trường hoặc khu vực, cần tham khảo.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **1700**/CV-ĐHNL - NCKH

V/v Góp ý dự thảo Nghị định Quy định hoạt động
khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

TP. HCM, ngày **06** tháng 07 năm 2020

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.


Thực hiện theo Công văn số 2169/BGDĐT-KHCNMT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 17 tháng 6 năm 2020 về việc góp ý dự thảo Nghị định Quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM góp ý một số ý kiến như sau:

- Tại điều 6, mục 4, phần a: loại bỏ ý “và đang hướng dẫn chính nghiên cứu sinh”.
Bổ sung thêm ý “trưởng nhóm phải có ít nhất 03 bài báo trong danh sách SCI trở lên”.

Trân trọng/

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: HC, NCKH

KT. HIỆU TRƯỞNG *Nguyễn*
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn

Số: 3559/T01-QLKH
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy
định hoạt động KH&CN trong
cơ sở giáo dục đại học

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2020

Kính gửi: Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
Bộ Giáo dục & Đào tạo

Thực hiện Công văn số 2169/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020 của Bộ GD&ĐT về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, Học viện có một số ý kiến như sau:

Việc ban hành Nghị định quy định về hoạt động KH&CN trong cơ sở giáo dục đại học là cần thiết, đưa ra những quy định thống nhất, tạo cơ sở pháp lý vững chắc, điều kiện thuận lợi cho hoạt động KH&CN trong cơ sở giáo dục đại học. Về cơ bản, Học viện ANND đồng ý với những nội dung của dự thảo. Tuy nhiên, Học viện ANND có một số góp ý như sau:

- Cần bổ sung quy định về cơ chế tạo điều kiện và định hướng thiết lập các tạp chí khoa học có uy tín thuộc hệ thống ISI, Scopus và các tạp chí quốc tế có uy tín khác theo Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nhiều nội dung của Nghị định không phù hợp, khả thi đối với các cơ sở giáo dục đào tạo thuộc lực lượng vũ trang; nên có quy định về tính đặc thù đối với các cơ sở giáo dục này như: đặc thù về cơ chế tài chính trong hoạt động KH&CN tại các cơ sở giáo dục đại học này do phụ thuộc rất nhiều vào cơ chế tài chính của Bộ chủ quản; đặc thù liên quan đến việc công bố sản phẩm khoa học; đặc thù về hợp tác quốc tế, hợp tác với các doanh nghiệp; thành lập quỹ phát triển...

- Điều 3, dự thảo Nghị định quy định về kế hoạch khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, theo đó "Cơ sở giáo dục đại học xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ 5 năm và hằng năm trên cơ sở chiến lược phát triển của đơn vị...". Tuy nhiên dự thảo Nghị định chưa có quy định về chiến lược phát triển khoa học, công nghệ của cơ sở giáo dục đại học. Do đó cần bổ sung quy định về xây dựng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.

- Khoản 3 Điều 4 quy định về việc thành lập, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ; bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu trong tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc chưa phù hợp và không thể áp dụng cho mọi cơ sở giáo dục đại học. Đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc các bộ, ngành có tính chất đặc thù như Quân đội, Công an việc thành

lập, giải thể, bổ nhiệm, miễn nhiệm không do cơ sở giáo dục đại học quyết định mà do cấp trên quyết định.

- Khoản 2 Điều 5 quy định “Cơ sở giáo dục đại học được góp vốn bằng giá trị thương hiệu, quyền sở hữu trí tuệ có nguồn gốc ngân sách nhà nước đã được giao hoặc nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước để thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định”. Việc góp vốn chỉ bằng thương hiệu và quyền sở hữu trí tuệ là chưa đủ, cần phải bổ sung hình thức góp vốn bằng quyền sử dụng đất và hệ thống cơ sở vật chất sẵn có của cơ sở giáo dục đó. Các hình thức góp vốn trên cũng thể hiện rõ nét nhất thực trạng doanh nghiệp hóa các tổ chức đang diễn ra hiện nay.

- Tại Điều 6, quy định về nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh là cần thiết. Tuy nhiên, các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 của điều này chỉ lần lượt đề cập đến trình tự công nhận nhóm nghiên cứu mạnh, nhân lực tham gia nhóm nghiên cứu mạnh, tiêu chuẩn trưởng nhóm và thành viên nhóm nhóm nghiên cứu mạnh, kinh phí hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh... mà không có các quy định đối với nhóm nghiên cứu.

- Khoản 4 Điều 6 quy định về trưởng nhóm là giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học là chưa bao quát, trong thực tế trưởng nhóm có thể là chuyên viên của cơ sở giáo dục đại học. Quy định thành viên nhóm nghiên cứu mạnh phải có công trình khoa học công bố quốc tế chung với trưởng nhóm hoặc các thành viên chủ chốt là không phù hợp, nhất là đối với các cơ sở giáo dục mang tính đặc thù của lực lượng vũ trang, công trình khoa học có liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật nội bộ không thể công bố quốc tế.

- Điều 8 quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh. Trong đó, những vấn đề từ khoản 1 đến khoản 3 rất chung chung, cần giải thích rõ hơn “tạo điều kiện” những vấn đề gì và bằng cách nào? Hiện quy định không có tính chất pháp quy, ràng buộc. Đề nghị bổ sung thêm Khoản 4 quy định về chế độ, chính sách động viên, khen thưởng đối với sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh có thành tích trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

- Điều 10: Cần bổ sung quy định về hợp tác khoa học và công nghệ giữa cơ sở giáo dục đại học với các chủ thể khác ở trong nước (với các cơ sở giáo dục đại học khác, với các viện nghiên cứu...). Khoản 1, Điều 10 cần quy định mở rộng không chỉ đối với các doanh nghiệp, nên chỉnh sửa thành “chủ động tìm hiểu nhu cầu đổi mới công nghệ và đổi mới sản phẩm của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân”.

- Điểm d, Khoản 3, Điều 14 nên sửa như sau: Hỗ trợ và tài trợ kinh phí cho nhóm nghiên cứu mạnh, nhà khoa học công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus, đăng ký sở hữu trí tuệ,...

- Điểm a, Khoản 2, Điều 15: bổ sung thêm danh mục Scopus, sau tạp chí thuộc danh mục ISI.

- Điều 11 cần quy định rõ và cụ thể hơn, có tính đến đặc thù của các cơ sở giáo dục đại học của lực lượng vũ trang khi công bố công trình khoa học trên các tạp chí ISI/Scopus. Khoản 6 Điều 11 bổ sung quy định về việc giảng viên có thể được ký kết hợp đồng thuê khoán chuyên môn, tham gia nhóm nghiên cứu

của cơ sở giáo dục đại học ngoài cần “báo cáo và được sự đồng ý của cơ sở giáo dục đại học”.

- Điều 13 cần ghi rõ đầu tư cơ sở vật chất cho các tổ chức khoa học và công nghệ (vì đây là cơ quan tổ chức và thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ) và các đơn vị hoạt động thông tin khoa học và công nghệ (Điều 12 đã đề cập đến vai trò của các đơn vị này).

- Điều 15 và 16 nên gộp lại vì cùng quy định vấn đề tài chính và cần thống nhất thuật ngữ tài chính, kinh phí, nguồn vốn. Tại điểm a, khoản 1 Điều 15 cần tính toán việc quy định ngân sách nhà nước đầu tư cho việc đào tạo tiến sĩ trong nhóm nghiên cứu mạnh là không phù hợp, khả thi (kinh phí chỉ được chi cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, không thể chi cho hoạt động đào tạo tiến sĩ vì không liên quan).

- Điểm a, khoản 2 Điều 15 quy định về chi thường tối thiểu cho các tác giả có bài báo công bố quốc tế trên tạp chí bao gồm cả bài thuộc danh mục ISI và Scopus. Mặt khác, cần quy định rõ hơn mức chi kinh phí đối với các đề tài khoa học các cấp.

- Điều 20 giải thích trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học chưa thấy đề cập đến trách nhiệm, quyền hạn của các tổ chức (là những tổ chức nào: viện nghiên cứu; trung tâm khoa học và công nghệ; phòng thí nghiệm như nêu tại khoản 1, Điều 4). Còn thiếu việc xác định trách nhiệm, quyền hạn đối với giảng viên, sinh viên đại học, học viên cao học, nghiên cứu sinh.

- Khoản 3, Điều 21 cần bổ sung thêm tạp chí Scopus. Đồng thời, Khoản 3 và khoản 7 Điều 21 có nội dung trùng nhau cần tính toán gộp lại.

- Điều 22 cần nêu rõ Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định có hiệu lực.

Trên đây là những ý kiến góp ý của Học viện ANND đối với Dự thảo Nghị định. Kính gửi Quý vụ xem xét, quyết định./. *lmq*

Nơi nhận:

- Đ/c Giám đốc Học viện (để báo cáo);
- Như kính gửi;
- Lưu: VT, QLKH.



Thiếu tướng, PGS, TS Trần Anh Vũ

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

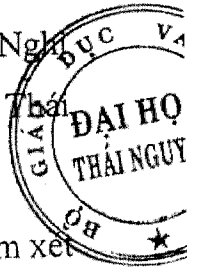
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1101 /ĐHTN-KHCNMT
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định về
hoạt động KH&CN trong cơ sở giáo dục
đại học

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 6 năm 2020

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Ngày 18/6/2020, Đại học Thái Nguyên đã nhận được Công văn số 2169/BGDĐT-KHCN ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Bộ Giáo dục đào tạo về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về hoạt động KH&CN trong cơ sở giáo dục đại học; Đại học Thái Nguyên hoàn toàn thống nhất và ủng hộ quan điểm xây dựng Nghị định Quy định về hoạt động KHCN trong cơ sở giáo dục đại học. Đại học Thái Nguyên xin được góp ý một số nội dung sau:



1. Khoản 1, Điều 6, đề nghị sửa lại như sau: “Cơ sở giáo dục đại học xem xét và ban hành Quyết định công nhận nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh theo quy định hiện hành”. (Lý do: theo dự thảo “Cơ sở giáo dục đào tạo ban hành quy định và ...” không rõ là quy định về nội dung gì: quy chế hoạt động, điều kiện công nhận nhóm nghiên cứu,..).

Cũng trong Điều này đề nghị làm rõ Cơ sở giáo dục đại học nào có quyền xem xét công nhận và quản lý nhóm nghiên cứu đối với các nhóm nghiên cứu được tập hợp bởi các nhà khoa học của nhiều cơ sở giáo dục đại học và tổ chức khác nhau.

2. Điều 6, Mục 3, Khoản a: Bỏ điều kiện “hướng dẫn chính” để sửa thành “Trưởng nhóm và có ít nhất 02 thành viên chủ chốt đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại Điều này, đang tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh và đã hợp tác với doanh nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học khác trong nghiên cứu khoa học”

3. Điều 10, Khoản 2, đề nghị bỏ cụm từ “tại cơ sở giáo dục đại học” trong câu “Cơ sở giáo dục đại học được hợp tác với doanh nghiệp đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm nghiên cứu chung tại cơ sở giáo dục đại học,..”.

4. Đề nghị bỏ khoản 4, khoản 5 vì không phù hợp với tiêu đề của Nghị định (nội dung này nên đưa vào các quy định đối với doanh nghiệp).

5. Điểm b, khoản 1, Điều 13: Đề nghị thay cụm từ “Số hóa thư viện” bằng cụm từ “Đầu tư xây dựng thư viện điện tử”.

6. Điều 8, Khoản 1: Nghị định cần quy định rõ cơ sở giáo dục đại học phải sử dụng tối thiểu 3% kinh phí từ nguồn thu học phí đào tạo cho nghiên cứu khoa học của người học (bao gồm sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh).

7. Điều 14, Khoản 2, Mục c: Cần định nghĩa rõ nguồn thu hợp pháp bao gồm những nguồn thu nào, hoặc chỉ cần nêu rõ: Hằng năm, cơ sở giáo dục đại học trích tối thiểu 5% từ nguồn thu học phí (đối với cơ sở giáo dục đại học nghiên cứu trích tối thiểu 8% từ nguồn thu học phí).

8. Điều 17, Khoản 1: Thêm vào “Cơ sở giáo dục đại học có thể sử dụng tài sản được hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước để liên doanh, liên kết sản xuất kinh doanh, làm dịch vụ và thanh lý tài sản theo quy định”. Vì hiện nay, nhiều tài sản được hình thành từ nhiệm vụ KHCN sử dụng ngân sách nhà nước không được sử dụng hiệu quả, hoặc bỏ không tự xuống cấp gây lãng phí.

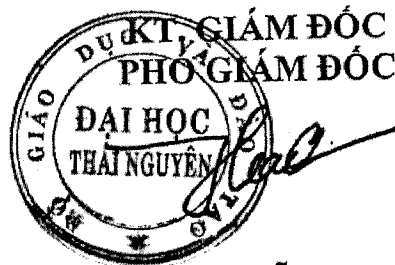
9. Điều 21, Khoản 3: Bổ sung khen thưởng đối với bài báo đăng trên tạp chí trong danh mục Scopus.

Trân trọng./.

Nơi nhận: ✓

- Như trên (v/h);

- Lưu VT, KHCN&MT.



PGS.TS. Nguyễn Hữu Công

**TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH
HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

(tính đến 5/8/2020)

Tổng cộng có 232 ý kiến góp ý từ 55 đơn vị, cụ thể như sau:

- 1. Bộ, ngành:** có 13 Bộ có ý kiến góp ý: Bộ KHHCN, Bộ KHĐT, Bộ NN&PTNT, Bộ VH-TT-DL, Bộ Xây dựng, Bộ GTVT, Bộ Công thương, Bộ Nội vụ, Bộ QP, Bộ TN-MT, Bộ TTTT, Bộ Tài chính, Bộ KHĐT với 87 ý kiến góp ý chung và cụ thể
- 2. Cơ sở GDĐH:** Có tổng thể 11 đơn vị /20 đơn vị xin ý kiến góp ý kiến: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng, Đại học Thái Nguyên, Trường ĐHQG Hà Nội, Trường ĐHTH Cần Thơ, Trường ĐHNông lâm HCM, Học viện hành chính Quốc gia, trường Đại học Mở - Địa chất, Học viện Kỹ thuật QS, trường Đại học Y dược Hồ Chí Minh với 8 ý kiến góp ý chung và 72 ý kiến góp ý chung và cụ thể:
- 3. UBND tỉnh, Sở GD &ĐT (6 UBND, 25 Sở GD &ĐT):** 78 ý kiến

I. Ý kiến góp ý chung

Số TT	Ý kiến góp ý chung của các đơn vị (Bộ, UBND, CSGD ĐH, Sở GD &ĐT) (27 ý kiến)	Đơn vị góp ý	Ý kiến Vụ KHHCNMT
1	Dự thảo Nghị định được xây dựng công phu, chặt chẽ, nghiêm túc	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	
2	Bỏ từ cán bộ trong cả văn bản, chỉ để từ viên chức	Đại học Huế	Tiếp thu
3	Danh xưng tạp chí danh mục ISI đề nghị thay bằng danh mục WoS	Đại học Huế	Không tiếp thu
4	Nhất trí về cơ bản nội dung dự thảo	Trường Đại học Mở-Địa chất	
5	Về cơ bản, dự thảo phản ánh được sự phát triển không ngừng của các hoạt động khoa học và công nghệ, đòi hỏi phải có những cập nhật trong quy định pháp lý để thực hiện quản lý hoạt động KHHCN ở các cơ sở giáo dục đại học. Tuy nhiên dự thảo thiếu sự chi tiết, gây khó khăn cho các trường nếu được ban hành, các thuật ngữ cần bám sát vào Luật Giáo dục đại học, Luật KHHCN 2013, Nghị định 40/2014, 27/2020/NĐ-CP. Những ưu tiên cho nhà khoa học trẻ và trường đại học nghiên cứu có nguồn nhân lực mạnh về nghiên cứu không được thể hiện trong văn bản. Những quyền lợi về giờ giảng cũng nên được đề cập để thúc đẩy nghiên cứu khoa học trong cơ sở giáo dục đại học vì đây là điểm khác so với các nhà khoa học làm tại viện nghiên cứu	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Không tiếp thu, sẽ có hướng dẫn của Bộ

6	- Nghị định cần đưa vào thực tiễn, có tính khả thi. Cần có chế tài với Bộ Tài chính hoặc nêu các CSGDĐH nếu kg thực hiện, chỉ cần 5% doanh thu phải quy định rõ bao nhiêu % cho để tài dự án.	Đại học Thái Nguyên	Không TT vì cần tăng cường nguồn thu cho quỹ đầy mạnh hoạt động cơ sở
7	Trong toàn bộ dự thảo Nghị định chưa thấy cụ thể mục tiêu hoạt động KH&CN được quy định trong Luật GD ĐH, thí dụ mục tiêu đầu tiên năm nâng cao chất lượng GD ĐH thì phải có quy định trách nhiệm tổ chức nghiên cứu KH phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo	Học viện KTQS	Không TT, đã có nêu trong luật 2013
8	Điều 7, khoản 1, Điều 9 Khoản 1, Điều 11 khoản 1 thầy từ giảng viên bằng cụm từ ‘cán bộ, công chức	ĐHQGHN	Không tiếp thu vì, Trong CSGDĐH không có khái niệm công chức
9	Tại trang 1, khổ thứ nhất, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, sửa đổi “Theo Khoản 1 Điều 24” thành “Theo khoản 24 Điều 1 ” của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018.	Bộ KH&CN	Tiếp thu, sửa
10	- Theo Luật Giáo dục đại học năm 2012, các quy định về hoạt động khoa học và công nghệ được quy định tại Chương V về hoạt động khoa học và công nghệ bao gồm 04 Điều: Điều 39, 40, 41, và 42. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung Điều 42 tại khổ thứ 3, trang 1, Mục I về sự cần thiết ban hành Nghị định	Bộ KH&CN	Tiếp thu đưa vào tờ trình
10	Về kết cấu Ban soạn thảo nên xem xét, cân nhắc cấu trúc một chương riêng về Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ (KH&CN) trong các cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH) (Chương III) trên cơ sở các quy định tại Điều 6 (Nhóm nghiên cứu và Nhóm nghiên cứu mạnh trong các CSGDĐH), Điều 13 (Đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động KH&CN trong các CSGDĐH), Điều 14 (Quỹ phát triển KH&CN trong các CSGDĐH), Điều 15 (Tài chính cho hoạt động KH&CN), Điều 16 (kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN), Điều 17 (Tài sản từ hoạt động KH&CN). Nên cân nhắc gộp Chương III về Tổ chức thực hiện với Chương IV về Điều khoản thi hành thành Chương IV. Như vậy, Nghị định sẽ gồm 4 Chương: Chương I (Điều khoản chung), Chương II (Hoạt động KH&CN trong các CSGDĐH), Chương III (Phát triển tiềm lực KH&CN trong các CSGDĐH), Chương IV (Điều khoản thi hành).	Bộ KH&CN	Xem sau
11	Dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học được xây dựng nhằm hướng dẫn chi tiết Khoản 24 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Trong đó, tại Mục 1 Khoản 24 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học quy định: Nhà nước tập trung đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, tạo cơ chế chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học phục vụ phát triển đất nước; ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực đạt trình độ nghiên cứu ngang tầm khu vực và quốc tế.	Bộ Công Thương	Tiếp thu bổ sung nội dung hệ sinh thái khởi nghiệp

	<p>Do đó, dự thảo Nghị định cần cấu trúc và xây dựng để thực hiện hóa những nội dung nêu trên.</p> <p>Khi dự thảo Nghị định trên được ban hành sẽ thay thế Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học. Do vậy Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có báo cáo rà soát đánh giá hiệu quả, khó khăn khi thực hiện Nghị định số 99/2014/NĐ-CP để làm cơ sở cho việc xây dựng và kết cấu nội dung như trong dự thảo Nghị định.</p>		
12	<p>Góp ý chung:</p> <p>- Theo dự thảo Tờ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong giai đoạn vừa qua, hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học được điều chỉnh, hướng dẫn bởi Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học, Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30/5/2011 của Bộ giáo dục và Đào tạo quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học. Tuy nhiên việc thực hiện các Nghị định, Thông tư nêu trên trong thời gian qua đã bộc lộ những hạn chế và bất cập dẫn đến hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục chưa hiệu quả.</p> <p>Đề nghị nghiên cứu, đánh giá việc thực hiện các văn bản pháp lý điều chỉnh hoạt động khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học thời gian qua để làm căn cứ đề xuất các giải pháp, cơ chế, chính sách bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay đồng thời khắc phục được những hạn chế, bất cập.</p> <p>Theo đánh giá của Bộ giáo dục và Đào tạo tại dự thảo Tờ trình, hiện nay, đang có sự mất cân đối giữa hoạt động đào tạo và hoạt động khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học, các cơ chế, chính sách nhằm thu hút ưu đãi giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học chưa thực sự hiệu quả nên hoạt động khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục còn hạn chế.</p> <p>Do vậy, đề nghị nghiên cứu, bổ sung trong dự thảo Nghị định nội dung quy định về cơ chế khuyến khích đội ngũ giảng viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học như quyền được hưởng các lợi nhuận đem lại từ việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, gắn hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên với chính sách bồi dưỡng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ giảng viên...</p>	Bộ KHĐT	Không tiếp thu đã có quy định tại nghị định 40, 87, và nhiều văn bản quy định khác
13	<p>- Đề nghị rà soát toàn bộ Dự thảo để làm rõ tính đặc thù của hoạt động khoa học công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, tránh trùng lặp và phù hợp với các quy định về hoạt động khoa học và công nghệ tại Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13, Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ</p>	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	Tiếp thu bổ sung, nội dung về phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp

	<p>quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.</p> <p>- Dự thảo chưa có các quy định về chính sách và cơ chế khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học phục vụ phát triển đất nước; ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực đạt trình độ nghiên cứu ngang tầm khu vực và quốc tế.</p> <p>- Dự thảo Nghị định gồm 04 Chương, 23 Điều là phù hợp. Tuy nhiên, việc sắp xếp các chương, điều cần theo logic: quy định chung, quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, quy định về các điều kiện đảm bảo thực hiện (tổ chức, nhân lực, tài chính, tài sản,...), kiểm tra, giám sát, xử lý và thi hành.</p> <p>- Điều 4,5,6,13,14,15,16,17 Chương II quy định về tổ chức khoa học công nghệ, doanh nghiệp khoa học công nghệ, nhóm nghiên cứu, đầu tư cơ sở vật chất, quỹ phát triển khoa học và công nghệ, tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ, kính phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, tài sản từ hoạt động khoa học và công nghệ là không thực sự phù hợp với tên chương.</p>		
14	<p>- Các quy định tại Điều 8, 9, 10, 11, 12 về hoạt động khoa học và công nghệ như sở hữu trí tuệ, nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viện cao học, nghiên cứu sinh, hoạt động chuyên giao công nghệ, hợp tác trong và ngoài nước, thông tin khoa học cần cụ thể hơn để triển khai thực hiện. Hạn chế sử dụng các quy định chung chung như “khuyến khích”, “tạo điều kiện” sẽ khó khăn trong việc triển khai thực hiện và giám sát, đánh giá.</p>	NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	Không tiếp thu vì có thông tư riêng hướng dẫn thực hiện
15	<p>Dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo được bố cục chặt chẽ, logic; nội dung của dự thảo Nghị định đầy đủ, khá thi, tạo cơ chế thuận lợi cho sự phát triển hoạt động khoa học và công nghệ tại cơ sở giáo dục đại học; kết cấu và nội dung Tờ trình Chính phủ đã bám sát kết cấu và nội dung cơ bản của Nghị định. Tuy nhiên, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, sửa đổi quy định về trích quỹ từ nguồn thu hợp pháp tại Điểm c, Khoản 2, Điều 14, Chương II của dự thảo như sau: “Cơ sở giáo dục đại học được phép sử dụng quỹ phát triển sự nghiệp để chi cho các hoạt động khoa học công nghệ”. Bởi vì, quy định về trích quỹ từ nguồn thu hợp pháp tại dự thảo tương đồng với quy định về Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.</p>	VHTTDL	Không tiếp thu vì dự thảo nghị định yêu cầu lập quỹ PTKHCN riêng độc lập với các Quỹ khác
16	<p>Tại Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (có hiệu lực thi hành từ 15/02/2020), trong đó đã quy định</p>	BỘ NỘI VỤ	Tiếp thu, BS khoản quy định bỏ hướng dẫn Điều 16 NĐ 99/2019; BS vào cả tờ trình và sửa Khoản 1 Điều 1 của Nghị định 99/2019

	chi tiết và hướng dẫn thi hành khoản 24 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học (Điều 16). Vì vậy, đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo làm rõ cơ sở pháp lý của việc ban hành Nghị định quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, bảo đảm không trùng lặp với nội dung quy định tại Nghị định số 99/2019/NĐ-CP nêu trên.		
17	Nhất trí	UBND Kiên Giang	
18	Nhất trí	UBND Sóc Trăng	
19	Nhất trí	UBND Hà Nội	
20	Toàn văn bản Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động tổ chức khoa học công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học định kỳ 05 năm; từ đó, xem xét sáp nhập hoặc giải thể các tổ chức khoa học công nghệ hoạt động không hiệu quả.	UBND Vĩnh Long	Không tiếp thu nghiên cứu tiếp
21	Nhất trí	Sở GD&ĐT Ninh Bình	
22	Nhất trí	Sở GD&ĐT Khánh Hòa	
23	Nhất trí	Sở GD&ĐT Đắk Nông	
24	Cách đánh số trang được quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ - CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư (Phụ lục I)	Sở GD&ĐT Bắc Giang	Tiếp thu đánh số trang theo quy định
25	Rà soát lại thể thức trình bày theo đúng quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 5/3/2020.	Sở GD&ĐT Yên Bái	Tiếp thu đánh số trang theo quy định
26	Nhất trí với nội dung, bố cục và sự cần thiết xây dựng Nghị định Rà soát lỗi kỹ thuật: lỗi thừa ký tự Khoản 4 Điều 4; Khoản 1 Điều 7 KH&CN lặp lại ở đoạn thứ nhất trang 1 của Tờ trình.	Bộ Ngoại giao	Tiếp thu và sửa
27	1. Về sự cần thiết và căn cứ xây dựng: - Căn cứ quy định tại Khoản 24 Điều 1 Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung năm 2018, Bộ Tài chính thống nhất với Bộ GD&ĐT về căn cứ xây dựng dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học công nghệ (KH&CN) trong cơ sở giáo dục đại học (CSGDDH). Việc xây dựng dự thảo Nghị định đề nghị thực hiện theo các quy định hiện hành về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. - Về sự cần thiết: Theo nội dung tại dự thảo Tờ trình của Bộ GD&ĐT (kèm theo công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17/6/2020): Căn cứ các quy định tại Luật Giáo dục ĐH năm 2012 (Điều 39, 40, 41), Bộ GD&ĐT đã ban hành Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT quy định về hoạt động KH&CN trong CSGDDH và đã chủ trì soạn thảo, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 99/2014/NĐ-CP quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KH&CN trong các CSGDDH. Do vậy, đề nghị Bộ GD&ĐT cần có báo cáo đánh rõ về tình hình	Bộ Tài chính	Tiếp thu Tiếp thu, tờ trình nói rõ, có một báo cáo, Huyền làm

	<p>thực hiện Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT, Nghị định số 99/2014/NĐ-CP và căn cứ các quy định mới tại Luật Giáo dục ĐH sửa đổi (nếu có) từ đó làm rõ các vướng mắc, bất cập và sự cần thiết cần ban hành Nghị định về hoạt động KHCN trong CSGDDH.</p> <p>2. Về nguyên tắc xây dựng dự thảo Nghị định:</p> <p>Đề nghị Bộ GD&ĐT rà soát, đảm bảo: (1) Tuân thủ các quy định hiện hành: (i) Về giáo dục ĐH như Luật Giáo dục, Luật giáo dục ĐH số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012, ...; Các quy định về quản lý tài chính, tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập: Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017; Luật NSNN; Luật Đầu tư công; Luật KHCN; Các quy định về tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hướng dẫn thực hiện...; và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan; (2) Không trùng lặp với các quy định đã có tại Luật giáo dục ĐH năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung năm 2018.</p>
Tiếp thu rà soát	

II. Ý kiến góp ý cụ thể (205 ý kiến)

NGHỊ ĐỊNH	Ý kiến góp ý	Đơn vị góp ý	Ý kiến KHCNMT	Vụ
Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học				
<i>Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;</i>				
<i>Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;</i>				
<i>Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;</i>				
<i>Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;</i>				
<i>Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.</i>				
Chương NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG				
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng		ĐHQGHN		
1. Nghị định này hướng dẫn chi tiết Khoản 24 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng không nên ghép lại, nên quy định là Nghị định này quy định chi tiết - Khoản 1 Điều 1 của Dự thảo nêu "Nghị định này hướng dẫn chi tiết khoản 24 Điều 1 c". Tuy nhiên, Luật số 34/2018/QH14, Điều 1 không có khoản 24.	Bộ NNPTNT		Tiếp thu: ND này quy định chi tiết và hướng

<p>soạn, tạp chí khoa học, cơ sở dữ liệu...) và nguồn tài chính thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.</p>	<p>- Điều 3 Luật Khoa học và Công nghệ quy định “hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ” thuộc hoạt động khoa học và công nghệ. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 2 Dự thảo không quy định “hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ” thuộc hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học. Vì vậy, đề nghị xem xét để đảm bảo hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học được thực hiện đầy đủ các nội dung như quy định tại Luật Khoa học và Công nghệ.</p> <p>Bổ sung hoạt động chuyên giao công nghệ, chuyên giao kết quả nghiên cứu</p>	
<p>2. <i>Hoạt động khoa học và công nghệ</i> trong cơ sở giáo dục đại học là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, ứng dụng công nghệ, phát huy sáng kiến và các hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.</p>	<p>- Khoản 2 đã có giải thích “Hoạt động KH&CN trong CSGDDH” dựa theo Luật khoa học và công nghệ. Tuy nhiên, cần bổ sung “<i>dịch vụ khoa học và công nghệ</i>” để tương thích với định nghĩa về “hoạt động KH&CN” được nêu trong Luật khoa học và công nghệ năm 2013.</p> <p>- Một số nội dung của dự thảo Nghị định có đề cập đến hoạt động đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu bổ sung giải thích từ ngữ “hoạt động đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học”.</p> <p>- Điều 2 của Dự thảo: Đề nghị Ban soạn thảo xem xét bổ sung khái niệm quy định về nhân lực tham gia hoạt động khoa học công nghệ.</p>	<p>Trường Đại học Sư phạm Hà Nội</p> <p>Bộ KHCN</p> <p>Bộ Xây Dựng</p> <p>Đại học Huế</p> <p>Học viện KTQS</p> <p>Đại học Huế</p>
<p>3. <i>Nhóm nghiên cứu</i> là tập thể nhà khoa học từ 3 người trở lên, hợp tác triển khai hoạt động nghiên cứu, đào tạo chung nhằm mục tiêu nâng cao năng lực khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.</p>	<p>Khoản 2. Điều 2. Nên sửa lại là: <i>Hoạt động khoa học và công nghệ</i> trong cơ sở giáo dục đại học bao gồm nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyên giao công nghệ, phát minh sáng chế và các hoạt động sáng tạo khác nhằm đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.</p> <p>Giải thích “hoạt động khoa học và Công nghệ” còn thiếu “dịch vụ KHCN”, đồng thời chưa làm khác biệt hoạt động KHCN chung và Hoạt động KHCN trong CSGDDH</p> <p>nên sửa lại là “Nhóm nghiên cứu mạnh là nhóm nghiên cứu do một nhà khoa học có uy tín cao trong nước</p>	<p>Kg tiếp thu vì đã có khái niệm</p> <p>Không Tiếp thu vì đã quy định theo luật KHCN 2013</p> <p>Đã tiếp thu ở trên</p> <p>Không tiếp thu vì định nghĩa này chưa khái quát được bản chất của nhóm nghiên cứu mạnh</p>

	<p>Khoản 3 Điều 2 xem xét sửa thành: Nhóm nghiên cứu là nhóm từ 02 người trở lên</p> <p>Khái niệm nhóm nghiên cứu làm xuất hiện thêm khái niệm “nhà khoa học” trong khi Luật KHCN 2013 không giải thích khái niệm này, cần trích điều 6 khoản 3 vào đây, Nghị định 40/2014 cũng chỉ có khái niệm nhà khoa học đầu ngành</p> <p>Tại khoản 3, 4 Điều 2 giải thích từ ngữ, đề nghị xem xét lại các giải thích về nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh, bởi: Hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học cần khuyến khích sự tham gia của cán bộ, giảng viên và người học trong các cơ sở giáo dục đại học, đặc biệt là đội ngũ giảng viên. Do đó, việc chỉ đề cập đến các nhà khoa học trong phân giải thích là không rõ ràng về đối tượng tham gia của các nhóm này.</p> <p>- Đề nghị xem xét bổ sung quy định về hợp tác và khoa học và công nghệ giữa các cơ sở giáo dục đại học bên cạnh quy định về hợp tác và khoa học và công nghệ giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp.</p> <p>Đề nghị bỏ khái niệm “Nhóm nghiên cứu” hoặc gộp với khái niệm “Nhóm nghiên cứu mạnh” tại khoản 4 do các quy định hoạt động về khoa học công nghệ đối với đối tượng “Nhóm nghiên cứu” ít được đề cập đến trong dự thảo Nghị định;</p> <p>Cần làm rõ thế nào là nhà khoa học trong nước, nhà khoa học trong nước là công dân Việt nam hay là nhà khoa học đang nghiên cứu và giảng dạy tại cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam, tức là người có quốc tịch Việt Nam thì định nghĩa trên phải thể hiện đều này; còn nếu lãnh đạo khoa học đang nghiên cứu và giảng dạy tại cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam thì phải thêm một khoản tại Điều 2 quy định về việc này.</p> <p>Cụ từ “trong nước” cần đi với cụm từ “Ngoài nước”; cụ từ “công dân Việt Nam” đi với “người nước ngoài”.</p> <p>Cần làm rõ cấu trúc nhóm nghiên cứu mạnh, có cần nhà khoa học nước ngoài hay không, đây có phải là điều kiện</p>	<p>Bộ Xây Dựng</p> <p>Sp Hà Nội</p> <p>BỘ TTTT</p> <p>Sở GD &ĐT Tuyên Quang</p> <p>Đại học Huế</p>	<p>Không tiếp thu, Nhóm NC như một tập thể NC vì vậy phải lớn hơn = 3 người</p> <p>Không tiếp thu vì Nhà khoa học là khái niệm phổ cập</p> <p>Không tiếp thu, vì giảng viên trong cơ sở GDĐH là nhà khoa học</p> <p>Không tiếp thu, vì cần khái niệm nhóm NC phân biệt NNC mạnh</p> <p>Không tiếp thu, nhà KH đã phổ dụng</p> <p>Tiếp thu cụm từ Trong nước</p>
<p>4. Nhóm nghiên cứu mạnh là nhóm nghiên cứu tập hợp các nhà khoa học do một nhà khoa học có uy tín cao trong nước và quốc tế đứng đầu, thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tạo ra các sản phẩm có giá trị khoa học và thực tiễn cao, gắn với đào tạo tiến sĩ và nghiên cứu sau tiến sĩ.</p>			

	<p>bắt buộc hay không. Nếu yếu tố nước ngoài là bắt buộc thì nên khuyến khích các nhóm nghiên cứu nội sinh. Năng lực một nhóm nghiên cứu phụ thuộc vào thành quả và năng lực nghiên cứu, không phụ thuộc vào yếu tố quốc tịch</p> <p>Đề nghị khái niệm/định nghĩa “nhóm nghiên cứu mạnh” rõ ràng hơn, đo lường được để thống nhất về ý nghĩa đối với mọi tổ chức, cá nhân được điều chỉnh bởi Nghị định này. Ví dụ: Cụm từ “có uy tín cao trong nước và quốc tế” được thể hiện bằng bằng chứng gì; cụm từ “sản phẩm có giá trị khoa học và thực tiễn cao” cần phải đo lường được.</p> <p>Đề nghị bổ sung thêm “Nhóm nghiên cứu mạnh” là nhóm nghiên cứu phải có tiềm lực khoa học công nghệ mạnh... Làm rõ thêm từ ngữ “nhà khoa học có uy tín cao” và xây dựng tiêu chuẩn để đánh giá là nhà khoa học có uy tín cao.</p> <p>Đề nghị làm rõ: khái niệm “... các nhà khoa học có uy tín cao trong nước và quốc tế ...” được xác định theo các tiêu chí nào?</p> <p>Khoản 4, Điều 2: cần có tiêu chí định lượng mà khoa học có uy tín cao trong nước, ví dụ có học hàm, học vị, có trên 5 hay 10 bài báo ISI là tác giả chính... (có thể áp dụng tiêu chí áp dụng cho nhà khoa học đầu ngành tại Nghị định 40)</p> <p>Khoản 4, Điều 2, nên quy định “<i>Nhóm nghiên cứu mạnh</i> là nhóm nghiên cứu do một nhà khoa học có uy tín cao trong nước vì đã có định nghĩa nhóm nghiên cứu ở khoản 3</p> <p>Đề nghị bổ sung thêm “Nhóm nghiên cứu mạnh” là nhóm nghiên cứu phải có tiềm lực khoa học công nghệ mạnh... Làm rõ thêm từ ngữ “nhà khoa học có uy tín cao” và xây dựng tiêu chuẩn để đánh giá là nhà khoa học có uy tín cao</p>	<p>Không tiếp thu vì sẽ có thông, tư hướng dẫn chi tiết</p> <p>Không tiếp thu lý do như trên</p> <p>Không tiếp thu, vì sẽ có TT hướng dẫn chi tiết</p> <p>Không tiếp thu vì có TT HD chi tiết</p> <p>Không tiếp thu vì có TT HD chi tiết</p> <p>Không tiếp thu vì có TT HD chi tiết</p> <p>Không tiếp thu vì có TT HD chi tiết</p>
<p>Sở GD&ĐT Cần Thơ</p> <p>UBND tỉnh Vĩnh Long</p> <p>Sở GD&ĐT Yên Bái</p> <p>Sp Hà Nội</p> <p>Đại học Huế</p> <p>UBND Vĩnh Long</p> <p>Sở GDĐT Yên Bái</p> <p>Bộ NNPTNT</p>	<p>UBND tỉnh Vĩnh Long</p> <p>Sở GD&ĐT Yên Bái</p> <p>Sp Hà Nội</p> <p>Đại học Huế</p> <p>UBND Vĩnh Long</p> <p>Sở GDĐT Yên Bái</p> <p>Bộ NNPTNT</p>	<p>Đề nghị làm rõ Khoản 4, Điều 2: khái niệm “... các nhà khoa học có uy tín cao trong nước và quốc tế ...” được xác định theo các tiêu chí nào?</p> <p>- Các quy định tại Điều 8, 9, 10, 11, 12 về hoạt động khoa học và công nghệ như sơ hữu trí tuệ, nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh, hoạt động chuyển giao công nghệ, hợp tác trong và ngoài nước, thông tin khoa học cần cụ thể hơn để triển khai thực hiện. Hạn chế sử dụng các quy định chung chung như “khuyến khích”,</p>
<p>II HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC</p>		

	"tạo điều kiện" sẽ khó khăn trong việc triển khai thực hiện và giám sát, đánh giá.	
Điều 3. Kế hoạch khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học		
1. Cơ sở giáo dục đại học xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ 5 năm và hằng năm trên cơ sở chiến lược phát triển của đơn vị; mục tiêu, kế hoạch, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của nhà nước, bộ, ngành, tỉnh, thành phố; nhu cầu hợp tác với doanh nghiệp và hợp tác quốc tế để đẩy mạnh hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.	Đề nghị mở rộng thêm kế hoạch 10 năm 20 năm và dài hạn hơn để phù hợp với sự tồn tại và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.	Sở GD&ĐT Cần Thơ
2. Kế hoạch khoa học và công nghệ được xây dựng theo nội dung khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học và thực hiện theo tiến độ của các cơ quan quản lý nhà nước và của cơ sở giáo dục đại học.	Kế hoạch KHHCN, có thể bỏ hoặc diễn đạt lại, vì khoản 2 đã nằm ở quy định khoản 1	Đại học Huế
Điều 4. Tổ chức khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học		
1. Tổ chức khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học bao gồm các viện nghiên cứu, trung tâm khoa học và công nghệ, phòng thí nghiệm chuyên ngành, các trạm, trại thực nghiệm và các tổ chức khoa học và công nghệ khác được thành lập theo quy định.	Cần hướng dẫn cụ thể để các đơn vị thực hiện - Nên cân nhắc gộp khoản 1, khoản 2 và nêu rõ khái niệm về tổ chức KH&CN trong các CSGDDH và loại hình thức tổ chức. Tại Khoản 1, đề nghị bổ sung: "... và các tổ chức khoa học và công nghệ khác được thành lập và <i>đăng ký</i> theo quy định của pháp luật <i>hiện hành</i> ".	Đại học Quốc gia HN Bộ KHHCN
	Đề nghị xem xét bổ sung, điều chỉnh như sau: + Khoản 1 bổ sung thêm "... thành lập theo quy định và phải được đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ theo luật định";	Sở GD&ĐT Phú Thọ
2. Tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc cơ sở giáo dục đại học có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng được giao quyền tự chủ, giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp, ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ và thực hiện các hoạt động đổi mới sáng tạo.	- Khoản 2, đề nghị cân nhắc bổ sung các quyền của tổ chức KH&CN đã được nêu tại Nghị định số 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập. Ví dụ: Trực tiếp quyết định việc mời chuyên gia, các nhà khoa học nước ngoài vào Việt Nam và cử cán bộ ra nước ngoài công tác hoặc Quyết định việc đầu tư phát triển từ vốn vay, vốn huy động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của tổ chức khoa học và công nghệ.	Bộ KHHCN
	Không tiếp thu, chỉ nên quy định kế hoạch 5 năm	Không tiếp thu vì KH KHHCN khác nội dung KHHCN
	Không tiếp thu	Không tiếp thu vì 2 nội hàm khác nhau. Tiếp thu bổ sung như góp ý câu "được thành lập và <i>đăng ký</i> theo quy định của pháp luật <i>hiện hành</i> " Đã tiếp thu ở trên
	Không tiếp thu vì quy định đã có	

	<p>Đề nghị xem xét bổ sung, điều chỉnh như sau: + Khoản 2 bổ sung “Tổ chức... tài khoản riêng hoặc tài khoản phụ thuộc...” vì theo quy định tổ chức KH&CN không nhất thiết phải có tài khoản riêng;</p>	Sở GD&ĐT Phú Thọ	Không tiếp thu vì dự thảo chỉ đề cập đến CSGDDH có tư cách pháp nhân đầy đủ
<p>3. Cơ sở giáo dục đại học quy định về tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc trong quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học, quyết định thành lập và giải thể tổ chức khoa học và công nghệ, bổ nhiệm, miễn nhiệm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc theo quy định hiện hành.</p>	<p>Khoản 3, đề nghị bổ sung: “... quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học, quyết định thành lập, <i>sáp nhập, chia, tách</i> và giải thể tổ chức khoa học và công nghệ...”</p>	Bộ KHCN	Tiếp thu
<p>4. Căn cứ hiệu quả hoạt động của từng thời kỳ, cơ sở giáo dục đại học quyết định việc chuyển đổi các tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc thành doanh nghiệp theo quy định hiện hành.</p>	<p>Căn cứ hiệu quả hoạt động của từng thời kỳ,...(bỏ dấu gạch /)</p>	Sở GDĐT Bắc Giang	Tiếp thu, sửa lỗi
<p>Điều 5. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học</p>	<p>Thực tiễn hiện nay doanh nghiệp vướng Luật Doanh nghiệp, Luật Phòng chống tham nhũng, vấn đề định giá tài sản nhà nước khi góp vốn kinh doanh, quyền SHTT với kết quả nghiên cứu được hình thành từ NSNN cần có cơ chế cụ thể để tháo gỡ</p>	Đại học QG HN	Không tiếp thu vì phạm vi quá rộng
	<p>Cần bổ sung khoản quy định về tiêu chí cụ thể để thành lập doanh nghiệp khoa học trong cơ sở giáo dục.</p>	Sở GD&ĐT Đắk Lắk	Đã có quy định trong Nghị định 13/2019
	<p>Đề nghị làm rõ hơn các tiêu chí hình thành và mô hình hoạt động của doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục.</p>	Sở GD&ĐT Quảng Ninh	Đã có ND 13/2019
	<p>- Đề nghị xem xét, bổ sung vào Điều 5: (1) Được giao quyền sử dụng kết quả KH&CN được hình thành từ nhiệm vụ KH&CN thuộc ngân sách nhà nước để thương mại hóa và chứng nhận doanh nghiệp KH&CN theo quy định; (2) Việc đăng ký chứng nhận doanh nghiệp KH&CN trong các CSGDDH được thực hiện theo Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN.</p>	Bộ KHCN	Tiếp thu

<p>1. Khuyến khích cơ sở giáo dục đại học thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ đa sở hữu theo quy định hiện hành.</p>	<p>Khái niệm doanh nghiệp KH&CN trong CSGDDH cần xem xét bổ sung nội dung để làm rõ việc hình thành doanh nghiệp KH&CN trong CSGDDH dựa theo cơ sở luật pháp hiện hành và có dẫn chiếu văn bản pháp luật liên quan. Tại khoản 1 quy định: “khuyến khích CSGDDH thành lập doanh nghiệp KH&CN đa sở hữu theo quy định hiện hành”. Tuy nhiên hiện nay chưa có văn bản nào quy định về loại hình “doanh nghiệp KH&CN đa sở hữu”, vì vậy cần định nghĩa rõ hơn cụm từ “doanh nghiệp KH&CN đa sở hữu”. Ngoài ra, tại Khoản 1, đề nghị bổ sung: “Khuyến khích CSGDDH thành lập và đăng ký doanh nghiệp....”.</p>	<p>Bộ KHCN</p> <p>Tiếp thu, bỏ đa sở hữu</p>
<p>2. Cơ sở giáo dục đại học được góp vốn bằng giá trị thương hiệu, quyền sở hữu trí tuệ có nguồn gốc ngân sách nhà nước đã được giao hoặc nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước để thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định.</p>	<p>Hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học quy định tại Điều 5 cần được chỉnh sửa, làm rõ và dẫn chiếu đến các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ (Luật Sở hữu trí tuệ, Nghị định hướng dẫn).</p> <p>Do đó đề nghị cơ quan soạn thảo lược bỏ quy định góp vốn bằng giá trị thương hiệu tại khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định bởi đây không phải là loại tài sản góp vốn được luật quy định (lưu ý thương hiệu không phải là khái niệm luật định và không thuộc điều chỉnh của Luật Sở hữu trí tuệ), cụ thể là “Cơ sở giáo dục đại học được góp vốn bằng tài sản trí tuệ có nguồn gốc ngân sách nhà nước... để thành lập doanh nghiệp KH&CN theo quy định”.</p>	<p>Bộ KHCN</p> <p>Tiếp thu</p>
<p>Điều 6. Nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh trong cơ sở giáo dục đại học</p>	<p>Điều 6. Sửa lại tên điều là : Nhóm nghiên cứu mạnh.</p> <p>Điều 6, nên quy định thêm nhóm nghiên cứu bao gồm nhân lực nhóm nghiên cứu, tiêu chí nhóm nghiên cứu, tiêu chuẩn nhóm nghiên cứu và các thành viên</p> <p>Nên bổ sung thông tin chi tiết quy định về nhóm NCM</p> <p>Khoản 2, 3,4 Điều 6. Không nên quy định quá chi tiết nội dung mà chỉ có quy định chung, sau này chi tiết có Thông tư, chi nên quy định 3 khoản:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Về nhân lực nhóm nghiên cứu: gồm những ai (viên chức, người học, trong và ngoài CSGD ĐH, trong nước và nước ngoài và cơ cấu chung (trưởng nhóm, thành viên chủ chốt và thành viên). 2. Về quyền lợi và trách nhiệm nhóm nghiên cứu mạnh. <p>Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết điều này</p>	<p>Đại học Huế</p> <p>Tiếp thu</p> <p>Học viên Chính trị cao cấp</p> <p>Không tiếp thu</p> <p>HVKTQS</p> <p>Đại học Huế</p> <p>Không tiếp thu vì dự thảo đã đủ các ý chính</p>

	<p>Cần bổ sung tiêu chuẩn và quyền lợi của nhóm nghiên cứu, vì nhóm nghiên cứu là nền tảng để phát triển đến nhóm nghiên cứu mạnh.</p> <p>Từ bảng phát minh thường có 2 hướng để thương mại hóa sản phẩm: hướng 1 là bán bản quyền, hướng 2 là thành lập công ty spin-off (doanh nghiệp khởi nguồn) trong trường Đại học so người nghiên cứu làm chủ doanh nghiệp, đây là hướng phù hợp với xu hướng mô hình phát triển của các trường đại học trên thế giới, tuy nhiên Luật viên chức chưa cho phép viên chức thành lập và làm chủ công ty. Cần có Điều khoản trong quy định để tháo gỡ khó khăn này.</p> <p>Mối liên hệ 3 nhà (Nhà nước, nhà trường và nhà doanh nghiệp) được nêu trong dự thảo). Tuy nhiên chưa có quy định rõ ràng về nguồn quỹ cho phát triển KHCN với doanh nghiệp và chính quyền thành phố. Ngoài ra các nguồn quỹ đầu tư mạo hiểm rất quan trọng cho “star-up” hoặc spin-off”. Do đó cần có quy định cho các quỹ này. Hiện nay một số nước có quy định đầu tư mạo hiểm cho liên trường hoặc khu vực, cần tham khảo.</p>	<p>Không tiếp thu vì có TT HD chi tiết</p>
<p>Trường Đại học Cần Thơ</p>	<p>Đại học Quốc gia HN</p>	<p>Tiếp thu</p>
	<p>ĐHQGHN</p>	<p>Không tiếp thu vì sẽ có TT hướng dẫn chi tiết</p>
	<p>Bộ KHCN</p>	<p>Không tiếp thu vì nhóm nghiên cứu mạnh có tính chất đa ngành</p>
	<p>Bộ Công thương</p>	<p>Không tiếp thu vì sẽ có TT hướng dẫn chi tiết</p>

1. Cơ sở giáo dục đại học ban hành quy định và xem xét công nhận nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh theo quy định.	Nên bỏ vì khoản 1 và khoản 6 mâu thuẫn nhau	Đại học Huế	Không tiếp thu vì hai nội dung khác nhau
2. Nhân lực tham gia nhóm nghiên cứu mạnh bao gồm:	<p>Khoản 1 điều 6 nên bổ sung cuối câu “theo quy định này”</p> <p>Đối với yêu cầu về nhân lực tham gia nhóm nghiên cứu mạnh (khoản 2), đề nghị xem xét mở rộng tiêu chí để có thể đáp ứng và phù hợp với các sản phẩm công nghệ hiện đại thường yêu cầu tính liên ngành cao.</p>	SP Hà Nội Bộ KHCN	Không tiếp thu vì tiêu chí sẽ ở TT nhóm nghiên cứu mạnh.
a) Cán bộ, viên chức và người học có cùng một hướng nghiên cứu từ các cơ sở giáo dục đại học, được tập hợp do một nhà khoa học có uy tín đứng đầu để phát triển một hướng nghiên cứu liên ngành;	<p>mâu thuẫn là cùng hướng nghiên cứu, tập hợp lại là liên ngành nên bổ sung cùng hướng nghiên cứu nhưng ở các ngành khác nhau tập thành nhóm ‘liên ngành và đa ngành’</p> <p>quy định bổ sung: Cán bộ, viên chức và người học có cùng một hướng nghiên cứu từ các cơ sở giáo dục đại học và các tổ chức khác</p>	SP Hà Nội	Bỏ chữ Cán bộ; Thêm chữ “chính”
b) Nhà khoa học trong nước và nước ngoài có uy tín cùng hướng nghiên cứu tham gia theo hình thức cộng tác viên hoặc hình thức hợp tác phù hợp khác.	<p>Điểm a khoản 2 Điều 6: đề nghị chỉnh sửa như sau: “<i>Cán bộ, viên chức và người học có cùng một hướng nghiên cứu từ các cơ sở giáo dục đại học, được tập hợp do một hoặc một số nhà khoa học có uy tín đứng đầu để phát triển một hướng nghiên cứu liên ngành</i>”</p> <p>Đề nghị thay từ liên ngành bằng cụm từ : chuyên sâu” do nhóm nghiên cứu mạnh phải cùng một hướng hay nhiều hướng</p>	Đại học Huế	Không tiếp thu, cơ chế một thủ trường
3. Tiêu chí nhóm nghiên cứu mạnh	<p>Bổ sung cụm từ “trong và ngoài nước” vào sau đoạn “...được tập hợp do một nhà khoa học có uy tín...”</p>	ĐHQGHN	Không tiếp thu, vì hướng nghiên cứu là liên ngành không chung chung
		Sở GD&ĐT Quảng Nam	Không tiếp thu dự thảo đã thể hiện ở khái niệm
	<p>Đề nghị bổ sung điều khoản quy định đối với trường hợp Nhóm nghiên cứu mạnh không tạo ra được các sản phẩm đã đề ra tại thuyết minh Chương trình nghiên cứu ban đầu để đảm bảo tính “đào thải”, do nhóm nghiên cứu mạnh này là đối tượng chính được hưởng hỗ trợ trong quy định hoạt động khoa học công nghệ;</p>	Sở GD&ĐT Quảng Ninh	Tiếp thu, đưa vào thông tư hướng dẫn

<p>a) Trưởng nhóm và có ít nhất 02 thành viên chủ chốt đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại Điều này, đang hướng dẫn chính nghiên cứu sinh và đã hợp tác với doanh nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học khác trong nghiên cứu khoa học;</p>	<p>Điểm a Khoản 3 và Khoản 4 Điều 6: nên bỏ quy định đang hướng dẫn NCS đối với trưởng nhóm và 2 thành viên chủ chốt, nên bỏ quy định trưởng nhóm là cán bộ cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học nơi nhóm nghiên cứu đang thành lập</p> <p>Điểm a Khoản 3, đề nghị chỉnh sửa: "...các tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 4 Điều này ...".</p> <p>Điểm a Khoản 3 Điều 6: Đề nghị sửa đoạn "tiêu chuẩn được quy định tại Điều này" thành "tiêu chuẩn được quy định tại khoản 4 Điều này".</p> <p>Cần cân nhắc tiêu chuẩn; Trưởng nhóm và có ít nhất 02 thành viên chủ chốt đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại Điều này, đang hướng dẫn chính nghiên cứu sinh vì có thể tạo rào cản cho các CSGDDH mới có tính liên ngành, ứng dụng cao và chưa mở được chuyên ngành đào tạo TS</p> <p>Đề nghị ghi cụ thể cụm từ "tiêu chuẩn được quy định tại điểm a và b Khoản 4 Điều này".</p>	<p>Trưởng DH Mỏ-Địa chất</p> <p>Bộ KH-CN</p> <p>Bộ GTVT</p> <p>DHQGHN</p> <p>Sở GD&ĐT Cần Thơ</p> <p>Đại học Thái Nguyên</p> <p>Bộ Xây dựng</p> <p>Sở GD&ĐT Cần Thơ</p> <p>Đại học Huế</p> <p>Sở GD&ĐT</p>	<p>Tiếp thu, sửa: Trưởng nhóm hoặc có ít nhất 02 thành viên"</p> <p>Tiếp thu</p> <p>Không tiếp thu, vì</p> <p>Không tiếp thu, vì</p> <p>Không tiếp thu vì có TT hướng dẫn chi tiết</p> <p>Không tiếp thu, vì yêu cầu cao đối với CSGDDH chủ trì nhóm nghiên cứu mạnh</p> <p>Cần hợp tác quốc tế để học tinh hoa của thế giới, tránh trùng lặp</p> <p>Phải đầy đủ tất cả</p> <p>Tiếp thu đưa vào TT</p>
<p>b) Cơ sở giáo dục đại học nơi có trưởng nhóm công tác phải có cơ sở vật chất phù hợp với hướng nghiên cứu; có hoạt động hợp tác nghiên cứu với các tổ chức, cá nhân nước ngoài;</p>	<p>Nhóm nghiên cứu mạnh nên giảm tiêu chí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà nước giao 50 nhóm nghiên cứu mạnh. Nên đánh giá theo tiêu chí: bài báo ISI, Scopus, đào tạo TS và đề tài KHCN cấp NN. - Có thể ưu tiên nhóm NC cho các đơn vị theo vùng miền. - Cần có ngưỡng tối thiểu môi các trường nghiên cứu yếu. - Cần có nhóm nghiên cứu mạnh cho các trường top đầu. <p>Mục b, Khoản 3, Điều 6: Đề nghị Ban soạn thảo xem xét, không nên quy định cơ sở giáo dục Đại học phải có cơ sở vật chất phù hợp với hướng nghiên cứu vì nhóm nghiên cứu có thể sử dụng cơ sở vật chất tại các cơ sở khác theo yêu cầu và theo phương thức hợp đồng thuê khoán</p> <p>Đề nghị làm rõ thêm vì sao phải có điều kiện "có hoạt động hợp tác nghiên cứu với các tổ chức, cá nhân nước ngoài".</p>	<p>Điểm c Khoản 3 Điều 6 quy định về sản phẩm của chương trình nghiên cứu cần nêu rõ là phải có đầy đủ tất cả hay chỉ cần một số loại sản phẩm</p> <p>Bổ sung cụm từ "của từng giai đoạn" vào sau đoạn "... và dự kiến kinh phí"</p>	<p>Không tiếp thu, vì yêu cầu cao đối với CSGDDH chủ trì nhóm nghiên cứu mạnh</p> <p>Cần hợp tác quốc tế để học tinh hoa của thế giới, tránh trùng lặp</p> <p>Phải đầy đủ tất cả</p> <p>Tiếp thu đưa vào TT</p>
<p>c) Nhóm nghiên cứu mạnh có thuyết minh Chương trình nghiên cứu với định hướng rõ ràng từ mục tiêu, nội dung, sản phẩm cụ thể theo từng giai đoạn và dự kiến kinh phí trong 05 năm; sản phẩm của Chương trình nghiên cứu phải có đào tạo tiến sĩ, công bố quốc tế, xuất bản sách chuyên</p>	<p>Điểm c Khoản 3 Điều 6 quy định về sản phẩm của chương trình nghiên cứu cần nêu rõ là phải có đầy đủ tất cả hay chỉ cần một số loại sản phẩm</p> <p>Bổ sung cụm từ "của từng giai đoạn" vào sau đoạn "... và dự kiến kinh phí"</p>	<p>Điểm c Khoản 3 Điều 6 quy định về sản phẩm của chương trình nghiên cứu cần nêu rõ là phải có đầy đủ tất cả hay chỉ cần một số loại sản phẩm</p> <p>Bổ sung cụm từ "của từng giai đoạn" vào sau đoạn "... và dự kiến kinh phí"</p>	<p>Tiếp thu đưa vào TT</p>

khảo, bản, quyền tác giả, đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích, chuyển giao công nghệ.	<p>đề nghị điều chỉnh như sau:</p> <p>Sản phẩm đạt được trong 05 năm phải đáp ứng ít nhất 3 trong 5 tiêu chí sau: đào tạo tiến sĩ, công bố quốc tế, xuất bản sách chuyên khảo, bản quyền tác giả, đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích, chuyển giao công nghệ.</p> <p>Nên diễn đạt lại: <i>“Nhóm nghiên cứu mạnh có thuyết minh Chương trình nghiên cứu được thực hiện trong thời gian không quá 5 năm với định hướng rõ ràng từ mục tiêu, nội dung, sản phẩm cụ thể và dự kiến kinh phí thực hiện theo từng giai đoạn; sản phẩm nghiên cứu phải bảo đảm đào tạo được tiến sĩ, công bố quốc tế...”</i></p>	<p>Quảng Nam</p> <p>Đại học Đà Nẵng</p> <p>UBND Lạng Sơn</p>	<p>Không tiếp thu, vì cả 5 yêu cầu là bắt buộc cho nhóm nghiên cứu mạnh</p> <p>Tiếp thu đưa vào TT</p>
	<p>Không nên quy định “Trường nhóm và ít nhất 02 thành viên chủ chốt” phải đáp ứng “đang hướng dẫn chính nghiên cứu sinh”. Vì có thể trong giai đoạn làm hồ sơ thành lập Nhóm nghiên cứu mạnh, họ có thể chưa nhận hướng dẫn mới hoặc đã hướng dẫn xong nhiều nghiên cứu sinh trước đó. Tương tự như vậy, tại điểm a, khoản 4, Điều 6 cũng sửa quy định Trường nhóm “đang hướng dẫn chính nghiên cứu sinh”</p> <p>Nên xem xét quy định Trường nhóm hoặc ít nhất 02 thành viên chủ chốt bằng các tiêu chuẩn như: (1) Đã từng hoặc đang hướng dẫn chính nghiên cứu sinh; (2) Số công trình đã công bố (bài báo Quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus, bài báo trong nước, sách...); (3) Số đề tài/dự án đã hoặc đang chủ trì; (4) Đã hợp tác với doanh nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học khác trong nghiên cứu khoa học.</p>	<p>Sở GD Tuyền Quang</p>	<p>Tiếp thu một phần đưa vào TT</p>
	<p>Đề nghị thay thế cụm từ “dự kiến kinh phí trong 5 năm” bằng cụm từ “dự kiến kinh phí phù hợp trong việc thực hiện nội dung, sản phẩm cụ thể theo từng giai đoạn và cả Chương trình” để kinh phí phục vụ phù hợp với Chương trình nghiên cứu.</p>	<p>Sở GD&ĐT Cần Thơ</p>	<p>Tiếp thu đưa vào TT</p>
	<p>Điểm c của khoản này cần nhắc bổ sung như sau: “sản phẩm của Chương trình nghiên cứu phải có đào tạo tiến sĩ, công bố quốc tế, xuất bản sách chuyên khảo/sách giáo trình, bản quyền tác giả, đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích, chuyển giao công nghệ”</p> <p>Bởi sách giáo trình của một cơ sở giáo dục đại học là một tài liệu khoa học có nội dung phù hợp và đáp ứng yêu cầu kiến thức và kỹ năng của một học</p>	<p>Bộ Ngoại giao</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung</p>

	<p>phần, là tài liệu phục vụ cho việc giảng dạy và học tập, đồng thời làm cơ sở để kiểm tra đánh giá trình độ kiến thức và kỹ năng của người học. Như vậy, tiêu chí nhóm nghiên cứu mạnh của một CSGDDH cần phải xét đến điểm này.</p> <p>Đề nghị bổ sung thành viên chủ chốt cũng phải có 01 công trình công bố chung với trường nhóm</p>	Đại học Đà Nẵng	Không tiếp thu, để thuận lợi khi hợp tác
<p>4. Tiêu chuẩn Trường nhóm và thành viên nhóm nghiên cứu mạnh</p>	<p>:Đối với tiêu chuẩn với Trường nhóm nghiên cứu mạnh, đề nghị bổ sung tiêu chuẩn cụ thể hơn, quy định hiện tại trong dự thảo: "... có kinh nghiệm và thành tích trong công bố khoa học trong nước và nước ngoài..." còn mang tính chung chung; dự thảo nên nghiên cứu bổ sung các tiêu chuẩn cụ thể về lý lịch khoa học cho đối tượng "Trường nhóm nghiên cứu mạnh" như: là tác giả chính của báo khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI; số lượng bài báo cụ thể trong khoảng thời gian 5 năm gần nhất với thời điểm được làm "Trường nhóm nghiên cứu mạnh"; nội dung bài báo khoa học đã công bố của Trường nhóm nghiên cứu mạnh phải phù hợp với nội dung nghiên cứu tại Chương trình nghiên cứu định hướng nghiên cứu đã đề ra; đã có kinh nghiệm hướng dẫn nghiên cứu sinh tiến sĩ đã hướng dẫn thành công (thay vì chỉ yêu cầu điều kiện đang hướng dẫn nghiên cứu sinh tiến sĩ)... Về tiêu chuẩn với Thành viên chủ chốt nhóm nghiên cứu mạnh: quy định hiện tại trong dự thảo là "... có kinh nghiệm và thành tích trong nghiên cứu khoa học và chuyên giao công nghệ..." cũng chưa cụ thể, rõ ràng. Đề nghị nghiên cứu bổ sung các tiêu chuẩn cụ thể về kinh nghiệm và thành tích trong nghiên cứu khoa học để đảm bảo tính tương đồng như yêu cầu về tiêu chí đối với Trường nhóm; mức độ khoa học có thể thấp hơn so với Trường nhóm (ít hơn về số lượng bài báo làm tác giả chính, ít hơn về số lượng nghiên cứu sinh tiến sĩ đã hướng dẫn thành công...).</p>	Sở GD&ĐT Quảng Ninh	Tiếp thu đưa vào thông tư hướng dẫn chi tiết
	<p>Không nên quy định "Trường nhóm và ít nhất 02 thành viên chủ chốt" phải đáp ứng "đang hướng dẫn chính nghiên cứu sinh". Vì có thể trong giai đoạn làm hồ sơ thành lập Nhóm nghiên cứu mạnh, họ có thể chưa nhận hướng dẫn mới hoặc đã hướng dẫn xong nhiều nghiên cứu sinh trước đó. Tương tự như vậy, tại điểm a, khoản 4, Điều 6 cũng sửa quy định Trường nhóm "đang hướng dẫn chính nghiên cứu sinh".</p>	Sở GD Tuyền Quang	Tiếp thu một phần đưa vào TT

	<p>Nên xem xét quy định Trường nhóm hoặc ít nhất 02 thành viên chủ chốt bằng các tiêu chuẩn như: (1) Đã từng hoặc đang hướng dẫn chính nghiên cứu sinh; (2) Số công trình đã công bố (bài báo Quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus, bài báo trong nước, sách...); (3) Số đề tài/dự án đã hoặc đang chủ trì; (4) Đã hợp tác với doanh nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học khác trong nghiên cứu khoa học.</p> <p>Đề nghị nêu rõ tiêu chuẩn Trường nhóm nghiên cứu mạnh, cần xác định cụ thể và định lượng</p>		<p>Tiếp thu đưa vào thông tư hướng dẫn chi tiết</p>
<p>Sở KH&CN Bạc Liêu</p>			<p>Tiếp thu đưa vào thông tư hướng dẫn chi tiết</p>
<p>Trường Đại học Nông lâm HCM</p>	<p>Khoản 4 Điều 6 đề nghị loại bỏ ý “ và đang hướng dẫn chính nghiên cứu sinh” bổ sung thêm ý trường nhóm phải có ít nhất 03 bài SCI trở lên</p>		<p>Tiếp thu đưa vào thông tư hướng dẫn chi tiết</p>
<p>Trường Đh SP Hà Nội</p>	<p>Khoản 4, Điều 6, Căn lượng hóa tiêu chuẩn trường nhóm và thành viên, cụ thể là tiêu chuẩn sản của trường nhóm và thành viên về công bố khoa học và sáng chế, sau khi thành lập nhóm, trường nhóm và thành viên có được công tác nước ngoài 1 thời gian dài trên 6 tháng không</p>		<p>Tiếp thu đưa vào thông tư hướng dẫn chi tiết</p>
<p>ĐHQGHN</p>	<p>Cần định lượng tiêu chuẩn trường nhóm và thành viên chủ chốt cụ thể, trường nhóm NCM có tối thiểu 03 tạp chí thuộc hệ thống ISI và đã chủ trì ít nhất 01 đề tài KHCN cấp Bộ hoặc tương đương</p> <p>Thành viên chủ chốt: có tối thiểu 03 tạp chí thuộc hệ thống ISI</p> <p>Cần nhắc quy định các thành viên khác của nhóm phải có cam kết tham gia nhóm từ 6 tháng trở lên</p>		<p>Tiếp thu đưa vào thông tư hướng dẫn chi tiết</p>
<p>Đại học Huế</p>	<p>Điểm a, Khoản 4, Điều 6. Căn định lượng tiêu chí, ví dụ thành tích công bố quốc tế là bao nhiêu bài báo.</p>	<p>a) Trường nhóm là giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, là nhà khoa học có uy tín, có kinh nghiệm và thành tích trong công bố khoa học trong nước và nước ngoài, có kinh nghiệm hợp tác quốc tế và đang hướng dẫn chính nghiên cứu sinh;</p>	<p>Tiếp thu đưa vào thông tư hướng dẫn chi tiết</p>
<p>Bộ Xây dựng</p>	<p>Mục a, Khoản 4, Điều 6: nên quy định trường nhóm là viên chức có hàm Giảng viên, Nhà khoa học của cơ sở giáo dục đại học, các thành viên khác tham gia nhóm nghiên cứu có thể là cán bộ làm việc ở các viện, trung tâm nghiên cứu để có thêm tính thực tiễn; cần quy định rõ ràng khái niệm: Nhà khoa học có uy tín, tiêu chí, hình thức công nhận.</p>		<p>Không tiếp thu, vì ngành giảng viên là chính trong CSGDDH</p>
<p>Bộ QP</p>	<p>Tại điểm a khoản 4 Điều 6: Chuẩn hóa tiêu chí của trường nhóm nghiên cứu mạnh đánh giá theo định lượng như: Số</p>		<p>Tiếp thu đưa vào TT hướng dẫn chi tiết</p>

	<p>lượng bài báo, số lượng đề tài đã được nghiệm thu, số lượng nghiên cứu sinh đã được bảo vệ thành công.</p> <p>Về tiêu chuẩn của trường nhóm nghiên cứu mạnh, đề nghị bổ sung điều kiện: “đã và đang hướng dẫn chính nghiên cứu sinh”</p>	<p>lương bài báo, số lượng đề tài đã được nghiệm thu, số lượng nghiên cứu sinh đã được bảo vệ thành công.</p> <p>Về tiêu chuẩn của trường nhóm nghiên cứu mạnh, đề nghị bổ sung điều kiện: “đã và đang hướng dẫn chính nghiên cứu sinh”</p>	Số GD&ĐT Cán Thơ	Tiếp thu, thay “đang” bằng “đã”
<p>b) Thành viên chủ chốt là giảng viên của cơ sở giáo dục đại học trong nước hoặc nước ngoài, có kinh nghiệm và thành tích cao trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; có hướng nghiên cứu phù hợp với hướng nghiên cứu của Trường nhóm; trong trường hợp có thành viên chủ chốt là nhà khoa học có uy tín được mời từ nước ngoài tham gia, thì có thể là đồng trường nhóm và cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn tương đương với tiêu chuẩn của trường nhóm;</p>	<p>Điều b khoản 4 Điều 6: đối với thành viên chủ chốt là nhà khoa học có uy tín từ nước ngoài tham gia nhóm nghiên cứu mạnh, đề nghị xem lại nội dung “<i>cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn tương đương các tiêu chuẩn tương với tiêu chuẩn của trường nhóm</i>” vì theo quy định tại điểm a khoản này thì trường nhóm là giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, điều này khá khả thi đối nhà khoa học là người nước ngoài.</p>	<p>Điều b khoản 4 Điều 6: đối với thành viên chủ chốt là nhà khoa học có uy tín từ nước ngoài tham gia nhóm nghiên cứu mạnh, đề nghị xem lại nội dung “<i>cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn tương đương các tiêu chuẩn tương với tiêu chuẩn của trường nhóm</i>” vì theo quy định tại điểm a khoản này thì trường nhóm là giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, điều này khá khả thi đối nhà khoa học là người nước ngoài.</p>	Bộ GTVT	Không tiếp thu vì tiêu chuẩn về khoa học, (Sửa khoản 4 điều 6)
<p>c) Thành viên khác là cán bộ, viên chức và người học của cơ sở giáo dục đại học trong nước và nước ngoài, có cam kết tham gia nhóm nghiên cứu từ 06 tháng trở lên và đã có công bố quốc tế chung với Trường nhóm hoặc các thành viên chủ chốt.</p>	<p>Bộ cụm từ “...<i>tương đương</i>”</p>	<p>Bộ cụm từ “...<i>tương đương</i>”</p>	Số GD&ĐT Quảng Nam	
<p>5. Nhóm nghiên cứu mạnh được Nhà nước và cơ sở giáo dục đại học ưu tiên cấp kinh phí hoạt động thường xuyên, kinh phí đào tạo tiến sĩ, kinh phí thực hiện Chương trình nghiên cứu được phê duyệt, kinh phí mua sắm thiết bị chuyên biệt phục vụ nghiên cứu.</p>	<p>Đề nghị bộ quy định “công bố quốc tế chung thay bằng “đã có công bố quốc tế theo hướng nghiên cứu của nhóm”</p>	<p>Xem xét lại các quy định thành viên khác của nhóm nghiên cứu mạnh bắt buộc phải có công bố quốc tế chung với các trường nhóm, chỉ nên quy định tiêu chuẩn cần có công bố quốc tế, công bố trên các tạp trí chuyên ngành có uy tín, có hướng nghiên cứu trùng hoặc gần với hướng nghiên cứu của trường nhóm</p> <p>Không nên quy định “Thành viên khác” của nhóm nghiên cứu “đã có công bố quốc tế chung với Trường nhóm hoặc các thành viên chủ chốt”. Vì quy định này hơi cứng nhắc, sẽ hạn chế khả năng hợp tác trong nghiên cứu khoa học. Chỉ nên quy định Thành viên khác “có công bố quốc tế phù hợp với hướng nghiên cứu của Trường nhóm hoặc các thành viên chủ chốt”.</p>	Số GD&ĐT Phú Thọ	Nhu trên
	<p>Điều 6 Khoản 5 Cần quy định rõ nguồn vốn, tỷ lệ chi</p> <p>Nên có quy định về cơ chế ưu đãi chính đãi ngộ của trường nhóm NCM</p> <p>Bổ sung cụm từ “<i>sau tiến sĩ</i>” vào sau đoạn “... <i>kinh phí đào tạo tiến sĩ</i>”</p>	<p>Điều 6 Khoản 5 Cần quy định rõ nguồn vốn, tỷ lệ chi</p> <p>Nên có quy định về cơ chế ưu đãi chính đãi ngộ của trường nhóm NCM</p> <p>Bổ sung cụm từ “<i>sau tiến sĩ</i>” vào sau đoạn “... <i>kinh phí đào tạo tiến sĩ</i>”</p>	Số SP Hà Nội ĐHQGHN	Tiếp thu đưa vào TT Tiếp thu đưa vào TT Tiếp thu đưa vào TT

	<p>Đề nghị bỏ tiêu chuẩn “đã có công bố quốc tế chung với Trường nhóm hoặc các thành viên chủ chốt” vì người đang theo học có thể chưa có công bố quốc tế chung với Trường nhóm, thành viên chủ chốt.</p> <p>Cần mức chi tiết ở các Bộ để các cơ sở giáo dục đại học có thể triển khai mà không cần hướng dẫn khoản này</p>	<p>Quảng Nam</p> <p>Sở GD&ĐT Cần Thơ</p>	<p>Tiếp thu đưa vào TT</p>
<p>6. Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định hướng dẫn chi tiết Điều này.</p>	<p>Nên bỏ khoản 6 và bổ sung thông tin chi tiết quy định về nhóm nghiên cứu thay vì dự kiến, sẽ có một văn bản hướng dẫn khác của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa cụm từ “cán bộ, viên chức và người học tại các cơ sở giáo dục đại học” thành “viên chức, người làm việc và sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh tại các cơ sở giáo dục đại học” để đảm bảo chính xác.</p> <p>Theo quy định hiện hành, vốn sự nghiệp khoa học được cân đối cho biên chế sự nghiệp KH&CN (nếu có) và chỉ cho các hoạt động KH&CN trong các cơ sở giáo dục đại học thông qua nhiệm vụ KH&CN cụ thể. Do vậy, hoạt động thường xuyên của nhóm nghiên cứu mạnh cần được xem xét, hỗ trợ từ nguồn vốn phù hợp. Việc ưu tiên cấp kinh phí phải gắn với nhiệm vụ cụ thể để đảm bảo hiệu quả. Ngoài ra, cần quy định tiêu chí/khung tiêu chí rõ ràng hơn tại Điều 6 để có cơ sở công nhận nhóm nghiên cứu mạnh.</p> <p>Nên bỏ khoản 6</p>	<p>SP Hà Nội</p> <p>Bộ KHCN</p>	<p>Không tiếp thu vì sẽ có TT hướng dẫn chi tiết riêng</p> <p>Đã tiếp thu trên</p> <p>Tiếp thu đưa vào TT hướng dẫn chi tiết</p>
<p>Điều 7. Hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học</p>	<p>Điều 7. Cần xem xét các Luật QT mà VN tham gia</p> <p>- Điều 7: Đề nghị cần nhắc bổ sung nguyên tắc giao toàn bộ hoặc một phần quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cho các đơn vị nghiên cứu có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của Luật khoa học và công nghệ năm 2013.</p>	<p>HVKTQS</p> <p>Sp Hà Nội</p> <p>Bộ KHCN</p>	<p>Không tiếp thu vì cần có TT hướng dẫn chi tiết</p> <p>Tiếp thu</p> <p>- TS góp vốn: tiếp thu, bỏ góp vốn bằng giá trị thương hiệu</p>

	<p>Đề nghị xem xét bỏ ý “hướng dẫn giảng viên... theo quy định” vì nội dung này đã có tại Khoản 2 điều này.</p> <p>Tại Điều 7: Đề nghị bổ sung nội dung đề cập đến trường hợp tài sản trí tuệ được hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ có đóng góp từ nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ (trong Dự thảo đang ghi chung chung nguồn đóng góp của “nhà tài trợ”).</p>	<p>Sở GD&ĐT Phú Thọ</p> <p>Sở GD&ĐT Quảng Ninh</p>	<p>Tiếp thu ý kiến</p>
<p>1. Cơ sở giáo dục đại học xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động sở hữu trí tuệ, ban hành quy chế khai thác tài sản trí tuệ đã được bảo hộ và sử dụng tài sản trí tuệ hợp pháp khác của cơ sở giáo dục đại học; hướng dẫn giảng viên và người học thủ tục định giá tài sản trí tuệ, phân chia lợi ích khi chuyển nhượng kết quả nghiên cứu cho tổ chức hoặc cho doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp bằng tài sản trí tuệ theo quy định.</p> <p>Trong trường hợp tài sản trí tuệ được hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ có đóng góp của nhà tài trợ, cơ sở giáo dục đại học đàm phán với nhà tài trợ về việc giao quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu kết quả nghiên cứu và chia sẻ lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh khi kết quả nghiên cứu được ứng dụng.</p>	<p>xem lại thuật ngữ chuyển nhượng, nên bổ sung đầy đủ như Luật KHCN : Phân chia lợi nhuận khi sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.</p> <p>Bổ sung cụm từ: theo quy định hiện hành</p>	<p>Sp Hà Nội</p> <p>BỘ KHCN</p>	<p>Tiếp thu vì đã đề cập trong luật khen hiện hành.</p> <p>TS góp vốn: tiếp thu, bỏ góp vốn bằng giá trị thương hiệu</p>
	<p>Về tài sản góp vốn: Theo quy định của Luật khoa học và công nghệ, cụ thể tại Điều 58, Doanh nghiệp KH&CN phải đáp ứng được các điều kiện, trong đó phải là “doanh nghiệp được thành lập, đăng ký kinh doanh, tổ chức quản lý và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp”. Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 35 quy định về tài sản góp vốn thành lập doanh nghiệp như sau:</p> <p>1. Tài sản góp vốn có thể là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam.</p> <p>2. Quyền sở hữu trí tuệ được sử dụng để góp vốn bao gồm quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và các quyền sở hữu trí tuệ khác theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Chỉ cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu hợp pháp đối với các quyền nói trên mới có quyền sử dụng</p>		

	<p>các tài sản đó để góp vốn.</p> <p>Về các nội dung liên quan đến tài sản công (Về hoạt động sở hữu trí tuệ trong CSGDDH - Khoản 1 Điều 7; Tài sản hình thành từ hoạt động KHCN - Điều 17):</p> <p>- Sau khi Quốc hội ban hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN sử dụng vốn nhà nước; trong đó có quy định về quản lý, xử lý tài sản là kết quả của nhiệm vụ KHCN. Trường hợp cần xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ KHCN để thực hiện giao quyền (quyền sở hữu hoặc giao quyền sử dụng tài sản) thì thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 10/2019/TT-BTC ngày 20/02/2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ KHCN sử dụng vốn nhà nước.</p> <p>- Do đó, đề nghị Bộ GD&ĐT căn cứ các quy định của pháp luật nêu trên để rà soát, hoàn thiện lại nội dung tại Khoản 1 Điều 7 và các quy định khác có liên quan tới việc quản lý, sử dụng tài sản công tại dự thảo cho phù hợp.</p>	<p>Bộ Tài chính</p>	<p>Tiếp thu và sửa lại theo</p>
<p>2. Cơ sở giáo dục đại học phổ biến và tập huấn cho cán bộ, viên chức và người học về pháp luật sở hữu trí tuệ, cung cấp thông tin cập nhật về cơ sở dữ liệu tài sản trí tuệ trong nước và nước ngoài.</p>	<p>Đề nghị bổ sung vào khoản 2: Cơ sở giáo dục đại học là cơ quan chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp thực hiện bằng ngân sách nhà nước được giao toàn bộ quyền sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và được quyền giao lại toàn bộ hay một phần quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cho tổ chức, cá nhân theo quy định và pháp luật sở hữu trí tuệ, viên chức và người học về pháp luật sở hữu trí tuệ, cung cấp thông tin cập nhật về cơ sở dữ liệu tài sản trí tuệ trong nước và nước ngoài” nói khổ 2 của khoản 1 vào khoản 2 này và chuyển khoản 2 thành khoản 3</p>	<p>Đại học Huế</p>	<p>Không tiếp thu, đã có quy định trong luật SHTT</p>
<p>Điều 8. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh trong cơ sở giáo dục đại học</p>	<p>Điều 8. Tên điều 8 sửa lại là: Hoạt động nghiên cứu khoa học của người học trong cơ sở giáo dục đại học</p>	<p>Đại học Huế</p>	<p>Không tiếp thu, vì không mở rộng đối tượng người học khác</p>

	<p>Việc tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ của sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh phụ thuộc vào nhu cầu đơn vị chủ trì và năng lực của người tham gia thực hiện. Do vậy, cần kết cấu lại nội dung tại Điều 8 của Nghị định theo hướng khuyến khích tạo điều kiện cho sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh được tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học khi đáp ứng được yêu cầu của đơn vị chủ trì.</p>	Bộ Công thương	Không tiếp thu vì dự thảo đã bao hàm ý kiến góp ý
<p>1. Sinh viên được tạo điều kiện tham gia nghiên cứu khoa học và hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.</p>	<p>Cần quy định trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học trong việc gắn nghiên cứu khoa học với đào tạo; xây dựng quy chế hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên sau đại học, trong đó quy định rõ trách nhiệm của nhà trường, khoa, viện, giảng viên đối với hoạt động này. Đề nghị nghiên cứu bổ sung việc khuyến khích, tạo điều kiện cho sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp sáng tạo.</p>	Bộ KHCN	Không tiếp thu vì đây là trách nhiệm đương nhiên của CSGDDH
	<p>Đề nghị làm rõ đối tượng học viên BSCKII có được tham gia nghiên cứu khoa học ở CSGD không</p>	Trường Đại học Y được HCM	Được vì tương đương cao học và cao hơn cao học một chút
	<p>Bổ sung quy định trách nhiệm CSGD ĐH trong việc gắn NCKH với đào tạo, phải xây dựng quy chế hoạt động NCKH của sinh viên, học viên sau đại học, trong đó quy định rõ trách nhiệm của nhà trường, khoa, viện giáo viên với hoạt động này</p>	HVKTQS	Không tiếp thu vì đây là nhiệm vụ đương nhiên của CSGDDH
<p>2. Học viên cao học được tạo điều kiện tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp và hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.</p>	<p>Khoản 1 và khoản 2 Điều 8 nên bổ sung quy định sinh viên, học viên cao học được làm chủ nhiệm đề tài nghiên cứu dành cho người học</p>	Đại Huế học	Không tiếp thu, đề tài cấp cơ sở do cơ sở tự quyết định
	<p>Đề xuất sửa lại: 1. Sinh viên được tạo điều kiện tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.</p>	Sở GD&ĐT Quảng Ninh	Không tiếp thu vì NCKH là hoạt động phổ biến của SV
<p>3. Nghiên cứu sinh được tạo điều kiện tham gia hoặc làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp và hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học theo quy định.</p>	<p>2. Học viên cao học được tạo điều kiện tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp, hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học.</p> <p>Nên cân nhắc việc nghiên cứu sinh làm chủ nhiệm đề tài, vì theo thực tế nhiều nghiên cứu sinh bỏ, trong đó có nhiều nghiên cứu sinh làm tự do, không phải là cán bộ cử đi học, gây khó khăn trong việc quản lý đề tài</p>	Sở GD&ĐT Quảng Ninh Học viện chính trị cao cấp	Không tiếp thu vì cấp cơ sở do cơ sở gd đh quyết định Không tiếp thu vì khi xét duyệt có quy định cụ thể

	<p>Nghiên cứu sinh được tạo điều kiện tham gia hoặc làm chủ nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp, hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học theo quy định.</p> <p>Nên bổ sung khoản 4. Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết điều này</p>	<p>Sở GD&ĐT Quảng Ninh</p> <p>Đại học Huế</p>	<p>Không tiếp thu, đề tài cấp cơ sở do cơ sở tự quyết định</p>
<p>Điều 9. Hoạt động chuyên giao công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học</p>	<p>Hoạt động chuyên giao công nghệ trong CSGDDH: nội dung này cần được dẫn chiếu với các quy định của pháp luật về chuyên giao công nghệ (Luật Chuyên giao công nghệ, Nghị định hướng dẫn).</p> <p>Các phụ lục (nếu có) kèm theo trong Dự thảo Nghị định Quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học nên được đính kèm để thuận lợi cho việc triển khai thực hiện.</p> <p>- Thành lập doanh nghiệp KHCN ở TN thành lập đơn giản, tự nhiên ràng buộc bởi Luật Viên chức và Luật DN.</p> <p>Nên thay cụm từ "...và giảng viên" thành "...và cán bộ, viên chức"</p> <p>Lý do: nhằm khuyến khích cả đội ngũ cán bộ, viên chức cơ sở giáo dục đại học thực hiện các dự án chuyên giao công nghệ chứ không chỉ khuyến khích riêng đội ngũ giảng viên.</p> <p>Tại Khoản 2, xem xét điều chỉnh để bổ sung thêm đối tượng được chuyên giao công nghệ theo hướng: "CSGDDH được chuyên giao công nghệ cho các doanh nghiệp, tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định hiện hành".</p>	<p>Sở GD&ĐT Quảng Ninh</p> <p>Đại học Thái Nguyên</p> <p>Sở GD&ĐT Điện Biên</p>	<p>Không tiếp thu, vì đã có quy định rõ tại Luật và Nghị định</p> <p>Tiếp thu</p> <p>Tuân thủ theo Luật VC và doanh nghiệp</p> <p>Không tiếp thu vì dự thảo đề cập đến tác giả và đồng tác giả các dự án chuyên giao công nghệ</p> <p>Tiếp thu, "CSGDDH được chuyên giao công nghệ cho các doanh nghiệp, tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định hiện hành".</p> <p>Không tiếp thu, câu tối nghĩa</p>
<p>1. Cơ sở giáo dục đại học khuyến khích đơn vị trực thuộc và giảng viên, người học thực hiện các dự án chuyên giao công nghệ, hướng dẫn thủ tục pháp lý, ký kết hợp đồng, đăng ký hợp đồng chuyên giao công nghệ.</p>		<p>Sở GD&ĐT Phú Thọ</p>	<p>Không tiếp thu, vì đã có quy định chi tiết trong các văn bản qpl chuyên ngành</p>
<p>2. Cơ sở giáo dục đại học được chuyên giao công nghệ cho doanh nghiệp ngoài cơ sở giáo dục đại học, chuyên giao công nghệ ra nước ngoài theo quy định hiện hành.</p>	<p>Nên dẫn chiếu Điều 15 Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 (Hỗ trợ cá nhân thuộc các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học tham gia hoạt động nghiên cứu chuyên giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh) và bổ sung thêm các hướng dẫn chi tiết theo Khoản 2 Điều 43 Nghị định 76/2018/NĐ-CP (yêu cầu đối</p>	<p>Bộ KHCN</p>	
<p>Điều 10. Hợp tác về khoa học và công nghệ giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp</p>		<p>Sở GD&ĐT Phú Thọ</p> <p>Bộ KHCN</p>	

	<p>với cá nhân thuộc cơ sở giáo dục đại học được hỗ trợ, thời gian được hỗ trợ...).</p> <p>Điều 10, Điều 11: Ngoài hợp tác về khoa học và công nghệ giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp, hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, cần bổ sung quy định khuyến khích, đẩy mạnh hợp tác trong nước theo hướng liên ngành để tận dụng cũng như đầu tư cơ sở vật chất chung phục vụ nghiên cứu</p> <p>Tỉnh Thái nguyên có 04 doanh nghiệp KHHCN trong có 02 huộc DHTN. Cần có quy định rõ ràng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về spin- Off: sở hữu trí tuệ rất khó. - Quy định phải là học phí cho người học. - Các CSGD ĐH có quỹ PTKHCN, vậy DHTN có thành lập đc kg <p>Cần bổ sung cơ chế khuyến khích, hỗ trợ thực hiện các hoạt động HTQT về KHHCN</p> <p>Đề nghị ở Khoản 2, Khoản 4 và khoản 5 về hỗ trợ thù lao cho chuyên gia, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHHCN</p>	<p>Bộ TNMT</p> <p>Đại học Thái Nguyên</p> <p>ĐHQGHN</p> <p>ĐHQGHN</p>	<p>Đã có trong DT</p> <p>Không tiếp thu vì việc thành lập do ĐH TN tự quyết định</p> <p>K tiếp thu</p> <p>Kg tiếp thu vì đã có quy định tại Nghị định 95/2014</p>
<p>1. Cơ sở giáo dục đại học chủ động tìm hiểu nhu cầu đổi mới công nghệ và đổi mới sản phẩm của doanh nghiệp trong các lĩnh vực liên quan, kết nối hợp tác nghiên cứu giải quyết nhu cầu của doanh nghiệp, chủ động thỏa thuận và ký kết văn bản hợp tác với doanh nghiệp.</p> <p>2. Cơ sở giáo dục đại học được hợp tác với doanh nghiệp đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm nghiên cứu chung tại cơ sở giáo dục đại học, hỗ trợ cho doanh nghiệp theo hợp đồng tư vấn, thăm định, giám định về công nghệ đối với dự án sản xuất mới, nhập khẩu công nghệ, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.</p>	<p>Đề nghị ở Khoản 2, Khoản 4 và khoản 5 về hỗ trợ thù lao cho chuyên gia, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHHCN</p> <p>Đề nghị sửa thành: Cơ sở giáo dục đại học được hợp tác với doanh nghiệp đầu tư, xây dựng phòng thí nghiệm nghiên cứu chung tại cơ sở giáo dục đại học, hỗ trợ doanh nghiệp thuộc cơ sở giáo dục đại học theo hợp đồng tư vấn, thăm định, giám định về công nghệ đối với dự án sản xuất mới, nhập khẩu công nghệ, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp thuộc cơ sở giáo dục đại học.</p>	<p>ĐHQGHN</p> <p>Sở KH&CN Bạc Liêu</p>	<p>Kg tiếp thu vì đã có quy định tại Nghị định 95/2014</p> <p>Không tiếp thu vì dự thảo đề cập đến hợp tác giữa CSGDDH và doanh nghiệp bên ngoài CSGDDH</p>
<p>3. Cơ sở giáo dục đại học được thu hút tài trợ bằng tiền hoặc trang thiết bị của doanh nghiệp cho hoạt động khoa học và công nghệ và khai thác theo thỏa thuận với doanh nghiệp.</p>	<p>Đề xuất sửa lại: ...khoa học và công nghệ, khai thác theo thỏa thuận với doanh nghiệp</p>	<p>Sở GD&ĐT Quảng Ninh</p>	<p>Không tiếp thu, “vạ” trong cụm từ và nói 2 câu</p>

<p>4. Doanh nghiệp được sử dụng kinh phí cho nghiên cứu khoa học từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để đặt hàng, tài trợ kinh phí cho cơ sở giáo dục đại học để nghiên cứu, ứng dụng và sản xuất thử nghiệm các sản phẩm mới, đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm nghiên cứu chung.</p>	<p>Nên đưa vào Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Đề nghị điều chỉnh, bổ sung thành “Khuyến khích doanh nghiệp sử dụng kinh phí cho nghiên cứu khoa học từ quỹ phát triển khoa học của doanh nghiệp...”. Ngoài ra, cần có quy định cụ thể những quyền lợi mà doanh nghiệp được hưởng khi sử dụng kinh phí của doanh nghiệp.</p> <p>Đề nghị điều chỉnh: “Doanh nghiệp được sử dụng kinh phí từ Quỹ” bỏ đoạn “kinh phí cho nghiên cứu khoa học”.</p>	<p>Đại học Thái Nguyên UBND Vĩnh Long</p> <p>Sở GD&ĐT Phú Thọ</p>	<p>Không tiếp thu, ý kiến không đúng</p> <p>Không tiếp thu, cần chế tài bắt buộc chứ không chỉ khuyến khích</p> <p>Sửa lại “Doanh nghiệp được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để đặt hàng, tài trợ kinh phí cho cơ sở giáo dục đại học để nghiên cứu, ứng dụng và sản xuất thử nghiệm các sản phẩm mới, đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm nghiên cứu chung.”</p> <p>Không tiếp thu, góp ý sai chủ đề</p>
<p>Về hợp tác về KHCN giữa CSGDDH và doanh nghiệp (Điều 10):</p> <p>- Đề nghị bỏ quy định tại Khoản 4 Điều 10 do nội dung này thuộc quyền của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, Nghị định của Chính phủ không quy định vấn đề này. Việc sử dụng kinh phí cho nghiên cứu khoa học từ Quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều</p>	<p>Hợp tác về khoa học và công nghệ giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp có ghi “Doanh nghiệp được sử dụng kinh phí cho nghiên cứu khoa học từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để đặt hàng, tài trợ kinh phí cho cơ sở giáo dục đại học để nghiên cứu, ứng dụng và sản xuất thử nghiệm các sản phẩm mới...”. Đề nghị bỏ cụm từ “từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp”. Lý do để doanh nghiệp có thể được sử dụng kinh phí cho nghiên cứu khoa học từ tiền của doanh nghiệp”.</p>	<p>Sở GD&ĐT Lai Châu</p>	<p>Không tiếp thu, góp ý sai chủ đề</p>
		<p>Bộ chính</p>	<p>Không tiếp thu vì nghị định 95/2014 chưa quy định trong dự thảo</p>

	63 Luật KHCN năm 2013 và các văn bản hướng dẫn. Trong đó đã quy định cụ thể về việc khuyến khích thành lập Quỹ, tỷ lệ trích, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp... trong việc quản lý Quỹ.	trong điều 63 chỉ khuyến khích.
5. Doanh nghiệp được nhận chuyển giao công nghệ từ cơ sở giáo dục đại học theo thỏa thuận.	Khoản 5, Điều 10: có thể bỏ khoản 5 và nói ý vào cuối khoản 2 và ý "và theo thỏa thuận giữa hai bên" - Đề nghị góp nội dung khoản 5 Điều 10 (Doanh nghiệp được nhận chuyển giao công nghệ trong CSGDDH theo thỏa thuận) vào Điều 9 - Hoạt động chuyển giao công nghệ trong CSGDDH, để phù hợp với tiêu đề và nội dung hướng dẫn.	Đại học Huế Bộ Tài chính
6. Cơ sở giáo dục đại học, cán bộ, viên chức và người học có giải pháp sáng tạo đã được Nhà nước bảo hộ được thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ kết quả nghiên cứu và khai thác giải pháp sáng tạo, hoàn thiện và thương mại hóa sản phẩm công nghệ.		
Điều 11. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học	Cần bổ sung quy định về KHCN trong CSGD ĐH và quy định về tham gia các tổ chức giáo dục, khoa học, hội nghề nghiệp	HVKTQS
1. Cơ sở giáo dục đại học đẩy mạnh hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài về khoa học và công nghệ trong khuôn khổ các hiệp định hợp tác về khoa học và công nghệ giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ nước ngoài, hoặc văn bản hợp tác song phương giữa cơ sở giáo dục đại học với đối tác nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật hai nước.	Cần bổ sung thêm nội dung: CSGD có nhóm NCM có trách nhiệm cung cấp nguồn lực đối ứng cho các chương trình. Dự án nghiên cứu của các nhóm nghiên cứu QT Cần nêu rõ cơ chế khuyến khích, hỗ trợ thực hiện hoạt động HTQT trong NCKH Nên sắp xếp các nội dung liên quan đến thu hút chuyên gia, sử dụng kinh phí để hỗ trợ thù lao và thuê khoán chuyên gia thành một mục riêng để tránh trùng lặp và để theo dõi.	Không tiếp thu vì việc tham gia các tổ chức khác có quy định riêng Tiếp thu đưa vào TT hướng dẫn nhóm NCM
2. Cơ sở giáo dục đại học lựa chọn đối tác nước ngoài có uy tín và kinh nghiệm để thỏa thuận hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư, hợp tác song phương và đa phương gắn với đào tạo sau đại học tại nước ngoài; mời hoặc thuê chuyên gia nước ngoài tham gia nghiên cứu và đào tạo trình độ cao; hỗ	Nên diễn đạt lại: "...hỗ trợ một phần học bổng cho cán bộ, viên chức, nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu ở nước ngoài, ..." Xem xét thay thế cụm từ "...của mình" bằng cụm từ "... của đơn vị".	UBND Lạng Sơn - Không tiếp thu

<p>trợ một phần học bổng cho cán bộ, viên chức và người học đi học ở nước ngoài, hoặc hỗ trợ thù lao cho chuyên gia nước ngoài từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của mình.</p>			<p>- Tiếp thu, sửa là “...của csgddh”</p>
<p>3. Cơ sở giáo dục đại học đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công bố khoa học trên các tạp chí khoa học có uy tín thuộc hệ thống tạp chí ISI và Scopus; nâng cao chất lượng tạp chí khoa học của cơ sở giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn khu vực và thế giới; chủ trì hoặc tham gia tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế thường niên trong một số lĩnh vực có thế mạnh, mời các nhà khoa học của đối tác nước ngoài cùng chủ trì hoặc tham gia; tổ chức mạng lưới phản biện quốc tế chuyên nghiệp và có uy tín, xuất bản kỷ yếu theo tiêu chuẩn quốc tế.</p>	<p>Đề nghị bổ sung cụm từ “<i>ấn phẩm khoa học khác</i>” sau cụm từ “... xuất bản kỷ yếu” Khoản 3 Điều 11. Sửa lại là: Cơ sở giáo dục đại học đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công bố khoa học trên các tạp chí khoa học có uy tín Bộ cụm từ ISI, Scopus để cơ quan có chức năng quy định thế nào là tạp chí khoa học uy tín</p>	<p>UBND Lang Son Đại học Huế</p>	<p>Tiếp thu Tiếp thu, bổ cụm từ thuộc hệ thống isi, scopus</p>
<p>4. Cơ sở giáo dục đại học được thu hút chuyên gia và ký kết hợp đồng với nhà khoa học có uy tín, nghiên cứu sinh nước ngoài đến hợp tác, làm việc và thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo tiến sĩ; cử các nghiên cứu sinh, thực tập sinh tham gia nhóm nghiên cứu mạnh ra nước ngoài học tập và nghiên cứu.</p>			
<p>5. Cơ sở giáo dục đại học được sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt để thuê khoán chuyên môn với chuyên gia là người nước ngoài; được thu hút tài trợ bằng tiền hoặc trang thiết bị từ đối tác nước ngoài cho hoạt động khoa học và công nghệ và sử dụng theo thỏa thuận với đối tác.</p>			
<p>6. Giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học được ký kết hợp đồng thuê khoán chuyên môn, tham gia nhóm nghiên cứu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài; tham gia thực hiện đề tài, dự án, chương trình nghiên cứu của nước ngoài.</p>	<p>Đề nghị xem xét quy định thêm về trách nhiệm của Giảng viên, Nhà khoa học tham gia hợp đồng chuyên môn thực hiện các đề tài, dự án với nước ngoài</p>	<p>Bộ XD</p>	<p>Tiếp thu, viết lại “Giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học được ký kết hợp đồng chuyên môn, tham gia nhóm nghiên cứu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài; tham gia thực hiện đề tài, dự án, chương trình nghiên cứu của nước ngoài theo quy định của CSGDDH”</p>
<p>Điều 12. Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ</p>			

<p>1. Cơ sở giáo dục đại học xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động thông tin khoa học và công nghệ, đẩy mạnh nâng cấp tạp chí khoa học, thực hiện hoạt động tìm kiếm, thu thập, xử lý, xây dựng, lưu trữ, phổ biến, trao đổi thông tin khoa học công nghệ và các hoạt động khác có liên quan trực tiếp nhằm tạo lập nguồn tin khoa học và công nghệ (sách, báo, tạp chí, cơ sở dữ liệu, tài liệu hội nghị, hội thảo khoa học, báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tài liệu về sở hữu trí tuệ, tài liệu về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ và các nguồn tin khác được tổ chức, cá nhân thu thập) và phục vụ cho các hoạt động nghiệp vụ thông tin khoa học và công nghệ.</p>		Sở GDĐT Bắc Giang	Tiếp thu và sửa tổng hợp chuyên gia, bỏ tổng hợp hợp
<p>2. Cơ sở giáo dục đại học xây dựng cơ sở dữ liệu (chuyên gia) tổng hợp, chuyên đề và trang thông tin điện tử về khoa học và công nghệ; ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến trong hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; tổ chức các hoạt động thư viện; công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học theo quy định hiện hành.</p>			
<p>Điều 13. Đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học</p>			
<p>1. Đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, bao gồm các nội dung sau:</p>			
<p>a) Xây dựng phòng thí nghiệm tập trung, phòng thí nghiệm chuyên ngành, liên ngành hiện đại và đồng bộ;</p>			
<p>b) Số hóa thư viện trong cơ sở giáo dục đại học để khai thác cơ sở dữ liệu thông tin khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài;</p>	<p>Bổ sung cụm từ “<i>liên kết với thư viện số của các trường đại học uy tín quốc tế và khu vực</i>” vào sau đoạn “<i>Số hóa thư viện trong các cơ sở giáo dục đại học</i>”</p>	Sở GD&ĐT Quảng Nam	Không tiếp thu vì ...
<p>c) Mua tài sản trí tuệ, mua công nghệ, hỗ trợ chuyển giao và nhập khẩu công nghệ từ nước ngoài theo quy định hiện hành;</p>			
<p>d) Các nội dung khác theo quy định.</p>			
<p>2. Ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở vật chất cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học đáp ứng các yêu cầu sau:</p>	<p>Chuyển vị trí điểm c lên vị trí điểm a (theo thứ tự ưu tiên)</p>	Sở GD&ĐT Quảng Nam	Không tiếp thu, dự thảo đã rõ

<p>a) Cơ sở giáo dục đại học có tiềm lực mạnh về nhân lực nghiên cứu và triển khai ứng dụng, trong đó đặc biệt ưu tiên cơ sở giáo dục đại học đã được xếp hạng của thế giới và châu Á và cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; ưu tiên đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh;</p>	<p>Điểm a, Khoản 2, Điều 13 sửa lại là Cơ sở giáo dục đại học có tiềm lực khoa học và công nghệ mạnh, trong đó đặc biệt ưu tiên cơ sở giáo dục đại học đã được xếp hạng của thế giới và châu Á và cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; ưu tiên đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh;</p>	<p>Đại Hué học</p>	<p>Không tiếp thu vì nói rõ nội hàm nghiên cứu ứng dụng</p>
<p>b) Cơ sở giáo dục đại học đóng ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có vai trò quan trọng trong đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng;</p>			
<p>c) Cơ sở giáo dục đại học thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên của Nhà nước, ứng dụng công nghệ thông tin và cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những vấn đề cấp thiết phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.</p>			
<p>Điều 14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học</p>	<p>- Về Quỹ phát triển hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học (Điều 14): Dự thảo Nghị định quy định " <i>Hàng năm, cơ sở giáo dục đại học trích tối thiểu 5% từ tổng nguồn thu hợp pháp (trừ ngân sách nhà nước cấp), cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu trích tối thiểu 8% từ tổng nguồn thu hợp pháp (trừ ngân sách nhà nước cấp)</i>". Tuy nhiên, đối với nguồn thu hợp pháp, các cơ sở giáo dục đại học sẽ phải sử dụng để chi trả kinh phí chi thường xuyên, nộp thuế và nộp ngân sách Nhà nước theo quy định. Việc trích lập các Quỹ trong đó có Quỹ phát triển khoa học và công nghệ chỉ khả thi khi có chênh lệch giữa nguồn thu của đơn vị và các chi phí cần phải chi trả theo quy định.</p> <p>Do vậy, đề nghị điều chỉnh quy định nêu trên theo hướng chỉ quy định tỷ lệ trích lập Quỹ phát triển hoạt động khoa học và công nghệ đối với phần chênh lệch thu chi thường xuyên (nếu có) của cơ sở giáo dục đại học sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.</p>	<p>KHĐT</p>	<p>Không tiếp thu, kế thừa Nghị định 99/2014 và thực hiện ND 99/2019</p>
<p>ghi rõ khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học thành lập Quỹ để chủ động hơn trong hoạt động KH&CN.</p>		<p>Bộ KH&CN</p>	<p>Không tiếp thu vì dự thảo bắt buộc thành lập chứ không chỉ khuyến khích</p>

	<p>Về Quỹ phát triển KHCN, tài chính cho hoạt động KHCN và kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN (Điều 14,15,16):</p> <p>a. Ý kiến tham gia chung: Các quy định tại Điều 15,15,16 của dự thảo Nghị định, còn có sự trùng lặp về nguồn kinh phí (Điều 15: nguồn vốn cho KHCN trong các CSGDDH từ nguồn NSNN...; Điều 16: kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN trong các CSGDDH từ nguồn NSNN ...) và các quy định liên quan đến thu, chi. Do đó, đề nghị nghiên cứu, sắp xếp các nội dung quy định nêu trên, đảm bảo thể hiện theo tình hình tài chính của đơn vị (thu, chi, phân phối kết quả), trong đó quy định về quản lý tài chính của Quỹ phát triển KHCN và quản lý tài chính theo các nguồn kinh phí của đơn vị (riêng NSNN theo trình tự dự toán, chấp hành và quyết toán).</p>	<p>Bộ Tài chính</p>	<p>Không tiếp thu, dự thảo giao Bộ KHCN phối hợp Bộ TC hướng dẫn</p>
<p>1. Cơ sở giáo dục đại học thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.</p>	<p>Quỹ phát triển KHCN trong CSGDDH (Điều 14):</p> <p>- Hiện nay, các nội dung về Quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp và Quỹ phát triển KHCN của tổ chức, cá nhân được thực hiện theo các quy định tại Luật KHCN, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KHCN (Nghị định số 95/2014/NĐ-CP). Bộ KHCN được giao trách nhiệm tổ chức thực hiện nội dung này. Vì vậy, đề nghị Bộ GD&ĐT phối hợp với Bộ KHCN để rà soát các nội dung tại Điều 14 đảm bảo phù hợp với các quy định tại các văn bản nêu trên.</p>	<p>Bộ Tài chính</p>	<p>Tiếp thu giao cho BKHCN chủ trì sẽ bổ sung ở Điều trách nhiệm Bộ, ngành</p>
<p>2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học được hình thành từ các nguồn sau đây:</p>	<p>Bổ sung “trích nộp...% nguồn thu từ các hoạt động chuyên giao công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ; sản phẩm của khoa học và công nghệ các cấp sử dụng tiền từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ”</p>	<p>Sở GDĐT Bắc Giang</p>	<p>Không tiếp thu vì dự thảo đã bao hàm các nội dung này</p>
<p>a) Các khoản đóng góp tự nguyện, tài trợ, hiến tặng của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài;</p> <p>b) Kinh phí được điều chuyển từ ngân quỹ hoặc nhận ủy thác từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;</p> <p>c) Hằng năm, cơ sở giáo dục đại học trích tối thiểu 5% từ tổng nguồn thu hợp pháp (trừ ngân sách nhà nước cấp), cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu trích tối</p>	<p>Quỹ phát triển KHCN: Vê 5% và 3% theo 99/2014: nên kê thừa</p>	<p>Đại học Thái Nguyên</p>	<p>Không tiếp thu, như trên</p>

<p>thiếu 8% từ tổng nguồn thu hợp pháp (trừ ngân sách nhà nước cấp);</p>	<p>cần quy định rõ cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu” là tự xác định hay đã được công nhận Cần định rõ nguồn thu hợp pháp, vì sự các đề tài dự án từ nguồn ngoài NSNN nhưng chỉ lại 100% thì có được tính là nguồn thu không</p>	<p>Đại học Huế</p>	<p>CSGD định hướng NC theo tiêu chí ND 99/2019</p>
<p>: Bổ sung quy định về phân trăm trích quỹ tối đa đối với cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu.</p>	<p>BỘ QP</p>	<p>BỘ QP</p>	<p>Không tiếp thu, giao cho CSGDDH tự quyết định trong khả năng</p>
<p>Nên xem xét, làm rõ về “cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu” có không và khác với cơ sở giáo dục đại học khác như thế nào để đưa ra mức trích cao hơn như vậy. Thừa chữ “đại học”, đề nghị điều chỉnh lại như sau: “Hàng năm, tùy theo tình hình tài chính và năng lực nghiên cứu thực tế, cơ sở giáo dục đại học trích tối thiểu 3% từ tổng nguồn thu hợp pháp (trừ ngân sách nhà nước cấp), cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu trích tối thiểu 5% từ tổng nguồn thu hợp pháp (trừ ngân sách nhà nước cấp).”</p>	<p>Sở GD&ĐT Bắc Kạn</p>	<p>Sở GD&ĐT Cần Thơ</p>	<p>Theo ND 99/2019</p>
<p>“Hàng năm, cơ sở giáo dục đại học đại học...” bỏ một cụm từ đại học do lặp lại.</p>	<p>Sở GD&ĐT Phú Thọ</p>	<p>Sở GD&ĐT Cần Thơ</p>	<p>Tiếp thu sửa lỗi</p>
<p>BỘ VHTTDL: Tại điểm c mục 2 Điều 14 của dự thảo: Đề nghị bỏ quy định về trích quỹ từ nguồn thu hợp pháp. Nội dung chi của Quỹ khoa học công nghệ theo dự thảo có nhiều nội dung tương đồng với Quỹ phát triển sự nghiệp theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Do vậy dự thảo cần sửa đổi theo hướng “Cơ sở giáo dục đại học được phép sử dụng quỹ phát triển sự nghiệp để chi cho các hoạt động khoa học công nghệ”</p>	<p>BỘ VHTTDL</p>	<p>BỘ VHTTDL</p>	<p>Tiếp thu sửa lỗi</p>
<p>cơ sở giáo dục đại học đại học trích tối thiểu 3- 5% (đối với CSGD ĐH định hướng NC) từ tổng nguồn thu hợp pháp (trừ ngân sách nhà nước cấp), cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu trích tối thiểu, hoặc giữ nguyên định mức tối thiểu 5% như văn bản trước đây, nên mở rộng hoàn chi cho NCKH. Vì dự mở rộng chi cho xuất bản các công trình KH tiêu biểu, ký yếu Hội thảo QT lớn, phát triển tạp chí theo hướng quốc tế hóa, chi cho tổ chức các hội thảo cấp</p>	<p>Đại học QGHN</p>	<p>Đại học QGHN</p>	<p>Không tiếp thu vì đã quy định tại Nghị định 95/2014</p>

	quốc gia, đơn vị. việc trích 5-8% sẽ gây khó khăn cho CSGDĐH				Tiếp thu, giải trình trong Tờ trình Chính phủ và Báo cáo đánh giá tác động
	Về quy định mức trích tối thiểu (Điểm c Khoản 2): Đề nghị bổ sung căn cứ và thuyết minh cơ sở đưa ra mức trích tối thiểu 5% từ tổng nguồn thu hợp pháp (trừ NSNN cấp) đối với CSGDĐH nói chung và mức tối thiểu 8% từ tổng nguồn thu hợp pháp đối với CSGDĐH định hướng nghiên cứu.		Bộ Tài chính		
d) Hằng năm, kinh phí của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp trực thuộc cơ sở giáo dục đại học, nếu chưa có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không hết, phải được chuyển vào Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học;					
d) Các nguồn thu hợp pháp khác.			Bộ KHHCN		Không tiếp thu, quỹ này không đầu tư mạo hiểm
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học được chi cho các nội dung sau:			Bộ Tài chính		Không tiếp thu, vì nội hàm Điều 14 và 15 khác nhau
	Tại Khoản 3, đề nghị bổ sung nội dung chi của Quỹ Phát triển KH&CN của các CSGDĐH: đầu tư, đối ứng vốn đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. - Khoản 3 Điều 14 dự thảo quy định nội dung chi của Quỹ. Tuy nhiên tại Điều 15 quy định về tài chính cho hoạt động KH&CN lại chỉ đề cập đến nguồn tài chính từ NSNN, nguồn thu hợp pháp của CSGDĐH và nguồn đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, không đề cập đến Quỹ phát triển KH&CN. Do đó, đề nghị làm rõ hơn quy định về nguồn tài chính cho hoạt động KH&CN của CSGDĐH như khi nào hình thành Quỹ KH&CN, nhiệm vụ nào phải chi từ Quỹ,...				Không tiếp thu, giao cho BKHCN hướng dẫn chi tiết
a) Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp;			Sở GD&ĐT Cần Thơ		Tiếp thu
b) Dự án đầu tư cho cơ sở vật chất, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, dự án duy tu bảo dưỡng, tăng cường trang thiết bị để phát triển khoa học và công nghệ;					
c) Thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ do tổ chức, cá nhân tài trợ, đặt hàng;					
d) Hỗ trợ nhóm nghiên cứu mạnh, nhà khoa học công bố kết quả nghiên cứu, đăng ký sở hữu trí tuệ, tham dự hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, mua tài liệu khoa học, mua kết quả nghiên cứu; mời chuyên gia nước ngoài tham dự hội nghị, hội thảo; tài trợ hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh;					
	Đề nghị điều chỉnh lại như sau: “Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm và duy tu bảo dưỡng trang thiết bị, phương tiện làm việc, tăng cường năng lực nghiên cứu để phát triển khoa học và công nghệ”.				
	Nên bổ sung kinh phí cho người học công bố quốc tế và đăng ký SHTT		Đại học QGHN		Không tiếp thu

e) Chi đối ứng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có):			
g) Chi các nội dung hoạt động khoa học và công nghệ khác.			
4. Cơ sở giáo dục đại học ban hành hoặc chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.			
Điều 15. Tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học	Đại học Huế	Không tiếp thu vì các nội dung này có nội hàm khác nhau	
	BỘ TNMT:	Không tiếp thu vì tự chủ tại các cơ sở giáo dục đại học đã có trong quy định, dự thảo đã có sở Khoa 2 Điều 13	
	BỘ KHHCN	Tiếp thu, đưa vào TT hướng dẫn nhóm NCM	
	Sở GD&ĐT Quảng Ninh	Không tiếp thu vì viướng Luật NSNN và Luật KHHCN	
	BỘ KHHCN	Không tiếp thu vì dự thảo quy định về nguồn vốn, không quy định về các khoản chi	
1. Nguồn vốn cho khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học gồm:	Bộ Tài chính	Tiếp thu một phần đối chỗ a và b;	
(i) Đề nghị quy định lại Khoản 1 Điều 15 theo hướng:			

<p>a) Ngân sách nhà nước từ nguồn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ và nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo chi cho đào tạo tiến sĩ trong nhóm nghiên cứu mạnh;</p> <p>b) Nguồn thu hợp pháp của cơ sở giáo dục đại học;</p> <p>c) Đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.</p> <p>2. Ngân sách nhà nước trong cơ sở giáo dục đại học được chi cho các nội dung sau đây:</p>	<p>“1. Nguồn vốn cho hoạt động KHHCN trong CSGDDH gồm: (i) Nguồn thu hợp pháp của CSGDDH; (ii) Nguồn NSNN cấp (nếu có) theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Luật KHHCN và các văn bản hướng dẫn; (iii) Nguồn đóng góp của các CSGDDH”.</p>	
<p>a) Vốn từ sự nghiệp khoa học và công nghệ; Tài trợ chương trình nghiên cứu và các hoạt động thường xuyên của các nhóm nghiên cứu mạnh; hỗ trợ kinh phí công bố bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín; đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích và bản quyền tác giả; phát triển, nâng cao chất lượng tạp chí khoa học gia nhập hệ thống trích dẫn khu vực và quốc tế; chi thường theo mức lương cơ sở cho công bố khoa học có giá trị và các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành;</p> <p>Cơ sở giáo dục đại học áp dụng mức chi thường tối thiểu 2 lần mức lương cơ sở cho tác giả bài báo được công bố trên tạp chí trong danh mục ISI, chi tối thiểu 5 lần mức lương cơ sở cho tác giả 01 sáng chế được bảo hộ và chi tối thiểu 2 lần</p>	<p>Khoản 2 quy định chi tiết các nội dung chi từ nguồn NSNN (nếu có), đề nghị Bộ GD&ĐT phối hợp với Bộ KHHCN và các bộ, cơ quan có liên quan để rà soát các nội dung đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật (Nghị định số 95/2014/NĐ-CP) và thực tiễn triển khai. - (iii) Đề nghị Bộ GD&ĐT nghiên cứu, bổ sung nội dung quy định về nguồn tài chính cho hoạt động KHHCN trong CSGDDH bao gồm nguồn từ Quỹ phát triển KHHCN để đảm bảo đầy đủ và tương ứng với các quy định tại Khoản 3 Điều 14 nêu trên.</p> <p>...; tài trợ chương trình nghiên cứu và các hoạt động thường xuyên của nhóm nghiên cứu mạnh,...(bỏ một chữ của)</p> <p>Đề nghị xem xét điều chỉnh nâng mức thường cho bài báo ISI lên tối thiểu 10 lần mức lương cơ sở, 20 lần cho 01 sáng chế, 10 lần cho 1 giải pháp hữu ích.</p> <p>Đối với nội dung chi hỗ trợ công bố bài báo, đăng ký sở hữu trí tuệ, sáng chế: Dự thảo Nghị định đang quy định 02 nguồn kinh phí hỗ trợ nội dung này: Nguồn từ NSNN (khoản 2.a Điều 15) và nguồn từ Quỹ phát triển KHHCN của CSGDDH (khoản 4.d Điều 14). Vì vậy, đề nghị rà</p>	<p>Bộ Tài chính</p> <p>Không tiếp thu vì Hai bộ đã rà soát</p>
		<p>Sở GDĐT Bắc Giang</p> <p>Bộ Xây dựng</p> <p>Bộ Tài chính</p> <p>Không tiếp thu vì Nghị định chi quy định mức thường tối thiểu từ sự nghiệp KHHCN, các CSGD tự quy định mức thường</p> <p>Tiếp thu nói rõ 2 nguồn</p>

<p>mức lương cơ sở cho tác giả 01 giải pháp hữu ích, giống cây trồng được bảo hộ. Kinh phí thường được lấy từ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ và các nguồn kinh phí khác của cơ sở giáo dục đại học;</p>	<p>soát các quy định để tránh trùng lặp trong quá trình tổ chức thực hiện.</p>	<p>Sở GD&ĐT Quảng Ninh</p>	<p>Không tiếp thu, vì Nghị định chỉ quy định mức thưởng tối thiểu từ sự nghiệp KHHCN, các CSGD tự quy định mức thưởng</p>
<p>+ Tại điểm a khoản 2 Điều 15: Đề nghị bổ sung cụ thể đối tượng tác giả được chi thưởng đối với nội dung "... chi thưởng tối thiểu 2 lần mức lương cơ sở cho tác giả bài báo được công bố trong danh mục ISI, ..." tác giả ở đây được hiểu là tác giả chính của bài báo hay chỉ cần là tác giả có tên trong danh sách bài báo (trong trường hợp bài báo là sản phẩm hình thành do sự hợp tác nghiên cứu, tác giả chính của bài báo đến từ tổ chức, cơ sở giáo dục khác); Đề nghị sửa lại theo hướng tăng mức thưởng tối thiểu cao hơn, mở rộng thêm phạm vi thưởng công bố trên tạp chí trong danh mục ISI và Scopus. Qua đó, mới có thể tạo được động lực thúc đẩy nghiên cứu khoa học, thúc đẩy các công bố khoa học quốc tế và các sáng chế, cụ thể: "Cơ sở giáo dục đại học áp dụng mức chi thưởng tối thiểu 6 lần mức lương cơ sở cho tác giả bài báo được công bố trên tạp chí trong danh mục ISI, chi thưởng tối thiểu 4 lần mức lương cơ sở cho tác giả bài báo được công bố trên tạp chí trong danh mục Scopus, chi thưởng tối thiểu 10 lần mức lương cơ sở cho tác giả 01 sáng chế được bảo hộ và chi tối thiểu 5 lần mức lương cơ sở cho tác giả 1 giải pháp hữu ích, giống cây trồng được bảo hộ</p>	<p>Đề nghị xem xét và điều chỉnh cụm từ "mức lương cơ sở" cho phù hợp với Nghị quyết 27-NQ/TW của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung Ương khoá XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp. Nên có chi thưởng cho các bài báo được công bố trên tạp chí trong danh mục Scopus để việc thực hiện khoản 3 Điều 11 được đầy mạnh</p>	<p>Sở GD&ĐT Long An</p>	<p>Không tiếp thu vì đây là khái niệm phổ thông</p>
<p>Điểm a, Khoản 2, Điều 15. Nên làm rõ sao mức thưởng bài báo ở đây và Nghị định 99/2014 lại khác nhau như vậy, nên có mức thưởng cho bài báo Scopus và quy định chi thưởng bài báo ISI/Scopus tối thiểu 5 lần mức lương cơ sở; cần quy</p>	<p>Sở GD&ĐT Điện Biên</p>	<p>Sở GD&ĐT Điện Biên</p>	<p>Không tiếp thu vì việc chi cho báo Scopus do cơ sở giáo dục đại học quyết định</p>
	<p>Học viện chính trị quốc gia HCM</p>	<p>Học viện tri gia quốc HCM</p>	<p>Không tiếp thu vì việc chi cho báo Scopus do cơ sở giáo dục đại học quyết định</p>

	định mức chi tối đa là 10 lần mức lương cơ sở để các CSGD có điều kiện có thể chi nhiều hơn		
	Nội dung tại mục a, khoản 2: “Cơ sở giáo dục đại học áp dụng mức chi thường tối thiểu 2 lần mức lương cơ sở cho tác giả bài báo được công bố trên tạp chí trong danh mục ISI” là quá thấp, đề nghị nâng lên 8 lần.	Sở KH&CN Trà Vinh	Không tiếp thu, vì Nghị định chi quy định mức thường tối thiểu từ sự nghiệp KHCN, các CSGD tự quy định mức thưởng
	Đề nghị bổ sung cụm từ “... và Scopu” sau cụm từ “... công bố trên tạp chí trong danh mục ISI” để thống nhất với nội dung khoản 3, Điều 11.	UBND Lạng Sơn	Không tiếp thu vì việc chi cho báo Scopu do cơ sở giáo dục đại học quyết định
	Nên bổ sung “hỗ trợ lệ phí duy trì hiệu lực văn bằng BHSHIT hàng năm cho các tài sản trí tuệ của CSGD” Đề nghị giảm mức chi tối thiểu cho tác giả bài báo trên tạp chí KHQT như sau: Cơ sở giáo dục đại học áp dụng mức chi thường tối thiểu bằng mức lương cơ sở cho tác giả bài báo được công bố trên tạp chí trong danh mục ISI, chi tối thiểu 3 lần mức lương cơ sở cho tác giả 01 sáng chế được bảo hộ và chi tối thiểu 2 lần mức lương cơ sở cho tác giả 01 giải pháp hữu ích, giống cây trồng được bảo hộ. Kinh phí thường được lấy từ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ và các nguồn kinh phí khác của cơ sở giáo dục đại học;	Đại học QGHN	Không tiếp thu vì đã có quy định tại Nghị định 95/2014
	Chỉ chi ưu tiên thưởng cho các công trình công bố và các đăng ký sở hữu trí tuệ chưa được tài trợ từ nguồn NS nhà nước để đảm bảo sự công bằng cho các nhà khoa học có sản phẩm chưa được tài trợ từ kinh phí NSNN	Đại học Quốc gia HN	Không tiếp thu vì không phân biệt nguồn tài trợ
	Làm rõ phạm vi của từ “chi phí” trong cụm “Chi học bổng, học phí, chi phí cho nghiên cứu sinh trình độ tiến sĩ là thành viên của nhóm nghiên cứu mạnh.”	Sở GDĐT Bắc Giang	Không tiếp thu vì dự thảo đã rõ
	Về tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ trong sơ sở giáo dục đại học (Khoản 3, Điều 15): Dự thảo Nghị định quy định các cơ sở giáo dục đại học được sử dụng nguồn thu hợp pháp của đơn vị mình để chi cho các hoạt động thực	BỘ KHĐT	Tiếp thu bổ sung nội dung chi cho đầu tư cho phát triển KHCN
b) Vốn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ: Dự án phòng thí nghiệm đầu tư, phòng thí nghiệm chuyên ngành, phòng thí nghiệm liên ngành; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu; dự án số hóa thư viện trong cơ sở giáo dục đại học để khai thác cơ sở dữ liệu thông tin khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài; dự án đầu tư phát triển khoa học và công nghệ khác;			
c) Vốn sự nghiệp giáo dục và đào tạo: Chi học bổng, học phí, chi phí cho nghiên cứu sinh trình độ tiến sĩ là thành viên của nhóm nghiên cứu mạnh.			
3. Nguồn vốn của cơ sở giáo dục đại học: Chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, chi đối ứng hoạt động khoa học và công nghệ được tài trợ bởi ngân sách nhà nước (nếu có), chi thực hiện hoạt			

<p>động khoa học, công nghệ, chi cho đầu tư phát triển cơ sở vật chất khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo khác của cơ sở giáo dục đại học.</p>	<p>hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp sở, chi đổi ứng hoạt động khoa học công nghệ được tài trợ...không có nội dung chi cho đầu tư phát triển cơ sở vật chất khoa học và công nghệ. theo Khoản 22, Điều 4, Luật đầu tư công "Vốn đầu tư công quy định tại Luật này bao gồm: Vốn ngân sách Nhà nước; Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập giành để đầu tư theo quy định của Pháp luật". Do vậy, đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung cho phép sử dụng nguồn thu hợp pháp của đơn vị để đầu tư phát triển cơ sở vật chất phục vụ phát triển khoa học công nghệ nhằm tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục đại học tăng cường đầu tư phát triển tiềm lực khoa học công nghệ.</p>		
<p>4. Nguồn vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ; Cơ sở giáo dục đại học thỏa thuận với nhà tài trợ để thực hiện chi cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định hiện hành.</p>			
<p>Điều 16. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học</p>	<p>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN trong CSGDDH (Điều 16):</p> <p>- Nội dung quy định tại Điều 16 chưa phù hợp với tên điều, đề nghị rà soát, đảm bảo phù hợp;</p>	<p>Bộ chính</p>	<p>Tiếp thu</p>
<p>1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học từ nguồn ngân sách nhà nước, một phần từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc không sử dụng ngân sách nhà nước.</p>			
<p>2. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước:</p> <p>a) Việc lập dự toán ngân sách, quản lý tài chính, tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và thủ tục thanh quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định hiện hành;</p>	<p>Đối với các nhiệm vụ KHCN sử dụng NSNN thì việc lập dự toán ngân sách, quản lý tài chính, tài sản của nhiệm vụ KHCN và thủ tục thanh quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng KHCN thực hiện theo quy định hiện hành</p>	<p>Bộ chính</p>	<p>Tiếp thu</p>

<p>b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi một phần theo quy định hiện hành;</p>	<p>Cần thông nhất tên gọi phương thức khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ theo đúng Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH&CN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Tài chính, nên sửa lại như sau: b, Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc phương thức khoán chi từng phần theo quy định hiện hành.</p>	<p>Sở GD&ĐT Bắc Kạn</p>	<p>Tiếp thu</p>
<p>c) Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng một phần kinh phí ngoài ngân sách nhà nước, cơ sở giáo dục đại học cần xác định rõ nội dung sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước và ngoài ngân sách nhà nước để áp dụng các quy định cho phù hợp.</p>			
<p>3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước:</p>			
<p>a) Cơ sở giáo dục đại học được đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ nguồn thu hợp pháp và nguồn tài chính do tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tài trợ (gọi chung là nhà tài trợ) khi đáp ứng đầy đủ tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ở cấp đăng ký;</p>			
<p>b) Quy trình lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí có thể căn cứ vào nội dung công việc và mức giá cả thị trường thực tế hoặc có thể áp dụng định mức như quy định hiện hành và thỏa thuận với nhà tài trợ (nếu có).</p>	<p>Đề nghị sửa lại như sau: + Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục và đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ, Luật kế toán và các văn bản chế độ hiện hành. + Hằng năm, các cơ sở giáo dục và đào tạo thực hiện nghiêm chế độ báo cáo kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với cơ quan quản lý nhà nước và nhà tài trợ (đối với nguồn tài trợ) theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Sở GD&ĐT Tuyên Quang</p>	<p>Không tiếp thu vì đã có quy định cụ thể tại TTLT 55</p>
<p>4. Việc quyết toán các nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện độc lập và báo cáo đầy đủ với cơ quan quản lý nhà nước và nhà tài trợ.</p>			
<p>Điều 17. Tài sản từ hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học</p>	<p>Điều 17 về Tài sản từ hoạt động KH&CN: việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước cần thực hiện theo quy định tại Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018. - Đề nghị nghiên cứu bổ sung các nội dung đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp</p>	<p>Bộ KH&CN</p>	<p>Không tiếp thu vì đã có trong dự thảo Điều 15</p>

	<p>sáng tạo/ không gian khởi nghiệp sáng tạo, các trung tâm đổi mới sáng tạo.</p> <p>Điều 17 các quy định quản lý tài sản công cần nghiên cứu các văn bản liên quan về tài sản:</p>	<p>Đại học Thái Nguyên</p> <p>Sở GD&ĐT Cần Thơ</p>	<p>Dự thảo đi đúng theo quy định về quản lý tài sản công</p> <p>Thêm hiện hành. Không tiếp thu vì đã có trong quy định hiện hành</p>
<p>1. Tài sản do ngân sách nhà nước đầu tư để mua sắm và tài sản được hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước giao cho cơ sở giáo dục đại học quản lý và sử dụng theo quy định.</p>	<p>Đề nghị bổ sung vào cuối câu cụm từ "...hoặc theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước cấp ngân sách thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ" để áp dụng đối với trường hợp cơ sở giáo dục đại học không có nhu cầu sử dụng tài sản hoặc có đơn vị phù hợp hơn trong quản lý và sử dụng tài sản do ngân sách nhà nước đầu tư.</p> <p>Đề nghị quy định cho các tổ chức khoa học và công nghệ những hoạt động tương ứng với những hoạt động của cơ sở giáo dục đại học trong trường hợp không vượt quá chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định bởi pháp luật hoặc cơ quan có thẩm quyền</p> <p>Đổi với các loại sản được liệt kê tại khoản 1 Điều 17 dự thảo Nghị định hiện được điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung và chỉ rõ "theo quy định" ở đây là "theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công", cụ thể là "Tài sản do ngân sách nhà nước đầu tư để mua sắm và tài sản được hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước giao cho cơ sở giáo dục đại học quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công."</p> <p>Điểm b, khoản 1 Điều 86 của Luật Sở hữu trí tuệ quy định tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất cho tác giả dưới hình thức giao việc, thuê việc, có quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác, do đó chính các CSGDDH sẽ có quyền đăng ký để trở thành chủ sở hữu của sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí do các giảng viên, nghiên cứu viên, các nhóm nghiên cứu của các CSGDDH nghiên cứu, phát triển. Ngoài ra, theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo quy định của Nghị định số</p>	<p>Bộ KHCN</p>	<p>Không Tiếp thu vì không vi phạm luật SHTT hiện hành.</p> <p>- Khoản 1: bổ sung "...quy định hiện hành".</p>

	<p>122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010, đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí được tạo ra do sử dụng cơ sở vật chất - kỹ thuật, kinh phí từ ngân sách nhà nước, tổ chức, cơ quan nhà nước được giao quyền chủ đầu tư có trách nhiệm đại diện Nhà nước thực hiện quyền đăng ký.</p> <p>Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung trong dự thảo Nghị định quy định về quyền và trách nhiệm đăng ký bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí đối với các tài sản trí tuệ tạo ra từ ngân sách của các CSGDDH và từ ngân sách nhà nước nhưng CSGDDH được giao quyền chủ đầu tư.</p> <p>Nên sửa lại: Tài sản do Ngân sách nhà nước đầu tư để mua sắm và tài sản được hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được xử lý theo Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.</p>	<p>Không tiếp thu, như ý kiến ở trên</p>
<p>2. Cơ sở giáo dục đại học được chủ động sử dụng tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước cho hoạt động liên doanh, liên kết để sản xuất kinh doanh và làm dịch vụ; có thể góp vốn vào doanh nghiệp, cho thuê, chuyển nhượng, thanh lý theo quy định của hội đồng trường, hội đồng đại học.</p>	<p>Khoản 2 Điều 17: đề nghị sửa đổi nội dung “theo quy định của hội đồng trường, hội đồng đại học” thành “theo quy định của quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.</p> <p>- Ngoài ra, đối với các nội dung khác, đề nghị nghiên cứu, quy định tại Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/05/2014 của chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ ở Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan.</p>	<p>Tiếp thu Sửa: Theo quy chế ... Lấy đúng nội dung đưa vào</p>
<p>Chương III</p>		
<p>TỔ CHỨC THỰC HIỆN</p>		
<p>Điều 18. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ</p>	<p>Đại học Huế</p> <p>Sở GD&ĐT Quảng Ninh</p>	<p>Không tiếp thu vì Bộ GD&ĐT hướng dẫn</p> <p>Không tiếp thu đã có quy định ND 87/2014 và 27/2020</p>

	<p>hợp tác nước ngoài hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam.</p> <p>Theo Luật khoa học và công nghệ: “Dịch vụ khoa học và công nghệ là hoạt động phục vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hoá, an toàn bức xạ, hạt nhân và năng lượng nguyên tử; dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội”.</p>	
<p>1. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo</p>	<p>Tại Khoản 1 về trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo: đề nghị bổ sung thêm trách nhiệm việc chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển không gian khởi nghiệp sáng tạo, các trung tâm đổi mới sáng tạo theo mô hình khu tập trung dịch vụ góp phần thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong các CSGDDH.</p>	<p>Bộ KH&CN</p>
<p>a) Là cơ quan thường trực giúp Chính phủ triển khai Nghị định này;</p>		
<p>b) Chủ trì ban hành hướng dẫn về nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh;</p>		
<p>c) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học trực thuộc.</p>		
<p>4. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ Phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn cơ sở giáo dục đại học quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định này.</p>	<p>Tại Khoản 2 về trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ, đề nghị bổ sung: + Hướng dẫn về tiêu chí phân loại, thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức KH&CN trong các CSGDDH; Hướng dẫn về vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; định mức số lượng người làm việc của các tổ chức khoa học và công nghệ trong các CSGDDH. + Hướng dẫn cơ chế tự chủ đối với các tổ chức KH&CN trong các CSGDDH. + Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng nội dung quy hoạch mạng lưới các tổ chức KH&CN trong các CSGDDH trong quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học</p>	<p>Bộ KH&CN</p>
	<p>Không tiếp thu, bổ sung giao Bộ KH&CN chủ trì Tiếp thu bổ sung khoản này</p>	

	<p>và công nghệ công lập, trình Chính phủ phê duyệt theo quy định.</p> <p>- Đề nghị bổ sung nội dung hướng dẫn quy định hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong CSGDDH để Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao là cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</p> <p>Bổ sung trách nhiệm của Bộ khoa học và công nghệ về kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả các hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học tại Mục 2 Điều 18 của Dự thảo Nghị định.</p>		<p>Tiếp thu giao BKHCN</p> <p>Không tiếp thu, đây là nhiệm vụ của cơ quan chủ quản</p>
		Bộ Công thương	
3. Trách nhiệm của Bộ Tài chính		Bộ Tài chính	Tiếp thu, sửa vốn đầu tư = vốn sự nghiệp
a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành bổ trí vốn đầu tư và kinh phí sự nghiệp cho cơ sở giáo dục đại học;	<p>- Đối với quy định tại Điểm a: <i>Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành bổ trí vốn đầu tư... cho CSGDDH.</i> Đề nghị bỏ nội dung này do thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>		
b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn cơ sở giáo dục đại học quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định này;	<p>- Đối với quy định tại Điểm b: <i>Chủ trì, phối hợp với Bộ KH&CN hướng dẫn CSGDDH quản lý và sử dụng Quỹ phát triển KHCN theo quy định tại Nghị định này;</i></p> <p>Như đã nêu tại mục 3.3.b1, do hiện nay, các nội dung về Quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp và Quỹ phát triển KHCN của tổ chức, cá nhân được thực hiện theo các quy định tại Luật KHCN, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP và Bộ KHCN được giao trách nhiệm tổ chức thực hiện nội dung này. Mặt khác, các nội dung về nguồn thu, nhiệm vụ chi của Quỹ phát triển KHCN đã được quy định cụ thể tại Khoản 2,3 Điều 14 dự thảo Nghị định. Đồng thời tại Khoản 4 Điều 14 cũng đã giao các CSGDDH ban hành hoặc chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển KHCN. Do đó, đề nghị bỏ quy định về trách nhiệm của Bộ Tài chính nêu trên.</p>	Bộ Tài chính	
c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quy định thủ tục định giá và nội dung có liên quan đến	<p>- Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cân nhắc về sự cần thiết ban hành quy định tại điểm c, Khoản 3 Điều 18 về việc định</p>	Bộ KHCN	Tiếp thu xem xét bỏ

<p>tài sản trí tuệ để góp vốn thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ.</p>	<p>giá tài sản trí tuệ để góp vốn thành lập doanh nghiệp KH&CN không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này./.</p>	<p>Tiếp thu</p>
<p>5. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Chủ trì tổng hợp các dự án đầu tư phát triển khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học của các bộ, ngành, địa phương vào dự toán ngân sách trung hạn và hàng năm trình Chính phủ phê duyệt.</p>	<p>- Đối với quy định tại Điểm c: <i>Chủ trì, phối hợp với Bộ KH&CN hướng dẫn quy định thủ tục định giá và nội dung có liên quan đến tài sản trí tuệ để góp vốn thành lập doanh nghiệp KH&CN.</i></p> <p>Theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 95/2017/NĐ-CP thì Bộ KH&CN là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KH&CN, bao gồm: <u>hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; phát triển tiềm lực KH&CN; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc bộ quản lý theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>Liên quan đến định giá tài sản là kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ, trước đây Bộ KH&CN là đơn vị chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BKHCN-BTC ngày 17/12/2014 của Bộ KH&CN và Bộ Tài chính quy định việc định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ sử dụng NSNN.</p> <p>Vì vậy, đối với nội dung quy định về thủ tục định giá và nội dung liên quan đến tài sản trí tuệ để góp vốn thành lập doanh nghiệp KH&CN, đề nghị giao Bộ KH&CN là đơn vị chủ trì căn cứ chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ phân công như trên. Bộ Tài chính sẽ tham gia ý kiến với Bộ KH&CN khi được yêu cầu.</p>	<p>Tiếp thu về Bộ KHCN</p>
	<p>- Về trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Khoản 4, Điều 18): Đề nghị điều chỉnh như sau: " Chủ trì tổng hợp, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phát triển Khoa học công nghệ cho các cơ sở</p>	<p>Tiếp thu Sửa thêm bổ sung vốn</p>
<p>Bộ chính</p>	<p>Tài</p>	<p>Bộ KHDT</p>

<p>công nghệ của cơ sở giáo dục đại học trực thuộc từ nguồn ngân sách địa phương.</p>			
<p>4. Chủ trì phê duyệt dự án đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học trực thuộc theo quy định hiện hành.</p>			
<p>5. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học trực thuộc.</p>			
<p>6. Phối hợp với các bộ, ngành thực hiện quy định tại Nghị định này.</p>		Bộ Công thương	Tiếp thu bổ sung thêm vào khoản 4 điều 20
<p>Điều 20. Trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học</p>	<p>Nghiên cứu bổ sung quyền lợi của Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi đối với việc kinh doanh các sản phẩm hình thành từ hoạt động khoa học và công nghệ tại Điều 20 của dự thảo Nghị định.</p>	Sở GD&ĐT Tuyên Quang	Tiếp thu bổ cá nhân, doanh nghiệp
<p>1. Doanh nghiệp sử dụng kinh phí từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để đặt hàng cơ sở giáo dục đại học nghiên cứu phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp; đầu tư vào Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học và các hoạt động khoa học và công nghệ khác mang lại lợi ích cho doanh nghiệp.</p>	<p>Đề nghị bổ sung từ “Doanh nghiệp” vì tại đề mục của Điều 20 đã nêu cụ thể. Tương tự như vậy, Điều 21 đề nghị bổ sung từ “Cơ sở giáo dục đại học” tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8.</p> <p>Đề nghị bổ sung: khoản 6 quy định về “Trách nhiệm và quyền lợi của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học”, trong đó quy định (yêu cầu) tính trung thực trong hoạt động khoa học và công nghệ của các tổ chức,</p>	UBND Bến Tre	
<p>2. Doanh nghiệp đặt hàng cơ sở giáo dục đại học thực hiện hoạt động nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ theo danh mục thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ được nhà nước khuyến khích, ưu tiên.</p>			
<p>3. Doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học được ưu tiên quảng bá, giới thiệu hoạt động sản xuất kinh doanh, được khai thác tài</p>			

sản đầu tư và được hưởng tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận với cơ sở giáo dục đại học.			
4. Doanh nghiệp được hưởng các ưu đãi khi đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học theo quy định hiện hành.			
5. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của doanh nghiệp khi đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.			
Điều 21. Trách nhiệm và quyền lợi của cơ sở giáo dục đại học	Điều 21. Một số quy định tại Điều 21 trùng lặp lại các quy định đã có ở các điều bên trên	Đại học Huế	
	Về trách nhiệm của CSGDDH (Điều 21): Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật GDDH, đề nghị bổ sung quy định: Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động KHCN theo quy định của pháp luật	Bộ Tài chính	Tiếp thu bổ sung và ghép 6 vào 1
1. Cơ sở giáo dục đại học chủ động xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ 5 năm và hằng năm; tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp đã được phê duyệt.	Trách nhiệm và quyền hạn của cơ sở giáo dục Đại học Khoản 1, đối đầu chấm “.” cuối khoản thành đầu “.”, bổ sung nội dung “lồng ghép các chương trình và đẩy mạnh công tác phối hợp trong việc nghiên cứu khoa học và công nghệ ứng dụng vào thực tiễn, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương”.	Sở GD&ĐT Đắc Lắc	Không tiếp thu đã đúng thể thức văn bản
2. Cơ sở giáo dục đại học xây dựng dự án đầu tư cơ sở vật chất; thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, quỹ phát triển khoa học và công nghệ, nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh theo quy định tại Nghị định này.	- Về trách nhiệm và quyền lợi của cơ sở giáo dục đại học (Điều 21): Dự thảo Nghị định quy định: “ Cơ sở giáo dục đại học xây dựng dự án đầu tư cơ sở vật chất... theo quy định tại Nghị định này”, đối với các Dự án đầu tư cơ sở vật chất sử dụng vốn đầu tư công thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Đầu tư công, do vậy, đề nghị điều chỉnh nội dung quy định nêu trên đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan.	BỘ KHĐT	Tiếp thu
3. Cơ sở giáo dục đại học khen thưởng cán bộ, giảng viên và người học khi hoàn thành tốt nhiệm vụ khoa học và công nghệ, có bằng sáng chế, bằng giải pháp hữu ích, công bố quốc tế trên các tạp chí ISI.	Khoản 3 Điều 21. Nên có khen thưởng cả tác giả bài báo Scopus, đề thống nhất với khoản 3, Điều 11	Học viện chính quốc HCM	Đã tiếp thu
	Nên mở rộng việc khen thưởng cán bộ, giảng viên và người học có công bố quốc tế trên các tạp chí thuộc danh mục ISI và Scopus. Vì hiện nay thế giới và Việt Nam đều công nhận	Sở GD&ĐT Phú Thọ	Đã tiếp thu csgddh quyết định

	<p>Nơi nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP; - HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - UBND Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN; các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: Văn thư, KGVX (3b).
--	---

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Số 839-CV/HVCTQG

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động
khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phúc đáp Công văn số 2170/BGDĐT-KHCNMT ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh có ý kiến sau:

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh nhất trí kết cấu và những nội dung trong dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học. Dự thảo Nghị định được xây dựng công phu, nghiêm túc, chặt chẽ, khoa học, đáp ứng được những yêu cầu thực tiễn đang đặt ra.

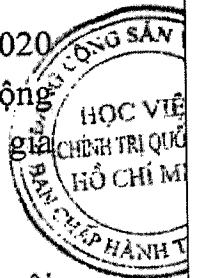
Việc lấy ý kiến góp ý của các đơn vị, cơ quan có liên quan để hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, trình Thủ tướng Chính phủ thể hiện sự cẩn trọng, cầu thị của cơ quan soạn thảo văn bản.

II. MỘT SỐ TRAO ĐỔI, GÓP Ý

Để hoàn thiện Dự thảo, Học viện xin góp ý một số nội dung sau:

Thứ nhất, tại Điều 6, quy định về nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh (trang 2-3). Tuy nhiên, nội dung Điều 6 chỉ tập trung vào nhóm nghiên cứu mạnh. Theo chúng tôi, trước khi quy định cụ thể về nhóm nghiên cứu mạnh, cần phải có quy định cụ thể về nhóm nghiên cứu (bao gồm cả nhân lực, tiêu chí nhóm nghiên cứu, tiêu chuẩn trưởng nhóm và các thành viên,..), qua đó làm rõ sự khác biệt của nhóm nghiên cứu mạnh so với nhóm nghiên cứu.

Thứ hai, tại khoản 3, Điều 8 (trang 4) quy định: “Nghiên cứu sinh được tạo điều kiện tham gia hoặc làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp và hoạt động khoa học và công nghệ của cơ sở giáo dục đại học theo quy định”. Theo chúng tôi, nội dung này nên cân nhắc thêm, nghiên cứu sinh chỉ nên “tham gia”, không nên “làm chủ nhiệm” nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp. Bởi lẽ, thực tế cho thấy, sau một thời gian làm nghiên cứu sinh, số người bỏ học khá



nhieu, trong đó có khá nhiều người làm việc tự do, không thuộc diện cán bộ được cử đi học. Do vậy, việc quản lý các đề tài do nghiên cứu sinh làm chủ nhiệm sẽ rất khó khăn, phức tạp, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến tài chính.

Thứ ba, điểm a, khoản 2, Điều 15 (trang 8) quy định: “cơ sở giáo dục đại học áp dụng mức chi tối thiểu 2 lần mức lương cơ sở cho tác giả bài báo được công bố trên tạp chí trong danh mục ISI,...”. Theo điểm b, khoản 1, Điều 10, Nghị định 99/2014/NĐ-CP (ngày 25/10/2014) thì số tiền thưởng cho loại bài báo này là không quá 30 lần mức lương cơ sở. Không rõ dựa trên cơ sở nào mà 2 Nghị định lại đưa ra những mức chi rất khác nhau đối với bài báo ISI như vậy. Theo chúng tôi, có mấy vấn đề cần lưu ý ở đây: 1) Ngoài bài báo thuộc danh mục ISI, cần phải áp dụng mức chi đối với bài báo thuộc danh mục Scopus; 2) Cần áp dụng mức chi tối thiểu đối với các bài báo thuộc danh mục ISI/Scopus là 5 lần mức lương cơ sở để động viên, hỗ trợ kịp thời đối với các tác giả bài báo thuộc danh mục này; 3) Cần quy định mức chi tối đa cho các tác giả bài báo thuộc danh mục ISI/Scopus là 10 lần mức lương cơ sở để những cơ sở giáo dục đại học có điều kiện kinh tế tốt hơn có thể chi nhiều hơn, đồng thời tránh tình trạng áp dụng mức chi tùy tiện, lợi dụng chính sách để trục lợi.

Thứ 4, khoản 3, Điều 21 (trang 11) chỉ giới hạn “khen thưởng cán bộ giảng viên và người học khi hoàn thành tốt nhiệm vụ khoa học và công nghệ, có bằng sáng chế, bằng giải pháp hữu ích, công bố quốc tế trên các tạp chí ISI”. Theo chúng tôi, cần mở rộng giới hạn này. Theo đó, không chỉ khen thưởng công bố quốc tế trên các tạp chí ISI, mà cần khen thưởng cả những công bố trên các tạp chí Scopus. Bởi lẽ, đây cũng là những tạp chí rất uy tín. Hơn nữa, phải quy định như vậy mới thống nhất với khoản 3, Điều 11 (trang 5) của Dự thảo này.

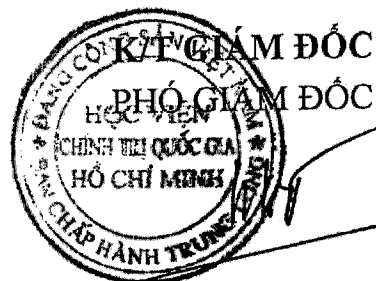
Thứ 5, Sửa một số lỗi kỹ thuật, điển đạt. Ví dụ như lỗi ở dòng 13 (từ dưới lên), trang 2,...

Trên đây là một số nội dung góp ý của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh vào dự thảo Nghị định quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, kính gửi quý Bộ nghiên cứu, chỉnh sửa, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Vụ QLKH



Lê Văn Lợi